

ĐẠI HỌC QUỐC GIA HÀ NỘI
TRƯỜNG ĐẠI HỌC KHOA HỌC XÃ HỘI VÀ NHÂN VĂN

NGUYỄN ĐỨC HIẾU

PHÁT TRIỂN DU LỊCH VĂN HÓA TẠI XÃ NGỌC THANH,
THÀNH PHỐ PHÚC YÊN, TỈNH VĨNH PHÚC

LUẬN VĂN THẠC SĨ DU LỊCH

Hà Nội-2026

ĐẠI HỌC QUỐC GIA HÀ NỘI
TRƯỜNG ĐẠI HỌC KHOA HỌC XÃ HỘI VÀ NHÂN VĂN

NGUYỄN ĐỨC HIẾU

PHÁT TRIỂN DU LỊCH VĂN HÓA TẠI XÃ NGỌC THANH,
THÀNH PHỐ PHÚC YÊN, TỈNH VĨNH PHÚC

Luận văn Thạc sĩ Du lịch
Mã số: 8810101.01

Người hướng dẫn khoa học: PGS.TS Đặng Thị Phương Anh

Hà Nội - 2026

LỜI CAM ĐOAN

Tôi xin cam đoan luận văn “Phát triển du lịch văn hóa tại xã Ngọc Thanh, thành phố Phúc Yên, tỉnh Vĩnh Phúc” là công trình nghiên cứu do tôi thực hiện dưới sự hướng dẫn khoa học của PGS.TS Đặng Thị Phương Anh.

Các nội dung nghiên cứu, số liệu, thông tin và kết quả trình bày trong luận văn được thu thập, xử lý và phân tích trên cơ sở các nguồn tài liệu, hoạt động khảo sát thực địa, phỏng vấn, tham vấn chuyên gia và khảo sát bảng hỏi theo phương pháp nghiên cứu đã được trình bày trong luận văn. Các số liệu và kết quả nghiên cứu được sử dụng trung thực, khách quan trong phạm vi dữ liệu thu thập được.

Các tài liệu, quan điểm, số liệu và kết quả nghiên cứu của các tác giả, cơ quan và tổ chức khác được sử dụng trong luận văn đều được trích dẫn và ghi nguồn theo quy định. Tôi không sao chép hoặc sử dụng kết quả nghiên cứu của người khác mà không có chỉ dẫn nguồn phù hợp.

Tôi xin chịu hoàn toàn trách nhiệm về tính trung thực, tính chính xác và tính học thuật của nội dung luận văn. Luận văn này chưa được sử dụng để bảo vệ một học vị nào khác.

Hà Nội, tháng 08 năm 2026

TÁC GIẢ LUẬN VĂN

Nguyễn Đức Hiếu

LỜI CẢM ƠN

Trong quá trình học tập, nghiên cứu và hoàn thiện luận văn thạc sĩ với đề tài “Phát triển du lịch văn hóa tại xã Ngọc Thanh, thành phố Phúc Yên, tỉnh Vĩnh Phúc”, tôi đã nhận được sự quan tâm, hướng dẫn, hỗ trợ và động viên quý báu từ các thầy cô, cơ quan, tổ chức, cộng đồng địa phương cùng gia đình, bạn bè và đồng nghiệp.

Trước hết, tôi xin bày tỏ lòng biết ơn sâu sắc tới PGS.TS Đặng Thị Phương Anh, người hướng dẫn khoa học đã tận tình định hướng, góp ý và đồng hành cùng tôi trong suốt quá trình thực hiện luận văn. Những ý kiến chuyên môn, sự chỉ dẫn nghiêm túc và những trao đổi khoa học của Cô đã giúp tôi từng bước hoàn thiện tư duy nghiên cứu, phương pháp tiếp cận cũng như nội dung của luận văn.

Tôi xin trân trọng cảm ơn Ban Giám hiệu, quý thầy cô Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn – Đại học Quốc gia Hà Nội đã truyền đạt những kiến thức, phương pháp nghiên cứu và kinh nghiệm chuyên môn quý báu trong quá trình học tập, tạo nền tảng để tôi triển khai và hoàn thành nghiên cứu này.

Tôi xin chân thành cảm ơn các cơ quan quản lý, cán bộ địa phương, những người làm công tác văn hóa và du lịch, các chuyên gia, doanh nghiệp, đơn vị cung ứng dịch vụ và các bên liên quan đã dành thời gian trao đổi, cung cấp thông tin và chia sẻ những ý kiến thực tiễn có giá trị đối với quá trình nghiên cứu.

Đặc biệt, tôi xin gửi lời cảm ơn tới cộng đồng cư dân địa phương, trong đó có cộng đồng người Sán Dìu tại khu vực Ngọc Thanh, những người đã nhiệt tình chia sẻ các câu chuyện, tri thức, thực hành văn hóa và những quan điểm về bảo tồn, phát huy giá trị văn hóa gắn với phát triển du lịch. Những thông tin và trải nghiệm thực tế từ cộng đồng là nguồn tư liệu quan trọng giúp tôi có điều kiện tiếp cận sâu hơn với đời sống văn hóa của địa bàn nghiên cứu.

Tôi xin gửi lời cảm ơn tới gia đình, bạn bè và đồng nghiệp đã luôn động viên, chia sẻ và hỗ trợ tôi trong suốt thời gian học tập và thực hiện luận văn. Đây là nguồn động lực quan trọng giúp tôi vượt qua những khó khăn và hoàn thành quá trình nghiên cứu.

Mặc dù đã dành nhiều thời gian và nỗ lực để hoàn thiện luận văn, do giới hạn về năng lực nghiên cứu, thời gian và điều kiện thực tế, luận văn khó tránh khỏi những hạn chế nhất định. Tôi rất mong tiếp tục nhận được những ý kiến góp ý của các thầy cô, nhà khoa học và đồng nghiệp để nghiên cứu được hoàn thiện hơn.

Xin trân trọng cảm ơn!

Hà Nội, tháng 08 năm 2026

Tác giả luận văn

Nguyễn Đức Hiếu

MỤC LỤC

MỞ ĐẦU.....	6
1. Lý do chọn đề tài.....	6
2. Mục đích và nhiệm vụ nghiên cứu.....	7
3. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu.....	8
4. Phương pháp nghiên cứu.....	10
5. Ý nghĩa khoa học và thực tiễn của đề tài	16
6. Cấu trúc của nghiên cứu.....	17
CHƯƠNG 1: TỔNG QUAN NGHIÊN CỨU VÀ CƠ SỞ LÝ LUẬN VỀ PHÁT TRIỂN DU LỊCH VĂN HOÁ.....	18
1.1. Tổng quan nghiên cứu về phát triển du lịch văn hoá	18
1.1.1. Các công trình nghiên cứu về khai thác giá trị văn hóa tộc người trong phát triển du lịch	19
1.1.2. Các công trình nghiên cứu về khai thác giá trị di tích lịch sử – cách mạng trong phát triển du lịch	23
1.1.3. Các công trình nghiên cứu về phát triển du lịch văn hóa từ góc tiếp cận quản lý văn hóa	27
1.1.4. Các công trình nghiên cứu về phát triển du lịch tại Xã Ngọc Thanh, Thành phố Phúc Yên, tỉnh Vĩnh Phúc	28
1.1.5. Khoảng trống nghiên cứu.....	31
1.2. Cơ sở lý luận về phát triển du lịch văn hoá.....	33
1.2.1. Một số khái niệm cơ bản	33
1.2.2. Bảo tồn và phát huy giá trị văn hóa trong phát triển du lịch.....	42
1.2.3. Phát triển du lịch văn hóa theo định hướng bền vững	45
1.2.4. Khung nghiên cứu về phát triển du lịch văn hoá	54
Tiểu kết chương 1.....	57
CHƯƠNG 2: THỰC TRẠNG PHÁT TRIỂN DU LỊCH VĂN HÓA XÃ NGỌC THANH, THÀNH PHỐ PHÚC YÊN, TỈNH VĨNH PHÚC	59
2.1. Tổng quan về Xã Ngọc Thanh, thành phố Phúc Yên, tỉnh Vĩnh Phúc	59

2.1.1. Vị trí địa lí, khả năng tiếp cận và liên kết không gian du lịch	59
2.1.2. Điều kiện cơ sở hạ tầng và vật chất kỹ thuật	60
2.1.3. Điều kiện dân cư, kinh tế, xã hội	63
2.2. Bảo tồn và phát huy giá trị văn hóa tại xã Ngọc Thanh.....	66
2.2.1. Giá trị văn hóa của cộng đồng Sán Dìu	66
2.2.2. Giá trị lịch sử - cách mạng của Chiến khu Ngọc Thanh.....	69
2.2.3. Giá trị cảnh quan văn hóa và các yếu tố văn hóa địa phương khác	71
2.2.4. Hiện trạng bảo tồn các giá trị văn hóa	72
2.2.5. Khả năng phát huy giá trị văn hóa trong phát triển du lịch.....	76
2.3. Thực trạng du lịch văn hoá tại xã Ngọc Thanh, Thành phố Phúc Yên, tỉnh Vĩnh Phúc	78
2.3.1. Thực trạng thị trường khách du lịch.....	78
2.3.2. Khả năng tiếp cận thông tin của khách du lịch	80
2.3.3. Mức độ nhận diện điểm đến.....	81
2.3.4. Thực trạng khai thác tài nguyên du lịch văn hóa	81
2.3.5. Thực trạng sản phẩm và dịch vụ du lịch văn hóa.....	83
2.3.6. Thực trạng tổ chức quản lý và tham gia của các chủ thể	86
2.3.7. Đánh giá chung thực trạng phát triển du lịch văn hóa	90
Tiểu kết chương 2.....	96
CHƯƠNG 3: GIẢI PHÁP PHÁT TRIỂN DU LỊCH VĂN HÓA XÃ NGỌC THANH THEO ĐỊNH HƯỚNG BỀN VỮNG.....	97
3.1. Định hướng phát triển du lịch văn hóa xã Ngọc Thanh.....	97
3.1.1. Chuyển đổi mô hình phát triển từ khai thác tài nguyên sang tổ chức trải nghiệm.....	97
3.1.2. Định vị Ngọc Thanh trong không gian du lịch vùng Đại Lải – Tam Đảo.....	99
3.2. Nhóm giải pháp bảo tồn, phát huy và chuyển hóa giá trị văn hóa thành tài nguyên du lịch	102
3.2.1. Bảo tồn, phát huy và chuyển hóa giá trị văn hóa Sán Dìu và di sản lịch sử – cách mạng Chiến khu Ngọc Thanh thành tài nguyên du lịch	102
3.2.2. Thiết lập cơ chế diễn giải di sản văn hóa gắn với trải nghiệm du lịch.....	106

3.2.3. Hình thành không gian kết nối di tích – cộng đồng – cảnh quan văn hóa	108
3.3. Nhóm giải pháp phát triển sản phẩm, dịch vụ và trải nghiệm du lịch văn hóa	111
3.3.1. Chuẩn hóa hoạt động trải nghiệm văn hóa cộng đồng	111
3.3.2. Phát triển dịch vụ lưu trú, ẩm thực và thuyết minh gắn với bản sắc địa phương.....	114
3.3.3. Xây dựng tuyến, chương trình và hoạt động trải nghiệm du lịch văn hóa.....	121
3.4. Tổ chức thị trường khách	125
3.4.1. Định hướng phân khúc khách văn hóa chuyên biệt	125
3.4.2. Kéo dài thời gian lưu trú và tăng mức độ quay lại.....	130
3.5. Nhóm giải pháp về tổ chức quản lý và sự tham gia của các chủ thể	135
3.5.1. Thiết lập cơ chế phối hợp đa chủ thể trong quản lý điểm đến	135
3.5.2. Nâng cao năng lực cộng đồng địa phương trong vận hành du lịch.....	141
3.5.3. Tăng cường liên kết giữa chính quyền, doanh nghiệp, cộng đồng và cơ sở đào tạo	147
3.5.4. Xây dựng cơ chế chia sẻ lợi ích và kiểm soát tác động tiêu cực	149
Tiểu kết Chương 3	152
KẾT LUẬN	153
TÀI LIỆU THAM KHẢO.....	156

DANH MỤC CÁC BẢNG

Bảng 1.1. Phân biệt khái niệm “Du lịch văn hóa” và “Phát triển du lịch văn hóa” ..	36
Bảng 1.2. Hệ thống các nguyên tắc phát triển du lịch văn hóa theo hướng bền vững...	53
Bảng 2.1. Đặc trưng thị trường khách du lịch tại Ngọc Thanh	79
Bảng 2.2. Cấu trúc hiện diện của sản phẩm và dịch vụ du lịch văn hóa tại xã Ngọc Thanh (n = 81)	84
Bảng 2.3. Mức độ tham gia và rào cản của cộng đồng địa phương trong hoạt động du lịch	87
Bảng 2.4. Mức độ tham gia của các chủ thể trong hoạt động du lịch văn hóa tại Ngọc Thanh	89
Bảng 3.1. Khung phát triển hệ thống dịch vụ du lịch văn hóa tại xã Ngọc Thanh.....	120
Bảng 3.2. Đề xuất các tuyến, chương trình và hoạt động trải nghiệm du lịch văn hóa tại xã Ngọc Thanh	123
Bảng 3.3. Phân khúc khách văn hóa chuyên biệt tại Ngọc Thanh.....	129
Bảng 3.4. Công cụ kéo dài thời gian lưu trú và tăng mức độ quay lại Ngọc Thanh.....	134
Bảng 3.5: Ma trận trách nhiệm – quyền lợi của các chủ thể trong hoạt động du lịch văn hóa tại Ngọc Thanh	137
Bảng 3.6. Bộ công cụ giao dịch sản phẩm du lịch văn hóa với doanh nghiệp và trường học tại Ngọc Thanh	138
Bảng 3.7. Nội dung tập huấn về quyền thương lượng và quy tắc ứng xử trong du lịch cộng đồng tại Ngọc Thanh	145

DANH MỤC HÌNH ẢNH

Hình 1. Hệ thống các phương pháp nghiên cứu của Luận văn	15
Hình 1.1. Khoảng trống nghiên cứu của đề tài	32
Hình 1.2. Mối tương quan giữa Di sản văn hoá và Tài nguyên du lịch văn hoá.....	39
Hình 1.3. Mối quan hệ giữa Bảo tồn văn hóa và Khai thác du lịch gắn với giá trị văn hóa	45
Hình 1.4. Khung nghiên cứu phát triển DLVH trên nền tảng bảo tồn và phát huy giá trị văn hóa.....	56
Hình 2.1. Biểu đồ ma trận tiềm năng – thực trạng – kỳ vọng khai thác giá trị văn hóa tại xã Ngọc Thanh	78
Hình 2.2. Mức độ khai thác tài nguyên du lịch văn hóa tại xã Ngọc Thanh	82
Hình 2.3: Mô hình quản lý và vận hành du lịch văn hoá tại xã Ngọc Thanh	90
Hình 3.1. Vị thế của Ngọc Thanh trong không gian du lịch Đại Lải – Tam Đảo.....	101
Hình 3.2. Cơ chế diễn giải di văn hóa gắn với dân tộc Sán Dìu và Chiến khu Ngọc Thanh.....	107
Hình 3.3. Phác hoạ không gian kết nối di tích – văn hoá – cộng đồng – môi trường Ngọc Thanh	110
Hình 3.4. Mô hình Tổ điều phối du lịch văn hoá Ngọc Thanh và cơ chế vận hành	136

MỞ ĐẦU

1. Lý do chọn đề tài

Trong bối cảnh du lịch Việt Nam đang chuyển dịch từ mô hình khai thác tài nguyên theo hướng số lượng sang phát triển dựa trên giá trị văn hóa và trải nghiệm bản địa, du lịch văn hóa ngày càng được xác định là một hướng đi quan trọng trong chiến lược phát triển du lịch bền vững. Các định hướng phát triển ngành trong giai đoạn gần đây đều nhấn mạnh vai trò của di sản văn hóa, bản sắc cộng đồng và sự tham gia của người dân địa phương như những yếu tố cốt lõi cấu thành sản phẩm du lịch đặc thù. Song song với đó, nhu cầu của thị trường du lịch cũng đang thay đổi theo hướng gia tăng trải nghiệm, trong đó du khách không chỉ tìm kiếm tham quan đơn thuần mà hướng đến các giá trị mang tính chiều sâu như văn hóa, lịch sử và ký ức cộng đồng.

Trong bối cảnh đó, xã Ngọc Thanh (hiện thuộc phường Xuân Hòa, tỉnh Phú Thọ sau quá trình điều chỉnh đơn vị hành chính từ ngày 01/7/2025) nổi lên như một không gian có tính chất đặc thù trong phát triển du lịch văn hóa. Khu vực này nằm trong trục liên kết không gian Đại Lải – Tam Đảo, sở hữu điều kiện cảnh quan bán sơn địa cùng hệ thống tài nguyên văn hóa – lịch sử phong phú. Đáng chú ý là sự hiện diện của cộng đồng người Sán Dìu với các giá trị văn hóa đặc trưng như dân ca Soọng cô, tín ngưỡng dân gian, tri thức bản địa và văn hóa ẩm thực truyền thống; đồng thời là hệ thống di tích gắn với Chiến khu Ngọc Thanh, phản ánh vai trò lịch sử trong kháng chiến chống thực dân Pháp. Sự đồng tồn tại giữa văn hóa tộc người, ký ức lịch sử và cảnh quan tự nhiên tạo nên một cấu trúc tài nguyên đa lớp, có tiềm năng phát triển thành các sản phẩm du lịch văn hóa mang tính trải nghiệm đặc thù.

Tuy nhiên, thực tiễn phát triển du lịch tại địa phương cho thấy mức độ khai thác các giá trị này còn hạn chế. Các tài nguyên văn hóa hiện nay chủ yếu được tiếp cận ở mức độ giới thiệu, chưa được tổ chức thành hệ thống sản phẩm du lịch có cấu trúc và chiều sâu trải nghiệm. Sự liên kết giữa các nhóm tài nguyên còn rời rạc, đặc biệt là giữa văn hóa cộng đồng và hệ thống di tích lịch sử. Bên cạnh đó, mức độ tham gia của cộng đồng địa phương trong quá trình tổ chức và vận hành du lịch còn hạn chế, dẫn đến việc chưa hình thành được cơ chế phát triển dựa trên cộng đồng một cách thực chất. Trong khi đó,

dưới tác động của đô thị hóa và thương mại hóa du lịch, một số giá trị văn hóa truyền thống có xu hướng bị giản lược hoặc chuyển hóa thành hình thức trình diễn, làm suy giảm tính nguyên gốc và chiều sâu văn hóa.

Ở góc độ nghiên cứu, mặc dù đã có nhiều công trình đề cập đến du lịch văn hóa, văn hóa Sán Dìu, di tích lịch sử Chiến khu Ngọc Thanh hoặc tiềm năng du lịch khu vực Vĩnh Phúc, nhưng các nghiên cứu hiện có vẫn mang tính phân mảnh. Phần lớn các công trình tập trung vào từng cấu phần riêng lẻ, chưa tiếp cận Ngọc Thanh như một hệ thống du lịch văn hóa tổng hợp, trong đó các lớp giá trị văn hóa, lịch sử và cảnh quan có sự tương tác lẫn nhau. Đồng thời, các vấn đề mang tính cơ chế như quá trình chuyển hóa tài nguyên văn hóa thành sản phẩm du lịch, tổ chức trải nghiệm văn hóa, vai trò điều phối của các chủ thể và mô hình quản trị phát triển bền vững vẫn chưa được phân tích một cách hệ thống.

Trong bối cảnh hiện nay, khi xu hướng phát triển du lịch đang dịch chuyển mạnh sang các mô hình dựa trên trải nghiệm, sáng tạo và số hóa, yêu cầu đặt ra đối với các điểm đến văn hóa không chỉ là bảo tồn di sản mà còn là khả năng tổ chức, diễn giải và chuyển hóa giá trị văn hóa thành sản phẩm có thể trải nghiệm được. Đây là thách thức đồng thời cũng là cơ hội đối với những địa phương có nền tảng văn hóa – lịch sử rõ nét như Ngọc Thanh, đặc biệt trong bối cảnh cạnh tranh điểm đến ngày càng gia tăng.

Từ những vấn đề lý luận và thực tiễn nêu trên, việc lựa chọn đề tài *“Phát triển du lịch văn hóa tại xã Ngọc Thanh, thành phố Phúc Yên, tỉnh Vĩnh Phúc”* là cần thiết. Đề tài hướng tới việc phân tích hệ thống giá trị văn hóa và lịch sử của địa phương, đánh giá thực trạng phát triển du lịch văn hóa, từ đó làm rõ cơ chế vận hành giữa tài nguyên – hoạt động du lịch – tổ chức quản lý. Đồng thời, nghiên cứu có ý nghĩa thực tiễn trong việc đề xuất định hướng phát triển du lịch văn hóa theo hướng bền vững, gắn với bảo tồn di sản, phát huy vai trò cộng đồng và nâng cao chất lượng trải nghiệm du khách trong bối cảnh phát triển mới của địa phương sau điều chỉnh đơn vị hành chính.

2. Mục đích và nhiệm vụ nghiên cứu

2.1. Mục đích nghiên cứu

Trên cơ sở nghiên cứu hệ thống lý thuyết và xem xét thực trạng của

phát triển du lịch văn hóa tại xã Ngọc Thanh, luận văn đề xuất một số giải pháp nhằm phát triển du lịch văn hóa tại xã Ngọc Thanh, thành phố Phúc Yên, tỉnh Vĩnh Phúc

2.2. Nhiệm vụ nghiên cứu

- Tổng quan nghiên cứu và hệ thống các cơ sở lý luận liên quan đến phát triển du lịch văn hóa
- Đánh giá tiềm năng phát triển du lịch văn hóa và thực trạng hoạt động bảo tồn văn hóa tại đây
- Phân tích thực trạng phát triển du lịch văn hóa tại xã Ngọc Thanh
- Định hướng và đề xuất giải pháp cụ thể, góp phần phát triển hoạt động du lịch văn hóa tại địa phương.

2.3. Câu hỏi nghiên cứu

Trên cơ sở mục đích và nhiệm vụ nghiên cứu, luận văn tập trung trả lời các câu hỏi sau:

Câu hỏi 1: Những giá trị văn hóa nào tại Ngọc Thanh có tính đại diện và khả năng trở thành nguồn lực phát triển du lịch văn hóa?

Câu hỏi 2: Các giá trị văn hóa tại Ngọc Thanh hiện được bảo tồn, phát huy và chuyển hóa thành sản phẩm, dịch vụ, trải nghiệm du lịch như thế nào?

Câu hỏi 3: Những điều kiện và giải pháp nào cần được thiết lập để phát triển du lịch văn hóa tại Ngọc Thanh theo hướng bền vững?

3. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu

3.1. Đối tượng nghiên cứu

Đối tượng nghiên cứu của luận văn là phát triển du lịch văn hóa tại khu vực Ngọc Thanh trong bối cảnh đơn vị hành chính có sự điều chỉnh theo Nghị quyết sắp xếp đơn vị hành chính cấp xã, có hiệu lực từ ngày 01/7/2025.

Việc sử dụng tên gọi “xã Ngọc Thanh, thành phố Phúc Yên, tỉnh Vĩnh Phúc” trong luận văn được hiểu là cách gọi theo bối cảnh hành chính tại thời điểm xây dựng đề cương nghiên cứu và thu thập dữ liệu ban đầu, đồng thời đảm bảo tính thống nhất trong toàn bộ nội dung phân tích.

Trên cơ sở khảo sát thực tế, hệ thống giá trị văn hóa có tiềm năng phát triển du lịch tại khu vực nghiên cứu chủ yếu tập trung vào hai nhóm chính: (i) các giá trị văn hóa của cộng đồng dân tộc thiểu số, tiêu biểu là cộng đồng

người Sán Dìu; và (ii) hệ thống di tích lịch sử cách mạng gắn với Chiến khu Ngọc Thanh. Vì vậy, nghiên cứu tập trung phân tích phát triển du lịch văn hóa dựa trên hai nhóm di sản này như nền tảng tài nguyên cốt lõi của điểm đến.

3.2. Phạm vi nghiên cứu

- Về không gian: Nghiên cứu được thực hiện tại địa bàn xã Ngọc Thanh, thành phố Phúc Yên, tỉnh Vĩnh Phúc theo đơn vị hành chính tại thời điểm xây dựng đề cương và triển khai các hoạt động khảo sát, thu thập dữ liệu. Từ ngày 01/7/2025, sau khi thực hiện sắp xếp đơn vị hành chính, địa bàn xã Ngọc Thanh trước đây thuộc phường Xuân Hòa, tỉnh Phú Thọ. Sự thay đổi này đồng thời dẫn đến sự điều chỉnh về cơ cấu và chủ thể quản lý nhà nước đối với địa bàn nghiên cứu. Vì vậy, luận văn sử dụng tên gọi “xã Ngọc Thanh, thành phố Phúc Yên, tỉnh Vĩnh Phúc” khi trình bày, phân tích các dữ liệu và thực trạng được ghi nhận trước thời điểm sắp xếp để bảo đảm tính thống nhất với bối cảnh phát sinh dữ liệu; đồng thời cập nhật tên gọi “phường Xuân Hòa, tỉnh Phú Thọ” và chủ thể quản lý tương ứng khi đề cập đến bối cảnh quản lý hiện nay và các định hướng, giải pháp sau ngày 01/7/2025.

- Về thời gian lấy số liệu: Các số liệu thứ cấp phục vụ nghiên cứu được thu thập, tổng hợp chủ yếu trong giai đoạn từ năm 2021 đến thời điểm hoàn thiện luận văn. Dữ liệu sơ cấp được thu thập thông qua phỏng vấn, quan sát thực địa và khảo sát bảng hỏi; trong đó khảo sát định lượng được thực hiện qua hai đợt, từ ngày 02/7 đến ngày 03/7/2024 và từ ngày 18/3 đến ngày 20/3/2025. Như vậy, dữ liệu sơ cấp phản ánh chủ yếu thực trạng của địa bàn và cơ chế quản lý trước thời điểm thực hiện sắp xếp đơn vị hành chính ngày 01/7/2025. Để bảo đảm tính cập nhật của nghiên cứu, trong quá trình hoàn thiện luận văn, tác giả đồng thời rà soát và bổ sung các thông tin, tài liệu liên quan đến sự thay đổi đơn vị hành chính, cơ cấu quản lý và chủ thể quản lý tại địa bàn sau sắp xếp. Các thông tin cập nhật này được sử dụng để bổ sung bối cảnh và điều chỉnh các định hướng, giải pháp, không được sử dụng để thay thế hoặc diễn giải lại dữ liệu sơ cấp đã thu thập trước thời điểm sắp xếp.

- Về thời gian thực hiện đề tài: Luận văn được thực hiện từ tháng 4/2023 đến tháng 12/2025, bao gồm các giai đoạn xây dựng cơ sở lý luận, thu thập tài liệu, khảo sát thực địa, thu thập và xử lý dữ liệu, phân tích kết quả và

hoàn thiện nội dung nghiên cứu. Do trong thời gian thực hiện đề tài có sự thay đổi về đơn vị hành chính từ ngày 01/7/2025, luận văn phân biệt hai bối cảnh khi phân tích: bối cảnh trước sắp xếp, là cơ sở trực tiếp của dữ liệu thực địa và đánh giá thực trạng; và bối cảnh sau sắp xếp, được cập nhật nhằm phản ánh cơ cấu quản lý hiện hành và bảo đảm tính phù hợp của các định hướng, giải pháp được đề xuất.

4. Phương pháp nghiên cứu

Nghiên cứu được xây dựng trên quan điểm tiếp cận diễn giải trong khoa học xã hội, theo đó hiện tượng du lịch văn hóa không được xem như một cấu trúc khách quan tách rời, mà là kết quả của quá trình con người gán nghĩa, thực hành và tái tạo trong bối cảnh văn hóa – xã hội cụ thể. Từ quan điểm này, du lịch văn hóa tại xã Ngọc Thanh được tiếp cận như một hệ thống vận hành gồm ba lớp tương tác: giá trị văn hóa của cộng đồng, hoạt động tổ chức và khai thác du lịch, và cơ chế quản lý – điều phối giữa các chủ thể. Các lớp này vừa tồn tại độc lập tương đối, vừa tác động qua lại lẫn nhau trong quá trình phát triển điểm đến. Nghiên cứu sử dụng thiết kế hỗn hợp theo hướng hội tụ, trong đó dữ liệu định tính và định lượng được thu thập và phân tích tương đối độc lập, sau đó đối chiếu trong quá trình diễn giải kết quả. Dữ liệu định lượng được sử dụng để mô tả đặc điểm thị trường, hành vi và đánh giá của khách du lịch; dữ liệu định tính được sử dụng để lý giải cơ chế bảo tồn, khai thác tài nguyên, sự tham gia của cộng đồng và tổ chức quản lý. Việc đối chiếu hai nguồn dữ liệu giúp tăng độ tin cậy và hạn chế diễn giải dựa trên một nguồn thông tin đơn lẻ.

4.1. Cơ sở lựa chọn phương pháp và logic thiết kế nghiên cứu

Thiết kế nghiên cứu được xây dựng theo logic nghiên cứu trường hợp, trong đó xã Ngọc Thanh được lựa chọn là một trường hợp điển hình của điểm đến du lịch văn hóa quy mô nhỏ thuộc khu vực trung du Bắc Bộ. Việc lựa chọn phương pháp dựa trên ba nguyên tắc:

- Phù hợp với tính chất phức hợp của đối tượng nghiên cứu, nơi các giá trị văn hóa không thể tách rời khỏi bối cảnh cộng đồng.
- Đảm bảo khả năng phân tích đồng thời cả cấu trúc (giá trị văn hóa, tài nguyên, tổ chức) và hành vi (cầu du lịch, trải nghiệm, tham gia của cộng đồng).

- Cho phép đối chiếu đa nguồn dữ liệu nhằm tăng độ tin cậy trong diễn giải.

4.2. Dữ liệu nghiên cứu và phương pháp thu thập

Dữ liệu nghiên cứu bao gồm ba nhóm:

- Dữ liệu thứ cấp gồm các công trình nghiên cứu khoa học, báo cáo phát triển du lịch, tài liệu quy hoạch và thống kê của địa phương, cùng tư liệu lịch sử về Chiến khu Ngọc Thanh và văn hóa người Sán Dìu.
- Dữ liệu sơ cấp gồm dữ liệu thu thập thông qua phỏng vấn bán cấu trúc, tham vấn chuyên gia, quan sát thực địa và khảo sát bảng hỏi.
- Dữ liệu được hệ thống hóa theo ba nhóm nội dung tương ứng với khung phân tích nghiên cứu: Giá trị văn hóa và tài nguyên du lịch; Hoạt động khai thác và trải nghiệm du lịch; Tổ chức quản lý và sự tham gia của các chủ thể

4.3. Nghiên cứu định tính

Nghiên cứu định tính được triển khai thông qua hai hình thức gồm phỏng vấn bán cấu trúc đối với các chủ thể tham gia trực tiếp vào hoạt động văn hóa và du lịch tại địa phương và phỏng vấn, tham vấn chuyên gia. Hai hình thức này được thiết kế với đối tượng, mục đích và hệ thống câu hỏi riêng nhằm bảo đảm phù hợp với vị trí, kinh nghiệm và khả năng cung cấp thông tin của từng nhóm người tham gia nghiên cứu.

- *Phỏng vấn bán cấu trúc*: Nghiên cứu thực hiện 21 cuộc phỏng vấn bán cấu trúc với các nhóm chủ thể liên quan trực tiếp đến hoạt động bảo tồn văn hóa và phát triển du lịch tại địa phương. Người tham gia được lựa chọn theo phương pháp có chủ đích, gồm cán bộ quản lý, cộng đồng cư dân, chủ thể cung ứng dịch vụ, doanh nghiệp du lịch và các bên liên quan. Cỡ mẫu được xác định theo nguyên tắc bão hòa thông tin, tức quá trình thu thập dừng lại khi thông tin bắt đầu lặp lại và không xuất hiện chủ đề mới có ý nghĩa (Creswell & Poth, 2018; Glaser & Strauss, 1967). Hệ thống câu hỏi được thiết kế riêng theo từng nhóm đối tượng. Với cán bộ quản lý, nội dung tập trung vào bảo tồn văn hóa, chính sách, tổ chức quản lý và cơ chế phối hợp; với cộng đồng, tập trung vào thực hành văn hóa, sự tham gia, lợi ích và những tác động của hoạt động du lịch; với doanh nghiệp và đơn vị cung ứng dịch vụ, tập trung vào sản phẩm, thị trường, tour – tuyến, chất lượng dịch vụ, liên kết cộng đồng và các rào cản trong khai thác du lịch. Nội dung câu hỏi chi tiết được trình bày tại

Phụ lục. Dữ liệu phỏng vấn được ghi chép, mã hóa và phân loại theo các nhóm chủ đề của khung nghiên cứu, gồm bảo tồn và phát huy giá trị văn hóa, chuyên hóa tài nguyên thành trải nghiệm du lịch, sự tham gia của cộng đồng, thị trường và tổ chức quản lý. Kết quả được đối chiếu với dữ liệu định lượng, tài liệu thứ cấp và quan sát thực địa nhằm tăng độ tin cậy của nghiên cứu.

Phương pháp chuyên gia: Nghiên cứu sử dụng phương pháp chuyên gia nhằm bổ sung góc nhìn chuyên môn, kiểm tra tính hợp lý của các luận cứ và đánh giá tính khả thi của các định hướng, giải pháp đề xuất. Chuyên gia được lựa chọn dựa trên kinh nghiệm nghiên cứu hoặc thực tiễn trong các lĩnh vực du lịch văn hóa, phát triển điểm đến, du lịch cộng đồng, quản lý văn hóa và truyền thông điểm đến. Khác với phỏng vấn các chủ thể tại địa phương, bộ câu hỏi chuyên gia được thiết kế riêng, tập trung vào: (i) tính phù hợp của khung và tiêu chí phân tích; (ii) các vấn đề, điểm nghẽn và nguyên nhân của thực trạng; (iii) tính khả thi và mức độ ưu tiên của các giải pháp phát triển du lịch văn hóa. Danh sách chuyên gia và câu hỏi tham vấn được trình bày tại Phụ lục. Ý kiến chuyên gia được sử dụng để đối chiếu, củng cố luận cứ và kiểm chứng kết quả nghiên cứu, không thay thế dữ liệu thực địa. Các nhận định tiêu biểu được mã hóa theo ký hiệu chuyên gia và trích dẫn trong chính văn nhằm làm rõ các luận điểm, qua đó nâng cao tính thuyết phục của kết quả và giải pháp nghiên cứu.

- *Quan sát và khảo sát thực địa:* Quan sát thực địa được thực hiện tại các khu vực có liên quan đến hoạt động du lịch văn hóa của xã Ngọc Thanh. Dữ liệu quan sát tập trung vào: Không gian sinh hoạt văn hóa cộng đồng người Sán Dìu; Hệ thống di tích Chiến khu Ngọc Thanh; Hoạt động dịch vụ và hạ tầng du lịch. Dữ liệu được ghi nhận thông qua nhật ký thực địa và hình ảnh, sau đó được sử dụng để đối chiếu với kết quả phỏng vấn và khảo sát bảng hỏi.

4.4. Nghiên cứu định lượng

Nghiên cứu định lượng được thực hiện với hai nhóm đối tượng độc lập, gồm khách du lịch và người dân địa phương. Tổng số phiếu hợp lệ là 159 phiếu, trong đó 81 phiếu khách du lịch và 78 phiếu người dân. Hai bộ dữ liệu được phân tích riêng và chỉ sử dụng cho thống kê mô tả, không nhằm suy rộng cho toàn bộ tổng thể.

**** Khảo sát khách du lịch***

Nội dung và thang đo: Bảng hỏi tập trung vào ba nhóm nội dung: (i) cầu du lịch văn hóa, gồm động cơ, mức độ quan tâm, trải nghiệm, sự hài lòng và khả năng tiếp cận thông tin; (ii) cung du lịch văn hóa, gồm sản phẩm, dịch vụ, mức độ đa dạng trải nghiệm và cơ sở hạ tầng; (iii) giá trị văn hóa và tài nguyên, gồm sức hấp dẫn, tính đặc sắc và mức độ sẵn sàng tham gia trải nghiệm. Các nội dung đánh giá chủ yếu sử dụng thang Likert 5 mức, kết hợp câu hỏi lựa chọn và thông tin mô tả người trả lời.

Đối tượng, thời gian và phương pháp khảo sát: Khảo sát được thực hiện tại khu vực Ngọc Thanh – Đại Lải qua hai đợt: 02–03/7/2024 và 18–20/3/2025. Nghiên cứu sử dụng lấy mẫu phi xác suất thuận tiện có kiểm soát. Người trả lời từ 18 tuổi trở lên, đã trực tiếp đến địa bàn và có trải nghiệm ít nhất một điểm tham quan, dịch vụ hoặc hoạt động du lịch tại khu vực nghiên cứu. Bảng hỏi được triển khai bằng Google Forms kết hợp tiếp cận trực tiếp thông qua đường dẫn hoặc mã QR. Sau kiểm tra và sàng lọc, 81 phiếu hợp lệ được sử dụng để mô tả đặc điểm, hành vi và xu hướng đánh giá của nhóm khách khảo sát bằng tần suất, tỷ lệ phần trăm, giá trị trung bình và độ lệch chuẩn khi phù hợp.

**** Khảo sát người dân địa phương***

Khảo sát người dân được thực hiện bằng bảng hỏi riêng, nhằm đánh giá nhận thức và sự tham gia của cộng đồng trong phát triển du lịch văn hóa. Nội dung gồm: đặc điểm nhân khẩu học; nhận thức về tài nguyên và du lịch; mức độ và hình thức tham gia; các rào cản; nhu cầu đào tạo, hỗ trợ; tổ chức quản lý và phối hợp; tác động của du lịch đối với văn hóa, xã hội và môi trường. Đối tượng khảo sát là người dân từ 18 tuổi trở lên đang sinh sống tại địa bàn nghiên cứu, được lựa chọn theo phương pháp phi xác suất thuận tiện có kiểm soát, trên cơ sở đáp ứng điều kiện cư trú và tự nguyện tham gia. Sau thu thập và sàng lọc, 78 phiếu hợp lệ được đưa vào phân tích.

**** Quy mô mẫu định lượng chung***

Mẫu 78 người dân được sử dụng để mô tả mức độ tham gia, rào cản, nhu cầu hỗ trợ và đánh giá của cộng đồng; tương tự mẫu 81 khách du lịch, kết quả không được sử dụng để suy rộng thống kê cho toàn bộ dân cư Ngọc

Thanh. Như vậy, tổng quy mô dữ liệu định lượng của nghiên cứu là 159 phiếu hợp lệ (81 khách du lịch + 78 người dân địa phương).

Nhóm khảo sát	Số phiếu hợp lệ	Mục đích sử dụng
Khách du lịch	81	Mô tả đặc điểm, hành vi, trải nghiệm và đánh giá của khách
Người dân địa phương	78	Mô tả nhận thức, mức độ tham gia, rào cản, nhu cầu hỗ trợ và đánh giá tác động
Tổng cộng	159	Thống kê mô tả, không suy rộng tổng thể

Hai mẫu không được gộp thành một mẫu $n = 159$ để tính chung các chỉ tiêu, do khác nhau về đối tượng, nội dung bảng hỏi và mục đích đo lường. Con số 159 chỉ phản ánh tổng số phiếu định lượng hợp lệ của nghiên cứu; khi phân tích, mẫu khách du lịch được xác định là $n = 81$ và mẫu cộng đồng là $n = 78$.

4.5. Phân tích dữ liệu và kiểm soát sai lệch

Dữ liệu được phân tích kết hợp giữa phân tích định tính và thống kê mô tả. Hai bộ dữ liệu khách du lịch ($n_1 = 81$) và người dân địa phương ($n_2 = 78$) được xử lý riêng biệt theo từng bảng hỏi. Các chỉ tiêu chủ yếu gồm tần suất, tỷ lệ phần trăm; với biến Likert, sử dụng thêm giá trị trung bình và độ lệch chuẩn khi phù hợp. Dữ liệu định lượng chỉ được sử dụng để mô tả xu hướng của nhóm khảo sát, không dùng để kiểm định giả thuyết hoặc suy rộng cho tổng thể.

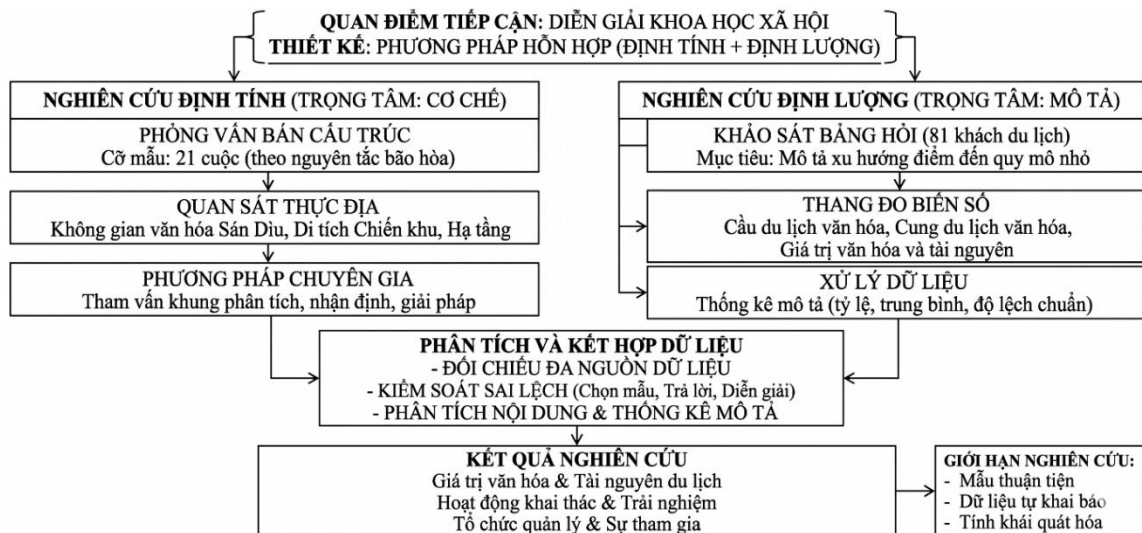
Trước khi phân tích, các phiếu được rà soát và loại bỏ nếu không đáp ứng tiêu chí lựa chọn, thiếu nội dung chính hoặc có câu trả lời không phù hợp. Dữ liệu thiếu không được tự động thay thế; các câu hỏi không áp dụng được loại khỏi mẫu số khi tính chỉ tiêu tương ứng. Dữ liệu phỏng vấn và tham vấn chuyên gia được mã hóa, phân nhóm chủ đề và đối chiếu với kết quả khảo sát, quan sát thực địa và tài liệu thứ cấp. Việc đối chiếu đa nguồn giúp kiểm tra tính nhất quán và bổ sung căn cứ giải thích cho các kết quả định lượng.

Sai lệch được kiểm soát thông qua việc xác định tiêu chí lựa chọn riêng cho từng nhóm đối tượng, không gộp hai mẫu trong phân tích, bảo đảm tính tự nguyện của người trả lời và đối chiếu giữa nhiều nguồn dữ liệu. Do sử dụng phương pháp lấy mẫu phi xác suất và quy mô mẫu giới hạn, kết quả định lượng chỉ phản ánh đặc điểm và xu hướng của nhóm được khảo sát, đồng thời đóng vai trò hỗ trợ cho phân tích định tính của luận văn.

4.6. Giới hạn nghiên cứu

Nghiên cứu tồn tại một số giới hạn phương pháp luận. Thứ nhất, mẫu khảo sát định lượng được lựa chọn theo phương pháp thuận tiện có kiểm soát nên không đảm bảo đại diện thống kê cho toàn bộ tổng thể khách du lịch. Thứ hai, dữ liệu bảng hỏi mang tính tự khai báo, có thể chịu ảnh hưởng của nhận thức chủ quan của người trả lời. Thứ ba, nghiên cứu tập trung vào một trường hợp điển hình nên khả năng khái quát hóa sang các bối cảnh khác cần được cân nhắc khi diễn giải kết quả.

Phương pháp nghiên cứu được thiết kế phù hợp với bản chất đa tầng của du lịch văn hóa tại điểm đến quy mô nhỏ. Sự kết hợp giữa định tính và định lượng cho phép vừa phân tích được cấu trúc giá trị văn hóa, vừa mô tả được biểu hiện hành vi du lịch, đồng thời đảm bảo tính logic và độ tin cậy trong toàn bộ quá trình nghiên cứu.



Hình 1. Hệ thống các phương pháp nghiên cứu của Luận văn

Nguồn: Tác giả hệ thống hoá, 2026

4.7. Sử dụng công nghệ hỗ trợ nghiên cứu

Trong quá trình nghiên cứu, tác giả sử dụng một số công cụ công nghệ nhằm hỗ trợ thu thập, xử lý và trình bày dữ liệu nghiên cứu. Google Form được sử dụng để thiết kế và triển khai khảo sát trực tuyến, giúp thuận tiện trong việc tiếp cận người trả lời và tổng hợp dữ liệu tự động. Microsoft Excel được sử dụng để thống kê, mã hóa, xử lý và trực quan hóa dữ liệu dưới dạng bảng biểu, biểu đồ.

5. Ý nghĩa khoa học và thực tiễn của đề tài

5.1. Ý nghĩa khoa học

Nghiên cứu góp phần làm rõ và hệ thống hóa cơ sở lý luận về phát triển du lịch văn hóa trong mối quan hệ với bảo tồn và phát huy các giá trị văn hóa truyền thống. Trên nền tảng đó, đề tài tiếp cận du lịch văn hóa không chỉ như một hoạt động kinh tế – dịch vụ, mà như một quá trình chuyển hóa giá trị văn hóa thành trải nghiệm du lịch thông qua cơ chế tổ chức và tương tác xã hội.

Từ cách tiếp cận này, nghiên cứu đề xuất một khung phân tích về phát triển du lịch văn hóa, trong đó nhấn mạnh sự gắn kết giữa ba yếu tố cốt lõi gồm hệ giá trị văn hóa, hoạt động du lịch và cơ chế tổ chức – quản lý điểm đến. Khung phân tích này có thể được sử dụng như một gợi mở tham chiếu cho các nghiên cứu tiếp theo về du lịch văn hóa tại các địa phương có đặc điểm tương đồng.

5.2. Ý nghĩa thực tiễn

Ở góc độ thực tiễn, nghiên cứu cung cấp một bức tranh tương đối hệ thống về các giá trị di sản văn hóa của xã Ngọc Thanh, bao gồm cả di sản vật thể và phi vật thể, trong mối liên hệ với hoạt động phát triển du lịch tại địa phương. Việc nhận diện và hệ thống hóa này góp phần làm rõ cấu trúc tài nguyên văn hóa đang tồn tại, từ đó hỗ trợ quá trình định vị sản phẩm du lịch văn hóa đặc thù cho khu vực nghiên cứu.

Bên cạnh đó, nghiên cứu phân tích thực trạng phát triển du lịch văn hóa cũng như tình hình bảo tồn các giá trị di sản tại địa phương, qua đó chỉ ra những khoảng cách giữa tiềm năng và mức độ khai thác hiện tại. Những phát hiện này cung cấp cơ sở thực tiễn quan trọng cho việc đánh giá lại mô hình phát triển du lịch tại địa phương trong bối cảnh mới.

Trên cơ sở kết quả nghiên cứu, luận văn đồng thời đề xuất một số định hướng và giải pháp nhằm phát triển du lịch văn hóa tại xã Ngọc Thanh theo hướng bền vững, trong đó chú trọng đến việc gắn kết bảo tồn di sản với phát triển sinh kế cộng đồng và nâng cao chất lượng trải nghiệm du lịch.

6. Cấu trúc của nghiên cứu

Ngoài Mở đầu, Kết luận và Phụ lục, phần chính văn của Luận văn gồm 03 chương:

Chương 1: Tổng quan nghiên cứu và cơ sở lý luận về phát triển du lịch văn hóa.

Chương 2: Thực trạng phát triển du lịch văn hóa tại xã Ngọc Thanh, Thành phố Phúc Yên, Tỉnh Vĩnh Phúc.

Chương 3: Đề xuất giải pháp phát triển du lịch văn hóa tại xã Ngọc Thanh theo định hướng bền vững.

CHƯƠNG 1: TỔNG QUAN NGHIÊN CỨU VÀ CƠ SỞ LÝ LUẬN VỀ PHÁT TRIỂN DU LỊCH VĂN HOÁ

1.1. Tổng quan nghiên cứu về phát triển du lịch văn hoá

Nghiên cứu về phát triển du lịch văn hóa trên thế giới được triển khai theo nhiều hướng tiếp cận khác nhau, phản ánh tính đa dạng của văn hóa cũng như sự phong phú của các loại hình tài nguyên có thể tham gia vào hoạt động du lịch. Các công trình nghiên cứu đã đề cập đến phát triển du lịch dựa vào di sản kiến trúc, đô thị lịch sử, tôn giáo – tín ngưỡng, lễ hội, nghệ thuật, ẩm thực, làng nghề, cảnh quan văn hóa, văn hóa sáng tạo, văn hóa tộc người và các địa điểm gắn với ký ức lịch sử. Mỗi hướng tiếp cận nhấn mạnh một nhóm giá trị, một phương thức tổ chức trải nghiệm và một cơ chế quản lý khác nhau. Vì vậy, việc tổng quan nghiên cứu về phát triển du lịch văn hóa không nhất thiết phải bao quát đồng đều tất cả các khía cạnh, mà cần lựa chọn những hướng nghiên cứu phù hợp với đặc điểm tài nguyên, mục tiêu nghiên cứu và bối cảnh cụ thể của địa bàn được khảo sát.

Trong phạm vi luận văn, hai hướng nghiên cứu được lựa chọn là phát triển du lịch dựa vào văn hóa tộc người và phát triển du lịch gắn với giá trị của các di tích lịch sử cách mạng. Việc lựa chọn hai hướng tiếp cận trên không mang tính ngẫu nhiên, mà xuất phát từ cả cơ sở lý luận và đặc điểm thực tiễn của địa bàn nghiên cứu. Xét về cấu trúc tài nguyên, văn hóa tộc người và di tích lịch sử đại diện cho hai bộ phận quan trọng của di sản văn hóa. Văn hóa tộc người chủ yếu được biểu hiện thông qua những giá trị đang tồn tại và được thực hành trong đời sống cộng đồng như ngôn ngữ, phong tục, tín ngưỡng, lễ hội, dân ca, ẩm thực, nghề thủ công và tri thức bản địa. Đây có thể được xem là một dạng “di sản sống”, trong đó cộng đồng vừa là chủ thể sáng tạo, thực hành và trao truyền văn hóa, vừa là lực lượng trực tiếp tham gia chuyển hóa các giá trị văn hóa thành trải nghiệm du lịch. Trong khi đó, các di tích lịch sử là những dấu tích vật chất và không gian lưu giữ ký ức về con người, sự kiện và những giai đoạn có ý nghĩa đối với cộng đồng. Di tích không chỉ phản ánh giá trị lịch sử mà còn mang giá trị biểu tượng, giáo dục và nhận diện địa phương.

Hai hướng tiếp cận trên có tính bổ trợ cho nhau trong nghiên cứu và

phát triển du lịch văn hóa. Nếu văn hóa tộc người tạo nên chiều sâu của đời sống cộng đồng và cung cấp những trải nghiệm mang tính tương tác, thì di tích lịch sử tạo nên những điểm tựa vật chất, không gian ký ức và câu chuyện có khả năng định vị điểm đến. Văn hóa tộc người giúp cho di tích không bị tách rời khỏi bối cảnh xã hội hiện tại, trong khi di tích lịch sử bổ sung chiều sâu thời gian và ý nghĩa biểu tượng cho đời sống văn hóa cộng đồng. Sự kết hợp giữa hai nhóm tài nguyên này có thể hình thành một cấu trúc trải nghiệm tương đối hoàn chỉnh, trong đó du khách vừa được tiếp cận những dấu tích của quá khứ, vừa được tìm hiểu cách cộng đồng hiện tại thực hành, bảo tồn và tái tạo các giá trị văn hóa.

Đối với xã Ngọc Thanh, sự lựa chọn hai hướng nghiên cứu này đặc biệt phù hợp bởi địa phương đồng thời sở hữu hai nhóm tài nguyên văn hóa nổi bật: các giá trị văn hóa của cộng đồng người Sán Dìu và hệ thống di tích lịch sử cách mạng gắn với Chiến khu Ngọc Thanh. Đây là hai lớp tài nguyên có tính đặc trưng, phản ánh cả bản sắc cộng đồng và ký ức lịch sử của địa phương. Việc tổng quan các công trình nghiên cứu theo hai hướng trên không chỉ giúp nhận diện những thành tựu và vấn đề đã được giới nghiên cứu quan tâm, mà còn tạo cơ sở để xem xét khả năng liên kết văn hóa tộc người với di tích lịch sử trong một không gian du lịch thống nhất. Trên cơ sở đó, phần tổng quan nghiên cứu tập trung làm rõ các công trình về phát triển du lịch dựa vào văn hóa tộc người, phát triển du lịch gắn với giá trị các di tích lịch sử cách mạng và những nghiên cứu trực tiếp liên quan đến địa bàn Ngọc Thanh, từ đó xác định khoảng trống nghiên cứu mà luận văn cần tiếp tục giải quyết

1.1.1. Các công trình nghiên cứu về khai thác giá trị văn hóa tộc người trong phát triển du lịch

Sự dịch chuyển của du lịch thế giới trong vài thập niên gần đây cho thấy nhu cầu của du khách đang thay đổi đáng kể. Nếu trước đây cảnh quan tự nhiên và nghỉ dưỡng giữ vai trò trung tâm thì hiện nay trải nghiệm văn hóa, đặc biệt là trải nghiệm đời sống cộng đồng bản địa, ngày càng trở thành động cơ quan trọng của hành trình du lịch. Những không gian cư trú của các tộc người thiểu số với hệ thống phong tục, tín ngưỡng, lễ hội, tri thức dân gian và hình thức tổ chức đời sống riêng biệt dần được nhìn nhận như

một loại tài nguyên văn hóa có khả năng tạo ra sự khác biệt cho điểm đến. Chính quá trình này đã thúc đẩy sự hình thành và phát triển của hệ thống nghiên cứu về du lịch dựa vào văn hóa tộc người ở cả phương diện lý luận lẫn thực tiễn.

Trong nghiên cứu quốc tế, hướng tiếp cận ban đầu chủ yếu xuất phát từ nhân học du lịch và nghiên cứu văn hóa bản địa. Công trình của Smith (1977) thường được xem là nền tảng học thuật quan trọng khi đặt ra vấn đề về mối quan hệ giữa cộng đồng bản địa và hoạt động du lịch. Tác giả không xem du lịch đơn thuần là hoạt động kinh tế mà nhìn nó như một quá trình tiếp xúc văn hóa có khả năng làm biến đổi cấu trúc xã hội truyền thống. Theo hướng tiếp cận này, cộng đồng tộc người vừa là chủ thể sở hữu văn hóa đồng thời cũng trở thành “đối tượng được quan sát” trong hành trình trải nghiệm của du khách. Đây là một luận điểm có ảnh hưởng lớn bởi nó mở ra nhận thức rằng phát triển du lịch tại các vùng văn hóa tộc người luôn tiềm ẩn sự căng thẳng giữa bảo tồn bản sắc và nhu cầu thương mại hóa.

Từ nền tảng đó, nhiều nghiên cứu sau này tiếp tục đào sâu vào các biến đổi xã hội nảy sinh trong quá trình phát triển du lịch. King (1994) cho rằng du lịch văn hóa phản ánh nhu cầu tìm kiếm “cái khác” của xã hội hiện đại, nơi con người có xu hướng quay về với những giá trị bản địa như một cách bù đắp cho sự đồng nhất hóa văn hóa do toàn cầu hóa tạo ra. Tuy nhiên, nhu cầu ấy lại đặt cộng đồng bản địa vào tình thế phải liên tục tái cấu trúc văn hóa để thích nghi với thị trường du lịch. Những thực hành văn hóa vốn gắn với đời sống tín ngưỡng hoặc kỷ ức cộng đồng dần được trình diễn hóa, chuẩn hóa và đôi khi tách khỏi môi trường văn hóa nguyên gốc của chúng.

Cách nhìn phản biện này được phát triển rõ hơn trong nghiên cứu của Evans (2001). Tác giả cho rằng du lịch văn hóa không thể được hiểu đơn thuần như quá trình khai thác tài nguyên văn hóa phục vụ phát triển kinh tế địa phương, bởi văn hóa vốn không phải một thực thể tĩnh. Khi tham gia vào cơ chế thị trường du lịch, nhiều giá trị văn hóa bị tái định nghĩa theo thị hiếu tiêu dùng và logic thương mại. Điều đáng chú ý là sự biến đổi này thường diễn ra âm thầm, không làm mất đi hình thức bề ngoài của văn hóa nhưng lại tác động sâu tới chức năng xã hội và ý nghĩa tinh thần vốn có của nó. Vì vậy, vấn đề đặt

ra không nằm ở việc “giữ nguyên truyền thống” mà ở khả năng duy trì tính liên tục văn hóa trong điều kiện xã hội thay đổi.

Những tranh luận học thuật gần đây đã dịch chuyển đáng kể từ tư duy “khai thác văn hóa” sang tiếp cận quản trị văn hóa và phát triển bền vững. McKercher và du Cros (2020) cho rằng mối quan hệ giữa du lịch và di sản thực chất là quan hệ điều chỉnh lợi ích giữa nhiều chủ thể khác nhau, bao gồm cộng đồng địa phương, cơ quan quản lý, doanh nghiệp và du khách. Trong cấu trúc đó, nếu văn hóa chỉ được xem như công cụ tạo lợi nhuận thì nguy cơ suy giảm tính xác thực và đứt gãy truyền thống là rất lớn. Richards (2021) tiếp tục mở rộng cách tiếp cận này khi cho rằng du lịch văn hóa đương đại không còn phụ thuộc chủ yếu vào tài nguyên vật thể mà chuyển dần sang khả năng tạo dựng trải nghiệm và diễn giải văn hóa. Giá trị của điểm đến vì thế không nằm hoàn toàn ở di sản hữu hình mà nằm ở cách cộng đồng kể lại câu chuyện văn hóa của chính mình.

Các tổ chức quốc tế trong những năm gần đây cũng có xu hướng tiếp cận du lịch văn hóa theo hướng phát triển cộng đồng và bảo vệ đa dạng văn hóa. Báo cáo của OECD (2022) nhấn mạnh rằng văn hóa địa phương cần được nhìn nhận như một nguồn lực phát triển nội sinh, có khả năng tạo ra sức bật cho kinh tế địa phương nếu được tổ chức khai thác hợp lý. Trong khi đó, UNWTO (2024) đặt vấn đề phát triển du lịch văn hóa trong mối liên hệ trực tiếp với tính bền vững của cộng đồng cư trú, coi sự tham gia thực chất của người dân là điều kiện quan trọng để duy trì sức sống của không gian văn hóa bản địa. Những định hướng này cho thấy nghiên cứu quốc tế hiện nay đã vượt ra khỏi cách tiếp cận đơn ngành trước đây để chuyển sang nhìn nhận du lịch văn hóa như một hệ sinh thái xã hội – văn hóa – kinh tế có tính tương tác phức hợp.

Ở Việt Nam, nghiên cứu về du lịch dựa vào văn hóa tộc người phát triển mạnh cùng với xu hướng mở rộng du lịch cộng đồng và khai thác bản sắc vùng miền. Nhiều công trình đã khẳng định văn hóa tộc người là một trong những nền tảng tạo nên tính đặc thù của du lịch Việt Nam. Dù vậy, khác với nhiều nghiên cứu quốc tế vốn tập trung mạnh vào các vấn đề quyền lực văn hóa và thương mại hóa, các nghiên cứu trong nước thường tiếp cận theo hướng ứng dụng, nhấn mạnh khả năng khai thác tài nguyên văn hóa phục vụ phát triển kinh tế địa phương.

Các công trình của Nguyễn Phạm Hùng (2016), Trần Thúy Anh (2020) và Lê Mạnh Hùng (2025) chủ yếu tập trung hệ thống hóa cơ sở lý luận về du lịch văn hóa, phân tích mối quan hệ giữa tài nguyên văn hóa, sản phẩm du lịch và trải nghiệm du khách. Điểm đáng chú ý trong các nghiên cứu này là sự chuyển biến từ tư duy xem văn hóa như “đối tượng khai thác” sang nhận thức văn hóa như nền tảng cấu thành bản sắc điểm đến. Điều này phản ánh sự thay đổi trong tư duy nghiên cứu du lịch văn hóa ở Việt Nam, đặc biệt khi vấn đề bảo tồn ngày càng được đặt ra rõ hơn trước áp lực thương mại hóa và phát triển nóng.

Ở hướng nghiên cứu thực địa, nhiều công trình tập trung khảo sát các cộng đồng dân tộc thiểu số cụ thể nhằm đánh giá khả năng phát triển du lịch cộng đồng. Thèn Thị Liên và Nguyễn Thị Thanh Huyền (2019), khi nghiên cứu cộng đồng người Dao ở Phú Thọ, cho rằng phần lớn mô hình du lịch cộng đồng hiện nay vẫn thiếu chiều sâu văn hóa, chủ yếu dừng ở trình diễn và tham quan mà chưa tạo được trải nghiệm văn hóa thực chất. Phan Lan Hương và Đặng Thị Phương Anh (2023) khi khảo sát người Thái ở Mai Châu cũng chỉ ra rằng nhiều yếu tố văn hóa truyền thống đang được tái cấu trúc theo nhu cầu của thị trường du lịch, dẫn tới nguy cơ giản lược văn hóa thành các sản phẩm biểu diễn phục vụ khách tham quan.

Trong khi đó, Hoàng Thị Thu Hương và Nguyễn Thị Hồng Vân (2021) tiếp cận vấn đề từ góc độ bảo tồn bền vững. Hai tác giả cho rằng văn hóa tộc người chỉ có thể duy trì sức sống khi cộng đồng địa phương còn giữ vai trò trung tâm trong thực hành văn hóa và kiểm soát quá trình khai thác du lịch. Quan điểm này tương đồng với nghiên cứu của Hà Nam Khánh Giao và Huỳnh Diệp Trâm Anh (2022), khi các tác giả nhấn mạnh rằng phát triển du lịch ở vùng dân tộc thiểu số cần tránh xu hướng đồng nhất hóa văn hóa dưới tác động của thị trường và truyền thông đại chúng.

Các nghiên cứu trong và ngoài nước đã tạo dựng nền tảng quan trọng về du lịch dựa vào văn hóa tộc người, nhất là ở các vấn đề bảo tồn, sự tham gia của cộng đồng, tính xác thực văn hóa và phát triển bền vững. Tuy vậy, phần lớn công trình vẫn tiếp cận văn hóa tộc người như một nguồn lực tương đối độc lập, trong khi mối liên hệ giữa văn hóa tộc người với ký ức

lịch sử, không gian cư trú và cấu trúc phát triển du lịch vùng chưa được phân tích đầy đủ. Đối với Ngọc Thanh, nơi văn hóa Sán Dìu cùng tồn tại với hệ thống di tích cách mạng và cảnh quan bán sơn địa, khoảng trống này cho thấy sự cần thiết của một nghiên cứu theo hướng tích hợp hơn.

1.1.2. Các công trình nghiên cứu về khai thác giá trị di tích lịch sử – cách mạng trong phát triển du lịch

Sự phát triển của du lịch văn hóa trong nhiều thập niên gần đây đã làm thay đổi cách nhìn đối với hệ thống di tích lịch sử. Nếu trước đây di tích chủ yếu được tiếp cận như “chứng tích quá khứ” phục vụ nghiên cứu lịch sử và giáo dục truyền thống, thì ngày nay chúng ngày càng được đặt trong quan hệ với kinh tế trải nghiệm, ký ức cộng đồng và phát triển không gian du lịch. Chính sự chuyển dịch đó đã thúc đẩy nhiều hướng nghiên cứu mới về khai thác giá trị di tích lịch sử trong hoạt động du lịch, đặc biệt đối với các di tích lịch sử cách mạng – loại hình di sản gắn chặt với ký ức chiến tranh, lịch sử dân tộc và bản sắc chính trị – văn hóa của mỗi quốc gia.

Ở bình diện quốc tế, nghiên cứu về du lịch gắn với di tích lịch sử phát triển tương đối sớm, song ban đầu chủ yếu tập trung vào các di sản kiến trúc, đô thị lịch sử và địa điểm tưởng niệm chiến tranh. Baker (1995), trong công trình nghiên cứu về tổ chức tham quan các điểm đến lịch sử, đã xem di tích như một sản phẩm văn hóa đặc thù cần được tổ chức khai thác bằng phương thức diễn giải phù hợp với trải nghiệm du khách. Cách tiếp cận này phản ánh sự thay đổi trong tư duy quản lý di sản, khi giá trị của di tích không còn nằm hoàn toàn ở bản thân hiện vật hay kiến trúc mà ở khả năng truyền tải ký ức lịch sử thông qua hoạt động tham quan và diễn giải văn hóa.

Cùng thời gian đó, Boniface (1995) tiếp cận vấn đề từ góc độ quản trị du lịch văn hóa. Tác giả cho rằng thách thức lớn nhất của khai thác di sản lịch sử phục vụ du lịch nằm ở mâu thuẫn giữa bảo tồn và thương mại hóa. Khi lượng khách gia tăng, áp lực tiêu dùng du lịch dễ khiến các địa điểm lịch sử bị chuyển hóa thành không gian trình diễn phục vụ thị trường. Điều này đặc biệt nhạy cảm đối với các di tích chiến tranh và cách mạng, bởi giá trị cốt lõi của loại hình di tích này không chỉ nằm ở yếu tố vật thể mà còn gắn với ký ức tập thể, tinh thần dân tộc và ý nghĩa chính trị – xã hội được tích lũy qua thời gian.

Những tranh luận học thuật sau đó mở rộng sang vấn đề ký ức lịch sử và bản sắc cộng đồng trong du lịch. Walton (2005) cho rằng du lịch lịch sử thực chất là quá trình “tái hiện quá khứ” dưới góc nhìn của hiện tại. Vì vậy, di tích lịch sử không phải thực thể bất biến mà luôn được diễn giải lại thông qua nhu cầu xã hội đương thời. Quan điểm này có ý nghĩa đặc biệt đối với nghiên cứu di tích cách mạng, bởi quá trình khai thác du lịch luôn kéo theo việc lựa chọn ký ức nào được nhấn mạnh, câu chuyện nào được kể lại và hình ảnh lịch sử nào được tái tạo cho công chúng.

Trong nghiên cứu đương đại, xu hướng tiếp cận di tích lịch sử đã dịch chuyển mạnh sang mô hình phát triển bền vững và quản trị di sản. ICOMOS (1999) đặt ra nguyên tắc rằng hoạt động du lịch tại các địa điểm di sản cần bảo đảm duy trì tính toàn vẹn lịch sử, hạn chế sự can thiệp làm biến dạng không gian văn hóa nguyên gốc. UNESCO (1972) và UNESCO (2022) tiếp tục nhấn mạnh mối quan hệ giữa bảo tồn di sản với phát triển cộng đồng, coi di sản văn hóa có giá trị kép: là tài sản phục vụ khai thác du lịch và cũng là một bộ phận của phát triển bền vững. Trong khi đó, UNWTO và UNESCO (2018) cho rằng du lịch văn hóa muốn duy trì sức sống lâu dài cần chuyển từ mô hình khai thác thụ động sang mô hình tạo dựng trải nghiệm gắn với giáo dục lịch sử và sự tham gia của cộng đồng địa phương.

Các nghiên cứu gần đây của Richards (2021) và Richards & Smith (2022) tiếp tục mở rộng cách tiếp cận này khi xem di tích lịch sử như một “không gian ký ức sống”. Theo các tác giả, sức hấp dẫn của du lịch lịch sử không nằm hoàn toàn ở hiện vật hay kiến trúc còn lại, mà nằm ở khả năng kết nối cảm xúc giữa quá khứ và hiện tại. Vì vậy, nhiều điểm đến lịch sử trên thế giới hiện nay chuyển từ mô hình tham quan tĩnh sang mô hình trải nghiệm tương tác, nơi du khách tham gia vào quá trình diễn giải lịch sử thông qua kể chuyện, trình diễn, công nghệ số và hoạt động giáo dục di sản. Đây là hướng tiếp cận cho thấy sự thay đổi căn bản trong nhận thức về giá trị của di tích lịch sử trong ngành du lịch đương đại.

Tại Việt Nam, nghiên cứu về phát triển du lịch gắn với di tích lịch sử cách mạng chủ yếu phát triển từ sau giai đoạn đổi mới, khi du lịch văn hóa được xác định là một trong những dòng sản phẩm đặc thù của du lịch quốc

gia. Hệ thống di tích cách mạng trải dài trên cả nước, từ căn cứ kháng chiến, địa điểm lưu niệm danh nhân đến các không gian chiến trường cũ, tạo nên nguồn tài nguyên lịch sử có tính đặc thù cao. Trên thực tế, khác với nhiều quốc gia tiếp cận di tích chiến tranh theo hướng ký ức hậu xung đột, nghiên cứu ở Việt Nam thường đặt trọng tâm vào giáo dục truyền thống, bảo tồn lịch sử dân tộc và phát huy giá trị yêu nước.

Trong số các công trình nghiên cứu nền tảng, Nguyễn Quốc Hùng (2012) cho rằng di tích cách mạng là “bằng chứng của sự thay đổi”, phản ánh những giai đoạn chuyển biến lớn của lịch sử dân tộc. Theo tác giả, giá trị của loại hình di tích này không nằm đơn thuần ở yếu tố kiến trúc hay hiện vật còn lưu giữ, mà ở khả năng lưu giữ ký ức xã hội và tinh thần lịch sử của cộng đồng. Tiếp cận này cho thấy di tích cách mạng cần được nhìn nhận như một dạng “ký ức không gian”, nơi quá khứ tiếp tục tồn tại thông qua các hoạt động tưởng niệm, giáo dục và trải nghiệm văn hóa.

Phạm Xanh (2012) lại đặt vấn đề từ góc nhìn bảo tồn. Tác giả cho rằng nhiều di tích cách mạng đang đối mặt với nguy cơ “hình thức hóa ký ức”, tức là tồn tại về mặt vật thể nhưng suy giảm dần ý nghĩa xã hội trong đời sống đương đại. Nhận định này phản ánh một vấn đề khá phổ biến ở nhiều địa phương: di tích được xếp hạng và bảo tồn hành chính nhưng thiếu cơ chế kết nối với cộng đồng và hoạt động văn hóa thực tế. Vì vậy, khai thác du lịch nếu chỉ dừng ở tham quan hiện vật hoặc giới thiệu lịch sử theo lối thuyết minh khô cứng sẽ khó tạo ra chiều sâu trải nghiệm cho du khách.

Nghiên cứu của Trần Đức Nguyên (2010) về hệ thống di tích cách mạng tại Hà Nội cho thấy việc phát huy giá trị di tích trong du lịch phụ thuộc rất lớn vào khả năng tổ chức không gian văn hóa và xây dựng sản phẩm trải nghiệm. Trong khi đó, Nguyễn Minh Tuấn (2021), khi nghiên cứu các di tích lịch sử cấp quốc gia ở Cần Thơ, đã nhấn mạnh rằng di tích lịch sử chỉ thực sự trở thành nguồn lực du lịch khi được đặt trong mối liên kết với văn hóa địa phương, hạ tầng dịch vụ và nhu cầu trải nghiệm của thị trường khách. Đây là dấu hiệu cho thấy nghiên cứu trong nước đang bắt đầu dịch chuyển từ tư duy bảo tồn tách biệt sang cách tiếp cận tích hợp giữa di sản và phát triển du lịch.

Một số nghiên cứu gần đây tiếp tục mở rộng hướng tiếp cận theo chiều

kích phát triển bền vững. Chính phủ (2023), trong Quy hoạch hệ thống du lịch thời kỳ 2021–2030, đã xác định du lịch văn hóa và du lịch di sản là một trong những trục sản phẩm chiến lược của du lịch Việt Nam. Cùng với đó, OECD (2022) và UNWTO (2024) đều nhấn mạnh rằng khai thác di sản phục vụ phát triển du lịch cần đặt trong quan hệ cân bằng giữa bảo tồn ký ức lịch sử, lợi ích cộng đồng và hiệu quả kinh tế dài hạn. Những định hướng này tác động rõ tới nghiên cứu trong nước, đặc biệt ở xu hướng gắn bảo tồn di tích với sinh kế cộng đồng, giáo dục di sản và phát triển bản sắc điểm đến.

Tại Vĩnh Phúc, nghiên cứu về du lịch văn hóa đã được đề cập trong công trình của Luyện Hồng Anh (2013) và Đỗ Văn Tiến, Nguyễn Văn Giang (2022). Song, các nghiên cứu này chủ yếu tiếp cận ở phạm vi du lịch văn hóa và phát triển du lịch địa phương nói chung, chưa đi sâu phân tích hệ thống di tích lịch sử cách mạng như một cấu phần trung tâm của không gian du lịch văn hóa. Trong khi đó, các nghiên cứu liên quan đến văn hóa Sán Dìu tại Vĩnh Phúc như của Kiều Thị Thiên Trang (2018) lại nghiêng nhiều về bảo tồn văn hóa dân tộc, chưa đặt trong quan hệ liên kết với di tích lịch sử và phát triển du lịch tổng thể. Mặc dù vậy, các nghiên cứu về di tích lịch sử cách mạng hiện nay vẫn có xu hướng nhấn mạnh giá trị tưởng niệm, giáo dục truyền thống và bảo tồn di sản hơn là xem di tích như một thành tố tham gia vào cấu trúc sản phẩm du lịch văn hóa. Vì thế, vấn đề còn bỏ ngỏ không phải là xác định di tích có giá trị hay không, mà là làm rõ cơ chế tổ chức, diễn giải và kết nối di tích với cộng đồng, dịch vụ và nhu cầu trải nghiệm của du khách.

Tóm lại, các công trình nghiên cứu trong và ngoài nước đã tạo dựng được nền tảng lý luận tương đối rõ về mối quan hệ giữa di tích lịch sử và phát triển du lịch. Nhiều vấn đề quan trọng đã được đặt ra như bảo tồn ký ức lịch sử, tính xác thực của di sản, thương mại hóa không gian tưởng niệm, sự tham gia của cộng đồng và yêu cầu phát triển bền vững. Tuy nhiên, phần lớn nghiên cứu hiện nay vẫn tiếp cận di tích lịch sử cách mạng theo từng lát cắt riêng lẻ, hoặc thiên về bảo tồn di sản, hoặc thiên về khai thác du lịch. Những nghiên cứu tích hợp giữa di tích lịch sử cách mạng, văn hóa cộng đồng địa phương và cấu trúc phát triển du lịch văn hóa ở cấp không gian cụ thể vẫn còn khá hạn chế. Đối với xã Ngọc Thanh, nơi hội tụ đồng thời yếu tố lịch sử cách mạng,

văn hóa Sán Dìu và cảnh quan sinh thái, khoảng trống nghiên cứu này càng thể hiện rõ. Đây chính là cơ sở để luận văn tiếp cận vấn đề theo hướng liên kết đa tầng giữa ký ức lịch sử, bản sắc văn hóa địa phương và phát triển du lịch văn hóa bền vững.

1.1.3. Các công trình nghiên cứu về phát triển du lịch văn hóa từ góc tiếp cận quản lý văn hóa

Bên cạnh các hướng nghiên cứu tập trung vào giá trị văn hóa tộc người và di tích lịch sử – cách mạng, một hướng tiếp cận có ý nghĩa trực tiếp đối với phát triển du lịch văn hóa là xem xét vấn đề từ phương diện quản lý văn hóa. Theo hướng này, tài nguyên văn hóa không chỉ được nhìn nhận ở giá trị và khả năng hấp dẫn du khách, mà còn được đặt trong quá trình quản lý, bảo tồn, tổ chức khai thác và điều phối sự tham gia của các chủ thể nhằm bảo đảm sự cân bằng giữa phát triển du lịch và duy trì giá trị văn hóa.

Các nghiên cứu theo hướng quản lý di sản và du lịch bền vững nhấn mạnh rằng việc đưa di sản vào hoạt động du lịch cần được đặt trong một cơ chế quản lý phù hợp. ICOMOS (2022) cho rằng quản lý du lịch tại các địa điểm di sản phải đồng thời quan tâm đến bảo vệ giá trị di sản, chất lượng trải nghiệm và lợi ích của cộng đồng địa phương. Cách tiếp cận này cho thấy hiệu quả phát triển du lịch văn hóa không chỉ phụ thuộc vào mức độ phong phú của tài nguyên mà còn phụ thuộc vào năng lực quản lý quá trình khai thác, kiểm soát tác động và duy trì giá trị của di sản trong dài hạn.

Ở bình diện quản trị điểm đến, vai trò của cơ quan quản lý được mở rộng từ thực hiện các chức năng hành chính sang kiến tạo thể chế, định hướng phát triển và điều phối các bên liên quan. UNWTO (2024) nhấn mạnh hiệu quả quản trị điểm đến phụ thuộc đáng kể vào khả năng phối hợp giữa các cấp quản lý và tích hợp mục tiêu văn hóa vào chiến lược phát triển. Khi thiếu sự phối hợp, hoạt động bảo tồn, khai thác tài nguyên, phát triển sản phẩm và tổ chức thị trường dễ vận hành rời rạc, làm giảm hiệu quả chung của điểm đến. Đây cũng là cơ sở để nhìn nhận quản lý văn hóa như một thành tố điều phối trong quá trình phát triển du lịch, thay vì chỉ giới hạn ở nhiệm vụ bảo vệ di sản.

Một nội dung khác được các nghiên cứu quan tâm là mối quan hệ giữa Nhà nước, cộng đồng và doanh nghiệp. Trong phát triển du lịch văn hóa, Nhà nước giữ vai trò xây dựng thể chế và định hướng; cộng đồng là chủ thể nắm giữ, thực hành và tái tạo các giá trị văn hóa; trong khi doanh nghiệp đảm

nhệm chức năng kết nối tài nguyên với thị trường và tổ chức sản phẩm. Sự khác biệt về chức năng và lợi ích giữa các nhóm chủ thể đặt ra yêu cầu phải có cơ chế phối hợp, phân định trách nhiệm và chia sẻ lợi ích phù hợp. Nếu thiếu cơ chế này, quá trình khai thác du lịch có thể dẫn đến thương mại hóa quá mức, làm suy giảm tính xác thực hoặc hạn chế quyền tham gia của cộng đồng. Cách tiếp cận đa chủ thể vì vậy ngày càng trở thành một nội dung quan trọng trong nghiên cứu quản lý phát triển du lịch văn hóa.

Nhìn chung, các công trình tiếp cận từ quản lý văn hóa đã góp phần chuyển trọng tâm nghiên cứu từ câu hỏi “có những giá trị văn hóa nào có thể khai thác cho du lịch” sang câu hỏi “các giá trị đó được quản lý và tổ chức khai thác như thế nào để tạo ra hiệu quả phát triển bền vững”. Qua đó, ba vấn đề nổi lên gồm: năng lực quản lý của chính quyền; cơ chế phối hợp giữa các chủ thể; và khả năng cân bằng giữa bảo tồn văn hóa với mục tiêu phát triển du lịch. Hướng nghiên cứu này cung cấp cơ sở quan trọng để luận văn xem xét phát triển du lịch văn hóa không chỉ từ phương diện tài nguyên và sản phẩm, mà còn từ phương diện tổ chức và quản lý – một yếu tố có vai trò điều phối quá trình chuyển hóa giá trị văn hóa thành nguồn lực phát triển du lịch.

1.1.4. Các công trình nghiên cứu về phát triển du lịch tại Xã Ngọc Thanh, Thành phố Phúc Yên, tỉnh Vĩnh Phúc

So với nhiều địa bàn du lịch đã được nghiên cứu chuyên sâu ở miền núi phía Bắc, Ngọc Thanh vẫn là một không gian học thuật còn khá “mở”, số lượng công trình trực tiếp tiếp cận dưới góc độ phát triển du lịch văn hóa chưa nhiều và phần lớn mới dừng ở các nghiên cứu phân tán theo từng lát cắt riêng lẻ như lịch sử chiến khu, văn hóa người Sán Dìu, tài nguyên sinh thái hoặc định hướng phát triển du lịch địa phương. Chính đặc điểm này khiến hệ thống nghiên cứu về Ngọc Thanh hiện nay tồn tại tình trạng thiếu liên kết lý luận giữa tài nguyên văn hóa, chủ thể cộng đồng và cơ chế phát triển du lịch bền vững.

Ở phạm vi cấp tỉnh, các nghiên cứu về du lịch Vĩnh Phúc trong thời gian gần đây chủ yếu tập trung vào định hướng phát triển du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng và du lịch cuối tuần gắn với lợi thế cảnh quan tự nhiên của Tam Đảo, Đại Lải và vùng bán sơn địa phía bắc tỉnh. Công trình của Đỗ Văn Tiến và Nguyễn Văn Giang (2022) cho rằng du lịch Vĩnh Phúc đang đứng trước

yêu cầu tái cấu trúc theo hướng bền vững, giảm lệ thuộc vào mô hình khai thác tài nguyên tự nhiên đơn thuần để chuyển sang phát triển các sản phẩm có chiều sâu văn hóa. Tuy nhiên, nghiên cứu này chủ yếu tiếp cận ở quy mô vĩ mô cấp tỉnh, chưa đi sâu vào các không gian văn hóa cụ thể, đặc biệt là các địa bàn có tính chất giao thoa giữa di sản cách mạng, văn hóa tộc người và sinh thái rừng như Ngọc Thanh.

Trong số những công trình có liên hệ trực tiếp với địa bàn nghiên cứu, luận văn của Luyện Hồng Anh (2013) là một trong các nghiên cứu sớm đề cập đến phát triển du lịch văn hóa tỉnh Vĩnh Phúc dưới góc nhìn khai thác tài nguyên văn hóa địa phương. Công trình đã hệ thống tương đối đầy đủ các nhóm tài nguyên văn hóa vật thể và phi vật thể của tỉnh, đồng thời đặt vấn đề về việc hình thành các sản phẩm du lịch mang bản sắc riêng. Dẫu vậy, cách tiếp cận vẫn nghiêng về mô tả tài nguyên và đánh giá tiềm năng, trong khi mối quan hệ giữa bảo tồn văn hóa cộng đồng với vận hành thực tế của hoạt động du lịch chưa được phân tích sâu. Đặc biệt, nghiên cứu chưa xem xét Ngọc Thanh như một chỉnh thể văn hóa đặc thù với cấu trúc đa lớp gồm chiến khu cách mạng, văn hóa người Sán Dìu và không gian sinh thái hồ – rừng.

Một hướng nghiên cứu khác liên quan đến Ngọc Thanh tập trung vào văn hóa tộc người Sán Dìu. Công trình của Kiều Thị Thiên Trang (2018) về bảo tồn và phát huy giá trị trang phục truyền thống người Sán Dìu tại xã Đạo Trù đã cung cấp cơ sở tham chiếu quan trọng trong việc nhận diện nguy cơ mai một văn hóa truyền thống dưới tác động của hiện đại hóa và giao lưu văn hóa. Dù địa bàn khảo sát không trực tiếp ở Ngọc Thanh, nghiên cứu này vẫn có ý nghĩa đối sánh bởi cộng đồng Sán Dìu tại Ngọc Thanh có nhiều tương đồng về lịch sử cư trú và thực hành văn hóa. Nhưng trọng tâm của công trình vẫn nằm ở bảo tồn văn hóa dân tộc học, chưa mở rộng sang khả năng chuyển hóa các thực hành văn hóa thành tài nguyên du lịch theo hướng có kiểm soát.

Ở phương diện nghiên cứu lịch sử – cách mạng, các tham luận trong Kỷ yếu Hội thảo “Di tích chiến khu Ngọc Thanh, bảo tồn và phát huy giá trị” năm 2021 đã mở ra một hướng tiếp cận đáng chú ý khi đặt Ngọc Thanh trong cấu trúc không gian chiến khu Việt Bắc và lịch sử kháng chiến chống thực dân Pháp. Lê Thanh Bài (2021) nhìn nhận chiến khu Ngọc Thanh dưới góc độ “cái nhìn đồng đại”, nhấn mạnh giá trị lịch sử như một lớp ký ức tập thể vẫn còn hiện diện trong đời sống địa phương. Xuân Huy (2021) lại phân tích vị trí chiến lược của Ngọc

Thanh trong mạng lưới các chiến khu vùng trung du và Việt Bắc, trong khi Nguyễn Văn Tập (2021) xem địa bàn này như một “cầu nối” giữa đồng bằng và an toàn khu. Trần Quốc Dũng (2021) tiếp cận từ lịch sử quân sự, làm rõ vai trò của chiến khu Ngọc Thanh trong Chiến dịch Trần Hưng Đạo.

Các nghiên cứu trên có giá trị tư liệu lớn, đặc biệt trong việc phục dựng chiều sâu lịch sử của địa bàn. Mặc dù vậy, phần lớn mới dừng ở diễn giải lịch sử cách mạng, chưa chuyển hóa hệ giá trị lịch sử ấy thành một cấu phần của phát triển du lịch văn hóa. Nói cách khác, “di tích” được nghiên cứu như ký ức lịch sử hơn là một thực thể văn hóa sống có khả năng tham gia vào kinh tế du lịch đương đại. Đây là khoảng trống đáng chú ý bởi trong xu hướng phát triển du lịch văn hóa hiện nay, vấn đề không còn nằm ở việc “có di tích hay không”, mà ở khả năng diễn giải di tích bằng trải nghiệm văn hóa, giáo dục ký ức và sự tham gia của cộng đồng địa phương.

Một số nghiên cứu gần đây bắt đầu mở rộng tiếp cận liên ngành hơn đối với không gian văn hóa Ngọc Thanh. Nguyễn Đức Hiếu (2025), khi xây dựng mô hình học tập trải nghiệm dựa trên khai thác các giá trị văn hóa truyền thống ở Ngọc Thanh – Xuân Hòa – Phú Thọ, đã bước đầu xem văn hóa địa phương như một nguồn lực giáo dục trải nghiệm. Điểm đáng chú ý nằm ở việc nghiên cứu không tiếp cận văn hóa như đối tượng trung bày tưng mà như môi trường tương tác xã hội có khả năng tạo ra trải nghiệm học tập. Dẫu vậy, mục tiêu chính của công trình là giáo dục trải nghiệm nên các vấn đề về tổ chức không gian du lịch, thị trường khách hay cơ chế tham gia cộng đồng chưa được luận giải đầy đủ.

Ở phạm vi rộng hơn, các nghiên cứu của Hoàng Trường Kỳ (2026), Lâm Quang Hùng (2011, 2026) và Nguyễn Thị Châu (2025) tiếp tục cung cấp nền tảng quan trọng cho việc nhận diện giá trị văn hóa vùng trung du Vĩnh Phúc. Các công trình này cho thấy văn hóa Sán Dìu, ký ức chiến khu và cấu trúc sinh thái bán sơn địa tạo nên một dạng “di sản tổng hợp”, nơi yếu tố lịch sử, tộc người và cảnh quan không tồn tại tách rời mà đan xen trong cùng một không gian cư trú. Bên cạnh đó, ngay cả ở những nghiên cứu cập nhật hơn, câu chuyện phát triển du lịch văn hóa vẫn chủ yếu được tiếp cận ở cấp độ tiềm năng hoặc định hướng chính sách, chưa hình thành một khung phân tích hoàn chỉnh về cơ chế vận hành của du lịch văn hóa tại địa phương. Điểm chung của các nghiên cứu này là đã cung cấp nhiều tư liệu quan trọng cho việc nhận diện giá trị văn hóa – lịch sử của Ngọc Thanh, nhưng chưa hình thành được một khung phân tích đủ rõ về quá trình chuyển hóa các giá

trị đó thành năng lực phát triển du lịch. Vì vậy, khoảng trống nghiên cứu thể hiện ở hai phương diện: số lượng công trình chuyên sâu về Ngọc Thanh còn hạn chế và cách tiếp cận tích hợp giữa tài nguyên văn hóa, chủ thể cộng đồng, tổ chức sản phẩm với quản trị điểm đến vẫn chưa được phát triển đầy đủ.

Tựu trung lại, các công trình nghiên cứu liên quan đến Ngọc Thanh đã tạo dựng được nền tảng tư liệu khá phong phú về lịch sử chiến khu, văn hóa Sán Dìu và tài nguyên địa phương. Dù vậy, phần lớn nghiên cứu vẫn còn rời rạc: nghiên cứu lịch sử tách khỏi nghiên cứu du lịch; nghiên cứu văn hóa cộng đồng tách khỏi nghiên cứu phát triển kinh tế; nghiên cứu bảo tồn chưa gắn với tổ chức sản phẩm và trải nghiệm du khách. Cho đến nay vẫn thiếu một nghiên cứu tiếp cận Ngọc Thanh như một hệ sinh thái du lịch văn hóa tổng hợp, trong đó đi sản cách mạng, văn hóa tộc người và không gian sinh thái được xem là các cấu phần tương tác trong cùng một tiến trình phát triển. Đây chính là khoảng trống mà luận văn hướng tới bổ sung, thông qua việc phân tích phát triển du lịch văn hóa tại xã Ngọc Thanh dưới góc nhìn liên ngành giữa văn hóa học, du lịch học và phát triển bền vững.

1.1.5. Khoảng trống nghiên cứu

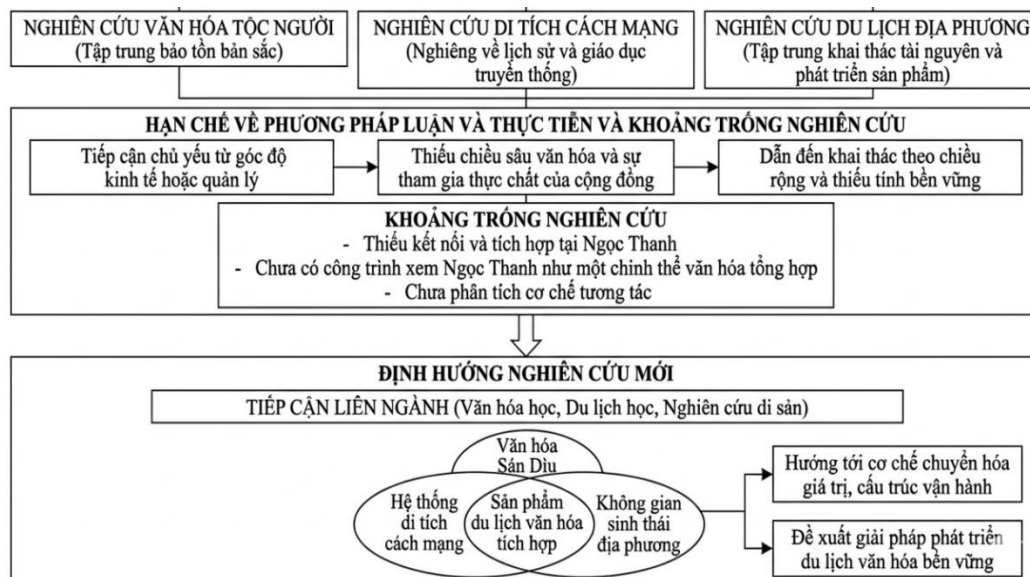
Tổng quan các công trình trong và ngoài nước cho thấy nghiên cứu về du lịch văn hóa hiện nay đã hình thành nền tảng lý luận khá rộng, đặc biệt ở các vấn đề liên quan đến bảo tồn di sản, văn hóa tộc người, du lịch cộng đồng và khai thác giá trị di tích lịch sử cách mạng. Nhưng phần lớn các nghiên cứu vẫn vận hành theo hướng phân tách đối tượng nghiên cứu thành những mảng tương đối độc lập: nghiên cứu văn hóa tộc người thiên về bảo tồn bản sắc; nghiên cứu di tích cách mạng nghiêng về lịch sử và giáo dục truyền thống; nghiên cứu du lịch địa phương chủ yếu tập trung vào khai thác tài nguyên và phát triển sản phẩm. Sự thiếu kết nối giữa các hướng tiếp cận này khiến nhiều công trình chưa lý giải được cơ chế tương tác giữa văn hóa cộng đồng, ký ức lịch sử và cấu trúc phát triển du lịch trong cùng một không gian cụ thể.

Đối với địa bàn Ngọc Thanh, khoảng trống nghiên cứu càng bộc lộ rõ hơn. Dù đã có các công trình đề cập tới chiến khu Ngọc Thanh, văn hóa người Sán Dìu hay tiềm năng du lịch của Vĩnh Phúc, song các nghiên cứu phần lớn dừng ở mô tả giá trị lịch sử, nhận diện tài nguyên hoặc định hướng khai thác chung. Trong phạm vi tài liệu mà luận văn tiếp cận, chưa ghi nhận công trình nào tiếp cận Ngọc Thanh như một chỉnh thể văn hóa tổng hợp, nơi di tích cách mạng, văn hóa tộc người và cảnh quan sinh thái cùng tồn tại, tác động và định hình lẫn nhau trong quá trình

phát triển du lịch văn hóa.

Một hạn chế khác nằm ở phương diện phương pháp luận. Nhiều nghiên cứu trước đây tiếp cận du lịch chủ yếu từ góc độ kinh tế hoặc quản lý, trong khi chiều sâu văn hóa và vai trò của cộng đồng địa phương chưa được phân tích tương xứng. Các vấn đề như diễn giải ký ức lịch sử trong trải nghiệm du lịch, sự tham gia thực chất của cộng đồng Sán Dìu, hay nguy cơ thương mại hóa văn hóa địa phương dưới tác động của thị trường du lịch vẫn còn được đề cập khá mờ nhạt. Điều này khiến việc phát triển du lịch văn hóa ở nhiều địa phương dễ rơi vào tình trạng khai thác tài nguyên theo chiều rộng nhưng thiếu chiều sâu trải nghiệm và thiếu tính bền vững văn hóa.

Từ những khoảng trống trên, luận văn tập trung nghiên cứu phát triển du lịch văn hóa tại xã Ngọc Thanh theo hướng tiếp cận liên ngành giữa văn hóa học, du lịch học và nghiên cứu di sản. Trọng tâm của nghiên cứu không dừng ở việc nhận diện tài nguyên du lịch, mà hướng tới phân tích mối quan hệ giữa văn hóa Sán Dìu, hệ thống di tích lịch sử cách mạng và không gian sinh thái địa phương trong quá trình hình thành sản phẩm du lịch văn hóa. Qua đó, luận văn góp phần bổ sung góc nhìn tích hợp về phát triển du lịch văn hóa ở các không gian trung du có tính chất đa lớp về lịch sử, cộng đồng và cảnh quan văn hóa.



Hình 1.1. Khoảng trống nghiên cứu của đề tài

Nguồn: Tác giả phân tích và tổng hợp, 2026

Từ những giới hạn đó, nghiên cứu này được định vị nhằm bổ sung cách tiếp cận tích hợp, nhấn mạnh cơ chế chuyển hóa giá trị văn hóa và làm rõ cấu trúc vận hành của du lịch văn hóa ở cấp địa phương. Trên cơ sở đó, luận văn đề xuất một số giải pháp phát triển du lịch văn hóa gắn với các giá trị sẵn có, góp phần thúc đẩy kinh tế địa phương theo hướng bền vững.

1.2. Cơ sở lý luận về phát triển du lịch văn hoá

1.2.1. Một số khái niệm cơ bản

1.2.1.1. Du lịch văn hóa và phát triển du lịch văn hóa

*** Du lịch văn hóa**

Khái niệm du lịch văn hóa được hình thành cùng với sự chuyển biến trong nhận thức về vai trò của văn hóa đối với phát triển du lịch. Nếu ở giai đoạn đầu, du lịch chủ yếu được nhìn từ phương diện dịch chuyển và tiêu dùng dịch vụ, thì các nghiên cứu sau này dần xem văn hóa là nền tảng tạo nên chiều sâu trải nghiệm và bản sắc điểm đến. Chính sự thay đổi đó khiến khái niệm du lịch văn hóa trở thành một phạm trù có nội hàm rộng, được diễn giải theo nhiều cách tiếp cận khác nhau, từ quản trị di sản, nhân học văn hóa cho tới kinh tế trải nghiệm.

Trong cách tiếp cận của các tổ chức quốc tế, du lịch văn hóa thường được đặt trong quan hệ trực tiếp với di sản và trải nghiệm nhận thức. ICOMOS (1999) xem du lịch văn hóa là loại hình hướng tới khám phá các địa điểm di sản và di tích, đồng thời nhấn mạnh yêu cầu duy trì tính toàn vẹn của giá trị văn hóa trong quá trình khai thác du lịch. Điểm đáng chú ý ở cách tiếp cận này là văn hóa không được hiểu đơn thuần như “tài nguyên phục vụ khách tham quan”, mà là một cấu trúc ký ức cần được bảo vệ thông qua cơ chế quản trị hợp lý. Cùng hướng tiếp cận đó, UNWTO và UNESCO (2018) cho rằng du lịch văn hóa liên quan tới quá trình con người tìm kiếm sự hiểu biết về lịch sử, nghệ thuật, tín ngưỡng, lối sống và các biểu đạt văn hóa của cộng đồng địa phương. Như vậy, giá trị cốt lõi của du lịch văn hóa không nằm hoàn toàn ở hiện vật hay không gian vật thể, mà nằm ở khả năng tạo lập sự tương tác giữa du khách với đời sống văn hóa bản địa.

Một số học giả quốc tế lại tiếp cận du lịch văn hóa từ góc nhìn xã hội và trải nghiệm. Richards (2021) cho rằng du lịch văn hóa đương đại đã vượt ra khỏi mô hình tham quan di sản theo kiểu truyền thống để chuyển sang nhu cầu “sống trong văn hóa”, tức du khách mong muốn tham gia trực tiếp vào các

thực hành văn hóa thay vì chỉ quan sát. Quan điểm này phản ánh sự dịch chuyển từ tư duy tiêu dùng cảnh quan sang tiêu dùng trải nghiệm. Trong khi đó, McKercher và du Cros (2020) nhấn mạnh rằng du lịch văn hóa thực chất là quá trình tương tác giữa hệ thống quản lý di sản với thị trường du lịch. Vì vậy, giá trị văn hóa luôn được đặt trong mối quan hệ cần điều chỉnh giữa yêu cầu bảo tồn, nhu cầu khai thác và xu hướng trải nghiệm của xã hội hiện đại.

Ở Việt Nam, khái niệm du lịch văn hóa thường được tiếp cận theo hướng gắn văn hóa với cộng đồng và bản sắc dân tộc. Luật Du lịch năm 2017 xác định du lịch văn hóa là loại hình du lịch dựa trên bản sắc văn hóa dân tộc, có sự tham gia của cộng đồng nhằm bảo tồn và phát huy các giá trị văn hóa truyền thống. Cách định nghĩa này cho thấy tư duy quản lý du lịch ở Việt Nam không tách rời giữa khai thác và bảo tồn. Văn hóa vừa là nền tảng hình thành sản phẩm du lịch, vừa là giới hạn điều chỉnh hoạt động khai thác.

Từ góc độ học thuật, Nguyễn Phạm Hùng (2016) cho rằng du lịch văn hóa được hình thành từ quá trình khai thác các giá trị khác biệt của tài nguyên văn hóa nhằm đáp ứng nhu cầu khám phá và trải nghiệm của du khách. Điểm đáng chú ý trong quan niệm này là yếu tố “khác biệt văn hóa” được xem như cơ chế tạo nên sức hấp dẫn của điểm đến. Trong khi đó, Trần Thúy Anh (2020) nhấn mạnh rằng du lịch văn hóa không nên bị giản lược thành hoạt động tham quan di tích hay lễ hội, bởi bản chất của nó nằm ở sự tiếp xúc với môi trường văn hóa sống, nơi con người, ký ức cộng đồng và thực hành đời sống cùng tồn tại trong một chỉnh thể.

Từ các cách tiếp cận trên, có thể hiểu du lịch văn hóa là loại hình du lịch được hình thành trên cơ sở khai thác các giá trị văn hóa vật thể và phi vật thể của cộng đồng nhằm tạo ra trải nghiệm nhận thức, trải nghiệm cảm xúc và trải nghiệm xã hội cho du khách. Ở loại hình này, văn hóa không tồn tại như phần “trang trí” cho hoạt động du lịch mà trở thành yếu tố tạo nghĩa cho toàn bộ hành trình trải nghiệm. Điều đó lý giải vì sao cùng một không gian địa lý, những địa phương có khả năng duy trì bản sắc văn hóa và tổ chức diễn giải văn hóa hiệu quả thường tạo được sức hút bền vững hơn so với các điểm đến chỉ dựa vào cảnh quan tự nhiên.

*** Phát triển du lịch văn hoá**

Nếu “du lịch văn hóa” chủ yếu phản ánh loại hình và đặc trưng trải nghiệm, thì “phát triển du lịch văn hóa” lại thuộc phạm vi vận hành hệ thống.

Đây không đơn thuần là sự gia tăng số lượng điểm đến hay lượng khách du lịch, mà là quá trình tái tổ chức không gian văn hóa theo logic phát triển kinh tế, xã hội và cộng đồng.

Nhiều nghiên cứu gần đây cho thấy phát triển du lịch văn hóa cần được nhìn nhận như một quá trình tích hợp đa chiều. Richards và Smith (2022) cho rằng sự phát triển của du lịch văn hóa phụ thuộc vào khả năng kết nối giữa tài nguyên di sản, năng lực diễn giải văn hóa và sự tham gia của cộng đồng địa phương. Điều này đồng nghĩa với việc một địa phương sở hữu tài nguyên văn hóa phong phú chưa chắc hình thành được sản phẩm du lịch hiệu quả nếu thiếu cơ chế tổ chức và chuyển hóa giá trị văn hóa thành trải nghiệm xã hội cụ thể.

Ở góc độ quản trị phát triển, OECD (2022) xem văn hóa là nguồn lực nội sinh của địa phương. Theo cách tiếp cận này, phát triển du lịch văn hóa không thể chỉ đo bằng doanh thu hay tốc độ tăng trưởng khách du lịch, mà cần được đánh giá thông qua khả năng duy trì sức sống văn hóa, tạo sinh kế cho cộng đồng và củng cố bản sắc không gian. Quan điểm này tương đối gần với định hướng của UNESCO (2022), khi tổ chức này đặt văn hóa vào cấu trúc phát triển bền vững thay vì xem nó như lĩnh vực phụ trợ cho kinh tế.

Ở Việt Nam, định hướng phát triển du lịch văn hóa ngày càng gắn với yêu cầu phát triển bền vững và bảo tồn di sản. Quy hoạch hệ thống du lịch thời kỳ 2021–2030 xác định du lịch văn hóa và du lịch di sản là một trong những trục sản phẩm chiến lược của du lịch quốc gia (Chính phủ, 2023). Điều cần lưu ý là, nhiều nghiên cứu thực tiễn cho thấy quá trình phát triển du lịch văn hóa ở nhiều địa phương vẫn tồn tại tình trạng lệ thuộc vào khai thác bề nổi, thiếu chiều sâu diễn giải và thiếu liên kết cộng đồng. Hoàng Thị Thu Hương và Nguyễn Thị Hồng Vân (2021), khi nghiên cứu du lịch cộng đồng ở Hòa Bình, cho rằng sự suy giảm vai trò chủ thể của cư dân địa phương dễ dẫn tới hiện tượng “trình diễn hóa văn hóa”, khiến hoạt động du lịch mất dần tính xác thực.

Từ phương diện lý luận, phát triển du lịch văn hóa có thể được hiểu là quá trình tổ chức, mở rộng và điều phối các hoạt động du lịch dựa trên nền tảng văn hóa nhằm hình thành một hệ thống du lịch có khả năng vận hành ổn định trong dài hạn. Quá trình này bao gồm nhiều lớp vận động đồng thời: khai thác tài nguyên văn hóa; xây dựng sản phẩm và trải nghiệm; tổ chức không gian

du lịch; phát triển thị trường; duy trì sự tham gia của cộng đồng; đồng thời kiểm soát các tác động xã hội và môi trường nảy sinh từ hoạt động du lịch.

Sự khác biệt giữa “du lịch văn hóa” và “phát triển du lịch văn hóa” nằm ở phạm vi tiếp cận. Khái niệm thứ nhất nghiêng về nhận diện loại hình và nội dung trải nghiệm; khái niệm thứ hai hướng tới cơ chế vận hành của toàn bộ cấu trúc phát triển. Nói cách khác, nếu du lịch văn hóa trả lời câu hỏi “du khách trải nghiệm điều gì”, thì phát triển du lịch văn hóa lại tập trung vào vấn đề “địa phương tổ chức, duy trì và tái tạo hệ thống trải nghiệm ấy bằng cách nào”. Chính sự phân biệt này tạo cơ sở lý luận cho việc tiếp cận du lịch văn hóa như một hệ thống phát triển tổng hợp, thay vì chỉ xem đây là hoạt động khai thác tài nguyên theo một chiều.

Bảng 1.1. Phân biệt khái niệm “Du lịch văn hóa” và “Phát triển du lịch văn hóa”

Tiêu chí	Du lịch văn hóa	Phát triển du lịch văn hóa
Bản chất	Một loại hình du lịch lấy văn hóa làm nền tảng trải nghiệm	Một quá trình tổ chức và vận hành hệ thống du lịch dựa trên văn hóa
Trọng tâm	Trải nghiệm của du khách	Năng lực phát triển của điểm đến
Hạt nhân giá trị	Bản sắc văn hóa	Chuyển hóa văn hóa thành nguồn lực phát triển
Chủ thể trung tâm	Du khách và hoạt động trải nghiệm	Cộng đồng, quản lý, thị trường và cơ chế liên kết
Phạm vi tác động	Một sản phẩm hoặc hoạt động du lịch cụ thể	Toàn bộ không gian kinh tế – xã hội – văn hóa của địa phương
Mục tiêu chính	Khám phá, cảm nhận văn hóa	Bảo tồn, sinh kế và phát triển bền vững
Tính chất vận động	Tương đối tĩnh	Động, có tính hệ thống và dài hạn

Nguồn: Tác giả phân tích và tổng hợp, 2026

Từ đối sánh trên có thể thấy, “du lịch văn hóa” chủ yếu nhấn mạnh vào cấu trúc tĩnh của loại hình, trong đó văn hóa đóng vai trò trung tâm tạo nghĩa và định vị bản sắc trải nghiệm. Ngược lại, “phát triển du lịch văn hóa” mang

tính động, phản ánh quá trình tổ chức, điều phối và tích hợp đa nguồn lực nhằm mở rộng quy mô và nâng cao hiệu quả hệ thống. Nếu khái niệm thứ nhất trả lời câu hỏi *cái gì là nền tảng của du lịch*, thì khái niệm thứ hai giải quyết câu hỏi *làm thế nào để vận hành và nâng cấp nó*. Sự phân biệt này là cơ sở để chuyển từ tư duy khai thác tài nguyên theo một chiều sang tư duy phát triển du lịch văn hóa như một hệ thống có khả năng thích ứng và duy trì bền vững.

1.2.1.2. Di sản văn hóa và tài nguyên du lịch văn hóa

*** Di sản văn hóa**

Khái niệm di sản văn hóa đã dịch chuyển đáng kể cùng với sự thay đổi của tư duy nghiên cứu văn hóa. Nếu trước đây di sản thường được nhìn như phần “tàn dư” của quá khứ cần bảo lưu, thì các tiếp cận hiện đại xem di sản như kết quả của quá trình tích lũy ký ức xã hội, kinh nghiệm lịch sử và bản sắc cộng đồng. Giá trị của di sản vì thế không chỉ nằm ở tính cổ xưa hay hình thức vật chất, mà nằm ở khả năng duy trì tính liên tục văn hóa giữa các thế hệ trong một không gian cư trú cụ thể. UNESCO (1972, 2003) đã mở rộng phạm vi tiếp cận từ di tích, công trình và cảnh quan sang các thực hành văn hóa sống như lễ hội, tập quán, nghệ thuật trình diễn và tri thức dân gian. Sự mở rộng này phản ánh thay đổi quan trọng trong nhận thức quốc tế: di sản không tồn tại tách rời con người mà gắn chặt với cộng đồng thực hành.

Ở Việt Nam, Luật Di sản văn hóa (2009) xác định di sản gồm cả vật thể và phi vật thể được lưu truyền qua nhiều thế hệ, mang giá trị lịch sử, văn hóa và khoa học. Cách tiếp cận này nhấn mạnh di sản như một môi trường lưu thông ký ức xã hội hơn là một “tài sản tĩnh”. Di sản chỉ thực sự tồn tại khi còn được cộng đồng sử dụng, kể lại và tái tạo ý nghĩa trong đời sống hiện tại. Một số nghiên cứu trong nước cũng tiếp cận di sản theo hướng gắn với bối cảnh xã hội cụ thể. Nguyễn Quốc Hùng (2012) nhìn di tích cách mạng như dấu tích của biến đổi xã hội lớn, nơi ký ức tập thể được neo giữ trong không gian vật chất. Theo hướng bổ sung, Trịnh Thị Hòa (2009) cảnh báo nguy cơ “bảo tồn hình thức” khi di sản bị tách khỏi môi trường sống, dẫn đến suy giảm chức năng văn hóa dù hình thức vật chất vẫn còn tồn tại. Trong trường hợp văn hóa Sán Dìu, Lâm Quang Hùng (2011, 2026) cho thấy hệ thống dân ca, tín ngưỡng và tập quán cư trú không tồn tại rời rạc mà được duy trì trong cấu trúc sinh

hoạt cộng đồng. Điều này gợi mở cách nhìn di sản như một cấu trúc văn hóa sống, nơi ký ức, không gian cư trú và thực hành xã hội đan xen liên tục.

Từ các tiếp cận trên, có thể hiểu di sản văn hóa là hệ thống giá trị vật thể và phi vật thể được cộng đồng tích lũy, trao truyền và tái tạo trong tiến trình lịch sử, phản ánh ký ức xã hội và bản sắc của một không gian cư trú. Di sản không đứng yên như một “tàn tích”, mà tiếp tục tham gia vào đời sống đương đại dưới nhiều hình thức biến đổi.

*** Tài nguyên du lịch văn hóa**

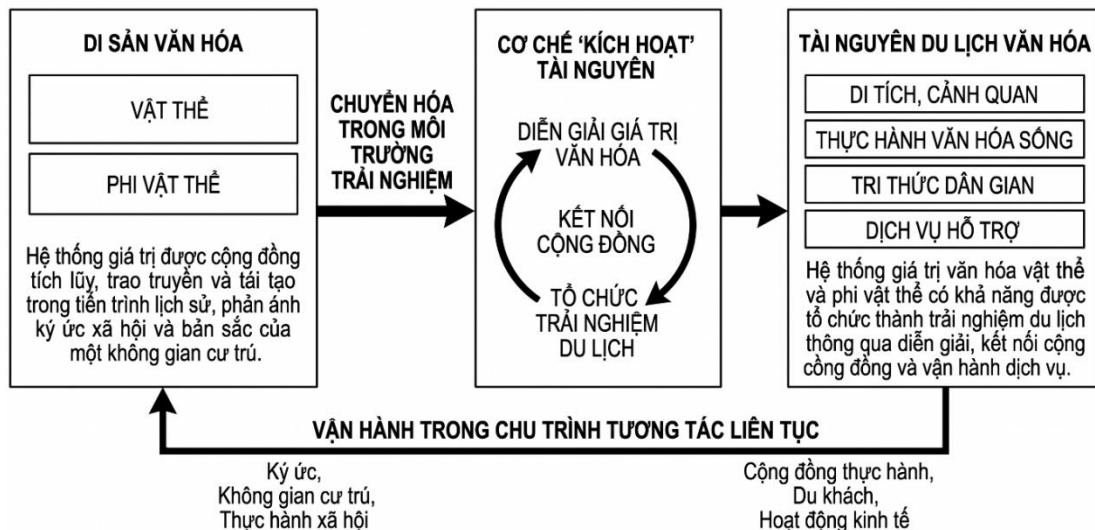
Nếu di sản văn hóa thiên về lưu giữ và xác lập bản sắc, thì tài nguyên du lịch văn hóa nhấn mạnh khả năng chuyển hóa giá trị thành trải nghiệm du lịch. Hai khái niệm có quan hệ gần nhưng không đồng nhất; không phải mọi di sản đều tự động trở thành tài nguyên du lịch nếu thiếu cơ chế tổ chức và kết nối với nhu cầu trải nghiệm.

McKercher và du Cros (2020) cho rằng việc chuyển hóa di sản thành tài nguyên du lịch thực chất là quá trình tái cấu trúc giá trị văn hóa trong môi trường trải nghiệm. Một lễ hội hay di tích chỉ thực sự trở thành tài nguyên khi được đặt trong hệ thống tương tác giữa cộng đồng, du khách và dịch vụ hỗ trợ. Do đó, sự khác biệt giữa các điểm đến được quyết định bởi số lượng tài nguyên, đồng thời bởi năng lực tổ chức và diễn giải giá trị văn hóa. Richards (2021) nhấn mạnh xu hướng chuyển từ “tham quan văn hóa” sang “trải nghiệm văn hóa”, trong đó du khách tìm kiếm mức độ tham gia nhiều hơn là quan sát. Điều này khiến năng lực kể chuyện và tổ chức trải nghiệm trở thành yếu tố quyết định trong khai thác tài nguyên văn hóa.

Ở Việt Nam, Trần Đức Thanh (2020) định nghĩa tài nguyên du lịch là toàn bộ yếu tố tự nhiên và nhân văn có khả năng phục vụ du lịch. Trong đó, tài nguyên văn hóa bao gồm di sản, phong tục, lễ hội, nghệ thuật dân gian và môi trường cộng đồng. Học giả Nguyễn Phạm Hùng (2016) nhấn mạnh rằng giá trị tài nguyên phụ thuộc vào cách tổ chức và diễn giải hơn là bản thân sự tồn tại của chúng. Hoàng Thị Thu Hương và Nguyễn Thị Hồng Vân (2021) bổ sung rằng tài nguyên văn hóa sẽ suy giảm sức sống nếu cộng đồng bị tách khỏi quá trình thực hành và kiểm soát. Nhận định này đặc biệt phù hợp với các không gian như Ngọc Thanh, nơi tài nguyên được hình thành từ hệ thống di tích, ký

ức cư trú và các thực hành văn hóa của cộng đồng Sán Dìu.

Từ đó, tài nguyên du lịch văn hóa có thể được hiểu là hệ thống giá trị văn hóa vật thể và phi vật thể có khả năng được tổ chức thành trải nghiệm du lịch thông qua diễn giải, kết nối cộng đồng và vận hành dịch vụ. Khác với di sản thiên về lưu giữ ký ức, tài nguyên nhấn mạnh năng lực chuyển hóa giá trị văn hóa thành động lực phát triển du lịch.



Hình 1.2. Mối tương quan giữa Di sản văn hoá và Tài nguyên du lịch văn hoá

Nguồn: Tác giả phân tích, 2026

Mối tương quan giữa Di sản văn hoá và Tài nguyên du lịch văn hoá trong Hình 1.2 cho thấy di sản văn hóa và tài nguyên du lịch văn hóa không tồn tại như hai thực thể tách biệt mà vận hành trong một chu trình chuyển hóa liên tục. Di sản, với tư cách là hệ thống giá trị được tích lũy trong lịch sử, chỉ được “kích hoạt” thành tài nguyên khi đi vào các cơ chế diễn giải, kết nối cộng đồng và tổ chức trải nghiệm.

1.2.1.3. Sản phẩm và dịch vụ du lịch văn hóa

Theo Luật Du lịch năm 2017, sản phẩm du lịch là tập hợp các dịch vụ được tạo ra trên cơ sở khai thác giá trị tài nguyên du lịch nhằm đáp ứng nhu cầu của khách du lịch. Cách tiếp cận này xác định mối quan hệ trực tiếp giữa tài nguyên du lịch và quá trình hình thành sản phẩm, trong đó các giá trị văn hóa là một bộ phận của tài nguyên được khai thác để tạo ra sản phẩm phục vụ du khách.

Ở phạm vi quốc tế, UN Tourism tiếp cận sản phẩm du lịch theo nghĩa rộng hơn, bao gồm sự kết hợp giữa các yếu tố hữu hình và vô hình như tài nguyên tự nhiên, văn hóa, tài nguyên do con người tạo ra, điểm hấp dẫn, cơ sở vật chất, dịch vụ và hoạt động được tổ chức xoay quanh một trọng tâm nhất định nhằm tạo nên trải nghiệm tổng thể cho du khách. Cách tiếp cận này cho thấy sản phẩm du lịch không chỉ là một dịch vụ riêng lẻ mà là sự kết hợp của nhiều thành tố để tạo thành trải nghiệm tại điểm đến.

Đối với lĩnh vực văn hóa và di sản, ICOMOS (2022) tiếp cận du lịch di sản văn hóa theo phạm vi bao gồm các hoạt động du lịch diễn ra tại những địa điểm và điểm đến di sản, gắn với sự đa dạng và mối quan hệ giữa các giá trị vật thể, phi vật thể, văn hóa, tự nhiên, quá khứ và đương đại. ICOMOS đồng thời nhấn mạnh rằng các sản phẩm và dịch vụ văn hóa – du lịch cần phù hợp với bản sắc của địa điểm và cộng đồng, trong đó hoạt động du lịch phải được quản lý có trách nhiệm để góp phần bảo vệ di sản và bảo đảm sự tham gia của cộng đồng.

Từ các cách tiếp cận trên có thể thấy, tài nguyên văn hóa không đồng nhất với sản phẩm du lịch văn hóa. Các giá trị như di tích, lễ hội, nghệ thuật trình diễn, phong tục, tín ngưỡng, ẩm thực hay tri thức bản địa mới là nền tảng tài nguyên. Để trở thành sản phẩm du lịch, những giá trị này cần được lựa chọn, tổ chức, diễn giải và kết nối với các dịch vụ, hoạt động phù hợp để hình thành trải nghiệm mà du khách có thể tiếp cận và tham gia. Quá trình đó đồng thời phải chú ý đến bảo tồn giá trị văn hóa, tính xác thực và lợi ích của cộng đồng tại điểm đến.

Từ đó, trong phạm vi luận văn này, sản phẩm du lịch văn hóa được hiểu là kết quả của quá trình tổ chức và chuyển hóa các giá trị văn hóa vật thể, phi vật thể và môi trường văn hóa cộng đồng thành hệ thống dịch vụ, hoạt động và trải nghiệm phục vụ khách du lịch, trên cơ sở bảo đảm sự hài hòa giữa khai thác du lịch, bảo tồn giá trị văn hóa và sự tham gia của cộng đồng địa phương.

Khái niệm này được sử dụng làm cơ sở để phân tích quá trình chuyển hóa hai nhóm tài nguyên văn hóa trọng tâm tại Ngọc Thanh, gồm giá trị văn hóa của cộng đồng Sán Dìu và giá trị lịch sử – cách mạng của Chiến khu Ngọc Thanh, thành các sản phẩm và trải nghiệm du lịch phù hợp với đặc điểm của địa bàn nghiên cứu.

*** Dịch vụ du lịch văn hóa**

Nếu sản phẩm du lịch văn hóa phản ánh cấu trúc tổng thể của trải nghiệm du lịch, thì dịch vụ du lịch văn hóa lại là bộ phận trực tiếp tạo ra khả năng vận hành của trải nghiệm ấy trong thực tế. Nói cách khác, tài nguyên văn hóa chỉ trở thành sản phẩm du lịch khi được trung gian hóa thông qua hệ thống dịch vụ phù hợp.

Trần Đức Thanh (2020) cho rằng dịch vụ du lịch là toàn bộ hoạt động phục vụ nhằm đáp ứng nhu cầu lưu trú, tham quan, vận chuyển, ăn uống, hướng dẫn và trải nghiệm của khách du lịch. Song, đối với du lịch văn hóa, dịch vụ không đơn thuần dừng ở chức năng phục vụ vật chất. Giá trị của dịch vụ nằm ở khả năng truyền tải ý nghĩa văn hóa và tạo lập môi trường trải nghiệm cho du khách.

Baker (1995), khi nghiên cứu khai thác các điểm đến lịch sử, cho rằng hoạt động thuyết minh và diễn giải giữ vị trí đặc biệt trong dịch vụ du lịch văn hóa bởi đây là cầu nối giữa tài nguyên và nhận thức của du khách. Một di tích lịch sử có thể rất giàu giá trị tư liệu, nhưng nếu thiếu hệ thống diễn giải phù hợp thì trải nghiệm du lịch dễ trở nên khô cứng và rời rạc. Quan điểm này cho thấy dịch vụ du lịch văn hóa không đơn thuần là “dịch vụ hỗ trợ”, nó còn tham gia trực tiếp vào quá trình tái hiện và truyền tải giá trị văn hóa.

Boniface (1995) tiếp tục mở rộng vấn đề khi cho rằng chất lượng của dịch vụ du lịch văn hóa phụ thuộc nhiều vào khả năng duy trì sự cân bằng giữa nhu cầu tiêu dùng du lịch và môi trường văn hóa bản địa. Nếu dịch vụ vận hành hoàn toàn theo logic thương mại, không gian văn hóa dễ bị chuyển thành “sân khấu trình diễn”, nơi cộng đồng chỉ còn đóng vai trò phục vụ khách tham quan. Đây là một trong những thách thức phổ biến của nhiều mô hình du lịch cộng đồng hiện nay.

Trong các nghiên cứu về du lịch văn hóa cộng đồng ở Việt Nam, Hoàng Thị Thu Hương và Nguyễn Thị Hồng Vân (2021) cho rằng dịch vụ du lịch văn hóa chỉ duy trì được sức sống khi cư dân địa phương tiếp tục giữ vai trò chủ thể trong quá trình thực hành văn hóa. Điều này đặc biệt quan trọng với những địa bàn có tài nguyên văn hóa sống như Ngọc Thanh, nơi trải nghiệm du lịch gắn trực tiếp với đời sống cư dân, ký ức chiến khu và môi trường văn hóa Sán Dìu.

Từ cách tiếp cận trên, dịch vụ du lịch văn hóa có thể được hiểu là toàn bộ hoạt động phục vụ và tổ chức trải nghiệm nhằm kết nối du khách với môi trường văn hóa địa phương. Khác với dịch vụ du lịch thông thường thiên về đáp ứng nhu cầu vật chất, dịch vụ du lịch văn hóa còn tham gia vào quá trình diễn giải, truyền tải và tái tạo ý nghĩa văn hóa trong trải nghiệm của du khách.

1.2.2. Bảo tồn và phát huy giá trị văn hóa trong phát triển du lịch

1.2.2.1. Bảo tồn giá trị văn hóa

Bảo tồn di sản văn hóa không thể được hiểu như một nỗ lực giữ nguyên trạng các biểu hiện văn hóa trong một trạng thái tĩnh, tách biệt khỏi đời sống xã hội. Thực tiễn nghiên cứu di sản cho thấy, di sản chỉ tồn tại khi nó còn được thực hành, được diễn giải và được tái tạo trong những bối cảnh xã hội cụ thể. Vì vậy, bảo tồn trong logic khoa học hiện đại nghiêng về duy trì tính liên tục của các thực hành văn hóa hơn là đóng băng hình thức biểu đạt của chúng. Quan điểm này đặc biệt quan trọng khi đặt di sản trong mối quan hệ với du lịch, nơi các giá trị văn hóa thường chịu áp lực tái cấu trúc theo nhu cầu trải nghiệm.

Trong tiếp cận của UNESCO (2003), di sản văn hóa phi vật thể được xem là những thực hành, biểu đạt, tri thức và kỹ năng mang tính sống động, được cộng đồng thừa nhận như một phần bản sắc. Cách hiểu này mở rộng phạm vi bảo tồn sang không gian xã hội của cộng đồng chủ thể, thay vì giới hạn trong phạm vi vật thể hoặc hồ sơ hóa. Điều đó cũng đồng nghĩa rằng, nếu tách di sản khỏi môi trường thực hành của nó, bản thân đối tượng bảo tồn sẽ dần mất đi cấu trúc ý nghĩa vốn có.

Ở cấp độ quản trị, McKercher và du Cros (2020) nhấn mạnh sự căng thẳng giữa yêu cầu bảo tồn và sức ép khai thác. Di sản khi được đưa vào hoạt động du lịch thường bị tái định hình theo logic thị trường, trong đó tính dễ tiếp cận và khả năng trình diễn có xu hướng được ưu tiên. Nếu quá trình này không được kiểm soát, di sản dễ bị giản lược thành sản phẩm tiêu dùng văn hóa, làm suy giảm chiều sâu lịch sử và tính xác thực xã hội của nó. Bảo tồn trong trường hợp này không còn là hoạt động kỹ thuật thuần túy mà trở thành một quá trình điều tiết quan hệ quyền lực giữa cộng đồng, nhà quản lý và thị trường du lịch.

Từ góc độ thực tiễn Việt Nam, Luật Di sản văn hóa (2009) xác lập nguyên tắc bảo vệ đồng thời cả di sản vật thể và phi vật thể như hai cấu phần hữu cơ của một chỉnh thể văn hóa. Trong thực tế triển khai, sự phân tách giữa hai loại hình này vẫn tạo ra những khoảng trống nhất định trong quản lý, đặc biệt khi các hoạt động du lịch tập trung nhiều hơn vào yếu tố vật thể để khai thác. Điều này đặt ra yêu cầu phải tiếp cận bảo tồn như một tiến trình tích hợp, trong đó không gian văn hóa, cộng đồng thực hành và cơ chế truyền nối tri thức cần được xem xét đồng thời.

1.2.2.2. Phát huy giá trị văn hóa trong du lịch

Phát huy giá trị di sản văn hóa thường được tiếp cận như quá trình chuyển hóa các giá trị văn hóa sang những hình thức có khả năng tạo ra tác động xã hội và kinh tế. Nếu chỉ giới hạn trong phạm vi khai thác kinh tế, phát huy dễ bị đồng nhất với thương mại hóa, dẫn đến nguy cơ làm nghèo hóa nội dung văn hóa. Do đó, phát huy trong nghiên cứu hiện đại cần được hiểu rộng hơn như một quá trình mở rộng không gian tồn tại của di sản trong đời sống đương đại.

UNESCO (2022) và UNWTO (2024) đều nhấn mạnh xu hướng dịch chuyển từ tiếp cận di sản như “tài nguyên khai thác” sang “hệ sinh thái văn hóa – sáng tạo”, trong đó di sản trở thành nền tảng cho các hoạt động sáng tạo, giáo dục và phát triển cộng đồng. Trong logic này, giá trị di sản không nằm cố định trong bản thân hiện vật hay thực hành, mà được tái sản xuất thông qua tương tác giữa cộng đồng, du khách và các thiết chế văn hóa.

Ở góc độ kinh tế - xã hội, OECD (2022) cho rằng các giá trị văn hóa nếu được tích hợp hợp lý vào chiến lược phát triển địa phương có thể tạo ra hiệu ứng lan tỏa đối với việc làm, sinh kế và cấu trúc kinh tế vùng. Dưới góc nhìn này, hiệu ứng kinh tế - xã hội chỉ bền vững khi cộng đồng địa phương vẫn giữ vai trò chủ thể trong việc định nghĩa và thực hành di sản. Khi quyền diễn giải bị dịch chuyển hoàn toàn sang các chủ thể bên ngoài, di sản có xu hướng bị định hình lại theo nhu cầu thị trường hơn là nhu cầu văn hóa nội sinh.

Trong thực tiễn du lịch văn hóa, Richards (2021) chỉ ra rằng phát huy giá trị di sản đang chuyển dần từ mô hình “trình diễn văn hóa” sang “tương tác trải nghiệm”. Sự chuyển dịch này kéo theo thay đổi trong cách tổ chức sản

phẩm du lịch, nơi du khách vừa quan sát vừa tham gia vào các quá trình văn hóa đang vận hành. Điều đó khiến phát huy giá trị di sản không còn là hoạt động một chiều, mà trở thành quá trình đồng kiến tạo giữa nhiều chủ thể.

Ở Việt Nam, Bùi Hoài Sơn (2022) cho rằng phát huy giá trị di sản gắn với phát triển công nghiệp văn hóa cần được đặt trong cấu trúc cân bằng giữa bảo tồn bản sắc và mở rộng khả năng sáng tạo. Nếu chỉ nhấn mạnh yếu tố kinh tế, di sản dễ bị rút gọn thành “nguồn lực đầu vào”; ngược lại, nếu quá nhấn mạnh tính nguyên trạng, di sản có nguy cơ bị cô lập khỏi đời sống đương đại. Vì vậy, phát huy giá trị thực chất là quá trình dung hòa giữa yêu cầu duy trì truyền thống và nhu cầu thích ứng với đời sống hiện đại, giữa vai trò chủ thể của cộng đồng và tác động của thị trường.

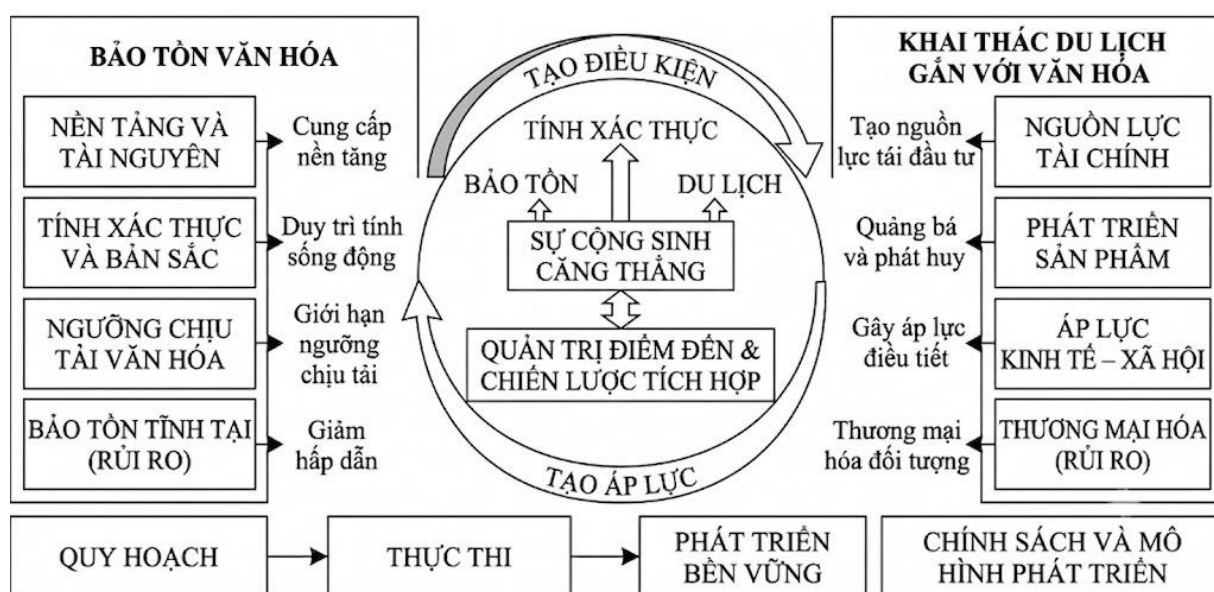
1.2.2.3. Mối quan hệ giữa bảo tồn văn hóa và khai thác du lịch gắn với các giá trị văn hóa

Quan hệ giữa bảo tồn văn hóa và khai thác du lịch không vận hành theo logic song song độc lập, mà tồn tại trong trạng thái tương tác liên tục, nơi mỗi bên vừa tạo điều kiện vừa tạo áp lực cho bên còn lại. Du lịch, với tư cách là một hệ thống kinh tế – xã hội, vừa có khả năng tạo nguồn lực cho bảo tồn, vừa có thể làm biến dạng đối tượng nếu thiếu cơ chế điều tiết phù hợp. Ngược lại, bảo tồn cung cấp nền tảng tài nguyên và tính xác thực cho du lịch, nhưng cũng có thể giới hạn khả năng phát triển sản phẩm nếu bị hiểu theo hướng tĩnh tại.

McKercher và du Cros (2020) phân tích mối quan hệ này như một dạng “cộng sinh căng thẳng”, trong đó mức độ bền vững phụ thuộc vào năng lực quản trị điểm đến và khả năng duy trì ngưỡng chịu tải văn hóa. Khi áp lực du lịch vượt quá khả năng thích ứng của cộng đồng, di sản có xu hướng bị thương mại hóa và tái cấu trúc theo nhu cầu thị trường. Ngược lại, nếu bảo tồn được đặt trong trạng thái bảo thủ, di sản có thể mất đi tính sống động và giảm khả năng hấp dẫn du lịch.

Ở góc độ chính sách, UNWTO & UNESCO (2018) nhấn mạnh rằng du lịch văn hóa chỉ có thể phát triển bền vững khi được tích hợp vào chiến lược bảo tồn di sản ngay từ giai đoạn quy hoạch. Điều này đòi hỏi phải chuyển từ tư duy khai thác tài nguyên sang tư duy quản trị di sản tổng hợp, trong đó các yếu tố vật thể, phi vật thể, cộng đồng và thị trường được xem xét trong mối quan hệ tương tác với nhau.

Trong thực tiễn Việt Nam, Nghị quyết 08-NQ/TW về phát triển du lịch trở thành ngành kinh tế mũi nhọn đã xác lập định hướng khai thác giá trị di sản văn hóa gắn với bảo tồn. Tuy vậy, khoảng cách giữa chủ trương và thực thi vẫn thể hiện rõ ở cấp địa phương, nơi áp lực tăng trưởng du lịch đôi khi lấn át yêu cầu duy trì tính xác thực văn hóa. Điều này cho thấy mối quan hệ giữa bảo tồn và khai thác không chỉ là vấn đề kỹ thuật quản lý mà còn là vấn đề lựa chọn mô hình phát triển.



Hình 1.3. Mối quan hệ giữa Bảo tồn văn hóa và Khai thác du lịch gắn với giá trị văn hóa

Nguồn: Tác giả phân tích, 2026

Từ tổng hợp các tiếp cận lý luận và thực tiễn, có thể nhận thấy rằng tính bền vững của du lịch văn hóa không phụ thuộc vào việc ưu tiên tuyệt đối bảo tồn hay khai thác, mà nằm ở khả năng tổ chức hài hòa mối quan hệ giữa hai quá trình này. Trong mối quan hệ đó, di sản vừa là đối tượng cần được bảo vệ, vừa là nguồn lực có thể được phát huy trong hoạt động du lịch, đồng thời phản ánh sự gắn kết giữa các giá trị xã hội, kinh tế và văn hóa.

1.2.3. Phát triển du lịch văn hóa theo định hướng bền vững

1.2.3.1. Nội dung phát triển du lịch văn hóa

Phát triển du lịch văn hóa trong định hướng bền vững thực chất là quá trình tổ chức lại toàn bộ cấu trúc vận hành của điểm đến, nơi các yếu tố văn hóa không còn tồn tại như nguồn tài nguyên tĩnh mà được tái cấu trúc thành

một hệ thống tương tác liên tục giữa giá trị, con người và thị trường. Khi quan sát ở cấp độ hệ thống, có thể nhận thấy sự vận hành này thường bị chi phối đồng thời bởi các lực tác động khác nhau, trong đó mỗi thành tố vừa tạo điều kiện, vừa tạo sức ép lên các thành tố còn lại.

- *Cung du lịch văn hoá*: Trong cấu trúc tổng thể, cung du lịch văn hóa không thể được hiểu giản đơn như tập hợp di sản hay số lượng tài nguyên sẵn có. Vấn đề nằm ở cơ chế “kích hoạt giá trị”, tức quá trình lựa chọn, diễn giải và định hình lại không gian văn hóa để nó trở thành đối tượng có thể tiếp nhận trong hoạt động du lịch. McKercher và du Cros (2020) đã chỉ ra rằng khoảng cách giữa tài nguyên và sản phẩm không mang tính tự nhiên; nó được tạo ra bởi năng lực tổ chức và cách thức diễn giải. Điều này lý giải vì sao cùng một di sản nhưng có nơi trở thành điểm đến có sức hút, trong khi nơi khác lại tồn tại ở trạng thái “tiềm năng chưa được hiện thực hóa”.

- *Cầu du lịch văn hoá*: Đối diện với cấu trúc cung là cầu du lịch văn hóa, vốn mang tính biến động mạnh và chịu ảnh hưởng trực tiếp từ sự thay đổi trong hành vi tiêu dùng văn hóa đương đại. Richards (2021) lưu ý rằng du khách hiện đại ngày càng rời xa mô hình quan sát thụ động, thay vào đó tìm kiếm trải nghiệm có tính tham dự và đồng kiến tạo. Sự dịch chuyển này khiến cầu du lịch văn hóa không còn ổn định theo nghĩa truyền thống, mà mang tính phân tán, khó dự báo và dễ thay đổi theo bối cảnh truyền thông – xã hội. Khi cầu thay đổi nhanh hơn khả năng thích ứng của cung, sự chênh lệch trong cấu trúc sản phẩm là điều khó tránh khỏi.

- *Cơ sở hạ tầng và vật chất kỹ thuật phục vụ du lịch văn hoá*: Nếu cung và cầu tạo nên động lực thị trường, thì cơ sở hạ tầng và vật chất kỹ thuật lại định hình khung giới hạn của toàn bộ hệ thống. Trong không gian di sản, hạ tầng không trung tính về mặt thẩm mỹ và biểu tượng. OECD (2022) nhấn mạnh rằng các can thiệp hạ tầng có thể tạo ra sự tái cấu trúc cảnh quan văn hóa, đôi khi làm gián đoạn tính liên tục lịch sử của không gian. Điều này cho thấy hạ tầng vừa giữ vai trò hỗ trợ hoạt động du lịch, vừa có khả năng tác động đến cấu trúc và chất lượng trải nghiệm di sản nếu quá trình phát triển không được kiểm soát phù hợp với đặc trưng cảnh quan.

- *Dịch vụ hỗ trợ cho du lịch văn hoá*: hình thành tầng trung gian giữa tài nguyên và trải nghiệm. Trong thực tế vận hành du lịch văn hóa, đây là nơi diễn ra quá trình “dịch mã văn hóa” sang ngôn ngữ có thể tiếp nhận bởi du khách. Baker (1995) cho rằng các hoạt động diễn giải, đặc biệt là hướng dẫn và thuyết minh, không đơn thuần truyền tải thông tin mà tham gia vào việc cấu trúc nhận thức của du khách về di sản. Khi tầng dịch vụ này yếu, di sản dù giàu giá trị lịch sử vẫn dễ bị cảm nhận như một đối tượng rời rạc, thiếu chiều sâu.

- *Sự tham gia của cộng đồng địa phương*: Là một biến số mang tính quyết định. Trong nhiều mô hình phát triển, cộng đồng bị đặt ở vị trí thực thi thay vì đồng kiến tạo, dẫn đến sự tách rời giữa đời sống văn hóa thực và sản phẩm du lịch. Hoàng Thị Thu Hương và Nguyễn Thị Hồng Vân (2021) cho thấy khi cộng đồng không còn giữ vai trò chủ động trong thực hành văn hóa, tính liên tục của di sản bị gián đoạn, kéo theo sự suy giảm về tính xác thực trong trải nghiệm du lịch.

- *Quản lý và xúc tiến điểm đến du lịch văn hoá*: Trên bình diện điều phối tổng thể, quản lý và xúc tiến điểm đến giữ vai trò định hình logic phát triển. Evans (2001) cho rằng quản trị điểm đến văn hóa không thể dừng ở hoạt động quảng bá hình ảnh, mà phải bao gồm cả việc kiểm soát sức chứa văn hóa và định hướng hành vi tiêu dùng du lịch. Khi xúc tiến được tách rời khỏi quản lý tài nguyên, điểm đến có xu hướng rơi vào trạng thái tăng trưởng phi kiểm soát, nơi sức ép thị trường vượt qua năng lực thích ứng của hệ thống văn hóa địa phương.

Nhìn nhận một cách toàn diện, các cấu phần này không vận hành như những yếu tố độc lập có thể cộng gộp một cách cơ học, mà tồn tại trong quan hệ tương tác và chi phối lẫn nhau; sự thay đổi của một yếu tố có thể ảnh hưởng đến nhiều thành tố khác trong toàn bộ hệ thống. Chính đặc điểm này khiến phát triển du lịch văn hóa theo định hướng bền vững trở thành một bài toán điều phối phức tạp hơn là một tiến trình tăng trưởng đơn thuần.

1.2.3.2. Các chủ thể tham gia phát triển du lịch văn hóa

Cấu trúc chủ thể trong phát triển du lịch văn hóa không vận hành theo mô hình tuyến tính giữa “người cung cấp” và “người tiêu dùng”, mà hình thành một mạng lưới tương tác đa tầng, trong đó mỗi chủ thể đồng thời đảm

nhiệm nhiều vai trò khác nhau tùy theo bối cảnh và cấp độ can thiệp. Tính phức hợp này cho thấy phát triển du lịch văn hóa là quá trình có sự tham gia và tác động qua lại của nhiều chủ thể. Trong quá trình đó, các bên liên quan cần thống nhất cách xác định giá trị di sản, cách khai thác di sản trong hoạt động du lịch và cách diễn giải di sản cho du khách.

Trong hệ thống đó, cộng đồng địa phương là chủ thể mang tính nền tảng, bởi họ đồng thời là người nắm giữ, thực hành và tái sản xuất các giá trị văn hóa trong đời sống thường nhật. Các nghiên cứu nhân học du lịch cho thấy trong nội bộ cộng đồng luôn tồn tại sự phân tầng về quyền lực, mức độ tham gia và khả năng tiếp cận lợi ích từ du lịch (Smith, 1977). Điều này dẫn đến thực trạng trong nhiều điểm đến, một bộ phận nhỏ trong cộng đồng tham gia trực tiếp vào chuỗi giá trị du lịch, trong khi phần còn lại giữ vai trò gián tiếp hoặc thậm chí bị loại trừ khỏi quá trình ra quyết định. Khi cấu trúc này không được nhận diện đầy đủ, khái niệm “du lịch dựa vào cộng đồng” dễ trở thành một diễn ngôn mang tính hình thức hơn là một cơ chế vận hành thực chất.

Doanh nghiệp du lịch là chủ thể trung gian hóa giá trị văn hóa thành sản phẩm có khả năng trao đổi trên thị trường. Vai trò của doanh nghiệp thể hiện ở việc tổ chức tour tuyến, cung ứng dịch vụ và định hình lại trải nghiệm văn hóa theo nhu cầu tiêu dùng của thị trường du lịch. Chính quá trình trung gian hóa này cũng tạo ra một nghịch lý: càng mở rộng khả năng tiếp cận thị trường, nguy cơ giản lược hoặc tái định nghĩa sai lệch giá trị văn hóa càng gia tăng. McKercher và du Cros (2020) cho rằng doanh nghiệp thường chịu áp lực kép giữa yêu cầu lợi nhuận và yêu cầu duy trì tính xác thực của di sản, dẫn đến xu hướng “đóng gói văn hóa” theo những tiêu chuẩn dễ tiêu thụ hơn là phản ánh đầy đủ bối cảnh văn hóa gốc.

Ở tầng quản trị vĩ mô, nhà nước và các cơ quan quản lý điểm đến giữ vai trò thiết lập khung thể chế và điều tiết quan hệ giữa các chủ thể. Trong thực tiễn phát triển du lịch văn hóa, chức năng này bao gồm việc ban hành chính sách, kiến tạo không gian phát triển thông qua quy hoạch, kiểm soát tải trọng và định hướng đầu tư. UNWTO (2024) nhấn mạnh rằng hiệu quả của quản trị điểm đến phụ thuộc vào mức độ phối hợp giữa các cấp quản lý và khả năng tích hợp mục tiêu văn hóa vào chiến lược phát triển kinh tế. Khi sự phối hợp này lỏng lẻo, hệ thống

để rơi vào trạng thái phân tán/rời rạc, trong đó các quyết định phát triển thiếu tính nhất quán và khó đảm bảo tính bền vững dài hạn.

Du khách là chủ thể có tính biến động cao nhất trong toàn bộ hệ thống, đồng thời cũng là nhân tố tạo ra áp lực điều chỉnh mạnh mẽ đối với cấu trúc sản phẩm. Sự thay đổi trong động cơ du lịch văn hóa, từ tìm hiểu tri thức sang tìm kiếm trải nghiệm, đã làm biến đổi sâu sắc cách thức tổ chức hoạt động du lịch (Richards, 2021). Du khách không còn chỉ là người tiếp nhận giá trị, mà trong nhiều trường hợp trở thành một thành phần tham gia vào quá trình sản xuất trải nghiệm. Nhưng mức độ tham gia này không đồng đều; nó phụ thuộc vào khả năng thiết kế sản phẩm và mức độ mở của không gian văn hóa.

Bên cạnh các chủ thể chính, các tổ chức phi chính phủ, giới nghiên cứu và thiết chế văn hóa cũng tham gia vào quá trình phát triển du lịch văn hóa với vai trò hỗ trợ tri thức, phản biện và giám sát. Các chủ thể này thường không trực tiếp tham gia vào hoạt động thị trường, nhưng lại có ảnh hưởng đáng kể đến cách thức diễn giải di sản và định hình chuẩn mực bảo tồn. Trong nhiều trường hợp, chính các nghiên cứu học thuật và khuyến nghị chính sách từ các tổ chức quốc tế như UNESCO hay OECD đã trở thành cơ sở để điều chỉnh cách tiếp cận phát triển du lịch văn hóa ở cấp quốc gia và địa phương.

Tổng hợp các lớp chủ thể cho thấy phát triển du lịch văn hóa không phải là kết quả của một trung tâm quyền lực duy nhất, mà là sản phẩm của quá trình tương tác đa chiều giữa các nhóm lợi ích và hệ giá trị khác nhau. Sự bền vững của hệ thống phụ thuộc vào khả năng phối hợp hài hòa giữa các chủ thể này, đặc biệt trong bối cảnh lợi ích kinh tế có xu hướng chi phối mạnh các giá trị văn hóa truyền thống trong quá trình vận hành điểm đến.

1.2.3.3. Các trụ cột trong phát triển du lịch văn hóa bền vững

Phát triển du lịch văn hóa bền vững là quá trình duy trì sự cân bằng lâu dài giữa hiệu quả kinh tế, bảo tồn các giá trị văn hóa – xã hội, bảo vệ môi trường và nâng cao năng lực quản trị điểm đến. Các phương diện này không chỉ là tiêu chí đánh giá kết quả mà còn là những nền tảng chi phối toàn bộ quá trình tổ chức, khai thác và phát triển du lịch văn hóa. Văn hóa được hình thành, thực hành và trao truyền trong đời sống cộng đồng nên khó tách biệt hoàn toàn khỏi các quan hệ xã hội. Bảo tồn văn hóa vì thế không chỉ là bảo vệ

di tích, hiện vật hoặc hình thức biểu đạt, mà còn phải duy trì cộng đồng nắm giữ di sản, môi trường thực hành, quyền tham gia và khả năng truyền nối giữa các thế hệ. Trên cơ sở đó, phát triển du lịch văn hóa bền vững được xác lập trên bốn trụ cột gồm: kinh tế, văn hóa – xã hội, môi trường và quản trị.

- *Trụ cột kinh tế*: phản ánh khả năng chuyển hóa giá trị văn hóa thành nguồn lực tạo doanh thu, việc làm và sinh kế ổn định cho địa phương. Tuy nhiên, bền vững kinh tế không đồng nhất với việc gia tăng nhanh số lượng khách hoặc doanh thu trong ngắn hạn, mà được thể hiện ở chất lượng tăng trưởng, khả năng duy trì hoạt động lâu dài và mức độ phân phối lợi ích hợp lý giữa các chủ thể. OECD (2022) cho rằng một mô hình du lịch vẫn có thể thiếu bền vững dù doanh thu tăng nếu phần lớn giá trị kinh tế bị chuyển ra ngoài địa phương hoặc cộng đồng phụ thuộc quá nhiều vào các chủ thể trung gian. Vì vậy, cần phát triển chuỗi giá trị bản địa, khuyến khích người dân tham gia cung cấp lưu trú, ẩm thực, hướng dẫn, sản phẩm thủ công và trải nghiệm văn hóa. Một phần nguồn thu cần được tái đầu tư cho bảo tồn di sản, truyền dạy văn hóa, đào tạo nhân lực và cải thiện hạ tầng. Đồng thời, điểm đến cần đa dạng hóa sản phẩm và thị trường khách để hạn chế phụ thuộc vào mùa vụ hoặc một loại hình du lịch nhất định.

- *Trụ cột văn hóa – xã hội*: giữ vị trí trung tâm vì văn hóa không tồn tại tách rời cộng đồng mà được duy trì thông qua các quan hệ và thực hành xã hội. Trụ cột này hướng tới bảo vệ tính xác thực, tính toàn vẹn và sức sống của di sản; đồng thời bảo đảm vai trò chủ thể, quyền tham gia và lợi ích của cộng đồng địa phương. Bảo tồn không có nghĩa là giữ văn hóa trong trạng thái bất biến, mà là bảo đảm quá trình thích ứng vẫn duy trì được ý nghĩa, chức năng xã hội và logic văn hóa nội sinh. McKercher và du Cros (2020) cho rằng tính xác thực của di sản được hình thành trong quá trình cộng đồng, cơ quan quản lý, doanh nghiệp và du khách cùng lựa chọn, diễn giải và sử dụng các giá trị văn hóa. Dưới sức ép thị trường, các thực hành văn hóa có thể bị giản lược, tiêu chuẩn hóa hoặc sân khấu hóa. Do đó, hoạt động du lịch phải tôn trọng bối cảnh di sản, bảo đảm nội dung diễn giải chính xác và không khai thác các yếu tố thiêng, riêng tư hoặc nhạy cảm khi chưa có sự đồng thuận của cộng đồng.

Về phương diện xã hội, người dân cần được tham gia từ khâu lựa chọn giá trị khai thác, thiết kế sản phẩm, tổ chức dịch vụ đến giám sát tác động và phân phối lợi ích. Smith (1977) chỉ ra rằng lợi ích du lịch thường tập trung vào những nhóm có khả năng tiếp cận vốn, thông tin và thị trường tốt hơn, từ đó có thể làm gia tăng bất bình đẳng và thay đổi quan hệ xã hội truyền thống. Vì vậy, cần xây dựng cơ chế chia sẻ lợi ích minh bạch, tạo cơ hội tham gia cho nghệ nhân, phụ nữ, người cao tuổi, thanh niên và các hộ có điều kiện kinh tế hạn chế. Hoạt động du lịch cũng không được xâm phạm quá mức đời sống thường nhật, quyền riêng tư, không gian tín ngưỡng và quyền tiếp cận di sản của cư dân.

- *Trụ cột môi trường*: bao gồm cả môi trường tự nhiên và cảnh quan văn hóa của điểm đến. Trong du lịch văn hóa, môi trường không chỉ là không gian bao quanh di sản mà còn trực tiếp cấu thành giá trị di sản. Cấu trúc làng bản, kiến trúc, cảnh quan sản xuất, rừng, mặt nước, đường làng và các địa điểm gắn với ký ức cộng đồng đều góp phần tạo nên bản sắc điểm đến. UNESCO (1972) và ICOMOS (1999) cảnh báo rằng giá trị di sản có thể bị suy giảm do ô nhiễm, quá tải khách, xây dựng thiếu kiểm soát, thay đổi sử dụng đất hoặc phá vỡ tính liên tục lịch sử của không gian. Vì vậy, hoạt động du lịch phải phù hợp với sức chứa vật lý, sinh thái, xã hội và văn hóa của điểm đến. Việc đầu tư hạ tầng cần hài hòa với cảnh quan, hạn chế bê tông hóa và kiến trúc ngoại lai; đồng thời kiểm soát chất thải, tiếng ồn, giao thông, sử dụng nước và năng lượng. Nếu không được quản lý phù hợp, di sản có thể vẫn tồn tại về mặt vật thể nhưng bị tách khỏi bối cảnh lịch sử và suy giảm ý nghĩa văn hóa.

- *Trụ cột quản trị*: phản ánh năng lực tổ chức, phối hợp và kiểm soát quá trình phát triển du lịch văn hóa. Nội dung trọng tâm gồm phân định rõ trách nhiệm và quyền lợi giữa chính quyền, cộng đồng, doanh nghiệp cùng các bên liên quan; bảo đảm tính minh bạch và sự tham gia thực chất của cộng đồng trong quá trình ra quyết định. Quản trị bền vững đòi hỏi hoạt động du lịch phải được tổ chức theo quy hoạch, phù hợp với sức chứa và được giám sát thường xuyên. UNWTO (2024) nhấn mạnh rằng hiệu quả quản trị điểm đến phụ thuộc vào mức độ phối hợp giữa các cấp quản lý và khả năng tích hợp mục tiêu văn hóa vào chiến lược phát triển kinh tế. Trên cơ sở dữ liệu thực tiễn, cơ quan quản lý cần kịp thời điều chỉnh quy mô khai thác, xử lý xung đột

lợi ích, kiểm soát tác động tiêu cực và bảo đảm một phần nguồn thu được tái đầu tư cho di sản, cộng đồng và môi trường. Trụ cột quản trị vì thế giữ vai trò kết nối và điều tiết ba trụ cột còn lại.

Như vậy, bốn trụ cột kinh tế, văn hóa – xã hội, môi trường và quản trị tạo thành một cấu trúc thống nhất. Tăng trưởng kinh tế thiếu quản trị có thể dẫn đến khai thác quá mức; bảo tồn văn hóa không gắn với sinh kế khó duy trì lâu dài; bảo vệ môi trường thiếu sự tham gia của cộng đồng khó đạt hiệu quả; còn quản trị không dựa trên đặc trưng văn hóa địa phương dễ trở nên hành chính và hình thức. Tính bền vững vì thế được hiểu là năng lực duy trì sự cân bằng động giữa bốn trụ cột thông qua quy hoạch, phối hợp đa chủ thể, giám sát dựa trên dữ liệu và điều chỉnh thường xuyên.

1.2.3.4. Nguyên tắc phát triển du lịch văn hoá theo định hướng bền vững

Phát triển du lịch văn hoá là một quá trình tác động có chủ đích vào hệ thống tài nguyên văn hoá, do đó cần được điều chỉnh bởi một tập hợp nguyên tắc mang tính pháp lý, đạo đức và phát triển bền vững. Các nguyên tắc này được hình thành từ hệ quy chiếu quốc tế về di sản, du lịch có trách nhiệm, đồng thời được nội luật hoá trong hệ thống pháp luật Việt Nam nhằm bảo đảm hài hoà giữa khai thác kinh tế và bảo tồn giá trị văn hoá.

Trước hết, nguyên tắc bảo tồn tính xác thực và toàn vẹn của di sản được xem là nền tảng. Theo UNESCO (1972, 2003), việc khai thác di sản cho mục đích du lịch không được làm biến dạng giá trị gốc, đồng thời phải duy trì tính xác thực (authenticity) và tính toàn vẹn (integrity) của không gian văn hoá. Nguyên tắc này được cụ thể hoá trong ICOMOS (1999) thông qua Hiến chương Quốc tế về Du lịch Văn hoá, nhấn mạnh rằng hoạt động du lịch phải được quản lý để không gây tổn hại đến ý nghĩa văn hoá – lịch sử của di tích và thực hành văn hoá bản địa.

Thứ hai, nguyên tắc phát triển bền vững yêu cầu du lịch văn hoá phải được đặt trong mối quan hệ cân bằng giữa ba trụ cột kinh tế, xã hội và môi trường. Cách tiếp cận này phù hợp với định hướng của UNWTO, theo đó du lịch bền vững hướng tới tối ưu hóa lợi ích kinh tế, đồng thời bảo đảm khả năng duy trì dài hạn các nguồn lực văn hóa, tự nhiên và xã hội cho các thế hệ tương lai (UNWTO, 2018).

Thứ ba, nguyên tắc tham gia của cộng đồng địa phương giữ vai trò then chốt trong cấu trúc quản trị du lịch văn hoá. Cộng đồng vừa là chủ thể thụ

hưởng lợi ích từ hoạt động du lịch, vừa tham gia sáng tạo, duy trì và truyền tải các giá trị văn hóa. Nguyên tắc này được nhấn mạnh trong Luật Du lịch Việt Nam năm 2017, trong đó quy định phát triển du lịch văn hoá phải gắn với sự tham gia của cộng đồng nhằm bảo tồn và phát huy giá trị văn hoá truyền thống (Quốc hội, 2017).

Thứ tư, nguyên tắc phân phối lợi ích công bằng và trách nhiệm xã hội yêu cầu lợi ích từ hoạt động du lịch văn hoá phải được chia sẻ hài hoà giữa các bên liên quan, bao gồm chính quyền, doanh nghiệp và cộng đồng. Đồng thời, các chủ thể khai thác phải có trách nhiệm giảm thiểu tác động tiêu cực đến đời sống văn hoá – xã hội địa phương, phù hợp với định hướng “du lịch có trách nhiệm” được đề xuất trong các khuyến nghị của UNWTO (2018).

Cuối cùng, nguyên tắc quản trị có kiểm soát và dựa trên bằng chứng nhấn mạnh vai trò của quy hoạch, giám sát và điều tiết phát triển du lịch văn hoá dựa trên dữ liệu thực tiễn. Hoạt động khai thác phải được đặt trong giới hạn sức tải (carrying capacity) của điểm đến, tránh tình trạng thương mại hoá quá mức hoặc suy giảm chức năng văn hoá của không gian di sản.

Bảng 1.2. Hệ thống các nguyên tắc phát triển du lịch văn hóa theo hướng bền vững

Nguyên tắc	Nội dung cốt lõi	Cơ sở quốc tế và pháp lý
Bảo tồn và tôn trọng di sản văn hóa	Hoạt động du lịch không làm suy giảm tính nguyên gốc, tính xác thực và giá trị lịch sử – văn hóa của di sản; ưu tiên bảo tồn trong khai thác	UNESCO (1972); ICOMOS (1999)
Phát triển bền vững	Đảm bảo cân bằng giữa kinh tế – văn hóa – môi trường; duy trì khả năng tái tạo tài nguyên văn hóa trong dài hạn	UNWTO (2015, 2018)
Sự tham gia của cộng đồng	Cộng đồng địa phương là chủ thể trung tâm trong bảo tồn, vận hành và hưởng lợi từ hoạt động du lịch	UNWTO (2018); Luật Du lịch Việt Nam (2017)
Chia sẻ lợi ích	Lợi ích kinh tế – xã hội từ du lịch phải	UNWTO (2018)

công bằng	được phân phối hài hòa giữa các bên liên quan	
Tính xác thực và nguyên bản	Hạn chế thương mại hóa quá mức; bảo đảm diễn giải đúng bối cảnh văn hóa và giá trị biểu đạt	ICOMOS (1999)
Quản lý sức chứa du lịch	Kiểm soát lượng khách và áp lực khai thác để tránh quá tải tài nguyên và suy thoái không gian văn hóa	UNWTO (2018)
Giáo dục và nâng cao nhận thức	Du lịch văn hóa phải góp phần giáo dục lịch sử, bản sắc và nâng cao hiểu biết liên văn hóa	UNESCO (2003); ICOMOS (1999)
Liên kết phát triển kinh tế địa phương	Du lịch văn hóa phải gắn với sinh kế, tạo việc làm và thúc đẩy chuỗi giá trị kinh tế bản địa	Luật Du lịch Việt Nam (2017)

Nguồn: Tác giả tổng hợp, 2026

Hệ thống nguyên tắc trên cho thấy phát triển du lịch văn hóa không đơn thuần là hoạt động khai thác tài nguyên, mà là một cấu trúc quản trị đa tầng, trong đó bảo tồn và phát triển được đặt trong quan hệ tương tác hữu cơ. Điểm cốt lõi nằm ở sự chuyển dịch từ tư duy khai thác sang tư duy quản trị di sản, với cộng đồng địa phương giữ vai trò chủ thể. Đồng thời, các nguyên tắc quốc tế đều thống nhất nhấn mạnh ba trụ cột: tính xác thực của văn hóa, khả năng bền vững của hệ sinh thái và cơ chế phân phối lợi ích công bằng giữa các bên liên quan.

1.2.4. Khung nghiên cứu về phát triển du lịch văn hoá

1.2.4.1. Khung nghiên cứu đề xuất

Trên cơ sở tổng quan các công trình nghiên cứu và hệ thống cơ sở lý luận đã trình bày, luận văn đề xuất khung nghiên cứu về phát triển du lịch văn hóa theo hướng tích hợp giữa bảo tồn, phát huy giá trị văn hóa và phát triển du lịch bền vững. Khung nghiên cứu này được xây dựng nhằm làm rõ cơ chế chuyển hóa các giá trị văn hóa thành nguồn lực phát triển du lịch, đồng thời nhận diện vai trò điều phối của tổ chức và quản lý trong quá trình vận hành điểm đến.

Trong nghiên cứu này, phát triển du lịch văn hóa không được tiếp cận như quá trình khai thác tài nguyên theo một chiều, mà được xem là một hệ thống tương tác gồm nhiều thành tố có quan hệ phụ thuộc lẫn nhau. Ở đó, các giá trị văn hóa giữ vai trò nền tảng hình thành bản sắc điểm đến; hoạt động du lịch là phương thức tổ chức, diễn giải và chuyển hóa các giá trị đó thành sản phẩm, dịch vụ và trải nghiệm; còn tổ chức và quản lý đóng vai trò điều tiết nhằm bảo đảm sự cân bằng giữa bảo tồn văn hóa, khai thác du lịch và phát triển kinh tế - xã hội địa phương.

“Bảo tồn và phát huy giá trị văn hóa” là nền tảng đầu vào của khung nghiên cứu. Thành tố này bao gồm việc nhận diện các giá trị văn hóa vật thể và phi vật thể, đánh giá ý nghĩa lịch sử - văn hóa, mức độ đặc sắc, tính nguyên gốc, khả năng duy trì trong đời sống cộng đồng và khả năng chuyển hóa thành tài nguyên du lịch văn hóa. Đối với địa bàn xã Ngọc Thanh, nhóm giá trị này có thể được nhận diện qua văn hóa cộng đồng Sán Dìu, hệ thống di tích Chiến khu Ngọc Thanh, ký ức lịch sử cách mạng, cảnh quan sinh thái - văn hóa và các thực hành văn hóa địa phương. Tuy nhiên, bảo tồn không chỉ là giữ lại hình thức biểu hiện của di sản, mà còn là duy trì sức sống xã hội, môi trường thực hành và khả năng truyền nối giá trị trong cộng đồng.

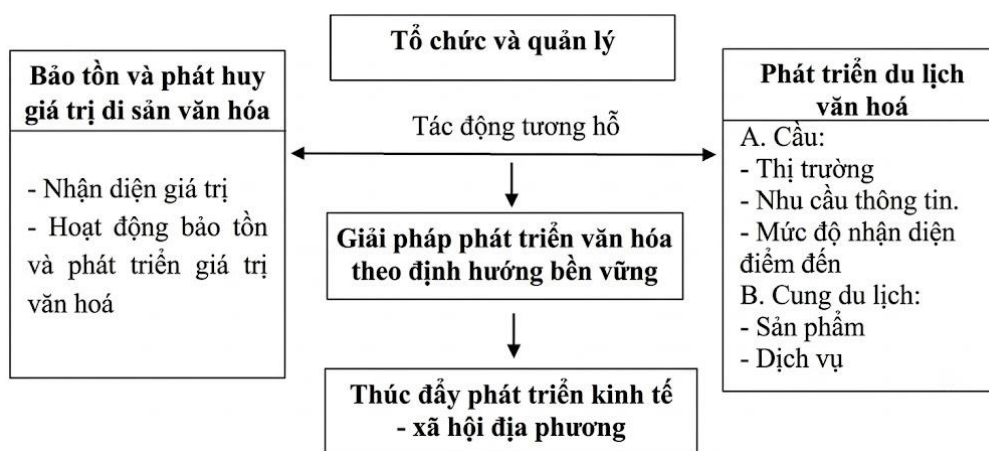
“Phát triển du lịch văn hóa” phản ánh quá trình vận hành các giá trị văn hóa trong không gian du lịch. Thành tố này được xem xét ở hai phương diện cơ bản là cầu du lịch và cung du lịch. Cầu du lịch bao gồm thị trường khách, nhu cầu trải nghiệm, động cơ du lịch, khả năng tiếp cận thông tin và hiệu quả của hoạt động marketing, quảng bá. Cung du lịch bao gồm sản phẩm du lịch văn hóa, dịch vụ phục vụ du lịch, cơ sở hạ tầng, cơ sở vật chất kỹ thuật, nguồn nhân lực và khả năng tổ chức trải nghiệm văn hóa. Như vậy, tài nguyên văn hóa chỉ có thể trở thành nguồn lực phát triển khi được tổ chức thành hệ thống sản phẩm và dịch vụ phù hợp với nhu cầu của thị trường, đồng thời vẫn duy trì được tính xác thực và bản sắc địa phương.

Mối quan hệ giữa bảo tồn, phát huy giá trị văn hóa và phát triển du lịch văn hóa là quan hệ tác động tương hỗ. Ở chiều thứ nhất, bảo tồn và phát huy giá trị văn hóa cung cấp nền tảng tài nguyên, bản sắc, nội dung trải nghiệm và sức hấp dẫn cho hoạt động du lịch. Ở chiều thứ hai, phát triển du lịch văn hóa

có thể tạo nguồn lực kinh tế, mở rộng sinh kế, nâng cao nhận thức cộng đồng và tăng cường động lực xã hội cho bảo tồn. Tuy nhiên, nếu thiếu cơ chế quản lý phù hợp, hoạt động du lịch cũng có thể tạo ra các tác động tiêu cực như thương mại hóa quá mức, trình diễn hóa văn hóa, suy giảm tính xác thực, quá tải hạ tầng và biến đổi chức năng xã hội của di sản.

Trong khung nghiên cứu, “Tổ chức và quản lý” được xác định là thành tố điều phối trung tâm. Thành tố này bao gồm vai trò của chính quyền địa phương, cộng đồng cư dân, doanh nghiệp du lịch, các tổ chức văn hóa và các bên liên quan trong quá trình quy hoạch, tổ chức sản phẩm, quản lý tài nguyên, phân phối lợi ích, kiểm soát tác động và định hướng phát triển điểm đến. Tổ chức và quản lý có ý nghĩa quyết định đối với việc duy trì cân bằng giữa bảo tồn và khai thác, giữa lợi ích kinh tế và giá trị văn hóa, giữa nhu cầu của du khách và quyền lợi của cộng đồng địa phương.

Từ sự tương tác giữa các thành tố trên, khung nghiên cứu hướng tới việc xác lập các định hướng và giải pháp phát triển du lịch văn hóa theo hướng bền vững. Các giải pháp cần hướng tới gia tăng lượng khách, mở rộng sản phẩm du lịch, bảo tồn giá trị văn hóa, nâng cao năng lực cộng đồng, hoàn thiện cơ chế quản lý, tăng cường quảng bá điểm đến, phát triển dịch vụ phù hợp và kiểm soát các tác động tiêu cực. Mục tiêu cuối cùng của khung nghiên cứu là góp phần thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội địa phương trên cơ sở khai thác hợp lý các giá trị văn hóa, tạo sinh kế, củng cố bản sắc cộng đồng và nâng cao vị thế của điểm đến du lịch văn hóa.



Hình 1.4. Khung nghiên cứu phát triển DLVH trên nền tảng bảo tồn và phát huy giá trị văn hóa

Nguồn: Tác giả tổng hợp, 2026

Hình 1.4 hệ thống hóa khung lý thuyết định hướng cho quá trình phân tích phát triển du lịch văn hóa trong luận văn. Mô hình cho thấy bảo tồn và phát huy giá trị văn hóa có quan hệ tác động qua lại với phát triển du lịch văn hóa dưới sự điều phối của tổ chức và quản lý. Trong đó, các giá trị văn hóa là nền tảng hình thành sản phẩm, dịch vụ và trải nghiệm du lịch; ngược lại, hoạt động du lịch nếu được tổ chức phù hợp sẽ tạo thêm nguồn lực cho bảo tồn, phát huy và lan tỏa giá trị văn hóa. Trên cơ sở phân tích mối quan hệ giữa các thành tố này, luận văn xác định định hướng và giải pháp phát triển bền vững như đầu ra nghiên cứu. Mục tiêu cuối cùng của mô hình là góp phần thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội địa phương thông qua khai thác hợp lý các giá trị văn hóa trong hoạt động du lịch.

1.2.4.2. Thao tác hóa khung nghiên cứu

Trên cơ sở khung nghiên cứu đã xác lập, luận văn tiến hành thao tác hóa các thành tố lý thuyết thành các nội dung phân tích cụ thể, nhằm chuyển các khái niệm có tính khái quát như bảo tồn giá trị văn hóa, phát triển du lịch văn hóa, cung - cầu du lịch, tổ chức quản lý và phát triển bền vững thành những phương diện có thể quan sát, mô tả và đánh giá trong thực tiễn. Trong nghiên cứu này, phát triển du lịch văn hóa tại xã Ngọc Thanh được xem xét như một quá trình chuyển hóa các giá trị văn hóa địa phương thành sản phẩm, dịch vụ và trải nghiệm du lịch dưới sự điều phối của cơ chế tổ chức và quản lý.

Tiểu kết chương 1

Chương 1 đã hệ thống hóa cơ sở nghiên cứu và nền tảng lý luận về phát triển du lịch văn hóa, qua đó xác lập khung tiếp cận cho toàn bộ luận văn. Trên cơ sở tổng quan các công trình trong và ngoài nước, chương đã làm rõ những hướng nghiên cứu chính liên quan đến du lịch dựa vào văn hóa tộc người, du lịch gắn với di tích lịch sử cách mạng và phát triển du lịch tại xã Ngọc Thanh. Kết quả tổng quan cho thấy, mặc dù đã có nhiều nghiên cứu đề cập đến bảo tồn di sản, khai thác văn hóa cộng đồng và phát triển du lịch địa phương, song các công trình tiếp cận Ngọc Thanh như một không gian du lịch văn hóa tổng hợp, nơi giao thoa giữa văn hóa Sán Dìu, ký ức chiến khu cách mạng và cảnh quan sinh thái, vẫn còn hạn chế.

Từ khoảng trống đó, chương 1 đã xây dựng cơ sở lý luận về du lịch văn hóa và phát triển du lịch văn hóa, làm rõ mối quan hệ giữa di sản văn hóa, tài nguyên du lịch văn hóa, sản phẩm, dịch vụ, bảo tồn và phát huy giá trị văn hóa trong bối cảnh phát triển bền vững. Điểm cốt lõi được xác lập là phát triển du lịch văn hóa không chỉ là quá trình khai thác tài nguyên sẵn có, mà là quá trình tổ chức, diễn giải và chuyển hóa các giá trị văn hóa thành trải nghiệm du lịch có ý nghĩa, có sự tham gia của cộng đồng và có khả năng duy trì lâu dài.

CHƯƠNG 2: THỰC TRẠNG PHÁT TRIỂN DU LỊCH VĂN HÓA XÃ NGỌC THANH, THÀNH PHỐ PHÚC YÊN, TỈNH VĨNH PHÚC

2.1. Tổng quan về Xã Ngọc Thanh, thành phố Phúc Yên, tỉnh Vĩnh Phúc

2.1.1. Vị trí địa lý, khả năng tiếp cận và liên kết không gian du lịch

Xã Ngọc Thanh nằm ở phía bắc thành phố Phúc Yên, tiếp giáp với Phố Yên và thuộc vùng chuyển tiếp giữa không gian trung du Vĩnh Phúc với khu vực đồi gò phía nam tỉnh Thái Nguyên. Với diện tích tự nhiên khoảng 77,36 km², đây là địa bàn có quy mô lãnh thổ lớn nhất của thành phố Phúc Yên. Cấu trúc địa hình bán sơn địa, xen kẽ giữa đồi thấp, hồ nước, đất rừng và khu dân cư truyền thống khiến không gian cư trú tại Ngọc Thanh phân tán tương đối rõ, khác với mô hình đô thị hóa tập trung của khu vực trung tâm thành phố. Chính đặc điểm này làm cho nhiều yếu tố văn hóa cộng đồng, đặc biệt là đời sống của người Sán Dìu, vẫn duy trì sự gắn bó chặt với môi trường sinh hoạt bản địa thay vì bị tách rời khỏi không gian văn hóa nguyên gốc.

Xét từ phương diện liên kết vùng, vị trí của Ngọc Thanh tạo ra khả năng kết nối tương đối thuận lợi với các trung tâm dân cư và thị trường khách lớn ở khu vực phía Bắc. Địa phương nằm không xa tuyến cao tốc Nội Bài – Lào Cai, đồng thời có khoảng cách di chuyển tương đối ngắn với Hà Nội và sân bay quốc tế Nội Bài. Điều này làm thay đổi đáng kể tính chất tiếp cận của địa bàn. Nếu trước đây các khu vực bán sơn địa thường bị xem như không gian ngoại vi, khó thu hút dòng khách ổn định, thì sự phát triển của hạ tầng giao thông liên vùng đã khiến những địa bàn như Ngọc Thanh dần tham gia vào mạng lưới du lịch cuối tuần của cư dân đô thị. Đây là nhóm khách có xu hướng tìm kiếm trải nghiệm ngắn ngày, ưu tiên yếu tố cảnh quan, môi trường sinh thái và cảm giác khác biệt với nhịp sống đô thị thường nhật.

Đối với du lịch văn hóa, khả năng tiếp cận cần được hiểu rộng hơn phạm vi “đến nơi”. Một điểm đến có thể dễ tiếp cận về mặt vật lý nhưng vẫn khó hình thành trải nghiệm văn hóa nếu cộng đồng địa phương bị tách rời khỏi hoạt động du lịch hoặc không gian văn hóa chỉ tồn tại dưới dạng trình diễn. Ở Ngọc Thanh, cấu trúc cư trú của người Sán Dìu vẫn gắn với sinh hoạt cộng đồng, lao động sản xuất và các thực hành văn hóa diễn ra trong đời sống hằng ngày. Điều này tạo nên dạng tiếp cận mang tính xã hội – văn hóa, nơi du

khách có khả năng tiếp xúc trực tiếp với nhịp sống bản địa thay vì tiêu dùng các sản phẩm văn hóa đã được sân khấu hóa hoàn toàn. Vì vậy, giá trị của vị trí địa lý tại Ngọc Thanh không nằm hoàn toàn ở khoảng cách di chuyển hay tính thuận tiện giao thông.

Sự hiện diện của khu vực Hồ Đại Lải cũng tạo ra ảnh hưởng đáng kể đối với khả năng kết nối du lịch của địa phương. Trong thực tế, phần lớn dòng khách đến khu vực này chủ yếu tập trung vào nghỉ dưỡng và sinh thái ngắn ngày. Điều đó mở ra khả năng hình thành các không gian vệ tinh phục vụ trải nghiệm văn hóa cộng đồng ở vùng phụ cận. Dữ liệu phỏng vấn sâu cho thấy chuyên gia nghiên cứu phát triển du lịch văn hóa (CG1) nhận định Ngọc Thanh có lợi thế khi đồng thời sở hữu tài nguyên sinh thái và yếu tố văn hóa Sán Dìu còn hiện diện tương đối rõ nét trong cộng đồng cư dân. Trong khi đó, chuyên gia truyền thông điểm đến (CG4) cho rằng địa phương có khả năng trở thành điểm vệ tinh văn hóa của khu vực Đại Lải nếu xây dựng được định vị hình ảnh phù hợp. Các nhận định này phản ánh một vấn đề đáng chú ý: lợi thế tiếp cận của Ngọc Thanh không chỉ được hình thành từ hạ tầng giao thông, mà còn từ vị trí của địa phương trong cấu trúc không gian du lịch vùng ven đô Hà Nội.

Mặt khác, đặc điểm địa hình phân tán cũng khiến khả năng tiếp cận giữa các khu vực trong xã chưa hoàn toàn đồng nhất. Các cụm cư trú, không gian sinh hoạt cộng đồng và điểm có khả năng tổ chức trải nghiệm văn hóa phân bố tương đối rời nhau, tạo nên tính chất “đa điểm” trong tổ chức không gian du lịch. Đây vừa là điều kiện để duy trì tính nguyên bản của môi trường văn hóa địa phương, vừa đặt ra yêu cầu về tổ chức kết nối không gian khi hình thành các tuyến trải nghiệm văn hóa cộng đồng trong tương lai.

2.1.2. Điều kiện cơ sở hạ tầng và vật chất kỹ thuật

2.1.2.1. Cơ sở hạ tầng

Xã Ngọc Thanh có vị trí địa lý thuận lợi trong không gian kết nối vùng, cách trung tâm Thủ đô Hà Nội khoảng 55km về phía Bắc, cách trung tâm thành phố Phúc Yên khoảng 13km và có khả năng liên kết tương đối thuận tiện với khu vực Thái Nguyên theo hướng Tây Nam. Vị trí này tạo điều kiện quan trọng cho việc hình thành các tuyến du lịch liên vùng, đặc biệt trong trục Đại Lải – Phúc Yên – Tam Đảo.

Hệ thống giao thông trên địa bàn đã được cải thiện theo hướng tăng cường kết nối nội vùng và liên vùng. Các tuyến đường liên thôn cơ bản được bê tông hóa, bảo đảm khả năng di chuyển trong nội xã. Đồng thời, nhiều dự án hạ tầng giao thông có tính kết nối vùng đã và đang được triển khai hoặc định hướng đầu tư, tiêu biểu như các tuyến đường kết nối khu vực Đại Lải, tuyến Nguyễn Văn Cừ kéo dài hướng Sóc Sơn – Nội Bài và các tuyến vành đai liên tỉnh. Các dự án phát triển du lịch và nghỉ dưỡng tại khu vực hồ Đại Lải, hồ Lập Đình, hồ Thanh Cao cũng góp phần thúc đẩy quá trình hoàn thiện mạng lưới hạ tầng giao thông phục vụ phát triển du lịch. Nhìn chung, cấu trúc không gian và hệ thống giao thông hiện tại tạo điều kiện tương đối thuận lợi cho việc tiếp cận các điểm đến trong khu vực, đồng thời hỗ trợ quá trình kết nối Ngọc Thanh với các trung tâm phát triển du lịch lân cận.

Hệ thống cung cấp điện trên địa bàn xã đã được kết nối vào lưới điện quốc gia, cơ bản đáp ứng nhu cầu sinh hoạt của người dân và hoạt động sản xuất. Nguồn điện được đánh giá tương đối ổn định, tạo điều kiện cho việc vận hành các hoạt động dịch vụ và bước đầu đáp ứng yêu cầu của các cơ sở phục vụ du lịch. Hệ thống cấp nước sạch đã được triển khai và từng bước mở rộng, bảo đảm nhu cầu sinh hoạt cơ bản của cư dân địa phương. Đây là một trong những điều kiện hạ tầng thiết yếu, góp phần hỗ trợ quá trình phát triển các loại hình dịch vụ du lịch, đặc biệt tại các khu vực dân cư và điểm có hoạt động lưu trú.

Hệ thống thông tin – viễn thông trên địa bàn phát triển tương đối đồng bộ, với độ phủ sóng di động rộng và khả năng kết nối ổn định. Các dịch vụ điện thoại cố định, di động và internet đã được triển khai đến hầu hết các khu dân cư, bảo đảm khả năng liên lạc trong và ngoài địa phương. Mức độ tiếp cận thông tin tương đối cao tạo điều kiện thuận lợi cho hoạt động quảng bá, điều phối dịch vụ du lịch và kết nối giữa các chủ thể tham gia trong chuỗi giá trị du lịch. Đồng thời, đây cũng là yếu tố hỗ trợ quan trọng cho doanh nghiệp lữ hành trong việc cập nhật thông tin và tổ chức hoạt động phục vụ khách du lịch.

2.1.2.2. Cơ sở vật chất kỹ thuật phục vụ du lịch

Hệ thống cơ sở vật chất kỹ thuật phục vụ du lịch tại Ngọc Thanh hiện tồn tại trong cấu trúc phân tầng, bao gồm các khu nghỉ dưỡng quy mô lớn, cơ sở lưu trú nhỏ và các dịch vụ cộng đồng với mức độ phát triển giữa các thành

phần chưa đồng đều, phản ánh sự khác biệt rõ rệt trong năng lực đầu tư và khả năng tổ chức khai thác du lịch.

Trong nhóm cơ sở lưu trú quy mô lớn, một số khu nghỉ dưỡng cao cấp tại khu vực Đại Lải như Flamingo Đại Lải Resort, Paradise Đại Lải Resort, Đảo Ngọc Resort, khu nghỉ dưỡng Thanh Xuân và sân golf Đại Lải giữ vai trò quan trọng trong việc thu hút khách du lịch. Các cơ sở này có năng lực tiếp nhận lượng khách lớn, đồng thời tích hợp các dịch vụ nghỉ dưỡng, giải trí và tổ chức sự kiện, qua đó đóng góp đáng kể vào dòng khách du lịch của khu vực. Bên cạnh đó, một số hộ dân địa phương đã phát triển mô hình homestay và farmstay, bước đầu tham gia vào chuỗi cung ứng dịch vụ lưu trú quy mô nhỏ, góp phần đa dạng hóa sản phẩm và mở rộng sự tham gia của cộng đồng.

Dịch vụ ăn uống và ẩm thực tại địa phương phát triển theo hai hướng chính. Một mặt là hệ thống nhà hàng trong các khu nghỉ dưỡng, với mức độ đầu tư tương đối đồng bộ, cung cấp đa dạng loại hình ẩm thực từ truyền thống đến quốc tế, đáp ứng nhu cầu của nhóm khách có khả năng chi trả cao. Mặt khác là hệ thống dịch vụ ăn uống trong cộng đồng dân cư, gắn với mô hình homestay và các hộ kinh doanh nhỏ lẻ, trong đó du khách có thể tiếp cận các món ăn truyền thống địa phương và ẩm thực của cộng đồng Sán Dìu. Tuy nhiên, nhóm dịch vụ này vẫn mang tính tự phát, chưa được chuẩn hóa về chất lượng và quy trình phục vụ. Ngoài ra, một số điểm dịch vụ nhỏ lẻ và không gian ẩm thực ven các tuyến du lịch sinh thái cũng góp phần hình thành mạng lưới dịch vụ hỗ trợ, nhưng mức độ tổ chức còn hạn chế, chưa tạo thành hệ thống dịch vụ chuyên nghiệp phục vụ du lịch.

Như vậy, điều kiện về hạ tầng và cơ sở vật chất kỹ thuật cho thấy Ngọc Thanh có nền tảng tương đối thuận lợi cho phát triển du lịch, đặc biệt là về vị trí kết nối vùng, hệ thống giao thông liên kết và sự hiện diện của các khu nghỉ dưỡng quy mô lớn. Bên cạnh đó, cơ cấu cơ sở vật chất phục vụ du lịch vẫn mang tính không đồng đều, trong đó khu vực dịch vụ cộng đồng và các hạng mục phục vụ trực tiếp trải nghiệm văn hóa còn ở mức phát triển hạn chế. Điều này cho thấy điều kiện hạ tầng hiện tại mới đáp ứng tốt chức năng tiếp cận và lưu trú quy mô lớn, trong khi các thành tố phục vụ du lịch văn hóa chuyên sâu vẫn cần tiếp tục được đầu tư và chuẩn hóa để bảo đảm sự tương thích với định hướng phát triển du lịch văn hóa – sinh thái của địa phương.

2.1.3. Điều kiện dân cư, kinh tế, xã hội

2.1.3.1. Dân cư

Theo số liệu được công bố năm 2024 (công thông tin điện tử thành phố Phúc Yên – tỉnh Vĩnh Phúc, trước sát nhập), xã Ngọc Thanh có diện tích tự nhiên 7.732,28 ha, dân số 14.066 người, phân bố tại 13 khu dân cư; trong đó đồng bào dân tộc thiểu số chủ yếu là người Sán Dìu, chiếm khoảng 38% dân số. Đặc điểm đáng chú ý của dân cư Ngọc Thanh là quá trình cộng cư lâu dài giữa người Sán Dìu và người Kinh. Trong quá trình đó, cộng đồng Sán Dìu vẫn duy trì nhiều yếu tố văn hóa riêng thông qua ngôn ngữ, phong tục, tín ngưỡng, dân ca Soọng cô và các sinh hoạt cộng đồng. Vì vậy, cơ cấu dân cư không chỉ có ý nghĩa về mặt nhân khẩu học mà còn tạo nên môi trường xã hội duy trì và trao truyền các giá trị văn hóa bản địa. Thực tế cho thấy hoạt động bảo tồn văn hóa Sán Dìu tại địa phương vẫn được duy trì trong bối cảnh đời sống kinh tế – xã hội có nhiều thay đổi.

Dân cư phân bố trên địa bàn rộng, mang đặc điểm của khu vực bán sơn địa, với các khu dân cư gắn với không gian đồi, rừng và hồ. Đặc điểm cư trú này vừa tạo ra những khó khăn nhất định trong kết nối giữa các khu vực, vừa góp phần duy trì không gian sinh hoạt cộng đồng và các thực hành văn hóa truyền thống. Đối với phát triển du lịch văn hóa, cộng đồng cư dân, đặc biệt là người Sán Dìu, không chỉ là nguồn lao động mà còn là chủ thể nắm giữ, thực hành và truyền tải các giá trị văn hóa. Đây là điều kiện quan trọng để hình thành những sản phẩm du lịch dựa trên sự tham gia của cộng đồng thay vì chỉ khai thác các tài nguyên văn hóa dưới hình thức tham quan.

2.1.3.2. Kinh tế

Kinh tế Ngọc Thanh trong những năm gần đây có sự chuyển dịch cùng với quá trình phát triển chung của thành phố Phúc Yên. Từ một địa bàn miền núi có sinh kế phụ thuộc nhiều vào nông nghiệp, Ngọc Thanh đang từng bước mở rộng các hoạt động thương mại, dịch vụ và du lịch. Báo Quân đội nhân dân ghi nhận đời sống của người dân trên địa bàn có sự cải thiện, đồng thời lợi thế về cảnh quan và khu vực Đại Lải đã tạo điều kiện thu hút doanh nghiệp đầu tư vào dịch vụ du lịch, nhà hàng, khách sạn, khu nghỉ dưỡng và du lịch sinh thái.

Nông nghiệp vẫn là một bộ phận của sinh kế địa phương, song định hướng phát triển đã có sự chuyển đổi theo hướng sản xuất hàng hóa, nông nghiệp sạch và nông nghiệp sinh thái. Trong định hướng phát triển chung của Phúc Yên, các vùng sản xuất nông nghiệp chuyên canh, ứng dụng khoa học – công nghệ và sản phẩm nông nghiệp tiêu biểu được xác định có khả năng kết nối với hoạt động du lịch và dịch vụ. Điều này tạo cơ sở để khu vực Ngọc Thanh phát triển các mô hình sinh kế kết hợp giữa sản xuất nông nghiệp, cảnh quan nông thôn và hoạt động trải nghiệm du lịch.

Động lực chuyển dịch kinh tế rõ nét hơn đến từ dịch vụ và du lịch, đặc biệt tại không gian hồ Đại Lải và khu vực phía Bắc Ngọc Thanh. Đến năm 2024, trên địa bàn Ngọc Thanh đã hình thành và khai thác nhiều dự án du lịch, nghỉ dưỡng như Flamingo Đại Lải, Sân golf Đại Lải, Đảo Ngọc Resort và các khu nghỉ dưỡng, du lịch sinh thái khác. Quy hoạch phát triển cũng dành quỹ đất cho các dự án quy mô lớn, trong đó có Khu đô thị du lịch dịch vụ hồ Lập Đình hơn 500 ha và tổ hợp du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng, sân golf và dịch vụ vui chơi giải trí hơn 600 ha. Quy hoạch chung Phúc Yên đồng thời xác định khu vực phía Bắc hồ Đại Lải là không gian phát triển dịch vụ, du lịch và đô thị, bao gồm các khu vực Bắc Ngọc Thanh, thung lũng Lập Đình, Thanh Cao và Đồng Đàm.

Sự phát triển của du lịch – dịch vụ tạo điều kiện mở rộng cơ hội việc làm và đa dạng hóa sinh kế cho cư dân địa phương. Tuy nhiên, xét từ góc độ của luận văn, vấn đề quan trọng không chỉ là tốc độ tăng trưởng của hoạt động du lịch mà còn là khả năng kết nối sự phát triển kinh tế với các giá trị văn hóa tại chỗ. Trong khi các dự án nghỉ dưỡng và dịch vụ cao cấp tại Đại Lải phát triển tương đối mạnh, việc chuyển hóa văn hóa Sán Dìu và di sản lịch sử – cách mạng của Ngọc Thanh thành các sản phẩm tạo sinh kế trực tiếp cho cộng đồng vẫn cần được chú trọng. Đây là điều kiện kinh tế có liên quan trực tiếp đến yêu cầu phát triển du lịch văn hóa theo hướng bảo đảm lợi ích của cộng đồng địa phương.

2.1.3.3. Xã hội

Điều kiện xã hội và hệ thống hạ tầng của Ngọc Thanh đã được cải thiện đáng kể trong quá trình thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng

nông thôn mới. Ngọc Thanh được công nhận đạt chuẩn nông thôn mới và sau đó tiếp tục được định hướng nâng cao chất lượng các tiêu chí. Ở phạm vi hai xã Cao Minh và Ngọc Thanh, số liệu công bố khi thành phố Phúc Yên (trước sáp nhập) hoàn thành nhiệm vụ xây dựng nông thôn mới cho thấy 100% đường trục xã và đường từ trung tâm xã đến thành phố, 99% đường trục thôn và liên thôn đã được bê - tông hóa.

Các điều kiện về giáo dục, văn hóa và chăm sóc sức khỏe cũng có sự cải thiện. Theo số liệu công bố về xây dựng nông thôn mới của Phúc Yên, 100% trường học tại hai xã Cao Minh và Ngọc Thanh có cơ sở vật chất, trang thiết bị đạt chuẩn quốc gia; 100% số thôn có nhà văn hóa và khu thể thao đạt chuẩn; hai xã hoàn thành phổ cập giáo dục ở cả ba cấp mầm non, tiểu học và trung học cơ sở; tỷ lệ người dân tham gia bảo hiểm y tế đạt trên 85%. Các số liệu này cho thấy nền tảng hạ tầng và dịch vụ xã hội cơ bản tại khu vực nông thôn của Phúc Yên nói chung và Ngọc Thanh nói riêng đã được cải thiện trong quá trình xây dựng nông thôn mới.

Hạ tầng phục vụ phát triển du lịch tiếp tục được đầu tư trong những năm gần đây. Các tuyến đường tại khu vực Ngọc Thanh – Đại Lải đã được cải tạo, nâng cấp và bổ sung hệ thống chiếu sáng; đồng thời thành phố triển khai các dự án kết nối Ngọc Thanh với Sóc Sơn – Nội Bài và khu vực Phồ Yên. Trong giai đoạn 2023–2025, Phúc Yên dự kiến đầu tư hơn 550 tỷ đồng cho các dự án hoàn thiện hạ tầng phục vụ phát triển du lịch Đại Lải. Những điều kiện này góp phần nâng cao khả năng tiếp cận địa bàn và tạo thuận lợi cho việc kết nối các điểm tài nguyên thành tour, tuyến du lịch.

Tuy nhiên, quá trình cải thiện hạ tầng và gia tăng đầu tư du lịch cũng đặt ra yêu cầu cân bằng giữa phát triển không gian với bảo tồn môi trường văn hóa địa phương. Quy hoạch chung Phúc Yên đã xác định Làng văn hóa dân tộc Sán Dìu cùng một số không gian di tích, danh thắng là khu vực cần bảo tồn. Vì vậy, đối với Ngọc Thanh, phát triển hạ tầng xã hội và du lịch cần được đặt trong mối quan hệ với bảo vệ không gian cư trú, cảnh quan và môi trường thực hành văn hóa của cộng đồng. Đây là điều kiện quan trọng để quá trình phát triển du lịch không làm suy giảm chính những giá trị văn hóa tạo nên bản sắc và sức hấp dẫn của điểm đến.

2.2. Bảo tồn và phát huy giá trị văn hóa tại xã Ngọc Thanh

Trong phạm vi nghiên cứu của luận văn, văn hóa Sán Dìu và Chiến khu cách mạng Ngọc Thanh được lựa chọn làm hai nhóm di sản trọng tâm vì có tính đại diện cao cho bản sắc địa phương, giá trị lịch sử – văn hóa nổi bật và khả năng phát triển thành tài nguyên du lịch.

Văn hóa Sán Dìu là lớp di sản sống, thể hiện qua dân ca Soọng cô, tín ngưỡng, ẩm thực, phong tục và tri thức bản địa. Các giá trị này vẫn được cộng đồng thực hành nhưng đang chịu tác động của hiện đại hóa và sự suy giảm lực lượng kế cận. Chiến khu cách mạng Ngọc Thanh là lớp di sản lịch sử – ký ức, gắn với hệ thống căn cứ, hậu cần, quân y, quân khí và vai trò của địa phương trong kháng chiến chống thực dân Pháp.

Hai nhóm di sản có tính bổ trợ: văn hóa Sán Dìu tạo chiều sâu bản sắc cộng đồng, còn Chiến khu Ngọc Thanh cung cấp giá trị lịch sử và giáo dục. Sự kết hợp này tạo cơ sở hình thành các trải nghiệm gắn với di tích, ký ức và đời sống cộng đồng, qua đó định vị sản phẩm du lịch văn hóa đặc thù cho Ngọc Thanh.

2.2.1. Giá trị văn hóa của cộng đồng Sán Dìu

Giá trị văn hóa của cộng đồng người Sán Dìu tại xã Ngọc Thanh được cấu trúc như một hệ thống thực hành xã hội có tính liên tục, bao gồm diễn xướng dân gian, tín ngưỡng và tri thức đời sống. Trong khung nghiên cứu của luận văn, đây là lớp giá trị nền tảng quyết định khả năng bảo tồn và mức độ sẵn sàng cho quá trình phát huy trong phát triển du lịch văn hóa. Cấu trúc này không tồn tại tách rời mà vận hành như một chỉnh thể, trong đó mỗi thành tố vừa mang chức năng văn hóa nội sinh vừa phản ánh mức độ thích ứng với bối cảnh biến đổi xã hội hiện nay.

a) Diễn xướng dân gian và không gian thực hành văn hoá

Nghệ thuật diễn xướng dân gian của người Sán Dìu tại xã Ngọc Thanh hình thành như một bộ phận cấu thành quan trọng của hệ thống di sản văn hóa phi vật thể, gắn chặt với tiến trình lịch sử cư trú, lao động sản xuất và tổ chức đời sống cộng đồng. Trong đó, Soọng cô được xác định là hình thức tiêu biểu nhất, đồng thời là trục trung tâm kết nối các biểu đạt diễn xướng khác trong không gian văn hóa tộc người.

Về nguồn gốc, Soọng cô được hình thành từ môi trường giao tiếp cộng đồng của cư dân Sán Dìu trong điều kiện kinh tế nông nghiệp truyền thống. Quá trình tích lũy lâu dài đã tạo nên một hình thức hát đối đáp mang tính truyền miệng, trong đó ngôn ngữ bản địa, kinh nghiệm sống và các chuẩn mực ứng xử xã hội được mã hóa dưới dạng lời ca có vần điệu. Sự tồn tại của Soọng cô phản ánh cơ chế tái sản xuất văn hóa nội sinh, trong đó tri thức cộng đồng được duy trì thông qua thực hành diễn xướng thay vì văn bản hóa.

Về phương diện thể hiện, Soọng cô là hình thức hát đối nam – nữ theo lối ứng tác, vận hành trên nền cấu trúc vần điệu linh hoạt nhưng có tính quy ước trong cộng đồng. Diễn xướng thường diễn ra trong không gian làng bản, các dịp lễ hội, sinh hoạt cộng đồng hoặc những cuộc gặp gỡ mang tính giao lưu xã hội. Không gian thực hành vì vậy mang tính mở, nơi yếu tố âm thanh, ngôn ngữ, tương tác xã hội và bối cảnh tự nhiên hòa quyện, tạo nên một chỉnh thể văn hóa sống động.

Về nội dung, lời ca Soọng cô phản ánh hệ thống quan niệm của cộng đồng về tình cảm, hôn nhân, đạo lý gia đình, quan hệ xã hội và kinh nghiệm lao động sản xuất. Thông qua cấu trúc đối đáp, các giá trị như sự khéo léo trong ứng xử, sự tôn trọng chuẩn mực cộng đồng và khả năng thích ứng trong giao tiếp được thể hiện như những nguyên tắc hành vi được thừa nhận và tái khẳng định trong đời sống cộng đồng. Ở tầng sâu hơn, Soọng cô phản ánh một hệ thống vũ trụ quan và nhân sinh quan mang tính hòa hợp, trong đó con người luôn được đặt trong quan hệ tương tác với cộng đồng, tự nhiên và các chuẩn mực xã hội.

Về ý nghĩa văn hóa, Soọng cô không chỉ đóng vai trò là hình thức giải trí dân gian mà còn là cơ chế lưu giữ và truyền tải ký ức cộng đồng, góp phần duy trì ngôn ngữ, tri thức và bản sắc văn hóa tộc người Sán Dìu. Đồng thời, cùng với các hình thức diễn xướng khác gắn với lễ hội và sinh hoạt cộng đồng, Soọng cô tạo nên một hệ thống thực hành diễn xướng liên tục, trong đó không gian văn hóa không tách rời đời sống thường nhật mà được tích hợp trong toàn bộ cấu trúc sinh hoạt xã hội. Điều này làm nổi bật tính “di sản sống” của nghệ thuật diễn xướng dân gian Sán Dìu tại Ngọc Thanh, nơi giá trị văn hóa được bảo lưu thông qua thực hành thay vì chỉ tồn tại như ký ức tĩnh.

b) Tín ngưỡng và cấu trúc thế giới quan

Hệ thống tín ngưỡng của người Sán Dìu tại xã Ngọc Thanh được cấu trúc như một tầng nền quan trọng trong toàn bộ đời sống văn hóa cộng đồng, nơi các quan niệm về con người, tổ tiên và thế giới siêu nhiên được tổ chức thành một chỉnh thể mang tính biểu tượng và quy ước xã hội. Tín ngưỡng không tồn tại dưới dạng những nghi lễ tách biệt, mà gắn chặt với chu kỳ đời sống gia đình, dòng họ và nhịp vận hành của cộng đồng làng bản.

Về phương diện thế giới quan, tín ngưỡng người Sán Dìu ở Ngọc Thanh phản ánh cách cộng đồng hình dung về một trật tự tồn tại có tính liên thông giữa các tầng không gian: không gian đời sống hiện tại, không gian tổ tiên và không gian các lực lượng siêu nhiên. Ba tầng không gian này được kết nối thông qua thực hành nghi lễ, trong đó bàn thờ gia tiên giữ vai trò trung tâm như một điểm quy tụ ký ức dòng họ, đồng thời là trục liên kết giữa cá nhân và cộng đồng. Cấu trúc này cho thấy tín ngưỡng không chỉ mang ý nghĩa tâm linh, mà còn là cơ chế tổ chức ký ức và duy trì trật tự biểu tượng trong đời sống xã hội.

Ở phương diện nhân sinh quan, tín ngưỡng thể hiện rõ quan niệm về con người như một thực thể luôn được đặt trong mạng lưới quan hệ giữa gia đình, dòng họ và cộng đồng làng bản. Các nghi lễ vòng đời và lễ tiết nông nghiệp không chỉ mang tính nghi thức, mà còn đóng vai trò tái khẳng định các chuẩn mực ứng xử, củng cố trách nhiệm cá nhân trong quan hệ huyết thống và cộng đồng. Thông qua đó, hệ thống tín ngưỡng vận hành như một cơ chế điều tiết xã hội dựa trên nền tảng đạo lý truyền thống và ký ức tập thể.

Xét về giá trị di sản, tín ngưỡng của người Sán Dìu tại Ngọc Thanh mang đặc trưng của một hệ thống văn hóa sống, có khả năng duy trì liên tục các thực hành cốt lõi của cộng đồng qua nhiều thế hệ. Giá trị quan trọng của hệ thống này thể hiện ở ba khía cạnh: khả năng bảo lưu thế giới quan truyền thống, năng lực duy trì cấu trúc quan hệ xã hội nội sinh, và vai trò như một kho ký ức văn hóa được tái tạo thông qua thực hành nghi lễ. Chính sự gắn kết chặt chẽ giữa niềm tin, nghi lễ và đời sống xã hội đã tạo nên tính bền vững của tín ngưỡng như một thành tố nền tảng trong cấu trúc văn hóa tộc người Sán Dìu tại địa phương.

c) Ẩm thực và tri thức bản địa

Ẩm thực của cộng đồng người Sán Dìu tại xã Ngọc Thanh hình thành trên nền tảng điều kiện sinh thái trung du kết hợp với hệ tri thức bản địa được tích lũy qua thực tiễn sản xuất nông nghiệp quy mô hộ gia đình. Nguồn nguyên liệu chủ yếu đến từ nông sản địa phương, sản vật rừng và chăn nuôi nhỏ lẻ, tạo nên hệ thực hành ẩm thực mang tính mùa vụ rõ rệt, đồng thời phản ánh trực tiếp mối quan hệ giữa con người và môi trường tự nhiên trong không gian cư trú bán sơn địa.

Hệ thống món ăn truyền thống tiêu biểu bao gồm bánh chưng gù, bánh lá ngải, xôi màu, thịt chua và thịt thính. Trong đó, bánh chưng gù gắn với chu kỳ lễ tết và quan niệm thời gian cộng đồng; bánh lá ngải thể hiện sự tích hợp giữa ẩm thực và tri thức sử dụng cây thuốc bản địa; thịt chua và thịt thính phản ánh kỹ thuật lên men, bảo quản thực phẩm dựa trên kinh nghiệm dân gian; xôi màu mang ý nghĩa nghi lễ, thường xuất hiện trong các dịp lễ hội và sự kiện cộng đồng. Các thực hành này không tồn tại độc lập mà vận hành như một hệ thống ký ức văn hóa gắn với chu kỳ sinh hoạt và nghi lễ của cộng đồng.

Bên cạnh ẩm thực, tri thức bản địa của người Sán Dìu còn thể hiện rõ trong hệ thống hiểu biết về dược liệu và nông nghiệp truyền thống. Một bộ phận người dân vẫn duy trì việc sử dụng cây thuốc nam trong chăm sóc sức khỏe gia đình, với các loại dược liệu rừng như lá đắng, lá vối, cây xạ đen, ngải cứu và một số loại rễ cây được thu hái theo mùa và sử dụng theo kinh nghiệm truyền miệng. Song song với đó là hệ tri thức nông nghiệp gắn với canh tác lúa nước và nương rẫy, bao gồm kinh nghiệm chọn giống, xác định thời vụ, luân canh cây trồng và xử lý sâu bệnh bằng phương pháp thủ công, dựa trên quan sát tự nhiên và kinh nghiệm tích lũy qua nhiều thế hệ. Đây là dạng tri thức phi văn bản nhưng có tính hệ thống, đóng vai trò điều chỉnh quan hệ giữa con người với môi trường sinh thái địa phương.

2.2.2. Giá trị lịch sử - cách mạng của Chiến khu Ngọc Thanh

Chiến khu Ngọc Thanh là một chỉnh thể không gian lịch sử hình thành trong bối cảnh kháng chiến chống thực dân Pháp, gắn với quá trình xây dựng căn cứ địa cách mạng ở khu vực trung du Bắc Bộ. Giá trị của hệ thống này không thể nhìn nhận ở từng điểm di tích riêng lẻ mà cần được hiểu như một

cấu trúc không gian tích hợp, trong đó địa hình tự nhiên, tổ chức hậu cần – quân sự và ký ức lịch sử cộng đồng cùng vận hành trong một chỉnh thể thống nhất.

Về nền tảng không gian, nhiều nghiên cứu đã nhấn mạnh vai trò đặc thù của Ngọc Thanh như một vùng chuyển tiếp chiến lược giữa đồng bằng và căn cứ địa Việt Bắc. Lê Thanh Bài (2021) cho rằng Ngọc Thanh mang “cách nhìn đồng đại” khi đặt trong hệ thống chiến khu, vừa là vùng đệm vừa là không gian tổ chức hậu cần quan trọng. Trong khi đó, Xuân Huy (2021) chỉ ra vị trí của Ngọc Thanh trong cấu trúc liên hoàn của các chiến khu Việt Bắc, thể hiện vai trò kết nối không gian kháng chiến giữa miền núi và đồng bằng. Ở góc độ tiếp cận liên vùng, Nguyễn Văn Tập (2021) nhấn mạnh đây là “cầu nối” chiến lược, giúp duy trì sự thông suốt trong tổ chức lực lượng và hậu cần kháng chiến.

Trên nền không gian địa hình đó, hệ thống di tích quân sự được hình thành với chức năng đa dạng, bao gồm chỉ huy, sản xuất, y tế và hậu cần. Các công trình như đồn bốt, xưởng quân khí, trạm quân y, kho lương thực và các điểm trú đóng tạo thành một mạng lưới phân tán nhưng có tính phối hợp cao. Cấu trúc này phản ánh đặc điểm tổ chức chiến tranh nhân dân, trong đó không gian tự nhiên được tận dụng như một phần của hệ thống phòng thủ và vận hành chiến lược.

Một số sự kiện lịch sử tiêu biểu cũng góp phần củng cố giá trị của khu vực. Trần Quốc Dũng (2021) khi nghiên cứu về Chiến khu Ngọc Thanh trong chiến dịch Trần Hưng Đạo đã nhấn mạnh vai trò của khu vực như một hậu cứ quan trọng, hỗ trợ trực tiếp cho hoạt động quân sự trong giai đoạn cao điểm của kháng chiến. Các lớp sự kiện này tạo nên một cấu trúc lịch sử chồng xếp, trong đó không gian không chỉ là nơi diễn ra sự kiện mà còn là “chứng tích vật chất” của tiến trình lịch sử.

Bên cạnh giá trị vật thể, lớp ký ức cộng đồng đóng vai trò quan trọng trong việc duy trì tính liên tục của di sản. Các nghiên cứu về văn hóa địa phương cho thấy ký ức chiến khu vẫn được lưu giữ trong đời sống cư dân thông qua truyền kể, thực hành tưởng niệm và các hoạt động văn hóa cộng đồng (Lâm Quang Hùng, 2011; 2026). Lớp ký ức này giúp nối dài ý nghĩa lịch sử của không gian, biến di tích không chỉ là dấu tích quá khứ mà còn là một phần của đời sống văn hóa hiện tại.

Như vậy, Chiến khu Ngọc Thanh mang tính chất của một hệ thống di sản lịch sử – cách mạng tích hợp, bao gồm không gian địa hình chiến lược, mạng lưới di tích quân sự, lớp sự kiện lịch sử và ký ức cộng đồng. Giá trị cốt lõi của hệ thống này nằm ở sự liên kết giữa các thành tố, tạo nên một không gian lịch sử có khả năng phản ánh đồng thời cấu trúc chiến tranh, tổ chức xã hội và ký ức văn hóa địa phương.

2.2.3. Giá trị cảnh quan văn hóa và các yếu tố văn hóa địa phương khác

Cảnh quan văn hóa tại xã Ngọc Thanh được hình thành trên nền tương tác lâu dài giữa điều kiện tự nhiên và quá trình cư trú – phát triển kinh tế – du lịch của con người. Không gian này có thể nhận diện qua ba lớp cấu trúc chính: lớp cảnh quan tự nhiên trung du (đồi núi thấp, hệ sinh thái rừng và mặt nước hồ Đại Lải), lớp không gian cư trú truyền thống của cộng đồng địa phương, và lớp không gian du lịch nghỉ dưỡng đang phát triển trong những năm gần đây. Ba lớp này không tồn tại tách biệt mà đan xen, tạo nên một dạng cảnh quan chuyển tiếp, trong đó dấu ấn tự nhiên luôn gắn với quá trình khai thác và tái cấu trúc bởi hoạt động con người.

Trong cấu trúc đó, hồ Đại Lải giữ vai trò là điểm nhấn không gian, vừa mang chức năng sinh thái mặt nước, vừa là trung tâm phát triển du lịch nghỉ dưỡng của khu vực. Bao quanh hồ là hệ thống đồi rừng thấp thuộc dãy Tam Đảo, tạo nên nền địa hình đặc trưng của vùng trung du, có tính liên tục về không gian sinh thái và giá trị thẩm mỹ cảnh quan. Trên nền tự nhiên này, các khu dân cư của xã Ngọc Thanh phân bố xen kẽ, chủ yếu theo dạng làng xóm truyền thống, nơi vẫn duy trì các hoạt động sinh hoạt cộng đồng và một số yếu tố tổ chức không gian làng xã cũ. Sự kết hợp giữa mặt nước, đồi rừng và khu cư trú tạo nên một cấu trúc cảnh quan hỗn hợp, vừa mang tính tự nhiên, vừa mang dấu ấn rõ rệt của quá trình khai thác và thích ứng lâu dài của con người.

Bên cạnh cấu trúc cảnh quan tự nhiên và cư trú, các yếu tố văn hóa địa phương khác được hiểu là hệ thống các không gian và thiết chế văn hóa mang tính cộng đồng, phản ánh chiều sâu đời sống tinh thần của cư dân. Nhóm này bao gồm đình làng, chùa, không gian thờ tự dòng họ, các điểm sinh hoạt cộng đồng và không gian tổ chức lễ hội truyền thống. Đây là những không gian vừa mang chức năng tín ngưỡng, vừa đóng vai trò duy trì quan hệ xã hội và ký ức

cộng đồng. Trên địa bàn xã Ngọc Thanh, các thiết chế này phân bố tại các khu dân cư truyền thống, vẫn duy trì hoạt động theo chu kỳ lễ tiết và sinh hoạt văn hóa địa phương, qua đó góp phần giữ ổn định cấu trúc văn hóa làng xã trong bối cảnh biến đổi hiện nay.

Tổng thể, cảnh quan văn hóa và hệ thống yếu tố văn hóa địa phương tại Ngọc Thanh hình thành như một cấu trúc tích hợp, trong đó tự nhiên, cư trú và không gian văn hóa cộng đồng cùng tồn tại và tương tác, tạo nên nền tảng quan trọng cho việc nhận diện và phát triển giá trị văn hóa trong không gian điễm đến.

2.2.4. Hiện trạng bảo tồn các giá trị văn hóa

Kết quả khảo sát thực địa cho thấy hiện trạng bảo tồn các giá trị văn hóa tại Ngọc Thanh có sự khác biệt giữa hai nhóm di sản trọng tâm là văn hóa Sán Dìu và di sản lịch sử – cách mạng gắn với Chiến khu Ngọc Thanh. Nếu văn hóa Sán Dìu chủ yếu được duy trì thông qua thực hành và trao truyền trong cộng đồng thì di sản Chiến khu Ngọc Thanh được bảo tồn chủ yếu thông qua hoạt động quản lý, bảo vệ di tích và duy trì ký ức lịch sử. Nhìn chung, các giá trị cốt lõi vẫn hiện diện nhưng mức độ bảo tồn không đồng đều; một số thực hành văn hóa còn sức sống tương đối rõ, trong khi một số thành tố đang thu hẹp về không gian thực hành, tần suất và lực lượng kế cận.

2.2.4.1. Hiện trạng bảo tồn văn hóa Sán Dìu

Các giá trị văn hóa Sán Dìu tại Ngọc Thanh hiện vẫn được duy trì qua nhiều hình thức như dân ca Soọng cô, phong tục, tín ngưỡng, ẩm thực, tri thức dân gian và sinh hoạt cộng đồng. Đây là những thành tố mà luận văn xác định thuộc lớp “di sản sống”, tức vẫn còn chủ thể nắm giữ và thực hành trong đời sống hiện nay.

Trong đó, dân ca Soọng cô là một trong những giá trị được nhận diện và duy trì tương đối rõ. Qua khảo sát, hoạt động thực hành Soọng cô vẫn được tổ chức thông qua hình thức câu lạc bộ văn hóa và giao lưu cộng đồng. Việc duy trì câu lạc bộ tạo môi trường để những người còn nắm giữ làn điệu gặp gỡ, thực hành và truyền lại kinh nghiệm. Điều này cho thấy Soọng cô chưa chỉ tồn tại dưới dạng tư liệu hoặc ký ức mà vẫn còn môi trường thực hành trong cộng đồng.

Tuy nhiên, mức độ bảo tồn chưa thực sự bền vững. Qua quan sát và trao đổi với người dân, lực lượng thực hành thường xuyên chủ yếu vẫn là những người đã có kinh nghiệm và nhóm trung niên, cao tuổi, trong khi sự tham gia của lớp trẻ còn hạn chế. Chính luận văn cũng ghi nhận các giá trị văn hóa Sán Dìu vẫn được cộng đồng thực hành nhưng đang chịu tác động của quá trình hiện đại hóa và sự suy giảm lực lượng kế cận. Vì vậy, vấn đề của Soong cô hiện nay không phải là đã mất đi mà là khả năng duy trì tính liên tục giữa các thế hệ.

Đối với phong tục, tín ngưỡng và tri thức dân gian, hình thức bảo tồn có tính tự thân rõ hơn. Một số thực hành vẫn được duy trì trong gia đình, dòng họ và đời sống thường nhật thay vì thông qua chương trình bảo tồn riêng biệt. Người dân được phỏng vấn cho biết: *“Cái này là nếp từ xưa, nhà nào cũng làm, không phải có chương trình thì mới giữ”* (PVS12). Minh chứng này cho thấy cộng đồng vẫn giữ vai trò trực tiếp trong duy trì di sản, đặc biệt đối với những giá trị gắn với đời sống gia đình.

Tuy nhiên, phạm vi thực hành đang có xu hướng thu hẹp. Một số nghi lễ vẫn được duy trì nhưng chủ yếu trong gia đình hoặc nhóm cộng đồng nhỏ, thay vì trở thành hoạt động có sự tham gia rộng rãi. Cán bộ văn hóa địa phương nhận định: *“Hoạt động thì vẫn còn, nhưng chủ yếu nằm trong phạm vi nhỏ, chưa có cơ chế để mở rộng thành sinh hoạt cộng đồng quy mô lớn như trước”* (PVS03). Kết quả này phù hợp với dữ liệu của luận văn về việc một số thực hành vẫn được duy trì nhưng thiếu lực lượng kế cận và mức độ công khai hóa có xu hướng giảm.

Qua các minh chứng trên có thể nhận thấy hiện trạng bảo tồn văn hóa Sán Dìu không đồng đều giữa các thành tố. Soong cô có lợi thế vì đã có hình thức sinh hoạt tập thể và câu lạc bộ; phong tục, tín ngưỡng và tri thức dân gian vẫn tồn tại nhưng phụ thuộc nhiều vào quá trình trao truyền trong gia đình và cộng đồng. Điểm hạn chế chung là lực lượng kế cận còn mỏng, hoạt động truyền dạy chưa thực sự thường xuyên và một số giá trị văn chủ yếu được lưu giữ thông qua trí nhớ, kinh nghiệm của người cao tuổi. Đây là nguy cơ đối với tính liên tục của di sản nếu không có hoạt động kiểm kê, tư liệu hóa và truyền dạy phù hợp.

2.2.4.2. Hiện trạng bảo tồn các giá trị lịch sử – cách mạng của Chiến khu Ngọc Thanh

Khác với văn hóa Sán Dìu, Chiến khu Ngọc Thanh là lớp di sản lịch sử – ký ức, gắn với hệ thống căn cứ, hậu cần, quân y, quân khí và vai trò của địa phương trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp. Do đặc điểm này, hiện trạng bảo tồn cần được xem xét đồng thời ở hai phương diện: bảo tồn các dấu tích, địa điểm vật thể và bảo tồn ký ức, tư liệu, câu chuyện lịch sử gắn với chiến khu.

Qua khảo sát thực địa, các địa điểm gắn với Chiến khu vẫn là những dấu mốc quan trọng để nhận diện lịch sử cách mạng của Ngọc Thanh. Hoạt động bảo tồn thời gian qua chủ yếu tập trung vào bảo vệ, chỉnh trang và duy trì không gian di tích, qua đó giữ lại nền tảng vật chất phục vụ giáo dục truyền thống và tham quan. Điều này cho thấy lớp giá trị vật thể của Chiến khu đã được quan tâm và vẫn có khả năng nhận diện trong không gian địa phương.

Tuy nhiên, bảo tồn phần vật thể chưa đồng nghĩa với việc toàn bộ giá trị của Chiến khu đã được chuyển tải đầy đủ. Qua khảo sát, nội dung giới thiệu và diễn giải tại các điểm di tích còn tương đối đơn giản; khả năng kết nối địa điểm với câu chuyện lịch sử, nhân vật, sự kiện, tư liệu và ký ức cộng đồng chưa rõ nét. Chính kết quả nghiên cứu của luận văn cho thấy hoạt động khai thác Chiến khu hiện vẫn chủ yếu dừng ở tham quan và dâng hương, còn thiếu các hình thức diễn giải, trải nghiệm và giáo dục di sản phù hợp với nhu cầu hiện nay.

Một vấn đề khác là nguồn giá trị của Chiến khu không chỉ nằm trong các công trình hay địa điểm còn lại mà còn tồn tại trong tư liệu, câu chuyện và ký ức lịch sử của cộng đồng. Trong khi di tích vật thể có thể được bảo vệ bằng các biện pháp tu bổ, ký ức lịch sử lại phụ thuộc đáng kể vào việc thu thập và truyền lại thông tin từ những người am hiểu lịch sử địa phương. Vì vậy, khi lớp người cao tuổi và những người trực tiếp lưu giữ ký ức ngày càng giảm, nguy cơ thất thoát lớp thông tin phi vật thể gắn với di tích cũng tăng lên.

Từ thực trạng trên có thể thấy công tác bảo tồn Chiến khu Ngọc Thanh hiện đã duy trì được nền tảng vật thể và chức năng giáo dục truyền thống, nhưng việc bảo tồn chiều sâu của di sản còn hạn chế ở khâu tư liệu hóa, diễn

giải và kết nối các địa điểm thành một câu chuyện lịch sử thống nhất. Đây cũng là lý do luận văn xác định việc bổ sung tư liệu, hình ảnh, bản đồ, hồi ký nhân chứng và các hình thức số hóa là cần thiết trong giai đoạn tiếp theo.

2.2.4.3. Hoạt động tổ chức và quản lý bảo tồn

Hoạt động bảo tồn tại Ngọc Thanh hiện có sự tham gia của cơ quan quản lý nhà nước, chính quyền cơ sở và cộng đồng địa phương, nhưng vai trò của từng nhóm có sự khác nhau tùy theo loại hình di sản.

Đối với văn hóa Sán Dìu, cộng đồng là chủ thể bảo tồn trực tiếp. Người dân duy trì các thực hành văn hóa trong gia đình và cộng đồng; những người am hiểu văn hóa và thành viên các câu lạc bộ giữ vai trò duy trì Soọng cô và các sinh hoạt văn hóa. Nhà nước chủ yếu hỗ trợ thông qua hoạt động văn hóa, giao lưu, truyền thông và các chương trình bảo tồn. Ngược lại, đối với Chiến khu Ngọc Thanh, vai trò của cơ quan quản lý rõ hơn do hoạt động bảo vệ, tu bổ và quản lý không gian di tích gắn trực tiếp với trách nhiệm quản lý nhà nước.

Thực tế cho thấy các hoạt động bảo tồn đã được triển khai nhưng tính thường xuyên và sự liên kết còn hạn chế. Các hoạt động truyền thông di sản, giao lưu văn hóa, giáo dục truyền thống và hỗ trợ câu lạc bộ thường được tổ chức gắn với từng chương trình hoặc sự kiện. Một cán bộ địa phương cho biết: *“Hoạt động vẫn có nhưng chủ yếu theo đợt, chưa duy trì được liên tục để thành nếp”* (PVS05). Ý kiến chuyên gia cũng nhận định: *“Chính sách đã có nhưng thiếu cơ chế trung gian để chuyển hóa thành hoạt động thường xuyên tại cộng đồng”* (CG02).

Các minh chứng trên cho thấy hạn chế của công tác quản lý không phải là hoàn toàn thiếu hoạt động bảo tồn, mà nằm ở khả năng kết nối những hoạt động riêng lẻ thành một quá trình thường xuyên. Đối với văn hóa Sán Dìu, khoảng trống thể hiện ở hoạt động truyền dạy, tư liệu hóa và hỗ trợ lực lượng kế cận; đối với Chiến khu Ngọc Thanh, khoảng trống tập trung ở bảo tồn ký ức, hệ thống diễn giải và kết nối các điểm di tích. Vì vậy, quản lý bảo tồn hiện vẫn thiên về duy trì những gì đang có hơn là hình thành một chu trình kiểm kê – bảo tồn – truyền dạy/ diễn giải – phát huy – giám sát có tính liên tục.

2.2.4.4. Đánh giá chung về hiện trạng bảo tồn

Tổng hợp kết quả khảo sát thực địa, phỏng vấn và đối chiếu các nhóm di sản cho thấy hiện trạng bảo tồn tại Ngọc Thanh có thể khái quát ở ba mức độ.

Thứ nhất, nhóm giá trị văn còn sức sống trong cộng đồng, tiêu biểu là một số thực hành văn hóa Sán Dìu và dân ca Soọng cô. Các giá trị này vẫn còn người thực hành và chưa bị tách hoàn toàn khỏi môi trường văn hóa bản địa. Đây là lợi thế quan trọng vì di sản vẫn tồn tại với tư cách một bộ phận của đời sống cộng đồng, thay vì chỉ được phục dựng phục vụ mục đích trình diễn.

Thứ hai, nhóm giá trị vẫn được duy trì nhưng có dấu hiệu suy giảm về điều kiện trao truyền, thể hiện ở một số phong tục, tín ngưỡng, tri thức dân gian và khả năng tham gia của thế hệ trẻ. Minh chứng từ PVS03 cho thấy một số hoạt động vẫn tồn tại nhưng phạm vi thực hành đã thu hẹp; đồng thời dữ liệu nghiên cứu cũng xác định sự suy giảm lực lượng kế cận là một trong những áp lực đối với văn hóa Sán Dìu.

Thứ ba, đối với di sản Chiến khu Ngọc Thanh, lớp giá trị vật thể và chức năng giáo dục lịch sử vẫn được duy trì, nhưng lớp giá trị phi vật thể gồm câu chuyện, ký ức, tư liệu và hệ thống diễn giải chưa được bảo tồn và phát huy tương xứng. Thực trạng khai thác vẫn thiên về tham quan, dâng hương và tiếp nhận thông tin hơn là trải nghiệm, diễn giải và giáo dục di sản có chiều sâu.

Như vậy, kết quả nghiên cứu cho thấy Ngọc Thanh không thiếu các hoạt động bảo tồn và các giá trị văn hóa cốt lõi chưa bị mất đi, nhưng mức độ bảo tồn giữa các loại hình còn chênh lệch. Điểm mạnh là văn hóa Sán Dìu vẫn còn môi trường thực hành và Chiến khu Ngọc Thanh vẫn duy trì được nền tảng di tích – lịch sử. Điểm hạn chế nằm ở sự suy giảm lực lượng kế cận; phạm vi thực hành của một số giá trị bị thu hẹp; hoạt động tư liệu hóa và truyền dạy chưa hệ thống; diễn giải di sản lịch sử còn mỏng; và cơ chế phối hợp bảo tồn chưa duy trì thường xuyên.

2.2.5. Khả năng phát huy giá trị văn hóa trong phát triển du lịch

Khả năng phát huy giá trị văn hóa tại xã Ngọc Thanh trong phát triển du lịch được xác định thông qua mức độ sẵn sàng chuyển hóa các giá trị văn hóa hiện hữu thành sản phẩm trải nghiệm, mức độ liên kết giữa các nhóm tài nguyên, và năng lực tổ chức không gian – dịch vụ tại địa phương.

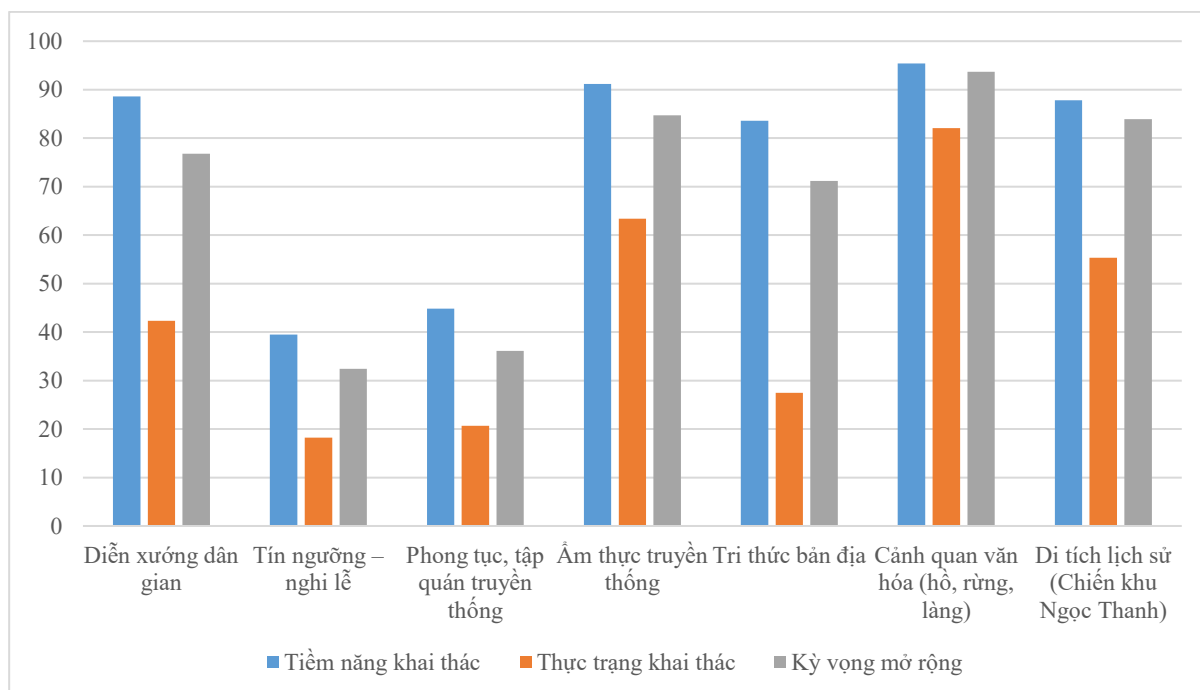
Ở nhóm giá trị văn hóa cộng đồng Sán Dìu, đặc biệt là diễn xướng dân gian và hệ tri thức bản địa, tiềm năng phát huy thể hiện rõ ở tính trải nghiệm và tính tương tác xã hội cao. Các thực hành như , ẩm thực truyền thống và tri

thức sử dụng được liệu có khả năng tạo ra sản phẩm du lịch văn hóa đặc thù nếu được tổ chức theo hướng trải nghiệm hóa. Tuy nhiên, dữ liệu phỏng vấn cho thấy các thực hành này hiện vẫn chủ yếu vận hành trong không gian cộng đồng nội sinh, chưa hình thành cơ chế trình diễn hoặc diễn giải có hệ thống phục vụ du khách. Một cán bộ văn hóa địa phương nhận định: *“Hoạt động văn hóa có sẵn nhưng chưa được tổ chức thành sản phẩm để khách có thể tham gia một cách bài bản”* (PVS03). Điều này phản ánh giới hạn hiện tại nằm ở khâu tổ chức sản phẩm hơn là ở bản thân giá trị văn hóa.

Đối với nhóm giá trị lịch sử – cách mạng, đặc biệt là hệ thống di tích Chiến khu Ngọc Thanh, khả năng phát huy trong du lịch phụ thuộc lớn vào năng lực liên kết không gian và hệ thống diễn giải lịch sử. Kết quả khảo sát cho thấy du khách tiếp cận các điểm di tích theo hướng rời rạc, thiếu mạch câu chuyện xuyên suốt, dẫn đến trải nghiệm mang tính phân mảnh. Một ý kiến từ doanh nghiệp du lịch cho rằng *“các điểm di tích có giá trị nhưng chưa kết nối thành tuyến trải nghiệm hoàn chỉnh nên khó xây dựng tour ổn định”* (PVS17). Điều này cho thấy tiềm năng phát huy có tồn tại, nhưng đang bị giới hạn bởi thiếu cấu trúc tuyến và thiếu hệ thống thuyết minh tích hợp.

Ở nhóm cảnh quan văn hóa và không gian cư trú, lợi thế nổi bật nằm ở sự kết hợp giữa hồ Đại Lải, không gian đồi rừng trung du và hệ thống làng xóm truyền thống. Đây là nền tảng quan trọng cho phát triển các loại hình du lịch sinh thái – văn hóa và nghỉ dưỡng kết hợp trải nghiệm bản địa. Tuy nhiên, quá trình khai thác hiện nay chủ yếu vẫn thiên về tham quan cảnh quan và nghỉ dưỡng, trong khi thành tố văn hóa chưa được tích hợp sâu vào sản phẩm du lịch. Sự tách biệt giữa “không gian ngắm cảnh” và “không gian văn hóa” làm giảm chiều sâu trải nghiệm và hạn chế khả năng kéo dài thời gian lưu trú của du khách.

Từ góc độ tham vấn chuyên gia, đa số ý kiến thống nhất rằng Ngọc Thanh có đủ điều kiện nền tảng để phát triển du lịch văn hóa tổng hợp, nhưng điểm nghẽn nằm ở năng lực thiết kế sản phẩm và cơ chế phối hợp giữa các chủ thể. Một chuyên gia phát triển du lịch nhấn mạnh: *“vấn đề không nằm ở tài nguyên mà nằm ở khả năng tổ chức tài nguyên thành trải nghiệm có cấu trúc”* (CG01). Nhận định này cũng cố thêm rằng phát huy giá trị văn hóa hiện nay không bị giới hạn bởi thiếu hụt tài nguyên, mà bị chi phối bởi mức độ kết nối giữa các lớp giá trị.



Hình 2.1. Biểu đồ ma trận tiềm năng – thực trạng – kỳ vọng khai thác giá trị văn hóa tại xã Ngọc Thanh

Nguồn: Tác giả tổng hợp từ kết quả khảo sát, 2026

Biểu đồ cho thấy sự phân hóa rõ giữa ba mức độ: tiềm năng khai thác, thực trạng khai thác và kỳ vọng mở rộng đối với các nhóm giá trị văn hóa tại xã Ngọc Thanh. Cảnh quan văn hóa đạt mức cao nhất ở cả ba trục, đóng vai trò trụ cột phát triển du lịch hiện tại. Nhóm ẩm thực và di tích lịch sử có tiềm năng cao nhưng mức khai thác thực tế còn chênh lệch, phản ánh dư địa phát triển lớn. Diễn xướng dân gian và tri thức bản địa thể hiện khoảng cách rõ giữa tiềm năng và thực trạng, cho thấy chưa được tổ chức hóa thành sản phẩm du lịch. Tín ngưỡng và phong tục có mức khai thác thấp nhất do rào cản văn hóa và tính thiêng nội tại cộng đồng.

2.3. Thực trạng du lịch văn hoá tại xã Ngọc Thanh, Thành phố Phúc Yên, tỉnh Vĩnh Phúc

2.3.1. Thực trạng thị trường khách du lịch

Xã Ngọc Thanh nằm gần khu du lịch Đại Lải và Tam Đảo, thuận lợi cho việc kết nối các tour du lịch sinh thái và văn hóa. Vì những lí do đó, thị trường khách du lịch đến với Ngọc Thanh rộng mở bao trùm cả khách du lịch trong nước và quốc tế. Đối với khách du lịch nội địa, đến xã Ngọc Thanh chủ yếu đến từ các tỉnh lân cận, đặc biệt là các tỉnh trong khu vực đồng bằng sông

Hồng như Hà Nội, Bắc Ninh, Thái Nguyên và Phú Thọ. Theo thống kê của địa phương, từ 2023 đến 2025, mỗi năm Ngọc Thanh đón khoảng 100.000 – 120.000 lượt khách nội địa và 1.700 – 2.500 khách quốc tế. Trong thực tế, thị trường khách du lịch tại Ngọc Thanh hiện vận hành trong trạng thái chưa định hình rõ cấu trúc phân khúc và chưa hình thành dòng cầu ổn định theo nghĩa kinh tế du lịch. Các dòng khách đến chủ yếu mang tính kết hợp tuyến, phụ thuộc vào các điểm đến lân cận trong khu vực như Đại Lải và Tam Đảo, thay vì được dẫn dắt bởi một hệ thống sản phẩm văn hóa nội tại đủ mạnh. Trong bối cảnh đó, Ngọc Thanh chưa thể được xem như một điểm đến độc lập về mặt thị trường, mà vẫn tồn tại như một không gian chuyển tiếp trong hành trình du lịch vùng.

Kết quả khảo sát 81 khách du lịch cho thấy ba đặc trưng nổi bật của thị trường hiện tại: quy mô khách nhỏ, tính ổn định thấp và mức độ quay lại hạn chế. Cụ thể, nhóm khách đi lần đầu chiếm 64,8%, trong khi nhóm khách quay lại từ ba lần trở lên chỉ đạt 16,7%. Đồng thời, 62,7% khách chỉ lưu trú trong ngày, cho thấy thời gian tương tác giữa du khách và điểm đến rất ngắn, chưa đủ để hình thành trải nghiệm tích lũy. Cấu trúc này phản ánh mô hình tiêu dùng du lịch mang tính “tiêu thụ tức thời”, trong đó giá trị điểm đến chưa được chuyển hóa thành động lực quay lại.

Bảng 2.1. Đặc trưng thị trường khách du lịch tại Ngọc Thanh

Nhóm chỉ báo thị trường	Kết quả	Ý nghĩa
Khách đi lần đầu	64,8%	Thị trường thiếu tích lũy trải nghiệm
Khách quay lại ≥ 3 lần	16,7%	Mức độ trung thành thấp
Lưu trú trong ngày	62,7%	Hành vi tiêu dùng ngắn vòng
Lưu trú ≥ 2 đêm	8,1%	Chưa hình thành nhu cầu ở lại
Ý định quay lại tích cực	18,9%	Động lực tái tiêu dùng yếu
Giới thiệu điểm đến tích cực	24,9%	Hiệu ứng lan truyền hạn chế

Nguồn: Tác giả tổng hợp từ kết quả khảo sát, 2026

Xét về cơ cấu mục đích chuyến đi, dữ liệu cho thấy sự chi phối rõ rệt của nhóm tham quan (66,5%) và nghỉ dưỡng (49,4%), trong khi mục tiêu tìm hiểu văn hóa chỉ đạt 27,9% và học tập – nghiên cứu ở mức 6,9%. Điều này phản ánh một thực tế quan trọng: yếu tố văn hóa chưa đóng vai trò dẫn dắt

trong quyết định lựa chọn điểm đến, mà chỉ tồn tại như một lớp giá trị bổ sung trong hành trình du lịch. Khi động cơ văn hóa không giữ vai trò trung tâm, khả năng hình thành nhu cầu trải nghiệm chuyên sâu bị giới hạn đáng kể, kéo theo sự suy giảm về chiều sâu tiêu dùng du lịch.

Quan sát hành vi thực tế cũng cho thấy sự chênh lệch giữa động cơ và trải nghiệm. Tỷ lệ tham gia trải nghiệm văn hóa Sán Dìu chỉ đạt 15%, trong khi các hoạt động như Soọng cô hay giao lưu văn hóa cộng đồng đều ở mức thấp hơn 20%. Điều này cho thấy ngay cả nhóm khách có tiếp cận yếu tố văn hóa cũng chưa được chuyển hóa thành nhóm tiêu dùng trải nghiệm thực chất. Một số doanh nghiệp lữ hành (DN1, DN3) ghi nhận rằng khách thường dừng ở mức quan sát nhanh, thiếu sự tham gia vào các hoạt động có cấu trúc, do thiếu sản phẩm dẫn dắt hành vi.

Tổng hợp các bằng chứng định lượng và định tính cho thấy thị trường khách tại Ngọc Thanh đang vận hành trong trạng thái phụ thuộc ngoại sinh, tức là dòng khách đến chủ yếu do tác động của các điểm đến lân cận hơn là sức hút nội tại của chính địa phương. Sự thiếu vắng dòng khách chuyên biệt, đặc biệt là nhóm khách văn hóa và khách nghiên cứu, khiến thị trường chưa đạt đến mức độ phân hóa cần thiết để hình thành sản phẩm du lịch ổn định. Trong mối tương quan với cấu trúc cung đã phân tích ở mục trước, có thể nhận thấy sự bất cân xứng rõ rệt giữa năng lực cung ứng trải nghiệm và cấu trúc cầu thị trường. Chính sự thiếu cân bằng này lý giải vì sao Ngọc Thanh chưa hình thành được chu trình thị trường khép kín, nơi trải nghiệm – hài lòng – quay lại – lan truyền có thể vận hành như một hệ thống tự củng cố.

2.3.2. Khả năng tiếp cận thông tin của khách du lịch

Nhu cầu thông tin phản ánh mức độ du khách cần tìm hiểu về tài nguyên, sản phẩm, dịch vụ và điều kiện tiếp cận điểm đến trước và trong chuyến đi. Đối với Ngọc Thanh, nhu cầu này tập trung vào thông tin về văn hóa Sán Dìu, hệ thống di tích Chiến khu Ngọc Thanh, tuyến tham quan, hoạt động trải nghiệm và các dịch vụ hỗ trợ.

Kết quả khảo sát cho thấy Internet là nguồn thông tin phổ biến nhất, chiếm 69,5%, tiếp theo là truyền miệng với 56,7%; trong khi tỷ lệ tiếp cận qua doanh nghiệp lữ hành, báo chí và ấn phẩm du lịch đều dưới 15%. Điều này

cho thấy du khách có nhu cầu chủ động tìm kiếm thông tin, nhưng việc tiếp cận hiện phụ thuộc chủ yếu vào các nguồn phân tán và kinh nghiệm cá nhân, thay vì một hệ thống thông tin chính thức của điểm đến.

Thông tin được cung cấp hiện còn hạn chế về nội dung và hình thức, chưa giúp du khách nhận biết đầy đủ các điểm tham quan, câu chuyện di sản và cách thức tham gia trải nghiệm. Đây là một nguyên nhân khiến khách chủ yếu tham quan ngắn, trong khi tỷ lệ tham gia trải nghiệm văn hóa Sán Dìu chỉ đạt khoảng 15% và các hoạt động giao lưu văn hóa đều dưới 20%. Như vậy, khoảng cách giữa nhu cầu tiếp cận thông tin và khả năng đáp ứng của điểm đến vẫn còn tương đối lớn.

2.3.3. Mức độ nhận diện điểm đến

Mức độ nhận diện điểm đến phản ánh khả năng du khách phân biệt và ghi nhớ Ngọc Thanh thông qua hình ảnh, giá trị đặc trưng và thông điệp du lịch. Kết quả nghiên cứu cho thấy Ngọc Thanh chưa được nhận diện rõ như một điểm đến du lịch văn hóa độc lập, mà chủ yếu được tiếp cận trong mối liên hệ với khu du lịch Đại Lải.

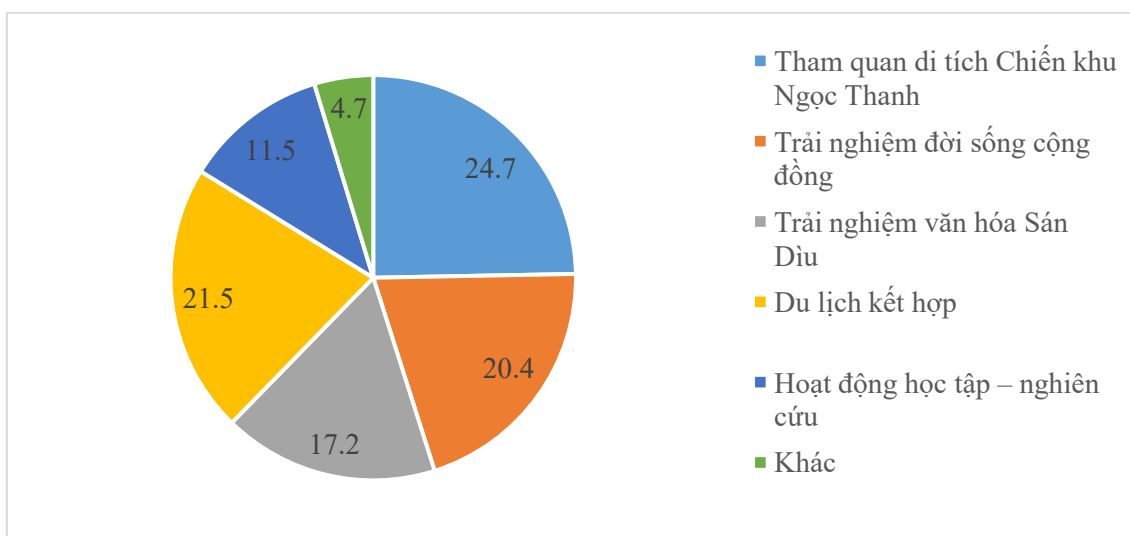
Mặc dù địa phương sở hữu văn hóa Sán Dìu và hệ thống di tích Chiến khu Ngọc Thanh, hai nhóm giá trị này chưa được liên kết thành một hình ảnh và câu chuyện điểm đến thống nhất. Hoạt động quảng bá còn mang tính thời điểm, thiếu chiến lược định vị dài hạn và phụ thuộc nhiều vào Internet, truyền miệng hoặc trải nghiệm cá nhân. Các kênh truyền thông chính thức và sự tham gia của doanh nghiệp lữ hành còn hạn chế, làm giảm khả năng tiếp cận các thị trường khách mục tiêu.

Mức độ nhận diện hạn chế còn thể hiện qua tỷ lệ khách có ý định quay lại chỉ đạt 18,9%, trong khi tỷ lệ sẵn sàng giới thiệu điểm đến chưa vượt quá 25%. Điều này cho thấy trải nghiệm tại Ngọc Thanh chưa tạo được dấu ấn đủ rõ để hình thành sự ghi nhớ và gắn kết lâu dài của du khách. Vì vậy, địa phương hiện vẫn được nhìn nhận như một điểm bổ trợ trong không gian Đại Lải – Tam Đảo hơn là một điểm đến được định vị bằng bản sắc văn hóa – lịch sử riêng.

2.3.4. Thực trạng khai thác tài nguyên du lịch văn hóa

Kết quả khảo sát cho thấy hoạt động du lịch văn hóa tại xã Ngọc Thanh

đã được khai thác tương đối đa dạng, tuy nhiên mức độ chuyển hóa tài nguyên thành sản phẩm du lịch vẫn chưa đồng đều giữa các nhóm giá trị. Các hoạt động hiện nay tập trung nhiều vào tham quan và trải nghiệm đời sống địa phương, trong khi những tài nguyên mang tính đặc trưng như văn hóa Sán Dìu hoặc hoạt động nghiên cứu chuyên đề vẫn chưa phát huy tương xứng với tiềm năng sẵn có. Điều này phản ánh khoảng cách giữa nguồn lực tài nguyên và năng lực tổ chức khai thác trong thực tế.



Hình 2.2. Mức độ khai thác tài nguyên du lịch văn hóa tại xã Ngọc Thanh

Nguồn: Tác giả tổng hợp từ kết quả khảo sát, 2026

Xét theo cơ cấu tham gia của du khách, hoạt động tham quan di tích Chiến khu Ngọc Thanh chiếm tỷ lệ cao nhất với 24,7%, cho thấy giá trị lịch sử vẫn giữ vai trò trung tâm trong hoạt động du lịch văn hóa tại địa phương. Tuy nhiên, hình thức khai thác chủ yếu vẫn tập trung vào tham quan không gian di tích và tìm hiểu thông tin cơ bản, chưa gắn nhiều với hoạt động tái hiện lịch sử, diễn giải di sản hay trải nghiệm chuyên đề. Vì vậy, tài nguyên lịch sử đã được đưa vào khai thác nhưng hiệu quả tạo trải nghiệm và kéo dài thời gian lưu trú của khách còn hạn chế.

Bên cạnh đó, nhóm tham quan kết hợp tìm hiểu đời sống địa phương đạt 21,5%, trong khi trải nghiệm đời sống cộng đồng chiếm 20,4%. Tổng tỷ trọng của hai nhóm này đạt 41,9%, phản ánh nhu cầu tương đối rõ của du khách đối với các hoạt động có yếu tố tương tác với không gian bản địa. Khách du lịch không chỉ quan tâm đến tham quan đơn thuần mà còn có xu hướng tiếp cận sinh

hoạt cộng đồng, tìm hiểu đời sống dân cư và môi trường văn hóa địa phương. Đây được xem là nền tảng thuận lợi để phát triển các sản phẩm du lịch trải nghiệm gắn với cộng đồng trong thời gian tới.

Đối với trải nghiệm văn hóa Sán Dìu gồm các nội dung như ẩm thực, phong tục, hát Soọng cô và sinh hoạt văn hóa truyền thống, tỷ lệ tham gia đạt 17,2%. Mức độ này cho thấy tài nguyên văn hóa dân tộc Sán Dìu đã bước đầu được đưa vào hoạt động du lịch, tuy nhiên vẫn thấp hơn so với các hoạt động tham quan và trải nghiệm cộng đồng. Điều này phản ánh thực tế rằng các giá trị văn hóa bản địa mới chủ yếu xuất hiện dưới dạng trải nghiệm đơn lẻ, chưa được liên kết thành sản phẩm hoàn chỉnh hoặc chương trình khai thác thường xuyên.

Ở nhóm có tỷ trọng thấp hơn, hoạt động học tập – nghiên cứu chiếm 11,5%, cho thấy đã xuất hiện nhu cầu khai thác tài nguyên phục vụ mục đích giáo dục, nghiên cứu và tìm hiểu chuyên sâu. Tuy nhiên, tỷ lệ này vẫn còn khiêm tốn, phản ánh việc địa phương chưa hình thành rõ các sản phẩm chuyên đề phục vụ nhóm khách học thuật, nghiên cứu lịch sử hoặc giáo dục trải nghiệm.

Đáng chú ý, vẫn có 4,7% khách du lịch chỉ đi qua hoặc không tham gia các hoạt động văn hóa, cho thấy một bộ phận khách hiện nay chưa thực sự tiếp cận các giá trị văn hóa tại điểm đến. Điều này phản ánh tình trạng khai thác chưa đồng bộ giữa tài nguyên và hệ thống sản phẩm, dẫn đến việc một số du khách vẫn xem Ngọc Thanh như điểm dừng trong hành trình thay vì điểm đến trải nghiệm văn hóa độc lập.

Nhìn chung, kết quả khảo sát cho thấy tài nguyên văn hóa tại xã Ngọc Thanh đã được đưa vào khai thác nhưng còn thiên về hoạt động tham quan và trải nghiệm phân tán. Các nguồn lực lịch sử, văn hóa cộng đồng và bản sắc Sán Dìu tuy có tiềm năng phát triển nhưng mức độ tích hợp vào sản phẩm du lịch vẫn chưa cao. Điều này đặt ra yêu cầu tăng cường hoạt động diễn giải di sản, xây dựng chuỗi trải nghiệm và tổ chức sản phẩm theo hướng chuyên đề nhằm nâng cao giá trị khai thác tài nguyên du lịch văn hóa trong thời gian tới.

2.3.5. Thực trạng sản phẩm và dịch vụ du lịch văn hóa

Cấu trúc cung du lịch văn hóa tại địa bàn nghiên cứu cho thấy khoảng cách rõ rệt giữa mức độ phong phú của tài nguyên và khả năng chuyển hóa

thành hệ thống sản phẩm – dịch vụ có thể vận hành ổn định. Nếu xét ở tầng tài nguyên, các giá trị chiến khu và văn hóa Sán Dìu đã được nhận diện tương đối đầy đủ, thì ở tầng cung ứng, chúng vẫn chủ yếu tồn tại dưới dạng “điểm tiếp cận” hơn là “đơn vị sản phẩm”. Điều này khiến trải nghiệm của du khách phụ thuộc nhiều vào sự hiện diện của tài nguyên hơn là năng lực tổ chức của hệ thống du lịch địa phương. Kết quả khảo sát khách du lịch phản ánh rõ cấu trúc này thông qua các dạng hoạt động thực tế trong hành trình tham quan.

Bảng 2.2. Cấu trúc hiện diện của sản phẩm và dịch vụ du lịch văn hóa tại xã Ngọc Thanh (n = 81)

Cấu phần tiếp cận thực tế của du khách	Tỷ lệ (%)	Nhận diện mức độ phát triển
Tham quan di tích Chiến khu Ngọc Thanh	24,7	Hoạt động chiếm ưu thế, chủ yếu dừng ở quan sát không gian, thiếu lớp diễn giải lịch sử
Trải nghiệm đời sống cộng đồng	20,4	Có phát sinh nhưng chưa được thiết kế thành dịch vụ ổn định
Trải nghiệm văn hóa Sán Dìu (, phong tục, ẩm thực...)	17,2	Rời rạc, phụ thuộc thời điểm và mức độ tự phát của cộng đồng
Tham quan kết hợp tìm hiểu địa phương	21,5	Chủ yếu do khách tự tổ chức, thiếu cấu trúc điều phối
Hoạt động học tập – nghiên cứu	11,5	Quy mô còn hạn chế, chưa hình thành dòng khách chuyên biệt rõ rệt
Không tham gia hoạt động văn hóa	4,7	Cho thấy vai trò điểm dừng trong tuyến liên kết vùng

Nguồn: Tác giả tổng hợp từ kết quả khảo sát, 2026

Nhóm hoạt động tham quan Chiến khu Ngọc Thanh chiếm tỷ lệ cao nhất (24,7%) nhưng chủ yếu dừng lại ở tiếp cận bề mặt không gian. Du khách quan sát địa điểm, ghi nhận dấu tích và di chuyển tiếp, trong khi phần giải thích lịch sử – vốn quyết định chiều sâu trải nghiệm – chưa được tổ chức thành hệ thống thống nhất. Dữ liệu định tính cũng củng cố nhận định này. Một cán bộ quản lý văn hóa (QL1) cho biết nội dung thuyết minh hiện nay phụ thuộc nhiều vào cá nhân người hướng dẫn, chưa có khung nội dung cố định. Một chuyên gia du lịch cộng đồng (CG3) cũng nhấn mạnh rằng giá trị chiến khu “chưa được

chuyển hóa thành câu chuyện có cấu trúc”, dẫn đến việc trải nghiệm lịch sử bị rút ngắn thành hoạt động quan sát đơn thuần.

Các nhóm trải nghiệm liên quan đến văn hóa Sán Dìu và đời sống cộng đồng (17,2% và 20,4%) cho thấy một nghịch lý rõ rệt: nội dung văn hóa còn tồn tại mạnh trong cộng đồng, nhưng khả năng tổ chức thành dịch vụ du lịch lại hạn chế. Các yếu tố như , phong tục sinh hoạt hay ẩm thực truyền thống vẫn được duy trì trong đời sống thường nhật, song chưa được chuẩn hóa thành hoạt động có lịch trình hoặc kịch bản trải nghiệm. Điều này khiến việc tiếp cận phụ thuộc vào yếu tố ngẫu nhiên, thường chỉ xuất hiện trong các dịp lễ hoặc sự kiện cộng đồng. Doanh nghiệp lữ hành (DN1) phản ánh rằng các hoạt động văn hóa “không đủ tính định kỳ để đưa vào tour cố định”. Một đơn vị tổ chức trải nghiệm (DN4) cũng cho rằng việc thiếu quy trình hóa khiến các hoạt động này khó trở thành sản phẩm thương mại ổn định. Tình trạng này thể hiện việc các giá trị văn hóa vẫn tồn tại nhưng chưa được chuyển hóa đầy đủ thành cấu phần dịch vụ có khả năng vận hành thường xuyên.

Tỷ lệ 21,5% khách tham gia hình thức kết hợp tìm hiểu đời sống địa phương phản ánh nhu cầu trải nghiệm tương đối rõ ràng, nhưng hệ thống cung hiện tại chưa đáp ứng bằng các sản phẩm chính thức. Du khách thường phải tự xây dựng hành trình, tự tìm điểm tiếp cận và tự tương tác với cộng đồng. Một hướng dẫn viên (DN3) mô tả thực tế rằng khách thường “tự đi vào làng và tự hỏi chuyện người dân do không có tuyến dẫn dắt cụ thể”. Điều này cho thấy vai trò điều phối trải nghiệm – một chức năng cơ bản của sản phẩm du lịch – chưa được thiết lập. Trạng thái này phản ánh nhu cầu thị trường đã xuất hiện nhưng chưa được dẫn dắt hiệu quả bởi hệ thống cung ứng tại địa phương.

Hoạt động học tập – nghiên cứu đạt 11,5%, cao hơn so với ghi nhận ban đầu, cho thấy đã xuất hiện nhóm khách có nhu cầu tìm hiểu lịch sử, văn hóa và trải nghiệm theo hướng học thuật. Tuy nhiên, tỷ lệ này vẫn chưa đủ lớn để hình thành phân khúc khách chuyên biệt. Trong khi đó, các chuyên gia (DT1, CG2) đều nhận định khu vực này có tiềm năng trở thành không gian nghiên cứu về văn hóa Sán Dìu và lịch sử chiến khu nhưng chưa có sản phẩm tổ chức tương ứng. Một giảng viên du lịch (DT1) nhấn mạnh rằng vấn đề không nằm ở thiếu tài nguyên mà ở việc chưa xây dựng được “chương trình trải nghiệm có cấu trúc học thuật”. Điều này làm cho giá trị tri thức của di sản chưa được khai thác đầy đủ.

Tỷ lệ 4,7% khách không tham gia hoạt động văn hóa cho thấy vẫn tồn tại một bộ phận du khách tiếp cận Ngọc Thanh theo hình thức tham quan ngắn hoặc đi qua trong hành trình liên vùng. Theo doanh nghiệp lữ hành (DN1), phần lớn khách vẫn ưu tiên các điểm đến lân cận như Đại Lải hoặc Tam Đảo, trong khi Ngọc Thanh chủ yếu được xem là điểm ghé trong tuyến tham quan. Điều này phản ánh hệ thống sản phẩm hiện tại chưa đủ sức chuyển đổi vị thế từ điểm trung chuyển sang điểm đến trải nghiệm độc lập có khả năng giữ chân khách.

Tổng hợp các bằng chứng định lượng và định tính cho thấy vấn đề cốt lõi không nằm ở sự thiếu hụt tài nguyên, mà nằm ở sự vắng mặt của tầng trung gian trong chuỗi chuyển hóa. Cụ thể, ba cấu phần quan trọng chưa được hình thành đầy đủ gồm: lớp diễn giải di sản, lớp thiết kế trải nghiệm và lớp chuẩn hóa dịch vụ. Sự thiếu hụt này khiến các giá trị văn hóa tồn tại như “nguồn lực tĩnh”, chưa được chuyển hóa thành sản phẩm có khả năng tiêu dùng lặp lại. Hệ quả trực tiếp là trải nghiệm du lịch bị giới hạn trong các hành trình ngắn, phụ thuộc vào tuyến liên kết vùng và không tạo được tích lũy giá trị ghi nhớ. Trong logic hệ sinh thái du lịch, đây là trạng thái mất cân bằng giữa tài nguyên văn hóa và năng lực tổ chức cung ứng. Khi năng lực tổ chức chưa đạt ngưỡng vận hành, hệ thống du lịch khó chuyển sang giai đoạn tăng trưởng bền vững, mà chủ yếu vận hành theo dạng khai thác tình huống, phụ thuộc vào dòng khách ngoại sinh.

2.3.6. Thực trạng tổ chức quản lý và tham gia của các chủ thể

2.3.6.1. Các chủ thể tham gia trong hoạt động du lịch văn hóa

Cấu trúc chủ thể tham gia vào hoạt động du lịch văn hóa tại địa bàn nghiên cứu hình thành theo hướng đa thành phần, bao gồm cơ quan quản lý nhà nước, cộng đồng địa phương và doanh nghiệp du lịch. Mức độ tham gia giữa các nhóm này không đồng đều, trong đó sự chênh lệch thể hiện rõ giữa vai trò quản lý – vai trò thụ hưởng – và vai trò khai thác kinh tế du lịch. Dữ liệu khảo sát định tính và quan sát thực địa cho thấy các chủ thể tồn tại tương đối đầy đủ về mặt hình thức, nhưng mức độ tham gia thực chất vào chuỗi hoạt động du lịch còn hạn chế.

Ở nhóm cơ quan quản lý nhà nước, Phòng Văn hóa và Thông tin thành phố Phúc Yên là đơn vị tham mưu chính trong lĩnh vực văn hóa và du lịch, trong khi UBND xã Ngọc Thanh đảm nhiệm vai trò quản lý trực tiếp tại cơ sở. Dữ liệu phỏng vấn cho thấy toàn bộ nhóm cán bộ quản lý (2/2) đều nhấn mạnh

vai trò “quản lý theo sự vụ”, tập trung vào tổ chức lễ hội, bảo vệ di tích và triển khai nhiệm vụ hành chính định kỳ hơn là thiết kế sản phẩm du lịch. Cách tiếp cận này tạo ra nền tảng ổn định về quản lý, nhưng chưa hình thành được cơ chế dẫn dắt phát triển du lịch như một ngành kinh tế dịch vụ có tính hệ thống. Bởi, vai trò của hai cấp quản lý này chủ yếu tập trung vào tổ chức hoạt động văn hóa định kỳ, quản lý di tích và triển khai các nhiệm vụ hành chính theo kế hoạch. Tuy nhiên, mức độ chuyển hóa các định hướng quản lý thành sản phẩm du lịch cụ thể còn thấp, thể hiện qua việc chưa hình thành được bộ sản phẩm du lịch văn hóa có tính ổn định và định danh rõ ràng. Điều này phản ánh khoảng trống giữa quản lý hành chính và quản trị phát triển du lịch theo hướng thị trường.

Bảng 2.3. Mức độ tham gia và rào cản của cộng đồng địa phương trong hoạt động du lịch

Nhóm chỉ báo	Tỷ lệ / Giá trị	Diễn giải học thuật
Tham gia thường xuyên	11,5%	Nhóm nòng cốt còn rất nhỏ, chưa hình thành lực lượng cung ứng dịch vụ ổn định
Tham gia không thường xuyên	30,8%	Tham gia theo sự kiện, thiếu tính liên tục trong hoạt động du lịch
Ít tham gia	39,7%	Chủ yếu tiếp xúc gián tiếp, chưa tham gia vào chuỗi dịch vụ
Không tham gia	18,0%	Nhóm đứng ngoài hoạt động du lịch
Thiếu kỹ năng du lịch	78,2%	Rào cản chính về năng lực cung ứng dịch vụ
Thiếu kiến thức vận hành du lịch	71,8%	Hạn chế trong hiểu biết về tổ chức hoạt động du lịch
Thiếu vốn đầu tư	67,9%	Giới hạn khả năng tham gia kinh tế du lịch
Mong muốn hỗ trợ kỹ năng	83,3%	Nhu cầu cao về đào tạo và nâng cao năng lực
Mong muốn hỗ trợ vốn	76,9%	Nhu cầu hỗ trợ tài chính để tham gia hoạt động du lịch
Nhận thức vai trò du lịch (Mean)	3,62/5	Nhận thức tích cực, nhưng chưa chuyển hóa thành hành vi thực tế

Nguồn: Tác giả tổng hợp từ kết quả khảo sát, 2026

Trên cơ sở số liệu tổng hợp tại Bảng 2.3, có thể nhận diện rõ cấu trúc tham gia của cộng đồng địa phương vào hoạt động du lịch văn hóa đang nghiêng về trạng thái thụ động. Nhóm tham gia thường xuyên chỉ chiếm 11,5%, trong khi các nhóm tham gia không ổn định hoặc rất hạn chế (không thường xuyên, ít tham gia và không tham gia) chiếm tới 88,5%. Cách phân bố này cho thấy hoạt động du lịch chưa tạo được lực hút đủ mạnh để hình thành một tầng chủ thể tham gia ổn định trong cộng đồng, mà mới dừng ở mức độ tiếp xúc gián đoạn theo sự kiện hoặc tình huống. Đáng chú ý, mức độ tham gia thấp không thể giải thích đơn thuần bằng sự thiếu quan tâm của người dân, mà cần đặt trong mối tương quan với các rào cản cấu trúc được phản ánh cùng trong bảng. Tỷ lệ người dân phản ánh thiếu kỹ năng du lịch lên tới 78,2%, thiếu kiến thức vận hành 71,8% và thiếu vốn đầu tư 67,9% cho thấy các điều kiện tham gia mang tính nền tảng đều chưa được đảm bảo. Khi các rào cản này đồng thời tồn tại, khả năng chuyển hóa vốn văn hóa sẵn có thành hoạt động dịch vụ du lịch bị hạn chế đáng kể, dẫn đến tình trạng “có tài nguyên nhưng thiếu chủ thể vận hành”. Trong khi đó, chỉ số nhận thức về vai trò của du lịch đạt mức trung bình 3,62/5 phản ánh một nghịch lý đáng chú ý: mức độ nhận thức xã hội tương đối tích cực nhưng không tương ứng với mức độ tham gia thực tế. Khoảng lệch này cho thấy vấn đề không nằm ở thái độ xã hội, mà nằm ở cơ chế tổ chức và năng lực kích hoạt sự tham gia. Nói cách khác, nền tảng xã hội cho phát triển du lịch đã hình thành ở mức nhất định, nhưng chưa được chuyển hóa thành cấu trúc hành vi ổn định trong thực tiễn.

Đối với doanh nghiệp du lịch, dữ liệu định tính từ các đơn vị lữ hành cho thấy phần lớn hoạt động khai thác mới dừng ở mức đưa khách tham quan ngắn ngày, thường kết hợp với tuyến Đại Lải hoặc Tam Đảo. Các tour văn hóa chuyên biệt tại địa bàn gần như chưa hình thành ổn định do thiếu sản phẩm trải nghiệm và thiếu lịch hoạt động cố định. Điều này khiến doanh nghiệp chưa coi địa bàn như một điểm đến độc lập, mà chỉ như một điểm dừng trong chuỗi tuyến du lịch vùng.

Bảng dưới đây tổng hợp mức độ tham gia theo chủ thể và tính chất đóng góp trong chuỗi vận hành du lịch:

Bảng 2.4. Mức độ tham gia của các chủ thể trong hoạt động du lịch văn hóa tại Ngọc Thanh

Chủ thể	Vai trò thực tế	Mức độ tham gia	Bằng chứng định tính
Cơ quan quản lý nhà nước	Quản lý hành chính, tổ chức lễ hội, bảo vệ di tích	Trung bình	2/2 cán bộ nhấn mạnh quản lý theo nhiệm vụ sự vụ
Cộng đồng Sán Dìu	Cung ứng văn hóa, ẩm thực, tham gia hoạt động tự phát	Thấp trung bình	– 11,5% tham gia thường xuyên; Mean = 3,06
Doanh nghiệp du lịch	Tổ chức tour ngắn, khai thác tuyến Đại Lải – Ngọc Thanh	Trung bình thấp	7/7 DN xác nhận thiếu sản phẩm độc lập
Cơ sở đào tạo/chuyên gia	Hỗ trợ định hướng, tư vấn mô hình du lịch cộng đồng	Trung bình	4/4 chuyên gia đề xuất phát triển du lịch trải nghiệm
Cơ quan truyền thông địa phương	Quảng bá rời rạc, theo sự kiện	Thấp	4/4 chuyên gia truyền thông nhận định thiếu chiến lược dài hạn

Nguồn: Tác giả tổng hợp từ kết quả khảo sát, 2026

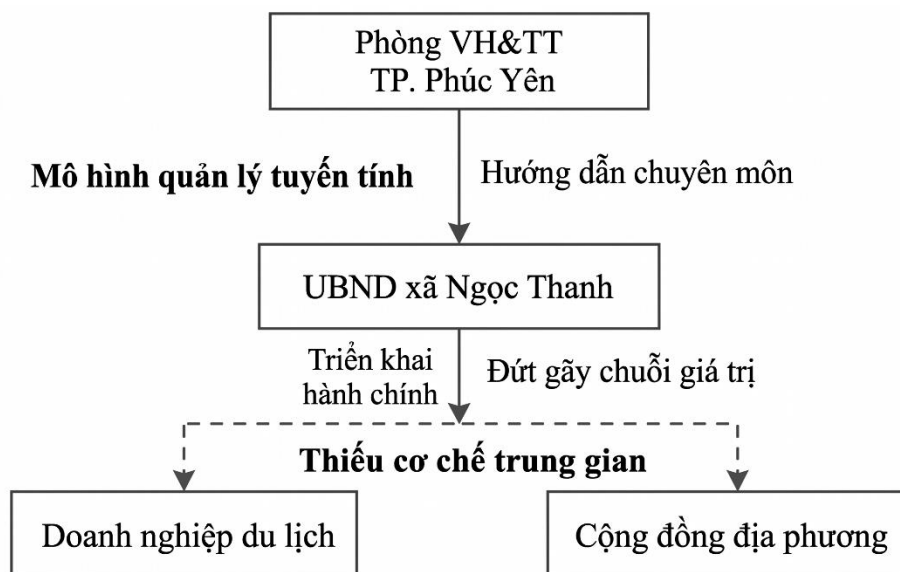
Bảng trên cho thấy cấu trúc chủ thể có sự hiện diện đầy đủ về mặt hình thức nhưng thiếu sự chuyển hóa thành mạng lưới vận hành thực chất. Mỗi nhóm tham gia theo logic riêng, chưa hình thành cơ chế điều phối chung mang tính hệ thống.

2.3.6.2. Mô hình quản lý và cơ chế vận hành

Cơ chế vận hành du lịch văn hóa tại địa bàn nghiên cứu hiện đang được tổ chức theo mô hình quản lý hành chính tuyến tính, trong đó Phòng Văn hóa và Thông tin thành phố Phúc Yên giữ vai trò hướng dẫn chuyên môn, UBND xã Ngọc Thanh triển khai thực hiện tại cơ sở, và cộng đồng cùng doanh nghiệp tham gia theo từng hoạt động cụ thể. Tuy nhiên, mô hình này chưa tạo được cơ chế phối hợp theo chiều ngang giữa các chủ thể, dẫn đến tình trạng vận hành theo từng khâu rời rạc thay vì theo chuỗi giá trị thống nhất.

Sự phối hợp giữa các cấp quản lý hiện chủ yếu thể hiện qua cơ chế báo cáo định kỳ và triển khai nhiệm vụ theo kế hoạch hành chính. Trong khi đó,

các hoạt động phát triển du lịch chưa được tích hợp thành một chương trình điều phối liên ngành có tính dài hạn. Điều này khiến cho quá trình phát triển sản phẩm du lịch thiếu tính liên tục, đặc biệt ở khâu thiết kế trải nghiệm và tổ chức dịch vụ tại điểm đến. Một điểm đáng chú ý là sự thiếu vắng các cơ chế trung gian kết nối giữa chính quyền, doanh nghiệp và cộng đồng. Các hoạt động hợp tác hiện có chủ yếu mang tính tình huống, xuất hiện khi có sự kiện văn hóa hoặc chương trình thí điểm, sau đó không duy trì được tính ổn định. Điều này làm cho chuỗi giá trị du lịch bị gián đoạn ở các khâu quan trọng như tổ chức trải nghiệm, phân phối lợi ích và tái đầu tư cho bảo tồn văn hóa.



Hình 2.3: Mô hình quản lý và vận hành du lịch văn hoá tại xã Ngọc Thanh

Nguồn: Tác giả phân tích và tổng hợp, 2025

Kết quả khảo sát cộng đồng cho thấy 83,3% người dân mong muốn được hỗ trợ đào tạo kỹ năng du lịch và 76,9% mong muốn hỗ trợ vốn, phản ánh nhu cầu rõ ràng về một cơ chế tham gia có tổ chức hơn. Trong thực tế vận hành, các nhu cầu này chưa được tích hợp vào một khung điều phối chính thức giữa các chủ thể. Vì vậy, mô hình hiện tại mới dừng ở trạng thái quản lý hành chính kết hợp với tham gia tự phát, chưa đạt đến mức vận hành theo hệ sinh thái du lịch văn hóa có cấu trúc hoàn chỉnh.

2.3.7. Đánh giá chung thực trạng phát triển du lịch văn hóa

2.3.7.1. Thành tựu

Ngọc Thanh sở hữu nền tảng tài nguyên văn hóa – lịch sử có tính đặc

thù, nổi bật ở sự đồng tồn tại giữa văn hóa cộng đồng người Sán Dìu, hệ thống di tích gắn với Chiến khu Ngọc Thanh và cảnh quan bán sơn địa. Cấu trúc tài nguyên này tạo điều kiện để địa phương phát triển du lịch dựa trên giá trị bản địa thay vì phụ thuộc hoàn toàn vào đầu tư cơ sở vật chất hoặc các sản phẩm nghỉ dưỡng có tính phổ biến. Đây là tiền đề quan trọng để thực hiện nguyên tắc phát triển du lịch văn hóa gắn với bảo tồn và tôn trọng giá trị di sản, bởi chính các giá trị văn hóa và lịch sử hiện hữu là nền tảng tạo nên sức hấp dẫn và khả năng khác biệt của điểm đến.

Một thành tựu đáng ghi nhận là các giá trị văn hóa cốt lõi vẫn còn được duy trì trong môi trường cộng đồng. Một số thực hành như dân ca Soọng Cô, phong tục, tín ngưỡng, tri thức dân gian và sinh hoạt văn hóa của người Sán Dìu vẫn còn chủ thể thực hành; trong khi các giá trị lịch sử – cách mạng của Chiến khu Ngọc Thanh tiếp tục được bảo vệ và sử dụng trong các hoạt động giáo dục truyền thống. Điều này cho thấy tài nguyên văn hóa tại địa phương chưa bị tách hoàn toàn khỏi bối cảnh xã hội tạo ra nó, qua đó hình thành điều kiện ban đầu để bảo đảm tính xác thực và nguyên bản khi đưa văn hóa vào hoạt động du lịch. Tuy nhiên, mức độ duy trì giữa các loại hình chưa đồng đều và vấn đề lực lượng kế cận vẫn đặt ra yêu cầu tiếp tục bảo tồn trong dài hạn.

Trên nền tảng đó, một số giá trị văn hóa đã bước đầu được đưa vào không gian du lịch. Hoạt động tham quan di tích, tìm hiểu lịch sử địa phương, tiếp cận văn hóa Sán Dìu, Soọng Cô và đời sống cộng đồng cho thấy mối liên hệ giữa bảo tồn di sản và phát triển du lịch đã bắt đầu được hình thành. Mặc dù các hoạt động này chưa cấu thành hệ thống sản phẩm hoàn chỉnh, sự hiện diện của chúng cho thấy địa phương đã có bước chuyển ban đầu từ nhận diện tài nguyên sang khai thác giá trị văn hóa phục vụ tham quan và trải nghiệm. Đây cũng là cơ sở để phát triển chức năng giáo dục và nâng cao nhận thức của du lịch văn hóa, đặc biệt đối với các giá trị lịch sử của Chiến khu Ngọc Thanh và bản sắc văn hóa Sán Dìu.

Về phương diện cộng đồng, người dân địa phương vẫn giữ vai trò quan trọng trong duy trì và thực hành các giá trị văn hóa. Các thiết chế và hình thức sinh hoạt văn hóa cộng đồng tiếp tục tạo môi trường cho việc lưu giữ, thực hành và trao truyền di sản. Kết quả khảo sát cũng cho thấy cộng đồng đã có mức độ nhận thức nhất định về khả năng phát huy văn hóa trong hoạt động du lịch. Đây là điều kiện thuận lợi để từng bước thực hiện nguyên tắc cộng đồng

là chủ thể tham gia bảo tồn, tổ chức hoạt động và hưởng lợi từ du lịch, thay vì chỉ trở thành đối tượng cung cấp lao động hoặc trình diễn văn hóa. Tuy nhiên, sự tham gia hiện nay mới chủ yếu ở mức độ ban đầu và chưa hình thành đầy đủ cơ chế đồng thiết kế sản phẩm, ra quyết định và phân phối lợi ích.

Bên cạnh giá trị văn hóa, vị trí của Ngọc Thanh trong không gian Đại Lải – Tam Đảo tạo lợi thế về tiếp cận thị trường. Dòng khách nghỉ dưỡng và du lịch cuối tuần hiện hữu trong khu vực tạo điều kiện để Ngọc Thanh tham gia vào các chương trình ngắn ngày kết hợp nghỉ dưỡng với tìm hiểu lịch sử và trải nghiệm văn hóa cộng đồng. Lợi thế này giúp địa phương không nhất thiết phải tạo dòng khách hoàn toàn mới mà có thể từng bước chuyển hóa một phần thị trường sẵn có thành thị trường khách văn hóa. Nếu được tổ chức phù hợp, đây sẽ là cơ sở để gắn phát triển du lịch với sinh kế và chuỗi giá trị kinh tế địa phương, thông qua các dịch vụ do cộng đồng tham gia cung ứng.

Một yếu tố tích cực khác là hoạt động du lịch văn hóa tại Ngọc Thanh hiện chưa phát triển theo mô hình đại trà với mật độ khách quá lớn. Xét từ góc độ bền vững, trạng thái này tạo ra một khoảng thời gian thuận lợi để địa phương chủ động xác lập các giới hạn khai thác, lựa chọn những giá trị có thể đưa vào du lịch và thiết lập cơ chế bảo vệ những không gian văn hóa nhạy cảm trước khi lượng khách gia tăng. Nói cách khác, quy mô khai thác còn hạn chế hiện nay không chỉ là điểm yếu về thị trường mà đồng thời tạo điều kiện để địa phương xây dựng sớm cơ chế quản lý sức chứa, kiểm soát tác động và hạn chế thương mại hóa quá mức.

Quá trình điều chỉnh không gian hành chính và tăng cường liên kết vùng sau năm 2025 cũng mở ra khả năng kết nối Ngọc Thanh với các tuyến, điểm và nguồn lực phát triển rộng hơn. Trong bối cảnh đó, lợi thế của Ngọc Thanh không nằm ở việc cạnh tranh về quy mô khu nghỉ dưỡng hoặc số lượng cơ sở dịch vụ với Đại Lải – Tam Đảo, mà ở khả năng bổ sung chiều sâu văn hóa, lịch sử và trải nghiệm cộng đồng cho không gian du lịch vùng. Cách định vị này phù hợp với yêu cầu cân bằng giữa phát triển kinh tế với bảo tồn văn hóa và cảnh quan, tránh xu hướng đồng nhất hóa sản phẩm giữa các điểm đến lân cận.

Đối chiếu với hệ thống nguyên tắc phát triển du lịch văn hóa bền vững, thực trạng Ngọc Thanh hiện cho thấy một số nền tảng tích cực đã hình thành nhưng mới ở mức tiền đề. Cụ thể, địa phương còn duy trì được nguồn tài

nguyên văn hóa có tính xác thực; cộng đồng vẫn là chủ thể nắm giữ và thực hành di sản; một số giá trị đã bước đầu tham gia vào hoạt động du lịch; chức năng giáo dục lịch sử vẫn được duy trì; đồng thời vị trí liên kết vùng tạo khả năng kết nối du lịch với sinh kế địa phương. Những yếu tố này tương ứng với các nguyên tắc về bảo tồn di sản, tính xác thực, sự tham gia của cộng đồng, giáo dục văn hóa và liên kết phát triển kinh tế địa phương. Tuy nhiên, chưa thể khẳng định hoạt động du lịch văn hóa tại Ngọc Thanh đã bảo đảm đầy đủ các yêu cầu phát triển bền vững. Các nguyên tắc về chia sẻ lợi ích công bằng, quản lý sức chứa, kiểm soát tác động, sự tham gia thực chất của cộng đồng và cân bằng giữa hiệu quả kinh tế – văn hóa – môi trường mới được thể hiện ở mức độ hạn chế hoặc chưa hình thành thành cơ chế cụ thể. Vì vậy, thành tựu nổi bật của giai đoạn hiện nay chủ yếu nằm ở việc Ngọc Thanh đã duy trì được nền tảng di sản và hình thành những điều kiện ban đầu để phát triển du lịch văn hóa theo hướng bền vững; còn việc chuyển các điều kiện đó thành một hệ thống vận hành bền vững đầy đủ vẫn là nhiệm vụ cần tiếp tục giải quyết.

2.3.7.2. Hạn chế

Mặc dù có tiềm năng và đã đạt được một số kết quả bước đầu, phát triển du lịch văn hóa tại Ngọc Thanh vẫn tồn tại nhiều hạn chế mang tính cấu trúc. Hạn chế cơ bản nhất là tài nguyên văn hóa – lịch sử chưa được chuyển hóa thành một hệ thống sản phẩm du lịch hoàn chỉnh. Phần lớn hoạt động hiện nay vẫn dừng lại ở việc tiếp cận không gian di tích, tham quan cảnh quan hoặc tham gia một số trải nghiệm văn hóa riêng lẻ. Giữa các hoạt động chưa hình thành được chuỗi trải nghiệm có sự liên kết theo logic thời gian, không gian và chiều sâu ý nghĩa.

Các di tích gắn với Chiến khu Ngọc Thanh chưa có hệ thống diễn giải đủ rõ ràng và hấp dẫn để giúp du khách hiểu được giá trị lịch sử, bối cảnh hình thành và ý nghĩa của từng địa điểm. Trong khi đó, văn hóa Sán Dìu phần lớn mới được nhận diện như một thành tố tài nguyên, chưa được chuyển hóa thành các hoạt động trải nghiệm thường xuyên, có quy trình tổ chức và có khả năng cung ứng ổn định. Các yếu tố như hát Soọng Cô, phong tục, ẩm thực và sinh hoạt cộng đồng vẫn xuất hiện ở mức độ hạn chế, thiếu sự kết nối thành những chương trình trải nghiệm có chủ đề.

Khoảng trống nổi bật nằm ở tầng trung gian của chuỗi chuyển hóa giá trị di sản, bao gồm diễn giải di sản, thiết kế trải nghiệm và chuẩn hóa dịch vụ. Đây là những yếu tố có vai trò kết nối tài nguyên văn hóa với nhu cầu của thị trường du lịch. Khi tầng trung gian chưa được thiết lập đầy đủ, tài nguyên văn hóa chủ yếu tồn tại dưới dạng giá trị tiềm năng, chưa được kích hoạt thành giá trị sử dụng và giá trị tiêu dùng du lịch. Vì vậy, lợi thế khác biệt của địa phương chưa được thể hiện rõ trong cấu trúc sản phẩm và chưa tạo ra sức hấp dẫn đủ mạnh đối với du khách.

Thị trường khách du lịch tại Ngọc Thanh chưa hình thành được cấu trúc ổn định và vẫn phụ thuộc đáng kể vào các tuyến liên vùng, nhất là dòng khách gắn với Đại Lải và Tam Đảo. Khách đến địa phương chủ yếu mang tính quá cảnh hoặc ghé thăm trong thời gian ngắn, dẫn đến thời gian lưu trú thấp, mức chi tiêu hạn chế và tỷ lệ quay lại chưa cao. Điều này cho thấy trải nghiệm du lịch tại Ngọc Thanh chưa đạt đến ngưỡng giá trị cần thiết để tái sản sinh nhu cầu, duy trì sự quan tâm của thị trường và tạo ra chu trình phát triển điểm đến bền vững.

Sự phụ thuộc vào dòng khách của các trung tâm du lịch lân cận cũng tạo ra nguy cơ Ngọc Thanh chỉ trở thành một điểm dừng chân phụ trợ. Trong trường hợp sản phẩm không đủ khác biệt, địa phương khó tạo được động lực để du khách kéo dài thời gian lưu trú hoặc lựa chọn Ngọc Thanh như một điểm đến độc lập. Đồng thời, Ngọc Thanh hiện khó cạnh tranh trực tiếp với Đại Lải và Tam Đảo về quy mô đầu tư, chất lượng dịch vụ, hệ thống cơ sở lưu trú và mức độ nhận diện trên thị trường. Nếu phát triển theo hướng nghỉ dưỡng đại trà hoặc sao chép các mô hình du lịch sinh thái phổ biến, bản sắc của địa phương có nguy cơ bị hòa lẫn trong mạng lưới du lịch vùng.

Cơ chế tổ chức và phối hợp giữa các chủ thể tham gia phát triển du lịch chưa đạt đến mức độ tích hợp hệ thống. Cơ quan quản lý nhà nước, cộng đồng địa phương và doanh nghiệp du lịch vẫn chủ yếu vận hành theo các chức năng riêng biệt, thiếu một cơ chế điều phối thống nhất theo chuỗi giá trị. Vì vậy, các khâu từ bảo tồn tài nguyên, diễn giải di sản, xây dựng sản phẩm, tổ chức dịch vụ đến xúc tiến thị trường chưa tạo thành một chỉnh thể đồng bộ. Sự thiếu liên kết này làm giảm hiệu quả cộng hưởng giữa các nguồn lực và hạn chế khả năng hình thành sản phẩm du lịch hoàn chỉnh.

Mô hình quản trị du lịch hiện tại vẫn thiên về tiếp cận hành chính – sự vụ, trong khi yêu cầu phát triển du lịch văn hóa đòi hỏi một mô hình quản trị theo chuỗi giá trị và có sự phối hợp liên ngành, liên chủ thể. Cách thức tổ chức hiện nay làm hạn chế khả năng chủ động trong nghiên cứu thị trường, thiết kế trải nghiệm, huy động nguồn lực và phân chia lợi ích giữa các bên tham gia. Đồng thời, chưa hình thành được một chủ thể hoặc cơ chế đầu mối có đủ năng lực để điều phối toàn bộ quá trình phát triển sản phẩm du lịch văn hóa tại địa phương.

Năng lực tham gia của cộng đồng và doanh nghiệp địa phương chưa tương xứng với tiềm năng tài nguyên sẵn có. Mặc dù cộng đồng có nhận thức tương đối tích cực về vai trò của du lịch, những hạn chế về kỹ năng tổ chức dịch vụ, giao tiếp với du khách, thuyết minh, trình diễn văn hóa, bảo đảm chất lượng và quản lý hoạt động kinh doanh vẫn là những trở ngại đáng kể. Các doanh nghiệp địa phương còn hạn chế về nguồn lực, kinh nghiệm phát triển sản phẩm và khả năng kết nối thị trường. Điều này làm suy giảm năng lực nội sinh của hệ thống và khiến quá trình chuyển hóa văn hóa bản địa thành sản phẩm du lịch diễn ra chậm.

Bên cạnh đó, quá trình phát triển du lịch còn tiềm ẩn nguy cơ thương mại hóa văn hóa. Khi các thực hành văn hóa cộng đồng được đưa vào phục vụ khách du lịch nhưng thiếu nguyên tắc bảo tồn và cơ chế tham gia thực chất của chủ thể văn hóa, các giá trị này có thể bị giản lược thành những hoạt động trình diễn, tách khỏi bối cảnh xã hội và ý nghĩa vốn có. Sự biến đổi này không chỉ làm suy giảm tính chân thực của di sản mà còn có thể ảnh hưởng đến vai trò chủ thể của cộng đồng Sán Dìu trong quá trình thực hành và truyền lại văn hóa.

Như vậy, hạn chế của du lịch văn hóa Ngọc Thanh không chỉ nằm ở sự thiếu hụt sản phẩm hoặc dịch vụ riêng lẻ, mà phản ánh sự chưa hoàn thiện của toàn bộ hệ thống phát triển. Những vấn đề về diễn giải di sản, thiết kế trải nghiệm, thị trường khách, năng lực cộng đồng, sự tham gia của doanh nghiệp và cơ chế quản trị có mối quan hệ chặt chẽ với nhau. Nếu không được khắc phục đồng bộ, Ngọc Thanh có nguy cơ tiếp tục phụ thuộc vào các trung tâm du lịch lân cận, tham gia mạng lưới vùng với vai trò thứ yếu và không kiểm soát được đầy đủ bản sắc cũng như giá trị trải nghiệm của điểm đến.

Từ những thành tựu và hạn chế trên, có thể khẳng định rằng định hướng phù hợp đối với Ngọc Thanh là phát triển du lịch theo chiều sâu văn hóa – lịch sử – cộng đồng, lấy tính đặc thù của di tích chiến khu và văn hóa Sán Dìu làm nền tảng. Địa phương cần được định vị là không gian trải nghiệm văn hóa đặc thù trong trục Đại Lải – Tam Đảo, thay vì phát triển theo mô hình nghỉ dưỡng, sinh thái hoặc tham quan đại trà. Việc hiện thực hóa định hướng này phụ thuộc trước hết vào khả năng hoàn thiện tầng trung gian chuyển hóa di sản, xây dựng cơ chế quản trị theo chuỗi giá trị và nâng cao năng lực tham gia của cộng đồng cùng các chủ thể kinh doanh địa phương.

Tiểu kết chương 2

Chương 2 đã phân tích thực trạng phát triển du lịch văn hóa tại xã Ngọc Thanh trên các phương diện: điều kiện địa bàn, tài nguyên văn hóa, thị trường khách, sản phẩm – dịch vụ, bảo tồn và tổ chức quản lý. Kết quả cho thấy Ngọc Thanh có nền tảng tài nguyên văn hóa đặc thù, được tạo nên từ văn hóa Sán Dìu, hệ thống di tích Chiến khu Ngọc Thanh và không gian sinh thái bán sơn địa. Đây là cơ sở quan trọng để địa phương phát triển du lịch văn hóa có bản sắc riêng.

Tuy nhiên, hoạt động du lịch văn hóa tại Ngọc Thanh hiện chưa tương xứng với tiềm năng. Việc khai thác vẫn chủ yếu dựa vào tài nguyên sẵn có, trong khi các giá trị như hát Soọng Cô, trang phục, tín ngưỡng, ẩm thực Sán Dìu và di tích cách mạng chưa được tổ chức thành chuỗi sản phẩm, dịch vụ và trải nghiệm có chiều sâu. Thị trường khách còn thiên về tham quan ngắn ngày, thời gian lưu trú và mức chi tiêu thấp.

Bên cạnh đó, công tác bảo tồn và phát huy giá trị văn hóa chưa gắn kết chặt chẽ với hoạt động du lịch. Vai trò của cộng đồng địa phương chưa được phát huy đầy đủ, cơ chế phối hợp giữa chính quyền, cộng đồng và các chủ thể kinh doanh còn thiếu tính liên kết. Vì vậy, vấn đề cốt lõi của du lịch văn hóa Ngọc Thanh không phải là thiếu tài nguyên, mà là hạn chế trong tổ chức, diễn giải và chuyển hóa tài nguyên văn hóa thành trải nghiệm du lịch. Đây là cơ sở thực tiễn để Chương 3 đề xuất các giải pháp phát triển du lịch văn hóa theo hướng bền vững.

CHƯƠNG 3: GIẢI PHÁP PHÁT TRIỂN DU LỊCH VĂN HÓA XÃ NGỌC THANH THEO ĐỊNH HƯỚNG BỀN VỮNG

3.1. Định hướng phát triển du lịch văn hóa xã Ngọc Thanh

Định hướng phát triển du lịch văn hóa tại Ngọc Thanh được xác lập trên cơ sở kết hợp giữa quan điểm phát triển du lịch của Đảng và Nhà nước, định hướng của ngành Du lịch, quy hoạch và chính sách phát triển của địa phương, đồng thời xuất phát từ những vấn đề thực tiễn đã được nhận diện tại Chương 2. Theo Nghị quyết số 08-NQ/TW của Bộ Chính trị và Chương trình hành động của Chính phủ, du lịch được xác định là ngành kinh tế tổng hợp, có tính liên ngành, liên vùng, xã hội hóa cao và mang nội dung văn hóa sâu sắc; phát triển du lịch phải gắn với khai thác hợp lý tài nguyên, bảo tồn giá trị văn hóa và thúc đẩy phát triển kinh tế – xã hội.

Chiến lược phát triển du lịch Việt Nam đến năm 2030 được phê duyệt tại Quyết định số 147/QĐ-TTg tiếp tục đặt yêu cầu phát triển du lịch theo hướng bền vững, nâng cao chất lượng và sức cạnh tranh của sản phẩm, phát huy lợi thế về tài nguyên văn hóa, tăng cường liên kết giữa các địa phương và hình thành các sản phẩm đặc trưng theo vùng, miền. Chỉ thị số 08/CT-TTg năm 2024 về phát triển du lịch toàn diện, nhanh và bền vững cũng yêu cầu ngành Du lịch tiếp tục chú trọng xây dựng sản phẩm đặc thù, hoàn thiện cơ chế quản lý và tăng cường liên kết trong phát triển điểm đến.

Trên nền tảng đó, định hướng đối với Ngọc Thanh cần tập trung vào hai vấn đề chính: chuyển từ khai thác tài nguyên đơn lẻ sang tổ chức trải nghiệm văn hóa có chiều sâu; đồng thời xác lập vị trí của Ngọc Thanh trong không gian liên kết du lịch Đại Lải – Tam Đảo trên cơ sở phát huy bản sắc riêng.

3.1.1. Chuyển đổi mô hình phát triển từ khai thác tài nguyên sang tổ chức trải nghiệm

Định hướng chuyển từ khai thác tài nguyên sang tổ chức trải nghiệm trước hết phù hợp với quan điểm của Đảng và Nhà nước về cơ cấu lại ngành du lịch theo hướng nâng cao chất lượng, hiệu quả và giá trị gia tăng, thay vì chỉ mở rộng quy mô khai thác. Nghị quyết số 08-NQ/TW xác định du lịch phải được phát triển trên cơ sở khai thác hiệu quả những lợi thế về tự nhiên, văn hóa và con người, đồng thời nâng cao chất lượng sản phẩm và tạo khả

năng cạnh tranh. Chiến lược phát triển du lịch Việt Nam đến năm 2030 cũng đặt trọng tâm vào phát triển sản phẩm đa dạng, có chất lượng và mang bản sắc văn hóa của từng vùng, từng địa phương.

Định hướng này đồng thời phù hợp với yêu cầu phát triển văn hóa trong giai đoạn mới. Nghị quyết số 80-NQ/TW về phát triển văn hóa Việt Nam nhấn mạnh yêu cầu cấu trúc lại và nâng cao sức cạnh tranh của du lịch, phát triển sản phẩm du lịch mang bản sắc văn hóa, giàu trải nghiệm, tăng cường liên kết liên vùng và gắn thương hiệu điểm đến với các giá trị văn hóa đặc trưng. Đây là căn cứ trực tiếp để Ngọc Thanh chuyển trọng tâm từ việc “có tài nguyên để tham quan” sang “tổ chức tài nguyên thành trải nghiệm có nội dung, có câu chuyện và có khả năng tạo giá trị cho du khách”.

Thực tế phân tích tại Chương 2 cho thấy du lịch văn hóa Ngọc Thanh hiện vẫn chủ yếu vận hành theo logic khai thác tài nguyên sẵn có. Di tích được tiếp cận chủ yếu như điểm tham quan; văn hóa Sán Dìu phần lớn mới dừng ở chức năng nhận diện bản sắc; cảnh quan sinh thái chủ yếu phục vụ nghỉ dưỡng và dừng chân ngắn hạn. Cách thức này giúp địa phương bước đầu tham gia vào hoạt động du lịch nhưng chưa hình thành được cấu trúc sản phẩm đủ chiều sâu để tạo sự khác biệt. Kết quả nghiên cứu cũng cho thấy nhiều giá trị như Soong Cô, phong tục, tín ngưỡng, ẩm thực Sán Dìu và di tích cách mạng chưa được kết nối thành chuỗi sản phẩm, dịch vụ và trải nghiệm hoàn chỉnh.

Do đó, trọng tâm phát triển trong giai đoạn tới không nên đặt vào việc gia tăng đơn thuần số lượng điểm tham quan, mà cần chuyển sang tổ chức trải nghiệm dựa trên giá trị văn hóa – lịch sử – cộng đồng. Sự chuyển đổi này phù hợp với nguyên tắc phát triển bền vững đã được xác lập ở Chương 1, trong đó khai thác du lịch phải đồng thời bảo đảm bảo tồn di sản, tính xác thực, sự tham gia của cộng đồng và lợi ích kinh tế – xã hội địa phương.

Đối với Chiến khu Ngọc Thanh, định hướng tổ chức trải nghiệm cần chuyển từ mô hình tham quan điểm di tích sang tiếp cận không gian lịch sử như một chỉnh thể. Giá trị của các địa điểm như Đồn bột Thẩn Lăn, Khe núi đá Bia hay các dấu tích chiến khu không chỉ nằm ở vật thể còn lại mà còn ở khả năng tái hiện bối cảnh chiến đấu, đời sống hậu phương, ký ức của cư dân và vai trò của Ngọc Thanh trong lịch sử kháng chiến. Vì vậy, cần tăng cường hoạt động kể

chuyện, diễn giải, xây dựng tuyến lịch sử, sử dụng bản đồ, tư liệu, hình ảnh và ký ức cộng đồng để giúp du khách tiếp cận di sản theo chiều sâu.

Đối với văn hóa Sán Dìu, định hướng phát triển không nên dựa chủ yếu vào việc sân khấu hóa hoặc gia tăng các hoạt động trình diễn phục vụ khách. Những giá trị như Soọng Cô, phong tục, ẩm thực, tín ngưỡng và tri thức bản địa cần được giới thiệu trong mối liên hệ với đời sống thực của cộng đồng. Cách tiếp cận này phù hợp với yêu cầu duy trì tính xác thực của di sản và phát huy vai trò chủ thể của cư dân địa phương trong bảo tồn, diễn giải và cung ứng trải nghiệm.

Như vậy, chuyển từ khai thác tài nguyên sang tổ chức trải nghiệm không chỉ là thay đổi hình thức sản phẩm mà là điều chỉnh mô hình phát triển theo hướng nâng cao chất lượng và giá trị gia tăng, phù hợp với quan điểm của Đảng, Nhà nước và ngành Du lịch về cơ cấu lại sản phẩm du lịch trên cơ sở bản sắc văn hóa, phát triển bền vững và nâng cao khả năng cạnh tranh của điểm đến. Đối với Ngọc Thanh, đây là hướng đi phù hợp vì lợi thế của địa phương không nằm ở quy mô nghỉ dưỡng hay khả năng đầu tư đại trà mà ở chiều sâu của văn hóa Sán Dìu, ký ức Chiến khu Ngọc Thanh và môi trường cộng đồng còn tương đối rõ nét.

3.1.2. Định vị Ngọc Thanh trong không gian du lịch vùng Đại Lải – Tam Đảo

Định hướng định vị Ngọc Thanh trong không gian Đại Lải – Tam Đảo được xác lập trên cơ sở quan điểm tăng cường liên kết vùng và phát huy lợi thế riêng của từng địa phương trong phát triển du lịch. Nghị quyết số 08-NQ/TW đã xác định du lịch là ngành có tính liên ngành, liên vùng cao; Chiến lược phát triển du lịch Việt Nam đến năm 2030 tiếp tục nhấn mạnh yêu cầu tăng cường liên kết giữa các địa phương, hình thành chuỗi sản phẩm và phát triển các không gian du lịch có tính bổ trợ thay vì phân tán, trùng lặp.

Quan điểm này cũng phù hợp với chủ trương phát triển du lịch hiện nay của tỉnh Phú Thọ sau sắp xếp đơn vị hành chính. Năm 2026, Ban Thường vụ Tỉnh ủy Phú Thọ đã ban hành Nghị quyết số 29-NQ/TU về phát triển du lịch tỉnh Phú Thọ giai đoạn 2026–2030, cho thấy yêu cầu tổ chức lại không gian, sản phẩm và liên kết phát triển du lịch trong bối cảnh địa giới và nguồn lực của tỉnh có sự thay đổi. Trong bối cảnh mới, việc xác định vị trí của khu vực

Ngọc Thanh không thể chỉ dựa trên phạm vi hành chính cũ mà cần được đặt trong quan hệ với các trung tâm và tuyến du lịch lân cận.

Trước thời điểm điều chỉnh đơn vị hành chính, Ngọc Thanh vốn có mối liên hệ trực tiếp với không gian Đại Lải và hành lang du lịch Phúc Yên – Tam Đảo. Sau ngày 01/7/2025, mặc dù cơ cấu hành chính thay đổi, lợi thế không gian và kết nối thị trường vẫn tiếp tục tồn tại. Vì vậy, yêu cầu đặt ra là xác định lại vai trò của Ngọc Thanh trong mạng lưới du lịch rộng hơn, tránh phát triển đơn lẻ hoặc lặp lại sản phẩm đã có ở các điểm đến lân cận.

Trong cấu trúc này, Đại Lải có lợi thế rõ về nghỉ dưỡng hồ – rừng và các tổ hợp dịch vụ, trong khi Tam Đảo nổi bật với khí hậu, cảnh quan và hệ thống dịch vụ du lịch có mức độ nhận diện cao. Nếu Ngọc Thanh tiếp tục phát triển theo hướng nghỉ dưỡng hoặc khai thác cảnh quan tương tự, khả năng cạnh tranh sẽ hạn chế. Do đó, định hướng phù hợp là xác lập Ngọc Thanh như một không gian trải nghiệm văn hóa – lịch sử – cộng đồng, đóng vai trò bổ sung chiều sâu văn hóa cho mạng lưới du lịch vùng.

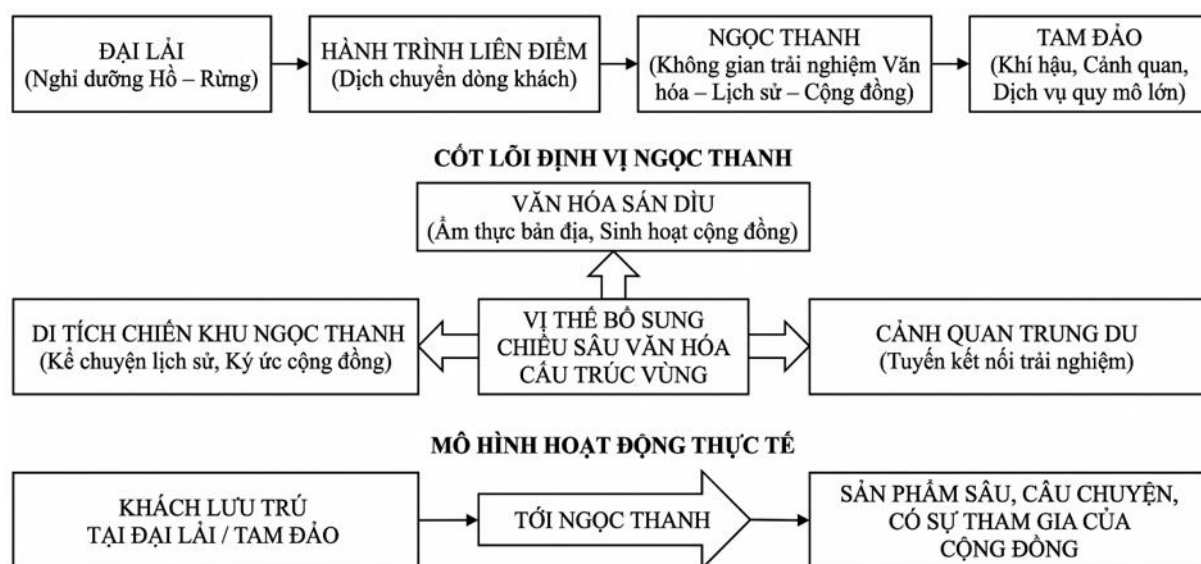
Căn cứ cho hướng định vị này nằm ở chính cấu trúc tài nguyên của địa phương. Ngọc Thanh đồng thời có văn hóa Sán Dìu, hệ thống di tích Chiến khu Ngọc Thanh và cảnh quan trung du, tạo nên lớp giá trị khó thay thế bằng đầu tư hạ tầng thông thường. Đây là cơ sở để tổ chức các sản phẩm như tuyến tìm hiểu lịch sử chiến khu, trải nghiệm văn hóa Sán Dìu, sinh hoạt cộng đồng, ẩm thực bản địa, giáo dục di sản và các chương trình liên kết với hoạt động nghỉ dưỡng tại Đại Lải hoặc Tam Đảo.

Theo đó, liên kết vùng không nên được hiểu đơn giản là đưa Ngọc Thanh vào một tuyến tham quan sẵn có, mà cần tạo ra quan hệ hỗ trợ sản phẩm. Khách có thể lưu trú tại các trung tâm nghỉ dưỡng trong vùng nhưng dành một phần hành trình để trải nghiệm lịch sử và văn hóa tại Ngọc Thanh; ngược lại, sản phẩm văn hóa của Ngọc Thanh giúp kéo dài thời gian trải nghiệm và làm phong phú cấu trúc sản phẩm chung của vùng. Cách thức này phù hợp với định hướng quốc gia về liên kết vùng, nâng cao chất lượng sản phẩm và khai thác lợi thế đặc trưng của từng địa bàn.

Tuy nhiên, liên kết chỉ có ý nghĩa khi Ngọc Thanh không bị thu hẹp thành một điểm dừng phụ trợ. Nếu sản phẩm thiếu câu chuyện, thiếu hoạt

động tương tác và thiếu vai trò của cộng đồng, khách vẫn chỉ tham quan trong thời gian ngắn và mức chi tiêu tại địa phương thấp. Vì vậy, định vị vùng phải gắn với đồng thời hai yêu cầu: khác biệt hóa sản phẩm và nâng cao khả năng giữ chân khách.

Do đó, vị thế phù hợp của Ngọc Thanh trong không gian Đại Lải – Tam Đảo là điểm đến trải nghiệm văn hóa – lịch sử – cộng đồng có tính bổ trợ và khác biệt, chứ không phải một trung tâm nghỉ dưỡng cạnh tranh trực tiếp với các điểm đến đã phát triển. Hướng định vị này vừa phù hợp với quan điểm của Đảng và Nhà nước về liên kết vùng, phát triển sản phẩm đặc sắc và bền vững, vừa phù hợp với đặc điểm tài nguyên và năng lực thực tế của địa phương.



Hình 3.1. Vị thế của Ngọc Thanh trong không gian du lịch Đại Lải – Tam Đảo

Nguồn: Tác giả phân tích và tổng hợp, 2026

Ở bình diện rộng hơn, định vị Ngọc Thanh như một không gian trải nghiệm văn hóa trong trục Đại Lải – Tam Đảo còn góp phần đa dạng hóa cấu trúc sản phẩm du lịch vùng và hạn chế xu hướng đồng dạng hóa giữa các điểm đến. Trong khi các trung tâm nghỉ dưỡng tập trung mạnh vào cảnh quan và dịch vụ, Ngọc Thanh có khả năng bổ sung lớp giá trị về lịch sử, bản sắc tộc người và đời sống cộng đồng. Đây là hướng phát triển phù hợp với yêu cầu chung hiện nay về xây dựng sản phẩm du lịch giàu bản sắc, giàu trải nghiệm và gắn với bảo tồn giá trị văn hóa.

3.2. Nhóm giải pháp bảo tồn, phát huy và chuyển hóa giá trị văn hóa thành tài nguyên du lịch

3.2.1. Bảo tồn, phát huy và chuyển hóa giá trị văn hóa Sán Dìu và di sản lịch sử – cách mạng Chiến khu Ngọc Thanh thành tài nguyên du lịch

Văn hóa Sán Dìu và di sản lịch sử – cách mạng Chiến khu Ngọc Thanh là hai lớp giá trị văn hóa cốt lõi tạo nên bản sắc và lợi thế khác biệt của Ngọc Thanh. Nếu văn hóa Sán Dìu đại diện cho lớp di sản sống, được duy trì thông qua ngôn ngữ, dân ca Soọng Cô, phong tục, tín ngưỡng, tri thức dân gian, ẩm thực và đời sống cộng đồng, thì Chiến khu Ngọc Thanh đại diện cho lớp di sản lịch sử – ký ức, gắn với các địa điểm, sự kiện, nhân vật và truyền thống cách mạng của địa phương. Vì vậy, hai nhóm giá trị này không nên được bảo tồn và khai thác như những nguồn lực tách biệt mà cần được đặt trong một chỉnh thể văn hóa – lịch sử của điểm đến, từ đó từng bước chuyển hóa thành tài nguyên và trải nghiệm du lịch có chiều sâu.

Kết quả nghiên cứu tại Chương 2 cho thấy các giá trị cốt lõi vẫn được duy trì nhưng mức độ bảo tồn và phát huy chưa đồng đều. Văn hóa Sán Dìu vẫn tồn tại trong đời sống cộng đồng nhưng một số thực hành đang chịu sức ép từ biến đổi lối sống, thu hẹp môi trường thực hành và thiếu lực lượng kế cận. Đối với Chiến khu Ngọc Thanh, các giá trị lịch sử vẫn được nhận diện và bảo vệ, song hoạt động khai thác chủ yếu dừng ở tham quan, dâng hương và tiếp nhận thông tin, chưa hình thành hệ thống diễn giải và trải nghiệm tương xứng. Vì vậy, giải pháp đặt ra không chỉ là “bảo tồn” từng loại di sản mà phải thiết lập được quá trình nhận diện – bảo tồn – diễn giải – chuyển hóa – phát huy, trong đó bảo tồn là điều kiện tiên quyết và phát triển du lịch là phương thức góp phần gia tăng giá trị xã hội, giáo dục và kinh tế của di sản.

Trước hết, cần kiểm kê, hệ thống hóa và phân loại các giá trị văn hóa làm căn cứ cho bảo tồn và khai thác. Đối với văn hóa Sán Dìu, cần xác định cụ thể các thực hành còn được duy trì, chủ thể nắm giữ, không gian thực hành, mức độ trao truyền và nguy cơ mai một của từng thành tố như Soọng Cô, phong tục, tín ngưỡng, tri thức dân gian, ẩm thực và các hình thức sinh hoạt cộng đồng. Đối với Chiến khu Ngọc Thanh, cần hệ thống hóa các địa điểm, dấu tích, sự kiện, nhân vật, tư liệu, hình ảnh, bản đồ, hồi ký và ký ức cộng đồng liên quan đến lịch sử chiến khu. Quá trình này cần có sự tham gia của nghệ nhân, người cao tuổi, người am hiểu lịch sử địa phương, cơ quan chuyên môn và cộng đồng nhằm bảo đảm độ

chính xác và tính xác thực của nguồn tư liệu.

Trên cơ sở kiểm kê, cần phân tầng giá trị để xác định mức độ và hình thức khai thác phù hợp. Không phải mọi yếu tố văn hóa đều có thể hoặc cần chuyển thành sản phẩm du lịch. Những nghi lễ, tín ngưỡng hoặc thực hành có tính thiêng cần được ưu tiên bảo vệ trong môi trường văn hóa vốn có; những giá trị có khả năng chia sẻ như Soọng Cô, tri thức dân gian, ẩm thực, câu chuyện cộng đồng có thể được tổ chức thành hoạt động trải nghiệm với sự đồng thuận của chủ thể văn hóa. Tương tự, đối với Chiến khu Ngọc Thanh, các địa điểm và dấu tích lịch sử cần được bảo vệ tính nguyên gốc, trong khi tư liệu, ký ức và câu chuyện lịch sử có thể được chuyển hóa thành nội dung diễn giải, giáo dục và trải nghiệm. Cách phân tầng này giúp hạn chế tình trạng khai thác đồng loạt, thương mại hóa hoặc làm sai lệch ý nghĩa của di sản.

Đối với văn hóa Sán Dìu, trọng tâm trước hết là duy trì sức sống của di sản trong chính cộng đồng. Các câu lạc bộ Soọng Cô và hoạt động văn hóa dân gian cần được củng cố; đồng thời tăng cường truyền dạy cho thanh thiếu niên, lồng ghép giáo dục văn hóa địa phương trong hoạt động của trường học, đoàn thể và cộng đồng. Nghệ nhân và người cao tuổi cần được xác định là những chủ thể quan trọng trong quá trình trao truyền. Việc bảo tồn phải diễn ra trước hết trong đời sống cộng đồng, tránh tình trạng duy trì một thực hành văn hóa chỉ vì mục đích trình diễn cho khách du lịch. Chỉ khi di sản còn môi trường thực hành và còn chủ thể kế thừa thì việc khai thác du lịch mới có cơ sở bảo đảm tính xác thực và khả năng phát triển lâu dài.

Đối với Chiến khu Ngọc Thanh, bảo tồn cần được thực hiện đồng thời ở hai lớp giá trị vật thể và phi vật thể. Bên cạnh bảo vệ, tu bổ phù hợp các địa điểm và dấu tích lịch sử, cần đặc biệt chú trọng bảo tồn ký ức chiến khu thông qua sưu tầm, xác minh và lưu trữ tư liệu, câu chuyện, hình ảnh và lời kể của những người am hiểu lịch sử địa phương. Không gian cảnh quan gắn với di tích cũng cần được xem là một bộ phận của giá trị lịch sử, tránh việc đầu tư các công trình phục vụ du lịch làm thay đổi đặc điểm không gian hoặc suy giảm khả năng cảm nhận bối cảnh lịch sử của di tích.

Một nhiệm vụ chung có ý nghĩa cấp thiết đối với cả hai nhóm di sản là tư liệu hóa và số hóa. Các làn điệu Soọng Cô, câu chuyện dân gian, tri thức bản địa, phong tục và ký ức cộng đồng cần được ghi âm, ghi hình và xây dựng thành cơ sở dữ liệu; đồng thời hệ thống tư liệu về Chiến khu cần được số hóa,

chuẩn hóa và liên kết theo địa điểm, nhân vật, sự kiện. Trên nền tảng đó có thể phát triển mã QR, bản đồ số, thuyết minh số, kho hình ảnh và nội dung đa phương tiện phục vụ đồng thời công tác lưu trữ, giáo dục, nghiên cứu và giới thiệu tới du khách. Công nghệ trong trường hợp này đóng vai trò hỗ trợ bảo tồn và diễn giải, không thay thế chủ thể văn hóa và trải nghiệm trực tiếp tại điểm đến.

Trên nền tảng bảo tồn, cần thực hiện bước chuyển hóa giá trị văn hóa thành nội dung trải nghiệm, thay vì chỉ đưa tài nguyên vào chương trình tham quan. Đối với văn hóa Sán Dìu, có thể tổ chức các hoạt động giao lưu Soọng Cô, tìm hiểu đời sống cộng đồng, trải nghiệm chế biến món ăn, nghe kể chuyện về phong tục và tri thức bản địa hoặc tham gia một số hoạt động sinh hoạt phù hợp. Điểm cốt lõi là du khách được tiếp cận ý nghĩa và bối cảnh văn hóa của thực hành, thay vì chỉ xem một tiết mục được tách khỏi đời sống cộng đồng.

Đối với Chiến khu Ngọc Thanh, cần chuyển từ mô hình “xem di tích – nghe giới thiệu – dâng hương” sang mô hình trải nghiệm lịch sử có cấu trúc. Hệ thống địa điểm có thể được kết nối thành tuyến kể chuyện về chiến khu, trong đó mỗi điểm đảm nhiệm một nội dung cụ thể về tổ chức chiến đấu, hậu cần, quân y, đời sống cư dân hoặc những sự kiện tiêu biểu. Hoạt động diễn giải có thể kết hợp bản đồ, ảnh tư liệu, lời kể nhân chứng, thuyết minh số và các chương trình giáo dục di sản. Đối với học sinh, sinh viên, có thể xây dựng chương trình “hành trình về nguồn”, học tập lịch sử địa phương và hoạt động ngoại khóa tại thực địa; đối với khách du lịch, cần chú trọng câu chuyện và trải nghiệm không gian để tăng chiều sâu cảm nhận về lịch sử.

Đặc biệt, cần kết nối hai lớp di sản thành một câu chuyện chung về Ngọc Thanh. Văn hóa Sán Dìu và Chiến khu Ngọc Thanh không nên được tổ chức thành hai nhóm sản phẩm hoàn toàn tách biệt, bởi cộng đồng địa phương cũng là một bộ phận của lịch sử hình thành và phát triển vùng đất. Có thể xây dựng hành trình theo cấu trúc “ký ức chiến khu – văn hóa Sán Dìu – đời sống cộng đồng”, trong đó du khách vừa tìm hiểu lịch sử cách mạng, vừa tiếp cận những giá trị văn hóa đang tiếp tục tồn tại trong đời sống đương đại. Sự kết nối này phù hợp với định hướng chuyển từ khai thác từng tài nguyên riêng lẻ sang tổ chức trải nghiệm đã xác lập tại mục 3.1.1, đồng thời tạo ra câu chuyện điểm đến thống nhất hơn cho Ngọc Thanh.

Trong toàn bộ quá trình trên, cộng đồng phải được xác định là chủ thể

chứ không chỉ là nguồn cung cấp yếu tố văn hóa. Nghệ nhân, người cao tuổi, người am hiểu lịch sử, phụ nữ và thanh niên địa phương có thể tham gia với vai trò người kể chuyện, hướng dẫn cộng đồng, người thực hành văn hóa, người tổ chức trải nghiệm hoặc cung ứng các dịch vụ phù hợp. Cần tổ chức tập huấn về giao tiếp, hướng dẫn khách, diễn giải di sản, xây dựng sản phẩm và bảo vệ giá trị văn hóa; đồng thời thiết lập cơ chế để cộng đồng được tham gia lựa chọn nội dung đưa vào khai thác và được hưởng lợi tương xứng từ hoạt động du lịch. Đây là điều kiện để du lịch tạo động lực kinh tế cho bảo tồn thay vì biến cộng đồng thành đối tượng trình diễn.

Việc chuyển hóa di sản thành tài nguyên du lịch cũng phải tuân thủ nguyên tắc phát triển bền vững đã được xác lập tại Chương 1. Theo đó, hiệu quả không chỉ được đánh giá bằng số lượng khách hay doanh thu mà còn bằng khả năng duy trì tính xác thực của di sản, bảo vệ không gian văn hóa, bảo đảm sự tham gia và lợi ích của cộng đồng, kiểm soát mức độ khai thác và tăng cường giáo dục, nhận thức về di sản. Những thực hành có nguy cơ bị biến dạng hoặc mất ý nghĩa khi đưa vào du lịch cần được giới hạn; những không gian nhạy cảm cần xác định quy mô và hình thức tiếp cận phù hợp. Hoạt động du lịch phải tạo thêm nguồn lực cho bảo tồn chứ không làm gia tăng áp lực đối với di sản.

Bên cạnh đó, cần phát triển các sản phẩm sáng tạo và hoạt động truyền thông dựa trên di sản như bản đồ hành trình văn hóa – lịch sử, ấn phẩm kể chuyện điểm đến, phim tư liệu ngắn, nội dung số, sản phẩm lưu niệm và các chương trình trải nghiệm theo chủ đề. Tuy nhiên, mọi hoạt động sáng tạo phải dựa trên thông tin đã được kiểm chứng, tôn trọng ý nghĩa nguyên gốc và có sự tham gia của chủ thể văn hóa. Đối với những nội dung lịch sử, cần có sự thẩm định của cơ quan chuyên môn; đối với văn hóa Sán Dìu, cần tham vấn cộng đồng và người nắm giữ di sản trước khi đưa vào sản phẩm.

Như vậy, giải pháp đối với hai nguồn lực cốt lõi của Ngọc Thanh cần được triển khai theo một chu trình thống nhất: Kiểm kê, nhận diện → phân tầng giá trị → bảo tồn và truyền dạy → tư liệu hóa, số hóa → diễn giải → tổ chức trải nghiệm → cộng đồng tham gia và hưởng lợi → giám sát tác động và tái đầu tư cho bảo tồn. Cách tiếp cận này giúp khắc phục tình trạng tách rời giữa “bảo tồn văn hóa Sán Dìu” và “phát huy Chiến khu Ngọc Thanh”, đồng thời chuyển trọng tâm từ khai thác từng tài nguyên riêng lẻ sang quản lý một

hệ giá trị văn hóa – lịch sử thống nhất của điểm đến. Khi văn hóa Sán Dìu tiếp tục được duy trì như một di sản sống, ký ức Chiến khu được bảo tồn và diễn giải có chiều sâu, cộng đồng giữ vai trò chủ thể và lợi ích du lịch được quay trở lại hỗ trợ bảo tồn, hai lớp di sản này mới có thể trở thành nguồn lực nội sinh cho phát triển du lịch văn hóa Ngọc Thanh theo hướng bền vững.

3.2.2. Thiết lập cơ chế diễn giải di sản văn hóa gắn với trải nghiệm du lịch

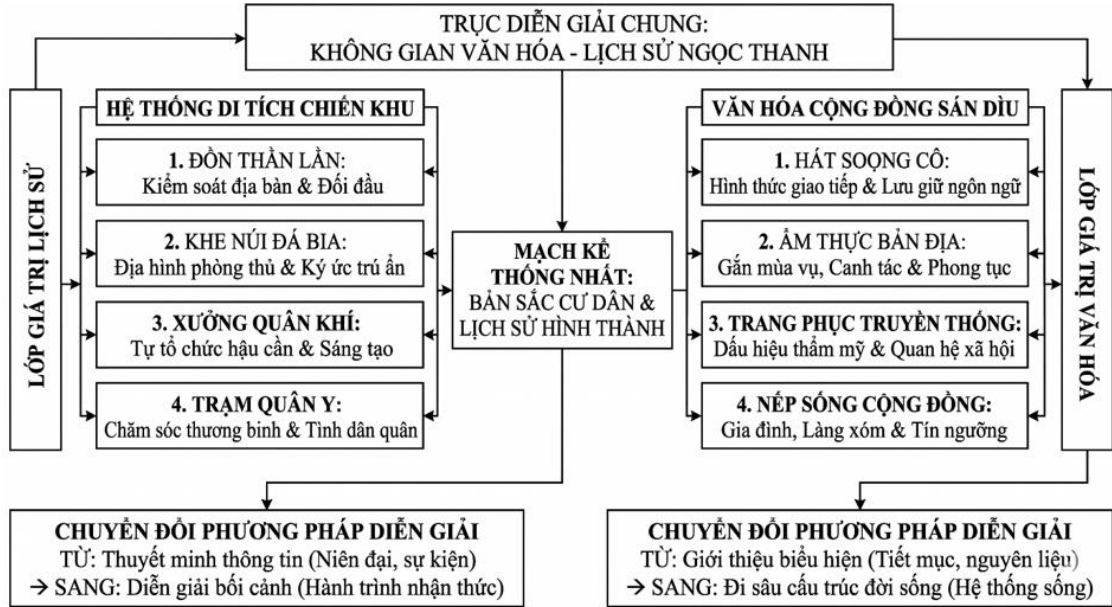
Di sản tại Ngọc Thanh có chiều sâu lịch sử và văn hóa, nhưng chưa được đặt trong một cơ chế diễn giải đủ rõ để du khách nhận ra tính chính thể của điểm đến. Hệ thống di tích Chiến khu Ngọc Thanh gắn với lịch sử kháng chiến, địa hình căn cứ, hoạt động hậu cần, quân y, xưởng quân khí và sự tham gia của nhân dân địa phương. Văn hóa Sán Dìu lại chứa đựng lớp ký ức khác, gắn với cư trú, sinh kế, tín ngưỡng, dân ca, ẩm thực, trang phục và nếp sống cộng đồng. Hai lớp giá trị này hiện chưa được nối kết bằng một mạch kể thống nhất. Khi di tích được giới thiệu như một điểm lịch sử độc lập, còn văn hóa Sán Dìu được trình bày như phần bổ trợ cho sinh hoạt cộng đồng, du khách khó hình dung Ngọc Thanh như một không gian văn hóa – lịch sử hoàn chỉnh.

Giải pháp đầu tiên là xây dựng trục diễn giải chung cho toàn bộ điểm đến. Trục này cần đặt Ngọc Thanh trong cấu trúc nhiều lớp: lớp cư trú của cộng đồng Sán Dìu, lớp ký ức chiến khu, lớp cảnh quan rừng – hồ – trung du và lớp sinh hoạt đương đại. Cách diễn giải ấy giúp các điểm di tích, hoạt động cộng đồng và dịch vụ văn hóa không đứng riêng lẻ, mà cùng tham gia vào một câu chuyện chung về lịch sử hình thành, bản sắc cư dân và khả năng thích ứng của địa phương qua các giai đoạn. Khi giới thiệu Rừng Thanh Lộc, Xưởng quân khí, Trạm quân y hay Khe núi đá Bia, nội dung thuyết minh cần gắn với điều kiện địa hình, cách tổ chức đời sống kháng chiến, sự che chở của rừng núi và sự tham gia của cộng đồng cư dân. Khi giới thiệu hát Soọng Cô, ẩm thực hoặc trang phục Sán Dìu, cần đặt chúng trong môi trường gia đình, quan hệ làng xóm, phong tục giao tiếp và ký ức tộc người. Nhờ đó, lịch sử chiến khu và văn hóa Sán Dìu không còn bị tách thành hai mảng giới thiệu khác nhau, mà cùng làm rõ bản sắc văn hóa Ngọc Thanh.

Một yêu cầu quan trọng là chuyển từ lối thuyết minh nặng thông tin sang lối diễn giải có bối cảnh. Với di tích cách mạng, du khách thường khó cảm nhận chiều sâu nếu chỉ được nghe niên đại, tên sự kiện hoặc chức năng của từng địa điểm. Mỗi điểm di tích cần được biên soạn như một đơn vị kể

chuyện, có bối cảnh, nhân vật, tình huống lịch sử và thông điệp riêng. Đồn bắt Thần Lăn có thể được diễn giải như dấu tích của sự kiểm soát địa bàn và thế đối đầu trong chiến tranh; Khe núi đá Bia gắn với địa hình phòng thủ và ký ức trú ẩn; Xưởng quân khí phản ánh năng lực tự tổ chức hậu cần trong điều kiện thiếu thốn; Trạm quân y gợi mở câu chuyện về chăm sóc thương binh, tình dân quân và đời sống phía sau chiến tuyến. Khi mỗi điểm dừng có một nhiệm vụ diễn giải riêng, toàn tuyến sẽ tạo thành hành trình nhận thức thay vì chuỗi tham quan đơn điệu.

Đối với văn hóa Sán Dìu, diễn giải cần đi sâu vào cấu trúc đời sống thay vì chỉ giới thiệu biểu hiện bên ngoài. Hát Soọng Cô không nên được trình bày như một tiết mục văn nghệ ngắn, mà cần được lý giải như hình thức giao tiếp, trao gửi tình cảm, lưu giữ ngôn ngữ và duy trì ký ức cộng đồng. Một món ăn bản địa không nên chỉ được giới thiệu bằng nguyên liệu và hương vị, mà cần gắn với mùa vụ, cách canh tác, tập quán tiếp khách và quan niệm về bữa ăn gia đình. Trang phục truyền thống cũng cần được đọc như dấu hiệu của thẩm mỹ, giới tính, tuổi tác, quan hệ xã hội và nếp sống tộc người. Cách diễn giải này giúp du khách tiếp cận văn hóa Sán Dìu như một hệ thống sống, hạn chế tình trạng tiêu dùng bản sắc qua vài hình ảnh dễ nhận diện.



Hình 3.2. Cơ chế diễn giải di văn hóa gắn với dân tộc Sán Dìu và Chiến khu Ngọc Thanh

Nguồn: Tác giả xây dựng và đề xuất, 2026

Để cơ chế diễn giải đi vào thực tế, địa phương cần biên soạn bộ tài liệu diễn giải thống nhất cho từng tuyến, từng điểm và từng hoạt động. Bộ tài liệu này không nên viết theo kiểu thuyết minh hành chính, mà cần bao gồm câu chuyện chủ đề, thông tin nền, thông điệp chính, gợi ý tương tác, câu hỏi dẫn dắt và giới hạn nội dung được phép khai thác. Chẳng hạn, đối với tuyến Chiến khu Ngọc Thanh, tài liệu cần làm rõ mạch vận động của căn cứ kháng chiến qua địa hình, tổ chức hậu cần, sự phối hợp dân quân và ký ức địa phương. Đối với hoạt động văn hóa Sán Dìu, tài liệu cần xác định nội dung nào phù hợp để giới thiệu với khách, nội dung nào thuộc phạm vi riêng tư hoặc thiêng hóa của cộng đồng cần giữ lại.

Cùng với tài liệu, cần hình thành đội ngũ diễn giải tại chỗ. Nhóm này có thể bao gồm cán bộ văn hóa, người cao tuổi am hiểu lịch sử địa phương, nghệ nhân Sán Dìu, thanh niên có khả năng giao tiếp và đại diện các hộ tham gia du lịch. Việc đào tạo không nên dừng ở yêu cầu học thuộc nội dung có sẵn. Trọng tâm cần đặt vào kỹ năng kể chuyện, dẫn dắt cảm xúc, trả lời câu hỏi, xử lý tình huống và bảo đảm tính chính xác của thông tin. Người địa phương cần được đặt ở vị trí chủ thể kể chuyện, bởi họ nắm giữ ký ức sống và có khả năng tạo ra sự tin cậy mà các bảng giới thiệu hay tài liệu in khó thay thế.

Bên cạnh diễn giải trực tiếp, Ngọc Thanh cần bổ sung hệ thống hỗ trợ tại điểm như bảng thông tin ngắn, sơ đồ tuyến, mã QR, ảnh tư liệu, trích đoạn lời kể nhân chứng, video giới thiệu và bản đồ văn hóa. Những công cụ này giúp thống nhất nội dung, hỗ trợ khách tự tìm hiểu và tạo thuận lợi cho doanh nghiệp lữ hành khi xây dựng chương trình. Dẫu vậy, công nghệ chỉ nên giữ chức năng hỗ trợ. Với một điểm đến dựa trên ký ức chiến khu và văn hóa cộng đồng, chất giọng địa phương, lời kể của nghệ nhân, câu chuyện của người dân vẫn là thành phần tạo chiều sâu trải nghiệm. Nếu biết kết hợp giữa tài liệu chuẩn hóa và lời kể sống động, Ngọc Thanh sẽ hình thành được một cơ chế diễn giải vừa có tính khoa học, vừa có hơi thở đời sống.

3.2.3. Hình thành không gian kết nối di tích – cộng đồng – cảnh quan văn hóa

Hình thành không gian kết nối giữa di tích, cộng đồng và du khách ở Ngọc Thanh cần được hiểu như một giải pháp tổ chức lại cấu trúc trải nghiệm bên trong điểm đến, tập trung vào câu hỏi cụ thể hơn: khi du khách đã đến Ngọc Thanh,

họ sẽ di chuyển theo tuyến nào, bắt đầu từ đâu, tiếp xúc với di tích bằng cách nào, gặp cộng đồng trong không gian nào và kết thúc trải nghiệm ra sao. Đây là cấp độ tổ chức vận hành, không phải cấp độ định vị vùng.

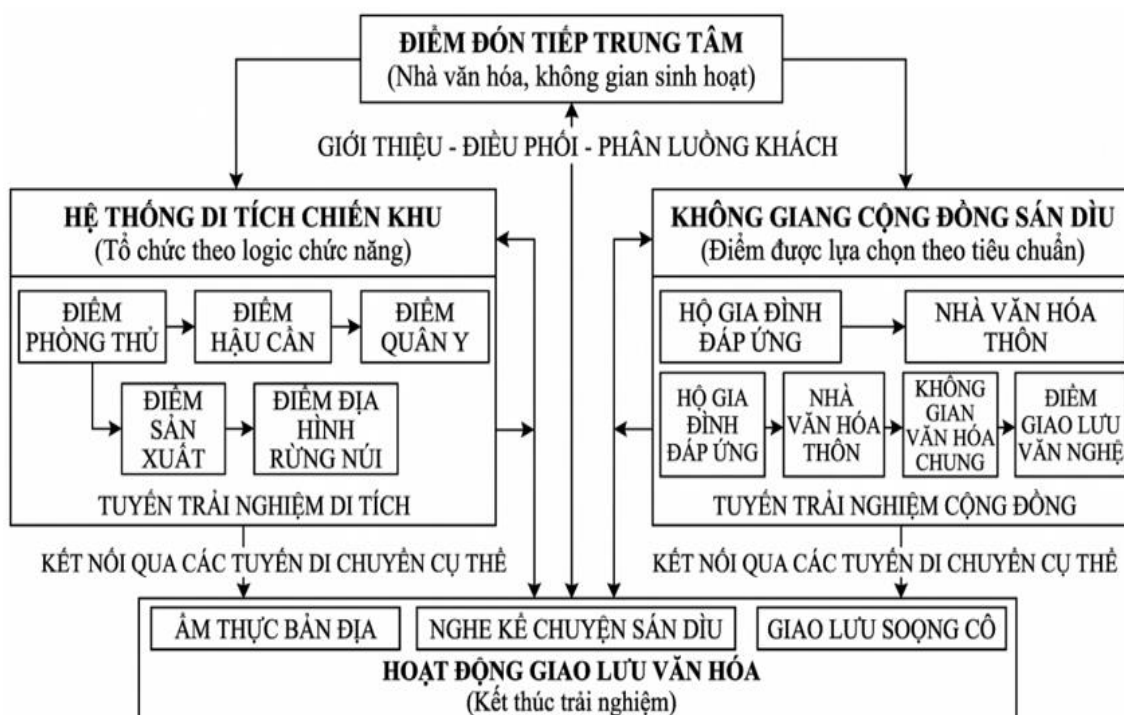
Trước hết, cần xác định một điểm đón tiếp chung cho toàn bộ chương trình du lịch văn hóa Ngọc Thanh. Điểm này có thể tận dụng nhà văn hóa thôn, không gian sinh hoạt cộng đồng hoặc một cơ sở công cộng hiện có, sau đó cải tạo nhẹ để đảm nhiệm chức năng giới thiệu, điều phối và phân luồng khách. Tiêu chuẩn tối thiểu của điểm đón tiếp gồm: có bảng nhận diện rõ, có bản đồ tuyến trải nghiệm, có thông tin khái quát về Chiến khu Ngọc Thanh và văn hóa Sán Dìu, có khu vực chờ cho khách, có người trực điều phối, có nhà vệ sinh đạt yêu cầu và có khả năng kết nối với các hộ dân hoặc nhóm cộng đồng tham gia dịch vụ. Điểm đón tiếp này không cần xây dựng quy mô lớn, nhưng phải đủ chức năng để du khách không bước vào địa phương trong trạng thái tự phát, thiếu hướng dẫn.

Từ điểm đón tiếp, cần thiết kế các tuyến trải nghiệm nội bộ theo nguyên tắc ngắn, rõ, có chủ đề và tránh trùng nội dung. Tuyến di tích Chiến khu Ngọc Thanh nên được tổ chức theo logic chức năng của căn cứ kháng chiến, thay vì sắp xếp đơn thuần theo vị trí địa lý. Mỗi điểm dừng cần đảm nhận một nội dung riêng: điểm gắn với phòng thủ, điểm gắn với hậu cần, điểm gắn với quân y, điểm gắn với sản xuất, điểm gắn với địa hình rừng núi. Tiêu chuẩn của tuyến là mỗi điểm phải có câu chuyện riêng, thời lượng dừng hợp lý, đường tiếp cận an toàn, bảng chỉ dẫn dễ nhận biết và nội dung thuyết minh không lặp lại. Nếu một tuyến gồm nhiều điểm nhưng điểm nào cũng chỉ giới thiệu chung về “truyền thống cách mạng”, hành trình sẽ nhanh chóng mất sức hấp dẫn.

Đối với không gian cộng đồng Sán Dìu, cần hình thành một số điểm trải nghiệm được lựa chọn theo tiêu chuẩn cụ thể. Một hộ gia đình, nhà văn hóa hoặc không gian cộng đồng chỉ nên đưa vào chương trình khi đáp ứng các điều kiện cơ bản: chủ thể tham gia tự nguyện, không gian đủ sạch và an toàn, có khả năng tiếp khách trong quy mô phù hợp, có nội dung văn hóa để giới thiệu, có người đại diện giao tiếp với du khách và không làm xáo trộn đời sống riêng của gia đình. Không nên mở rộng ồ ạt số lượng điểm đón khách chỉ để tạo cảm giác phong phú. Với du lịch văn hóa cộng đồng, chất lượng không

gian tiếp xúc quan trọng hơn số lượng điểm dừng.

Không gian kết nối giữa di tích và cộng đồng cần được tổ chức bằng các tuyến di chuyển cụ thể. Có thể thiết kế tuyến đi bộ ngắn, tuyến xe điện hoặc tuyến xe đạp tùy điều kiện hạ tầng, nhưng mỗi tuyến phải có điểm đầu, điểm giữa và điểm kết thúc rõ ràng. Một chương trình cơ bản có thể bắt đầu tại điểm đón tiếp, chuyển sang tuyến di tích chiến khu, sau đó quay về không gian cộng đồng để trải nghiệm ẩm thực, nghe kể chuyện Sán Dìu hoặc giao lưu Soọng Cồ. Cách tổ chức này giúp du khách không tiếp cận di tích như một điểm tham quan tĩnh, cũng không tiếp xúc với cộng đồng như phần phụ thêm sau chuyến đi, mà nhận ra mối quan hệ giữa lịch sử chiến khu và đời sống cư dân địa phương.



Hình 3.3. Phác họa không gian kết nối di tích – văn hoá – cộng đồng – môi trường Ngọc Thanh

Nguồn: Tác giả xây dựng và đề xuất, 2026

Hình 3.3. thể hiện sự thiết lập một hành trình vận hành khép kín, chuyển hóa các điểm tham quan tĩnh thành một không gian trải nghiệm động. Bắt đầu từ khâu điều phối trung tâm, du khách được dẫn dắt qua hai mạch thực thể song hành: lịch sử chiến khu và đời sống bản địa, trước khi chạm đến điểm kết nối văn hóa cốt lõi tại chặng cuối hành trình.

3.3. Nhóm giải pháp phát triển sản phẩm, dịch vụ và trải nghiệm du lịch văn hóa

3.3.1. Chuẩn hóa hoạt động trải nghiệm văn hóa cộng đồng

Chuẩn hóa tổ chức hoạt động trải nghiệm văn hóa cộng đồng tại Ngọc Thanh chính là quá trình đưa các thực hành văn hóa địa phương vào một khung vận hành rõ ràng, có kiểm soát và có khả năng áp dụng ổn định. Với Ngọc Thanh, yêu cầu này đặc biệt cần thiết bởi các giá trị như hát Soọng Cô, ẩm thực Sán Dìu, ký ức Chiến khu Ngọc Thanh và đời sống cư dân tuy có tiềm năng, nhưng chưa được tổ chức thành những hoạt động du lịch ổn định.

*** Nội dung chuẩn hóa**

Trước hết là xác định những thực hành văn hóa có thể đưa vào hoạt động trải nghiệm. Các nội dung nên ưu tiên gồm giao lưu hát Soọng Cô, trải nghiệm ẩm thực Sán Dìu, tìm hiểu trang phục truyền thống, nghe kể chuyện Chiến khu Ngọc Thanh, tham quan không gian hộ gia đình, trải nghiệm chế biến món ăn bản địa và hoạt động giáo dục di sản tại một số điểm lịch sử. Đây là những hoạt động có khả năng giải thích cho du khách, có thể tổ chức trong thời lượng phù hợp và không nhất thiết can thiệp sâu vào đời sống riêng của cộng đồng. Ngược lại, các nghi lễ thiêng, sinh hoạt dòng họ, sinh hoạt gia đình nội bộ hoặc những thực hành chỉ có ý nghĩa trong phạm vi cộng đồng cần được giữ ngoài chương trình du lịch trực tiếp. Cách lựa chọn này giúp hoạt động trải nghiệm không vượt quá giới hạn văn hóa mà người dân có thể chấp nhận.

*** Phương pháp chuẩn hóa**

Phương pháp chuẩn hoá cần triển khai theo một quy trình thống nhất. Trước hết là kiểm kê các thực hành văn hóa, trong đó phải làm rõ chủ thể nắm giữ, không gian thực hành, ý nghĩa văn hóa, mức độ có thể giới thiệu cho khách và giới hạn cần bảo vệ. Tiếp theo là phân loại hoạt động thành ba nhóm: nhóm có thể tổ chức thường xuyên, nhóm chỉ tổ chức theo dịp hoặc theo yêu cầu chuyên biệt, và nhóm không đưa vào khai thác du lịch. Sau đó, các hoạt động phù hợp được thiết kế thành mô-đun trải nghiệm, mỗi mô-đun xác định rõ tên hoạt động, mục tiêu, thời lượng, quy mô khách, người phụ trách, không gian tổ chức, nội dung diễn giải, mức độ tương tác, chi phí và cơ chế chia sẻ lợi ích. Trước khi khai thác chính thức, từng mô-đun cần được chạy thử với

nhóm khách nhỏ, ghi nhận phản hồi, điều chỉnh rồi mới đưa vào chương trình thường xuyên.

*** Tiêu chí chuẩn hóa**

Ở cấp độ nội dung, hoạt động phải có giá trị đại diện cho văn hóa Ngọc Thanh, có khả năng diễn giải cho du khách và không làm sai lệch ý nghĩa của thực hành gốc. Ở cấp độ vận hành, hoạt động phải có quy trình rõ, thời lượng hợp lý, người phụ trách cụ thể, quy mô khách phù hợp, điều kiện vệ sinh – an toàn bảo đảm và giá dịch vụ được thông báo trước. Ở cấp độ cộng đồng, hoạt động phải dựa trên sự tham gia tự nguyện của người dân, có cơ chế phân chia lợi ích minh bạch, không xâm phạm không gian riêng tư và không gây quá tải cho hộ gia đình, nghệ nhân hoặc nhóm cộng đồng. Ba cấp độ này giúp chuẩn hóa không dừng ở việc lập chương trình, mà bao quát cả chất lượng văn hóa, chất lượng phục vụ và quyền lợi của chủ thể địa phương.

*** Công cụ chuẩn hóa**

- Quan trọng nhất là bộ mô-đun trải nghiệm văn hóa cộng đồng: Mỗi mô-đun cần được viết thành một bản hướng dẫn ngắn, trong đó nêu rõ mục đích, nội dung, trình tự thực hiện, nhân sự phụ trách, vật dụng cần chuẩn bị, thời lượng, quy mô khách và yêu cầu kiểm soát chất lượng. Chẳng hạn, mô-đun “Giao lưu hát Soọng Cô” không nên chỉ ghi là biểu diễn dân ca, mà cần xác định rõ phần giới thiệu hoàn cảnh thực hành, phần trình bày một số đoạn hát tiêu biểu, phần giải thích ý nghĩa lời hát, phần trao đổi với khách và phần tương tác thử hát nếu phù hợp. Với mô-đun ẩm thực Sán Dìu, bản hướng dẫn cần nêu thực đơn theo mùa, câu chuyện văn hóa của món ăn, quy trình đón khách, yêu cầu vệ sinh, cách phục vụ và cách tiếp nhận phản hồi. Với mô-đun trải nghiệm Chiến khu Ngọc Thanh, cần xác định rõ tuyến đi, điểm dừng, nội dung diễn giải của từng điểm, câu hỏi gợi mở và tài liệu hỗ trợ.

- Công cụ chuẩn hóa thứ hai là bộ tiêu chuẩn lựa chọn hộ dân, nghệ nhân và người hướng dẫn tham gia hoạt động du lịch: Đối với hộ gia đình phục vụ trải nghiệm, tiêu chuẩn tối thiểu gồm không gian đón khách sạch, an toàn, có sự đồng thuận của các thành viên, có khả năng phục vụ đúng quy mô đăng ký và không ảnh hưởng nghiêm trọng đến sinh hoạt gia đình. Đối với nghệ nhân hoặc người thực hành văn hóa, tiêu chuẩn cần tập trung vào mức độ

am hiểu, khả năng trình bày, sự tự nguyện tham gia và ý thức giữ gìn giới hạn văn hóa. Đối với người hướng dẫn cộng đồng, tiêu chuẩn gồm khả năng giao tiếp, nắm được nội dung cơ bản về di tích và văn hóa Sán Dìu, biết dẫn tuyến, xử lý tình huống và phối hợp với các hộ tham gia. Những tiêu chuẩn này giúp hoạt động không phụ thuộc tùy tiện vào sự có mặt của một vài cá nhân.

- Công cụ chuẩn hóa thứ ba là sổ tay vận hành trải nghiệm văn hóa cộng đồng: Sổ tay cần ngắn gọn, dễ dùng, gồm mô tả các mô-đun trải nghiệm, quy trình đón khách, bảng phân công nhiệm vụ, tiêu chuẩn vệ sinh – an toàn, quy định ứng xử, mẫu phân chia thù lao, hướng dẫn xử lý tình huống và biểu mẫu ghi nhận phản hồi. Sổ tay không nên viết theo lối hành chính phức tạp. Yêu cầu quan trọng là hộ dân, nghệ nhân, người hướng dẫn và cán bộ điều phối đều có thể sử dụng được trong thực tế. Khi có khách, người điều phối dựa vào sổ tay để kiểm tra công tác chuẩn bị, thay vì phụ thuộc hoàn toàn vào kinh nghiệm cá nhân.

- Công cụ chuẩn hóa thứ tư là cơ chế tập huấn và đánh giá định kỳ: Tập huấn cần chia theo nhiệm vụ, không tổ chức chung chung. Người hướng dẫn được rèn kỹ năng kể chuyện di sản, đặt câu hỏi, xử lý tình huống và điều chỉnh cách trình bày theo nhóm khách. Nghệ nhân được hỗ trợ cách giới thiệu thực hành văn hóa mà vẫn giữ sự tự nhiên. Hộ làm ẩm thực được tập huấn về vệ sinh, trình bày món ăn, phục vụ và giới thiệu ngắn về món ăn. Sau mỗi chương trình, cần ghi nhận phản hồi của khách, ý kiến của hộ tham gia, nhận xét của người hướng dẫn và đánh giá của cán bộ điều phối. Nội dung đánh giá tập trung vào mức độ rõ của diễn giải, sự hài lòng của khách, tính đúng giờ, chất lượng vệ sinh, sự phối hợp giữa các bên, tác động tới sinh hoạt cộng đồng và hiệu quả phân chia lợi ích.

Trên cơ sở đó, chuẩn hóa hoạt động trải nghiệm văn hóa cộng đồng ở Ngọc Thanh cần được triển khai theo chuỗi: xác định nội dung có thể khai thác, lựa chọn phương pháp tổ chức phù hợp, xây dựng tiêu chí kiểm soát chất lượng và thiết lập công cụ vận hành cụ thể. Trọng tâm của giải pháp không nằm ở việc làm cho các hoạt động trở nên giống nhau, mà ở việc tạo ra một khung tổ chức đủ rõ để văn hóa địa phương được giới thiệu đúng, cộng đồng tham gia với lợi ích cụ thể, còn du khách tiếp nhận được trải nghiệm có chiều sâu.

3.3.2. Phát triển dịch vụ lưu trú, ẩm thực và thuyết minh gắn với bản sắc địa phương

3.3.2.1. Dịch vụ lưu trú gắn với không gian cộng đồng

Dịch vụ lưu trú tại Ngọc Thanh được phát triển theo mô hình lưu trú cộng đồng quy mô nhỏ, cải tạo từ hộ dân hoặc nhà vườn đủ điều kiện. Giải pháp này phù hợp hơn việc xây mới cơ sở lưu trú lớn, vì không tạo áp lực quá mạnh lên đất đai, cảnh quan và đời sống cư dân. Mục tiêu của lưu trú không phải tăng nhanh số lượng phòng, mà tạo ra một số điểm nghỉ có chất lượng tối thiểu, có bản sắc địa phương và kết nối được với trải nghiệm văn hóa.

Giai đoạn đầu lựa chọn từ 3 đến 5 hộ làm điểm lưu trú thí điểm. Hộ được lựa chọn phải đáp ứng các điều kiện cơ bản: gia đình tự nguyện tham gia; nhà ở có đường tiếp cận thuận lợi; có phòng hoặc khu vực ngủ tách tương đối với sinh hoạt riêng; có nhà vệ sinh sử dụng được cho khách; có nguồn nước sạch; chủ hộ có khả năng giao tiếp tối thiểu; các thành viên trong gia đình đồng thuận. Cách chọn hộ theo tiêu chí cụ thể giúp tránh tình trạng vận động đại trà, hộ chưa đủ điều kiện vẫn tham gia, dẫn đến chất lượng thấp và gây áp lực cho chính người dân.

Các hộ thí điểm được hỗ trợ cải tạo tối thiểu theo nguyên tắc giữ dáng vẻ nhà ở địa phương, chỉ nâng cấp những hạng mục ảnh hưởng trực tiếp đến trải nghiệm và an toàn của khách. Hạng mục bắt buộc gồm chỗ ngủ sạch, chăn ga riêng, đệm hoặc giường chắc chắn, khu vực để hành lý, đèn chiếu sáng, quạt hoặc thông gió, nhà vệ sinh có nước sạch, xà phòng, thùng rác, khóa cửa, ổ điện an toàn và bình chữa cháy mini. Những hạng mục này không đòi hỏi đầu tư lớn, nhưng quyết định khả năng đón khách ổn định. Nhà dân không cần biến thành khách sạn; tuy vậy, sự sạch sẽ, an toàn và riêng tư tối thiểu phải được bảo đảm.

Mỗi hộ lưu trú phải có bảng nội quy ngắn đặt tại vị trí dễ thấy. Nội quy ghi rõ giờ nghỉ, khu vực khách được sử dụng, khu vực riêng của gia đình, quy định chụp ảnh, sử dụng bếp, giữ vệ sinh, xử lý rác và số điện thoại liên hệ khi cần hỗ trợ. Nội quy này bảo vệ cả khách lẫn chủ hộ. Khách hiểu giới hạn tiếp cận; chủ hộ tránh tình trạng phải giải thích nhiều lần hoặc bị xâm nhập vào không gian riêng.

Việc đón khách được vận hành qua một đầu mối chung của thôn, tổ hợp tác hoặc nhóm du lịch cộng đồng. Đầu mối này tiếp nhận thông tin đoàn khách, phân bổ khách cho các hộ, xác nhận số người, thời gian lưu trú, bữa ăn, giá dịch vụ và yêu cầu đặc biệt. Cách làm này khắc phục tình trạng mỗi hộ tự nhận khách, tự báo giá, tự xử lý phát sinh. Đồng thời, khi một hộ quá tải, đầu mối chung điều phối sang hộ khác, giúp lợi ích không tập trung vào một vài gia đình.

Giá dịch vụ lưu trú được xây dựng thành khung thống nhất. Khung giá tách rõ tiền ngủ, tiền ăn, tiền trải nghiệm kèm theo và thù lao cho người tham gia giao lưu nếu có. Chẳng hạn, khách chỉ nghỉ qua đêm trả một mức giá khác; khách nghỉ kèm bữa tối gia đình, nghe kể chuyện văn hóa hoặc tham gia hoạt động nhẹ sẽ trả mức cao hơn. Việc tách giá như vậy làm rõ giá trị lao động của hộ dân, tránh tình trạng cộng đồng phục vụ thêm nhưng không được tính công.

Hoạt động gắn với lưu trú được giới hạn ở những trải nghiệm nhẹ, không can thiệp sâu vào sinh hoạt gia đình. Khách có thể ăn cơm cùng chủ hộ, nghe giới thiệu về nếp sống Sán Dìu, đi bộ quanh xóm, tìm hiểu vườn nhà, tham gia chuẩn bị một phần bữa ăn hoặc nghe người cao tuổi kể chuyện địa phương. Các hoạt động như vào phòng riêng, quay chụp sinh hoạt gia đình khi chưa xin phép, tham gia nghỉ lễ nội bộ hoặc hỏi quá sâu về đời sống cá nhân được loại khỏi chương trình. Lưu trú cộng đồng chỉ bền khi gia đình vẫn giữ được cảm giác an toàn trong chính ngôi nhà của mình.

Công tác kiểm tra chất lượng được thực hiện bằng bảng kiểm trước mỗi lượt khách. Người điều phối hoặc chủ hộ tự kiểm tra các mục: phòng đã dọn sạch, chăn ga đã thay, nhà vệ sinh có nước và xả phòng, bữa ăn đã thống nhất, số khách không vượt quá khả năng tiếp nhận, nội quy đã thông báo, điện và thiết bị an toàn. Sau mỗi lượt khách, hộ ghi nhận phản hồi ngắn về những điểm phát sinh như khách đến muộn, thiếu vật dụng, quá tải bữa ăn, thời lượng giao lưu chưa phù hợp. Những ghi nhận này được dùng để điều chỉnh quy trình tiếp theo, thay vì chỉ lưu lại như báo cáo hình thức.

3.3.2.2. Dịch vụ ẩm thực bản địa và trải nghiệm sinh hoạt

Ẩm thực bản địa tại Ngọc Thanh được phát triển thành dịch vụ văn hóa có quy trình, không dừng ở việc phục vụ bữa ăn cho khách. Với cộng đồng

Sán Dìu, bữa ăn chứa nhiều lớp thông tin về nguyên liệu, mùa vụ, cách chế biến, nếp tiếp khách và quan hệ gia đình. Khi được tổ chức đúng, ẩm thực trở thành điểm chạm trực tiếp giữa du khách và đời sống địa phương.

Giải pháp đầu tiên là xây dựng bộ thực đơn văn hóa Sán Dìu theo mùa. Thực đơn được lựa chọn từ món ăn đang tồn tại trong đời sống cộng đồng, không vay mượn tùy tiện từ địa phương khác. Mỗi món đưa vào thực đơn phải đáp ứng bốn điều kiện: nguyên liệu có thể chủ động tại địa phương hoặc vùng lân cận; hộ dân nấu được thường xuyên; cách chế biến phù hợp phục vụ khách; món ăn có câu chuyện văn hóa để giới thiệu. Những món quá hiếm, quá khó chuẩn bị hoặc chỉ xuất hiện trong nghi lễ riêng không đưa vào thực đơn phổ thông.

Bữa ăn phục vụ khách được thiết kế theo ba mức. Mức thứ nhất là bữa cơm bản địa đơn giản dành cho khách tham quan trong ngày, gồm các món dễ chuẩn bị, phục vụ nhanh, có phần giới thiệu ngắn trước bữa ăn. Mức thứ hai là bữa cơm trải nghiệm dành cho khách lưu trú hoặc nhóm nhỏ, có thêm phần tham gia sơ chế, bày mâm hoặc nghe giải thích kỹ hơn về nguyên liệu và cách chế biến. Mức thứ ba là bữa ăn kết hợp giao lưu văn hóa, dành cho đoàn đặt trước, có sự tham gia của nghệ nhân, người kể chuyện hoặc nhóm văn hóa cộng đồng. Cách chia mức này giúp dịch vụ phù hợp với nhiều nhóm khách mà không gây quá tải cho hộ dân.

Quy trình phục vụ bữa ăn được chuẩn hóa từ khâu đặt trước đến khâu phản hồi. Khi nhận đoàn, người điều phối xác nhận số khách, thời gian ăn, yêu cầu ăn kiêng, ngân sách, mức trải nghiệm và hộ phụ trách. Trước bữa ăn, hộ chuẩn bị nguyên liệu, dọn khu vực ăn, kiểm tra dụng cụ, bố trí chỗ ngồi và thống nhất người giới thiệu món. Trong bữa ăn, phần giới thiệu chỉ kéo dài vừa phải, tập trung vào vài món tiêu biểu, tránh biến bữa ăn thành buổi thuyết trình. Sau bữa ăn, khách được hỏi phản hồi ngắn về món ăn, vệ sinh, khẩu vị, thời gian phục vụ và mức độ hài lòng.

Tiêu chuẩn vệ sinh được đặt thành yêu cầu bắt buộc. Thực phẩm phải có nguồn rõ; khu vực chế biến sạch; dụng cụ ăn uống rửa sạch và bảo quản đúng cách; nước dùng trong chế biến bảo đảm; thức ăn không nấu quá sớm rồi để lâu; người phục vụ giữ vệ sinh cá nhân; rác sau bữa ăn được xử lý ngay.

Các hộ tham gia dịch vụ ẩm thực phải được tập huấn ngắn về an toàn thực phẩm, nhưng tập huấn phải gắn với bếp thật của từng hộ, không chỉ phổ biến lý thuyết trong hội trường.

Trải nghiệm sinh hoạt gắn với ẩm thực được tổ chức có giới hạn. Khách chỉ tham gia những công đoạn an toàn và phù hợp như nhặt rau, rửa lá, gói bánh đơn giản, pha nước chấm, bày mâm, nhận biết nguyên liệu hoặc nghe giới thiệu về cách tổ chức bữa ăn. Những công đoạn liên quan đến dao sắc, lửa lớn, chế biến phức tạp hoặc yêu cầu bí quyết gia đình không đưa vào phần khách tham gia. Cách làm này vừa giữ được tính trải nghiệm, vừa bảo đảm an toàn và không làm chủ hộ mất kiểm soát quy trình nấu nướng.

Giá dịch vụ ẩm thực được niêm yết theo nhóm sản phẩm. Một bữa cơm thông thường, một bữa cơm có giới thiệu văn hóa, một bữa cơm có trải nghiệm chế biến và một bữa cơm kèm giao lưu văn nghệ có mức giá khác nhau. Trong giá phải tính đủ nguyên liệu, công nấu, công phục vụ, công giới thiệu, chi phí dọn dẹp và phần thù lao cho nghệ nhân hoặc người tham gia nếu có. Cách tính này giúp người dân không bị thiệt khi phải làm thêm nhiều phần việc ngoài nấu ăn.

Để vận hành ổn định, Ngọc Thanh hình thành nhóm hộ ẩm thực cộng đồng. Nhóm này thống nhất thực đơn cơ bản, khung giá, tiêu chuẩn vệ sinh, số khách tối đa mỗi hộ và cơ chế hỗ trợ nhau khi có đoàn đông. Một hộ có thể phụ trách món chính, hộ khác chuẩn bị món phụ hoặc hỗ trợ phục vụ. Khi lượng khách tăng, nhóm hộ cùng tham gia thay vì dồn việc vào một gia đình. Đây là cách làm phù hợp với năng lực địa phương, đồng thời tạo cơ hội chia sẻ thu nhập trong cộng đồng.

3.3.2.3. Dịch vụ thuyết minh và hướng dẫn di sản

Dịch vụ thuyết minh và hướng dẫn di sản là phần quyết định chiều sâu của sản phẩm du lịch văn hóa Ngọc Thanh. Di tích chiến khu, hát Soọng Cô, ẩm thực Sán Dìu và không gian cộng đồng đều cần người giải thích để du khách hiểu đúng. Nếu thiếu thuyết minh, khách chỉ tiếp xúc với bề mặt của tài nguyên: nhìn di tích, nghe hát, ăn món địa phương, chụp ảnh rồi rời đi. Vì vậy, Ngọc Thanh phải xây dựng đội ngũ hướng dẫn tại chỗ, am hiểu địa phương và có khả năng kể chuyện di sản bằng ngôn ngữ gần gũi.

Trước hết, địa phương biên soạn bộ thuyết minh chuẩn cho hai mạch nội dung: Chiến khu Ngọc Thanh và văn hóa Sán Dìu. Mạch Chiến khu Ngọc Thanh gồm bối cảnh hình thành, vai trò địa hình, hệ thống điểm di tích, hoạt động hậu cần, quân y, xưởng quân khí, sự tham gia của nhân dân và ký ức kháng chiến. Mạch văn hóa Sán Dìu gồm cư trú, dân ca Soọng Cô, trang phục, ẩm thực, tín ngưỡng, quan hệ cộng đồng và biến đổi đời sống hiện nay. Hai mạch này được kết nối bằng câu chuyện chung về Ngọc Thanh như một không gian vừa có ký ức lịch sử, vừa có đời sống văn hóa tộc người.

Bộ thuyết minh được chia thành ba phiên bản. Phiên bản ngắn dùng cho khách tham quan nhanh, thời lượng khoảng 10–15 phút tại mỗi cụm nội dung. Phiên bản trung bình dùng cho chương trình nửa ngày, có thêm câu chuyện địa phương và câu hỏi gợi mở. Phiên bản chuyên sâu dùng cho học sinh, sinh viên, đoàn thể hoặc nhóm nghiên cứu, có bản đồ tuyến, ảnh tư liệu, nhiệm vụ quan sát và phần trao đổi cuối chương trình. Cách chia phiên bản giúp người hướng dẫn không dùng một bài nói cho mọi nhóm khách.

Mỗi điểm dừng trong tuyến di tích phải có nội dung riêng. Điểm gắn với hậu cần kể về cách tổ chức đời sống phía sau chiến tuyến. Điểm gắn với quân y kể về chăm sóc thương binh và quan hệ quân dân. Điểm gắn với xưởng quân khí kể về khả năng sản xuất, sửa chữa trong điều kiện thiếu thốn. Điểm gắn với địa hình rừng núi giải thích vì sao không gian này phù hợp với hoạt động căn cứ. Khi mỗi điểm có chức năng diễn giải riêng, tuyến tham quan tránh được sự lặp lại thông tin và tạo cảm giác có tiến triển trong hành trình.

Đội ngũ hướng dẫn cộng đồng được lựa chọn từ thanh niên địa phương, cán bộ văn hóa, giáo viên, nghệ nhân, người am hiểu lịch sử hoặc thành viên câu lạc bộ văn hóa. Mỗi người không phải biết tất cả mọi nội dung ngay từ đầu. Có thể phân vai theo thế mạnh: người phụ trách tuyến di tích, người phụ trách văn hóa Sán Dìu, người phụ trách ẩm thực, người phụ trách giao lưu Soọng Cô, người phụ trách nhóm học sinh. Cách phân vai giúp đào tạo nhanh hơn, giảm áp lực cho từng cá nhân và tạo nhiều vị trí tham gia trong cộng đồng.

Đào tạo hướng dẫn viên cộng đồng được thực hiện bằng thực hành tại điểm. Người học đi qua từng tuyến, tập nói tại từng điểm dừng, nhận góp ý về nội dung, giọng nói, thời lượng, cách đặt câu hỏi và cách xử lý tình huống.

Nội dung đào tạo gồm kiến thức cơ bản về Chiến khu Ngọc Thanh, văn hóa Sán Dìu, kỹ năng kể chuyện, kỹ năng dẫn nhóm, kỹ năng giao tiếp với khách lớn tuổi, học sinh, khách gia đình, kỹ năng nhắc khách tôn trọng không gian cộng đồng và kỹ năng xử lý câu hỏi ngoài dự kiến. Sau đào tạo, mỗi người phải dẫn thử ít nhất một chương trình ngắn trước khi tham gia phục vụ khách chính thức.

Công cụ hỗ trợ thuyết minh gồm bản đồ tuyến di sản, phiếu thông tin điểm dừng, bộ ảnh tư liệu, sơ đồ Chiến khu Ngọc Thanh, mã QR bổ sung thông tin, danh mục câu hỏi gợi mở và sổ tay hướng dẫn viên cộng đồng. Phiếu thông tin điểm dừng chỉ ghi dữ kiện cốt lõi, câu chuyện chính và lưu ý cần tránh. Sổ tay hướng dẫn viên ghi rõ nội dung được khẳng định, nội dung cần nói thận trọng, cách giới thiệu văn hóa Sán Dìu, quy tắc ứng xử khi vào hộ dân và cách phối hợp với nghệ nhân hoặc chủ hộ. Những công cụ này giúp người hướng dẫn thống nhất thông tin mà không biến thuyết minh thành đọc văn bản.

Cơ chế trả công cho thuyết minh phải được tính vào giá chương trình. Hướng dẫn cộng đồng, nghệ nhân, người kể chuyện lịch sử và người hỗ trợ tại điểm đều có mức thù lao rõ. Không sử dụng cơ chế “hỗ trợ tùy tâm” vì cách làm đó khiến lao động văn hóa bị xem nhẹ và khó duy trì chất lượng. Khi người dân được trả công minh bạch, họ có lý do để chuẩn bị nội dung, giữ lịch hẹn, luyện tập kỹ năng và tham gia lâu dài.

Dịch vụ thuyết minh cũng cần có đánh giá sau chương trình. Người điều phối ghi nhận khách có hiểu nội dung không, thời lượng có quá dài không, điểm nào khách quan tâm nhất, câu hỏi nào thường xuất hiện, thông tin nào cần bổ sung, hướng dẫn viên nào cần tập huấn thêm. Dữ liệu này được dùng để sửa bài thuyết minh, điều chỉnh tuyến và nâng chất lượng hướng dẫn. Đây là cách phát triển dịch vụ theo kinh nghiệm thực tế của địa phương, thay vì chỉ biên soạn một lần rồi giữ nguyên.

Như vậy, phát triển hệ thống dịch vụ du lịch văn hóa tại Ngọc Thanh phải đi từ những dịch vụ gần nhất với cộng đồng: chỗ nghỉ tại hộ dân, bữa ăn bản địa, người kể chuyện di sản. Các dịch vụ này không đòi hỏi đầu tư lớn ngay từ đầu, nhưng đòi hỏi quy trình rõ, tiêu chuẩn vừa sức và cơ chế điều phối thực chất. Khi

lưu trú, ẩm thực và thuyết minh được tổ chức ổn định, Ngọc Thanh có cơ sở chuyên hoạt động tham quan ngắm thành trải nghiệm văn hóa có khả năng giữ khách, tạo thu nhập cho cộng đồng và bảo vệ bản sắc địa phương.

Để hệ thống dịch vụ du lịch văn hóa tại Ngọc Thanh không dừng ở các định hướng rời rạc, cần cụ thể hóa thành một khung triển khai có khả năng áp dụng trong quản lý và vận hành. Khung này làm rõ từng nhóm dịch vụ, cách tổ chức, tiêu chuẩn kiểm soát và chủ thể tham gia, qua đó giúp địa phương xác định được thứ tự ưu tiên trong quá trình phát triển dịch vụ du lịch văn hóa.

Bảng 3.1. Khung phát triển hệ thống dịch vụ du lịch văn hóa tại xã Ngọc Thanh

Nhóm dịch vụ	Triển khai	Tiêu chuẩn	Chủ thể
Lưu trú cộng đồng	Chọn 3–5 hộ; cải tạo tối thiểu; tổ chức theo nhóm	Phòng sạch, WC đạt chuẩn, giá công khai, giới hạn khách, tách không gian	Hộ dân; tổ hợp tác; thôn; cán bộ; thanh niên
Ẩm thực & trải nghiệm	Xây thực đơn theo mùa; phân cấp bữa ăn; chuẩn hóa phục vụ	Nguyên liệu rõ nguồn; vệ sinh; giá trước; trải nghiệm an toàn	Hộ gia đình; phụ nữ; nghệ nhân; điều phối
Thuyết minh di sản	Chuẩn hóa 2 tuyến; 3 cấp tour; đào tạo hướng dẫn viên cộng đồng	Thông tin chính xác; không sai lệch; kiểm soát thời lượng	Cán bộ; thanh niên; nghệ nhân; lữ hành
Điều phối hệ thống	Lập tổ điều phối; phân khách; thống nhất giá; thu phản hồi	Có đầu mối; quy trình giá; chia lợi ích; không quá tải	Tổ hợp tác; thôn; hộ dịch vụ; cán bộ

Nguồn: Tác giả đề xuất, 2026

Việc phát triển dịch vụ du lịch văn hóa tại Ngọc Thanh chỉ khả thi khi được tổ chức theo năng lực thực tế của cộng đồng, thay vì mở rộng nhanh theo tư duy đầu tư hạ tầng thuần túy. Cách tiếp cận phù hợp là bắt đầu từ nhóm hộ, nghệ nhân, người am hiểu lịch sử và các thiết chế sẵn có, sau đó từng bước

chuẩn hóa quy trình phục vụ. Điểm mấu chốt nằm ở khả năng biến dịch vụ thành môi trường truyền tải văn hóa: nơi lưu trú không chỉ để nghỉ, bữa ăn không chỉ để tiêu dùng, hoạt động thuyết minh không chỉ để cung cấp thông tin. Khi các dịch vụ được vận hành bằng tiêu chuẩn cụ thể và cơ chế điều phối rõ, cộng đồng sẽ tham gia với tư cách chủ thể cung ứng giá trị, còn du khách có điều kiện tiếp cận Ngọc Thanh như một không gian văn hóa sống.

3.3.3. Xây dựng tuyến, chương trình và hoạt động trải nghiệm du lịch văn hóa

Một trong những hạn chế nổi bật của hoạt động du lịch tại Ngọc Thanh hiện nay là các điểm tài nguyên văn hóa và tự nhiên vẫn được khai thác tương đối độc lập, chưa hình thành được các tuyến tham quan và chương trình trải nghiệm có tính liên kết. Phần lớn du khách đến địa phương chủ yếu kết hợp tham quan hồ Đại Lải hoặc nghỉ dưỡng trong khu vực lân cận, sau đó ghé thăm một số điểm di tích hoặc không gian văn hóa theo hình thức tự phát. Cách tổ chức này chưa tạo được dòng trải nghiệm xuyên suốt, khiến thời gian lưu trú ngắn, mức chi tiêu thấp và giá trị văn hóa địa phương chưa được khai thác tương xứng. Vì vậy, việc xây dựng các tuyến, chương trình và mô-đun trải nghiệm là giải pháp quan trọng nhằm kết nối các nguồn tài nguyên thành sản phẩm du lịch văn hóa hoàn chỉnh, góp phần nâng cao sức hấp dẫn và khả năng cạnh tranh của điểm đến.

Trước hết, cần xây dựng hệ thống tuyến du lịch theo nguyên tắc kết nối giữa tài nguyên văn hóa, lịch sử và cảnh quan sinh thái. Thay vì tổ chức các điểm tham quan riêng lẻ, các tuyến cần được thiết kế theo chủ đề nhằm tạo ra mạch trải nghiệm logic và giúp du khách hiểu rõ hơn về giá trị của điểm đến. Trên cơ sở đó, có thể hình thành tuyến trải nghiệm văn hóa – lịch sử với trọng tâm là Chiến khu Ngọc Thanh kết hợp với các không gian sinh hoạt văn hóa của cộng đồng Sán Dìu; tuyến trải nghiệm văn hóa – sinh thái kết nối các điểm cảnh quan tự nhiên, hồ Đại Lải và các hoạt động trải nghiệm tại cộng đồng; hoặc tuyến giáo dục di sản dành cho học sinh, sinh viên gắn với tìm hiểu lịch sử cách mạng, văn hóa bản địa và bảo vệ môi trường. Việc tổ chức tuyến theo chủ đề sẽ góp phần khắc phục tình trạng tham quan rời rạc, đồng thời tạo điều kiện để doanh nghiệp dễ dàng xây dựng chương trình phù hợp với từng phân khúc khách.

Song song với việc xây dựng tuyến, cần thiết kế các chương trình du lịch có thời lượng linh hoạt nhằm đáp ứng nhu cầu đa dạng của thị trường. Đối với khách tham quan trong ngày, chương trình có thể tập trung vào trải nghiệm văn hóa Sán Dìu, tham quan di tích lịch sử, thưởng thức ẩm thực địa phương và tham gia một số hoạt động giao lưu cộng đồng. Đối với khách lưu trú từ hai ngày trở lên, chương trình nên kết hợp giữa trải nghiệm văn hóa, nghỉ dưỡng sinh thái, hoạt động ngoài trời và các trải nghiệm nông nghiệp hoặc giáo dục môi trường. Việc đa dạng hóa thời lượng chương trình không chỉ giúp mở rộng đối tượng khách mà còn góp phần kéo dài thời gian lưu trú và tăng mức chi tiêu tại địa phương.

Một nội dung cần được chú trọng là xây dựng các mô-đun trải nghiệm có thể kết hợp linh hoạt trong từng chương trình du lịch. Thay vì thiết kế một sản phẩm cố định cho mọi đối tượng khách, các hoạt động trải nghiệm nên được tổ chức thành những mô-đun độc lập với thời lượng và nội dung rõ ràng để doanh nghiệp hoặc hướng dẫn viên có thể lựa chọn, kết hợp phù hợp với đặc điểm của từng đoàn khách. Trên cơ sở nguồn tài nguyên hiện có, có thể xây dựng các mô-đun như: trải nghiệm hát Soọng Cô và tìm hiểu văn hóa Sán Dìu; trải nghiệm chế biến và thưởng thức ẩm thực truyền thống; tìm hiểu lịch sử Chiến khu Ngọc Thanh thông qua hoạt động kể chuyện di sản; tham gia các trò chơi dân gian; trải nghiệm nghề thủ công hoặc sản xuất nông nghiệp; đi bộ khám phá cảnh quan và giáo dục môi trường. Việc tổ chức sản phẩm theo mô-đun sẽ tạo điều kiện thuận lợi cho việc đổi mới chương trình, giảm sự trùng lặp trong trải nghiệm và nâng cao khả năng đáp ứng các nhu cầu khác nhau của du khách.

Bên cạnh việc đa dạng hóa nội dung, quá trình thiết kế chương trình cần bảo đảm tính liên kết giữa các hoạt động trải nghiệm. Mỗi chương trình không nên chỉ là tập hợp các điểm tham quan, mà cần được xây dựng theo một chủ đề xuyên suốt, trong đó các hoạt động được sắp xếp theo trình tự hợp lý nhằm tạo ra dòng trải nghiệm liên tục. Chẳng hạn, chương trình có thể bắt đầu bằng hoạt động giới thiệu về lịch sử hình thành vùng đất Ngọc Thanh, tiếp nối bằng tham quan di tích, sau đó chuyển sang trải nghiệm văn hóa Sán Dìu, thưởng thức ẩm thực địa phương và kết thúc bằng hoạt động giao lưu với cộng

đồng. Cách tổ chức này giúp du khách tiếp nhận thông tin theo mạch kể thống nhất, đồng thời tăng tính hấp dẫn và khả năng ghi nhớ về điểm đến.

Việc xây dựng tuyến và chương trình cũng cần gắn với đặc điểm của từng nhóm khách mục tiêu. Đối với học sinh, sinh viên, sản phẩm nên ưu tiên các hoạt động giáo dục di sản, trải nghiệm lịch sử và bảo vệ môi trường. Đối với khách gia đình, cần tăng cường các hoạt động mang tính tương tác, trải nghiệm văn hóa và vui chơi ngoài trời. Đối với khách nghiên cứu hoặc khách quốc tế, chương trình cần chú trọng yếu tố diễn giải di sản, giao lưu với nghệ nhân và tìm hiểu đời sống văn hóa bản địa. Việc phân hóa sản phẩm theo từng phân khúc sẽ giúp nâng cao khả năng đáp ứng nhu cầu thị trường, đồng thời tránh tình trạng một chương trình áp dụng cho mọi đối tượng khách.

Để các tuyến và chương trình có khả năng vận hành lâu dài, cần xây dựng quy trình tổ chức thống nhất cho từng sản phẩm. Mỗi chương trình cần xác định rõ thời lượng, số lượng khách phù hợp, điểm dừng, nội dung thuyết minh, đơn vị phụ trách, yêu cầu về cơ sở vật chất, phương án bảo đảm an toàn và phương thức phối hợp giữa cộng đồng với doanh nghiệp. Đồng thời, cần thường xuyên khảo sát mức độ hài lòng của du khách sau mỗi chương trình để kịp thời điều chỉnh nội dung, bổ sung hoạt động mới và nâng cao chất lượng trải nghiệm.

Bảng 3.2. Đề xuất các tuyến, chương trình và hoạt động trải nghiệm du lịch văn hóa tại xã Ngọc Thanh

Tuyến/Chương trình	Đối tượng khách	Thời lượng	Điểm tham quan chính	Hoạt động trải nghiệm	Đơn vị tham gia
Tuyến "Dấu ấn Chiến khu Ngọc Thanh"	Học sinh, sinh viên, khách nghiên cứu, khách nội địa	1/2 ngày	Khu di tích Chiến khu Ngọc Thanh và các điểm di tích liên quan	Nghe thuyết minh lịch sử; kể chuyện nhân chứng; trải nghiệm giáo dục truyền thống; chụp ảnh tư liệu	Chính quyền địa phương, Ban quản lý di tích, hướng dẫn viên, trường học

Chương trình "Một ngày cùng văn hóa Sán Dìu"	Gia đình, khách nội địa, khách quốc tế	01 ngày	Hộ gia đình người Sán Dìu	Giao lưu hát Soọng Cô; tìm hiểu phong tục; trải nghiệm chế biến ẩm thực; trò chơi dân gian; thưởng thức đặc sản	Nghệ nhân, hộ dân, hợp tác xã, doanh nghiệp lữ hành
Tuyến "Văn hóa – Sinh thái Ngọc Thanh"	Khách nghỉ dưỡng, khách trẻ	01 ngày	Hồ Đại Lải – không gian văn hóa cộng đồng – cảnh quan sinh thái	Đi bộ khám phá thiên nhiên; trải nghiệm văn hóa cộng đồng; thưởng thức ẩm thực; hoạt động ngoài trời	Doanh nghiệp du lịch, hộ dân, cơ sở lưu trú
Chương trình "Giáo dục di sản"	Học sinh, sinh viên	01 ngày	Di tích lịch sử, cảnh quan sinh thái	Tìm hiểu lịch sử địa phương; trải nghiệm kỹ năng; hoạt động nhóm	Nhà trường, chính quyền, đoàn thanh niên
Chương trình "Cuối tuần trải nghiệm Ngọc Thanh"	Gia đình, nhóm bạn, khách nghỉ dưỡng	2 ngày 1 đêm	Đại Lải – Chiến khu Ngọc Thanh – cộng đồng Sán Dìu	Nghỉ homestay; trải nghiệm ẩm thực; giao lưu văn nghệ; khám phá thiên nhiên; mua sản phẩm OCOP và quà lưu niệm	Cơ sở lưu trú, hộ dân, doanh nghiệp lữ hành, hợp tác xã

Nguồn: Đề xuất của tác giả, 2026

Việc đề xuất các tuyến và chương trình trải nghiệm trên được xây dựng theo nguyên tắc liên kết các nguồn tài nguyên văn hóa, lịch sử và sinh thái của

xã Ngọc Thanh thành chuỗi trải nghiệm hoàn chỉnh, thay vì khai thác từng điểm đến riêng lẻ như hiện nay. Các tuyến được thiết kế theo từng nhóm khách mục tiêu nhằm nâng cao khả năng đáp ứng nhu cầu thị trường, đồng thời tạo điều kiện để cộng đồng địa phương, doanh nghiệp và chính quyền cùng tham gia cung ứng dịch vụ. Việc tổ chức các hoạt động dưới dạng mô-đun trải nghiệm cũng giúp doanh nghiệp lữ hành linh hoạt kết hợp thành nhiều chương trình khác nhau, góp phần đa dạng hóa sản phẩm, kéo dài thời gian lưu trú và nâng cao giá trị gia tăng cho hoạt động du lịch văn hóa tại Ngọc Thanh.

3.4. Tổ chức thị trường khách

Tổ chức lại thị trường khách du lịch tại Ngọc Thanh là bước điều chỉnh cấu trúc phát triển, chứ không dừng lại ở việc mở rộng hoạt động quảng bá hay tăng số lượng khách đến địa phương. Thực trạng hiện nay cho thấy Ngọc Thanh đã có lượng khách nhất định, song phần lớn dòng khách vẫn vận hành theo logic phụ thuộc vào các điểm đến lân cận như Đại Lải và Tam Đảo. Trong khi đó địa phương có tài nguyên văn hóa riêng, có cộng đồng Sán Dìu, có hệ thống di tích Chiến khu Ngọc Thanh, có cảnh quan bán sơn địa tương đối đặc thù, nhưng Ngọc Thanh vẫn chưa được nhận diện như một điểm đến văn hóa độc lập. Khách đi qua, ghé lại hoặc tham quan ngắn, nhưng chưa hình thành động cơ lưu trú và quay trở lại dựa trên sức hút nội tại của trải nghiệm văn hóa địa phương.

3.4.1. Định hướng phân khúc khách văn hóa chuyên biệt

Định hướng phân khúc khách văn hóa chuyên biệt tại Ngọc Thanh cần được đặt trong quan hệ trực tiếp với đặc điểm tài nguyên và giới hạn tiếp nhận của điểm đến. Đây không phải là thao tác chia nhóm thị trường theo kỹ thuật marketing thông thường, mà là giải pháp nhằm điều chỉnh mối quan hệ giữa nhu cầu du khách, năng lực tổ chức sản phẩm và yêu cầu bảo tồn giá trị văn hóa địa phương. Với một địa bàn mà sức hấp dẫn chủ yếu nằm ở ký ức Chiến khu Ngọc Thanh, văn hóa Sán Dìu và không gian sinh hoạt cộng đồng, việc mở rộng thị trường theo hướng đại trà có thể làm gia tăng lượng khách ngắn hạn nhưng khó tạo nền tảng phát triển ổn định. Nguyên nhân là do nhóm khách đại trà thường tiêu dùng điểm đến với thời gian ngắn, mức độ tương tác thấp và đòi hỏi sản phẩm dễ tiếp cận, trong khi tài nguyên văn hóa của Ngọc

Thanh lại cần được tiếp nhận thông qua diễn giải, đối thoại và trải nghiệm có chiều sâu. Nếu lựa chọn thị trường không phù hợp, địa phương sẽ phải điều chỉnh sản phẩm theo hướng đơn giản hóa nội dung văn hóa, làm suy giảm khả năng nhận diện bản sắc của điểm đến.

Vì vậy, phân khúc khách văn hóa chuyên biệt được xem là giải pháp nhằm chuyển trọng tâm phát triển từ “tăng số lượt khách” sang “tăng chất lượng tương tác văn hóa”. Cách tiếp cận này phù hợp với những điểm đến chưa có lợi thế vượt trội về hạ tầng dịch vụ quy mô lớn nhưng sở hữu tài nguyên văn hóa có tính đặc thù. Đối với Ngọc Thanh, phân khúc khách cần ưu tiên không phải là nhóm tìm kiếm nghỉ dưỡng cao cấp, giải trí đại chúng hoặc trải nghiệm thị giác ngắn hạn, mà là những nhóm có khả năng tiếp nhận câu chuyện lịch sử, quan tâm đến đời sống cộng đồng và sẵn sàng tham gia vào các hoạt động trải nghiệm được tổ chức theo nhịp độ phù hợp. Nói cách khác, phân khúc thị trường ở đây không chỉ nhằm xác định “ai là khách”, mà còn nhằm xác định “loại quan hệ nào giữa khách và văn hóa địa phương cần được thiết lập”.

Trước hết, Ngọc Thanh cần ưu tiên nhóm khách quan tâm đến trải nghiệm văn hóa cộng đồng. Đây là nhóm khách có nhu cầu tiếp cận đời sống cư dân bản địa thông qua phong tục, ẩm thực, trang phục, dân ca, tín ngưỡng và các thực hành sinh hoạt thường ngày của người Sán Dìu. Việc lựa chọn nhóm khách này xuất phát từ thực tế rằng văn hóa Sán Dìu tại Ngọc Thanh không phù hợp với hình thức khai thác theo kiểu tham quan nhanh hoặc trình diễn đơn tuyến. Nhiều giá trị văn hóa của cộng đồng chỉ có thể được cảm nhận trong quan hệ với không gian sống, ký ức cư trú và cách người dân tự diễn giải về đời sống của họ. Vì vậy, sản phẩm dành cho nhóm khách này cần được tổ chức theo hướng trải nghiệm có kiểm soát, trong đó du khách có thể quan sát, trao đổi và tham gia ở mức độ phù hợp, thay vì chỉ tiếp nhận văn hóa qua các tiết mục biểu diễn tách khỏi bối cảnh cộng đồng.

Việc hướng tới nhóm khách văn hóa cộng đồng cũng giải quyết một bất cập quan trọng của du lịch Ngọc Thanh hiện nay, đó là tình trạng tài nguyên văn hóa chưa được chuyển hóa thành sản phẩm có khả năng tạo doanh thu ổn định cho cư dân. Khi khách chỉ tham quan trong thời gian ngắn, phần lớn giá

trị tiêu dùng sẽ tập trung ở các dịch vụ bên ngoài cộng đồng hoặc các điểm đến lân cận. Ngược lại, nếu khách tham gia vào các trải nghiệm gắn với bữa ăn bản địa, giao lưu dân ca, tìm hiểu trang phục, không gian nhà ở, tập quán sinh hoạt và câu chuyện gia đình, cộng đồng địa phương có thêm cơ hội tham gia trực tiếp vào chuỗi giá trị du lịch. Tuy nhiên, điều kiện đi kèm là hoạt động trải nghiệm phải được tổ chức trên cơ sở tôn trọng nhịp sống của cư dân, tránh biến đời sống cộng đồng thành đối tượng quan sát một chiều của du khách.

Bên cạnh đó, Ngọc Thanh cần phát triển phân khúc khách học tập trải nghiệm, đặc biệt là học sinh, sinh viên, giảng viên, các nhóm nghiên cứu và tổ chức giáo dục. Đây là phân khúc có mức độ phù hợp cao với hệ thống di tích Chiến khu Ngọc Thanh, bởi giá trị của các di tích cách mạng không nằm chủ yếu ở khả năng tạo hấp dẫn thị giác, mà nằm ở năng lực gợi mở ký ức lịch sử và giáo dục nhận thức. Nếu được tổ chức theo lối tham quan thông thường, các di tích dễ rơi vào tình trạng thuyết minh sự kiện, khiến trải nghiệm của du khách bị giới hạn ở việc tiếp nhận thông tin. Vì vậy, phát triển nhóm khách học tập trải nghiệm là giải pháp nhằm chuyển di tích từ “địa điểm tham quan” thành “không gian diễn giải lịch sử”.

Đối với phân khúc này, sản phẩm cần được xây dựng theo chủ đề rõ ràng, có tuyến điểm, có hoạt động tương tác và có phần tổng kết nhận thức sau trải nghiệm. Một chương trình tìm hiểu Chiến khu Ngọc Thanh có thể kết hợp tham quan di tích, nghe kể chuyện lịch sử địa phương, đi bộ theo tuyến ngắn trong không gian rừng, tìm hiểu vai trò của cư dân trong kháng chiến và thảo luận về mối quan hệ giữa ký ức chiến khu với đời sống hiện nay. Cấu trúc này giúp hoạt động du lịch vượt khỏi chức năng tham quan đơn thuần để trở thành hình thức giáo dục di sản ngoài nhà trường. Đây là hướng khai thác phù hợp với tính chất của di tích cách mạng, đồng thời tạo ra nguồn khách ổn định theo năm học, chương trình ngoại khóa và hoạt động nghiên cứu thực địa.

Một phân khúc khác cần được xác định rõ là khách du lịch cuối tuần từ Hà Nội, Phúc Yên, Vĩnh Yên, Thái Nguyên, Bắc Ninh và các địa bàn lân cận. Việc lựa chọn nhóm khách này xuất phát từ lợi thế khoảng cách và khả năng kết nối giao thông của Ngọc Thanh. Mặt khác, nhóm khách cuối tuần thường có quỹ thời gian ngắn, dễ lựa chọn những điểm đến đã có thương hiệu mạnh

hơn như Đại Lải hoặc Tam Đảo. Vì vậy, Ngọc Thanh không nên cạnh tranh trực tiếp bằng sản phẩm nghỉ dưỡng hoặc dịch vụ lưu trú quy mô lớn, mà cần định vị như một điểm bổ sung chiều sâu văn hóa cho hành trình du lịch vùng. Đây là cách định vị có tính thực tế hơn, bởi nó dựa trên lợi thế khác biệt của địa phương thay vì cố gắng mở rộng sang những lĩnh vực mà Ngọc Thanh chưa có ưu thế cạnh tranh.

Đối với nhóm khách cuối tuần, sản phẩm cần được thiết kế theo thời lượng ngắn nhưng có chủ đề đủ rõ. Các chương trình như trải nghiệm một ngày trong không gian văn hóa Sán Dìu, tìm hiểu dấu tích Chiến khu Ngọc Thanh, hoặc dùng bữa cơm bản địa gắn với câu chuyện vùng trung du có thể tạo ra điểm nhấn khác biệt so với các hoạt động nghỉ dưỡng thông thường. Ý nghĩa của giải pháp này nằm ở chỗ biến Ngọc Thanh từ điểm ghé phụ thành một điểm dừng có lý do trong hành trình của du khách. Khi khách nhận diện được địa phương bằng một chủ đề cụ thể, khả năng quay lại hoặc giới thiệu cho nhóm khách khác sẽ cao hơn so với việc chỉ tiếp xúc với điểm đến qua một hoạt động tham quan rời rạc.

Ngoài ba nhóm khách trên, Ngọc Thanh có thể tiếp cận có chọn lọc nhóm khách nghiên cứu, nhiếp ảnh, sáng tạo nội dung văn hóa và khách quốc tế quan tâm đến đời sống bản địa. Đây là nhóm có khả năng mở rộng nhận diện điểm đến thông qua sản phẩm truyền thông, tư liệu nghiên cứu và chia sẻ trải nghiệm. Tuy nhiên, việc khai thác nhóm khách này cần được quản lý chặt chẽ hơn so với các phân khúc còn lại, bởi hoạt động ghi hình, chụp ảnh, phỏng vấn và công bố hình ảnh cộng đồng có thể tạo ra những tác động ngoài dự kiến. Nếu thiếu nguyên tắc ứng xử, hình ảnh văn hóa Sán Dìu có nguy cơ bị tái hiện như một đối tượng lạ hóa, trong đó cộng đồng bị đặt vào vị trí phục vụ nhu cầu quan sát của người ngoài. Vì vậy, giải pháp phân khúc ở đây phải đi kèm với quy định về tiếp cận cộng đồng, sử dụng hình ảnh, bảo vệ không gian riêng tư và tôn trọng quyền diễn giải của cư dân địa phương.

Bảng 3.3. Phân khúc khách văn hóa chuyên biệt tại Ngọc Thanh

Phân khúc khách	Trọng tâm nhu cầu	Định hướng sản phẩm	Giá trị giải pháp
Khách trải nghiệm văn hóa cộng đồng	Tiếp xúc đời sống Sán Dìu và sinh hoạt bản địa	Giao lưu cộng đồng, ẩm thực, soong cô, trang phục, phong tục	Tăng vai trò chủ thể của cư dân trong khai thác văn hóa
Khách tập trải nghiệm học	Tìm hiểu lịch sử, di tích và ký ức chiến khu	Tuyên học tập di sản, kể chuyện lịch sử, tham quan chuyên đề	Chuyển di tích thành không gian giáo dục trải nghiệm
Khách cuối tuần từ đô thị lân cận	Nghỉ ngắn ngày kết hợp trải nghiệm văn hóa	Gói nửa ngày, một ngày; kết nối Đại Lải – Ngọc Thanh – Tam Đảo	Tạo điểm dừng có chủ đề trong hành trình vùng
Khách nghiên cứu, sáng tạo nội dung	Tìm kiếm tư liệu, hình ảnh và câu chuyện bản địa	Tour chuyên đề, tiếp cận nghệ nhân, ghi chép thực địa có kiểm soát	Mở rộng nhận diện điểm đến nhưng kiểm soát lạ hóa văn hóa
Khách quốc tế quan tâm văn hóa bản địa	Trải nghiệm văn hóa địa phương ít đại trà	Thuyết minh song ngữ, homestay chọn lọc, trải nghiệm cộng đồng	Tăng giá trị chi tiêu và tiếp cận thị trường chất lượng cao

Nguồn: Tác giả đề xuất, 2026.

Từ những phân tích trên, định hướng phân khúc khách văn hóa chuyên biệt tại Ngọc Thanh cần được xem là một giải pháp quản trị điểm đến, không chỉ là giải pháp thị trường. Phân khúc đúng giúp địa phương xác định sản phẩm phù hợp, lựa chọn phương thức thuyết minh tương ứng, tổ chức dịch vụ theo năng lực thực tế và kiểm soát sức ép của du lịch đối với cộng đồng. Ngược lại, nếu không phân khúc hoặc phân khúc quá rộng, hoạt động du lịch dễ bị dẫn dắt bởi nhu cầu ngắn hạn của thị trường, làm cho tài nguyên văn hóa bị khai thác theo hướng đơn giản, nhanh và khó duy trì chiều sâu. Vì vậy, ưu

tiên các nhóm khách có nhu cầu trải nghiệm văn hóa, học tập lịch sử và tiếp xúc cộng đồng là lựa chọn phù hợp với điều kiện của Ngọc Thanh, đồng thời tạo nền tảng để phát triển du lịch văn hóa theo hướng bền vững hơn về mặt xã hội, kinh tế và văn hóa.

3.4.2. Kéo dài thời gian lưu trú và tăng mức độ quay lại

Kéo dài thời gian lưu trú tại Ngọc Thanh không nên được hiểu giản đơn là gia tăng số cơ sở lưu trú hoặc kêu gọi du khách ở lại qua đêm. Trong điều kiện hiện nay, vấn đề cốt lõi không nằm ở việc thiếu chỗ ngủ, mà nằm ở chỗ sản phẩm du lịch chưa tạo ra đủ chuỗi hoạt động để du khách có lý do tiếp tục ở lại sau khi đã tham quan một vài điểm chính. Đối với một địa bàn có tài nguyên văn hóa phân bố theo nhiều lớp như Ngọc Thanh, gồm văn hóa Sán Dìu, di tích Chiến khu, cảnh quan bán sơn địa, ẩm thực và ký ức cộng đồng, giải pháp lưu trú phải được tổ chức như một phần của trải nghiệm văn hóa. Nói cách khác, khách ở lại không phải vì “có phòng”, mà vì lịch trình sau buổi chiều và sáng hôm sau vẫn còn nội dung đáng tham gia.

Trước hết, cần thiết kế lại sản phẩm theo mô hình chuỗi trải nghiệm theo thời lượng, thay vì tổ chức các hoạt động rời rạc. Công cụ triển khai cụ thể là xây dựng ba bộ chương trình chuẩn: chương trình 3–4 giờ, chương trình một ngày và chương trình hai ngày một đêm. Mỗi chương trình cần có kịch bản vận hành, thời lượng, điểm đến, người phụ trách, chi phí dự kiến và giới hạn số khách. Chương trình 3–4 giờ dành cho khách kết hợp từ Đại Lải hoặc Phúc Yên, tập trung vào một nội dung duy nhất như bữa cơm Sán Dìu, tuyến di tích ngắn hoặc trải nghiệm soong cô. Chương trình một ngày kết hợp tham quan di tích, dùng bữa bản địa và giao lưu với cộng đồng. Chương trình hai ngày một đêm cần được xây dựng như sản phẩm trọng tâm để kéo dài lưu trú, trong đó buổi chiều là thời gian tiếp cận di tích hoặc không gian văn hóa, buổi tối là sinh hoạt cộng đồng quy mô nhỏ, sáng hôm sau là hoạt động đi bộ, tìm hiểu nông nghiệp, cảnh quan hoặc câu chuyện cư trú của người Sán Dìu.

Để chương trình hai ngày một đêm có khả năng vận hành thực tế, Ngọc Thanh cần lập bản đồ trải nghiệm theo khung giờ. Đây là công cụ giúp địa phương biết rõ mỗi thời điểm trong ngày nên tổ chức hoạt động gì, ai thực hiện và hoạt động đó tạo thêm giá trị nào cho du khách. Chẳng hạn, khung

15h00–17h00 có thể dành cho tuyển tham quan Chiến khu hoặc tìm hiểu không gian cư trú Sán Dìu; khung 18h00–19h30 dành cho bữa cơm bản địa có thuyết minh về nguyên liệu, món ăn và tập quán ăn uống; khung 20h00–21h00 dành cho giao lưu văn hóa trong phạm vi nhỏ; khung 7h00–9h00 sáng hôm sau dành cho hoạt động đi bộ, thăm vườn, nghe kể chuyện về địa danh, nghề nghiệp hoặc ký ức địa phương. Cách tổ chức theo khung giờ giúp sản phẩm lưu trú có cấu trúc rõ ràng, tránh tình trạng khách ở lại nhưng không có hoạt động, hoặc hoạt động phát sinh tùy hứng, thiếu kiểm soát chất lượng.

Dịch vụ buổi tối cần được xem là bộ phận quyết định khả năng giữ khách qua đêm. Dù vậy, Ngọc Thanh không nên phát triển “đêm văn hóa” theo kiểu sân khấu hóa, vì cách làm này dễ làm cho văn hóa Sán Dìu bị tách khỏi môi trường thực hành. Giải pháp phù hợp hơn là xây dựng mô hình “tối văn hóa giới hạn”, với quy mô khoảng 15–25 khách, thời lượng 45–60 phút, tổ chức theo lịch đặt trước. Nội dung có thể gồm ba phần: giới thiệu ngắn về người Sán Dìu ở Ngọc Thanh, trình diễn hoặc giao lưu một số làn điệu soọng cô, và phần đối thoại giữa du khách với nghệ nhân hoặc người dân địa phương. Công cụ quản lý đi kèm là phiếu kịch bản chương trình, danh sách nghệ nhân tham gia, mức thù lao thống nhất và quy định số buổi tối đa trong tuần. Việc giới hạn tần suất rất cần thiết, bởi nếu tổ chức quá dày, hoạt động văn hóa sẽ chuyển thành biểu diễn dịch vụ thuần túy, làm suy giảm ý nghĩa cộng đồng của thực hành văn hóa.

Song song với hoạt động buổi tối, cần phát triển bữa ăn bản địa có diễn giải như một sản phẩm có khả năng kéo dài thời gian trải nghiệm và tăng chi tiêu tại chỗ. Hiện nay, nhiều điểm du lịch cộng đồng mới dừng ở việc phục vụ món ăn địa phương, nhưng chưa biến bữa ăn thành một phần của câu chuyện văn hóa. Đối với Ngọc Thanh, thực đơn có thể được chuẩn hóa theo ba cấp: bữa ăn gia đình Sán Dìu, bữa ăn theo mùa và bữa ăn gắn với ký ức chiến khu. Mỗi thực đơn cần có thể thông tin ngắn về nguyên liệu, cách chế biến, tập quán sử dụng và câu chuyện liên quan. Công cụ triển khai là bộ thực đơn chuẩn, bảng giá, quy trình đặt trước, tiêu chuẩn vệ sinh, phân công hộ phục vụ theo lượt và phiếu đánh giá sau bữa ăn. Khi bữa ăn được diễn giải tốt, khách không chỉ tiêu dùng thực phẩm mà còn tiếp nhận thêm một lớp hiểu biết về

đời sống địa phương; đây chính là yếu tố làm tăng chất lượng lưu trú mà không cần đầu tư hạ tầng quá lớn.

Đối với hoạt động sáng hôm sau, Ngọc Thanh cần tránh để khách rời đi ngay sau khi ăn sáng. Một sản phẩm lưu trú hai ngày một đêm chỉ có giá trị khi buổi sáng hôm sau vẫn có nội dung riêng. Có thể thiết kế các tuyến ngắn từ 60 đến 90 phút như đi bộ trong không gian làng, tìm hiểu vườn đồi, nghe kể chuyện về địa danh, thăm một hộ gia đình làm món ăn truyền thống, hoặc tham quan lại một di tích theo góc nhìn ký ức cư dân. Công cụ cần xây dựng là bản đồ tuyến đi bộ ngắn, trong đó xác định điểm xuất phát, điểm dừng, thời lượng, nội dung thuyết minh và mức độ phù hợp với từng nhóm khách. Tuyến sáng không cần dài, nhưng phải đủ rõ về chủ đề. Nếu buổi sáng chỉ là hoạt động tự do không có định hướng, khách sẽ có xu hướng rời đi sớm, làm giảm hiệu quả của sản phẩm lưu trú.

Để tăng mức độ quay lại, Ngọc Thanh cần phát triển sản phẩm theo chu kỳ chủ đề, thay vì thay đổi ngẫu nhiên theo từng đoàn khách. Mỗi quý hoặc mỗi mùa có thể xác định một chủ đề trải nghiệm khác nhau: mùa ẩm thực vùng đồi, tháng tìm hiểu soong cô, tuyến ký ức Chiến khu, trải nghiệm trang phục và câu chuyện cưới hỏi Sán Dìu, hoặc chương trình đi bộ văn hóa vùng trung du. Công cụ triển khai là lịch sản phẩm theo năm, công bố trước trên các kênh truyền thông địa phương, fanpage du lịch, nhóm cộng đồng và mạng lưới cơ sở lưu trú tại Đại Lải. Cách làm này tạo lý do quay lại có tính cụ thể: khách đã từng đến Ngọc Thanh để trải nghiệm ẩm thực vẫn có thể quay lại vào dịp khác để tham gia tuyến di tích, giao lưu dân ca hoặc chương trình theo mùa. Như vậy, “quay lại” không còn phụ thuộc vào cảm xúc ngẫu nhiên của du khách, mà được hỗ trợ bằng lịch sản phẩm có kế hoạch.

Một công cụ quan trọng khác là hồ sơ khách hàng và cơ chế chăm sóc sau chuyến đi. Ngọc Thanh có thể xây dựng biểu mẫu đăng ký đơn giản bằng mã QR, trong đó khách để lại thông tin liên hệ, nhóm khách, sở thích trải nghiệm và mức độ hài lòng. Sau chuyến đi, đơn vị điều phối gửi tin nhắn cảm ơn, hình ảnh hoạt động, lịch chương trình tháng tiếp theo hoặc gợi ý sản phẩm mới phù hợp với nhóm khách đó. Đối với khách học tập trải nghiệm, có thể gửi tài liệu tóm tắt về Chiến khu Ngọc Thanh hoặc phiếu hoạt động sau chuyến đi. Đối với khách gia

đình, có thể giới thiệu lịch trải nghiệm cuối tuần. Đối với khách nghiên cứu hoặc sáng tạo nội dung, có thể gửi thông tin về tuyến chuyên đề hoặc đầu mối liên hệ với nghệ nhân. Cách làm này biến quan hệ với du khách từ giao dịch một lần thành quan hệ tiếp nối, đồng thời tạo dữ liệu thực tế để địa phương hiểu nhóm khách nào có khả năng quay lại cao nhất.

Để các giải pháp trên không chỉ dừng ở ý tưởng, Ngọc Thanh cần hình thành tổ điều phối sản phẩm du lịch cộng đồng ở cấp địa phương. Tổ này có thể gồm đại diện chính quyền xã, hộ làm dịch vụ ăn uống – lưu trú, nghệ nhân, người am hiểu di tích, đoàn thanh niên và một số cá nhân có khả năng truyền thông. Nhiệm vụ của tổ không phải là quản lý hành chính đơn thuần, mà là phân lịch phục vụ, tiếp nhận đặt dịch vụ, kết nối hộ dân, kiểm soát chất lượng, ghi nhận phản hồi và cập nhật sản phẩm. Công cụ vận hành gồm sổ đặt dịch vụ hoặc bảng quản lý trực tuyến, danh sách hộ tham gia, bảng giá thống nhất, lịch nghệ nhân, mẫu phiếu đánh giá khách hàng và quy chế chia sẻ lợi ích. Nếu thiếu đầu mối điều phối, sản phẩm hai ngày một đêm rất dễ bị đứt đoạn: hộ ăn uống làm riêng, người thuyết minh làm riêng, nghệ nhân tham gia không ổn định, còn doanh nghiệp lữ hành không biết liên hệ với ai.

Về phân phối lợi ích, cần thiết lập cơ chế chia sẻ theo từng cấu phần dịch vụ thay vì để doanh thu tập trung vào một vài hộ có điều kiện tốt hơn. Một chương trình hai ngày một đêm có thể phân tách thành các khoản: lưu trú, ăn uống, thuyết minh, giao lưu văn hóa, vận chuyển nội vùng, sản phẩm địa phương và phí điều phối. Mỗi khoản cần có tỷ lệ chi trả rõ ràng cho chủ thể thực hiện. Công cụ phù hợp là bảng cơ cấu giá công khai cho từng gói sản phẩm. Khi cộng đồng nhìn thấy lợi ích được phân bổ minh bạch, khả năng tham gia sẽ ổn định hơn. Ngược lại, nếu lợi ích không rõ ràng, những hộ không trực tiếp đón khách có thể dần đứng ngoài quá trình phát triển du lịch, làm suy yếu nền tảng cộng đồng của sản phẩm văn hóa.

Ngoài ra, cần xây dựng bộ chỉ số theo dõi hiệu quả lưu trú và quay lại. Các chỉ số tối thiểu gồm: tỷ lệ khách ở lại qua đêm, thời gian lưu trú trung bình, mức chi tiêu bình quân tại địa phương, tỷ lệ khách quay lại, tỷ lệ khách giới thiệu cho người khác, mức độ hài lòng với bữa ăn, thuyết minh, hoạt động buổi tối và dịch vụ lưu trú. Những chỉ số này có thể thu thập qua mã QR hoặc

phiếu khảo sát ngắn sau chương trình. Việc đo lường giúp địa phương tránh tình trạng đánh giá hiệu quả bằng cảm tính. Chẳng hạn, nếu khách hài lòng với ẩm thực nhưng ít quay lại, vấn đề có thể nằm ở thiếu lịch sản phẩm mới; nếu khách đánh giá thấp hoạt động buổi tối, cần điều chỉnh kịch bản giao lưu; nếu khách rời đi sớm vào sáng hôm sau, cần xem lại tuyến trải nghiệm buổi sáng. Nhờ vậy, phát triển du lịch được vận hành như một quá trình cải tiến liên tục, không phải một bản kế hoạch cố định.

Để giải pháp kéo dài thời gian lưu trú không dừng ở định hướng chung, cần cụ thể hóa thành các công cụ vận hành có khả năng đo lường và điều chỉnh. Bảng 3.3 khái quát các trục giải pháp chính, công cụ triển khai và giá trị tạo ra đối với quá trình tổ chức sản phẩm du lịch văn hóa tại Ngọc Thanh.

Bảng 3.4. Công cụ kéo dài thời gian lưu trú và tăng mức độ quay lại Ngọc Thanh

Công cụ	Cách vận hành	Giá trị tạo ra
Chương trình 3–4 giờ / 1 ngày / 2 ngày 1 đêm	Chuẩn hóa lịch trình, điểm đến, chi phí, người phụ trách	Tăng lưu trú, giảm trải nghiệm rời rạc
“Tối văn hóa” quy mô nhỏ	Giao lưu Soong cô, kể chuyện, gặp nghệ nhân theo đặt trước	Tăng lưu trú qua đêm, hạn chế thương mại hóa
Thực đơn bản địa có diễn giải	Gắn món ăn với câu chuyện văn hóa và nguyên liệu	Tăng trải nghiệm và chi tiêu tại chỗ
Tuyến đi bộ ngắn	Thiết kế tuyến 60–90 phút qua làng, đồi, di tích	Kéo dài thời gian tương tác tại điểm đến
Lịch sản phẩm theo mùa	Công bố trải nghiệm theo mùa/chủ đề	Tạo động lực quay lại
Hồ sơ khách QR	Thu thập dữ liệu và gợi ý trải nghiệm tiếp theo	Chuyển sang quan hệ du lịch dài hạn
Tổ điều phối cộng đồng	Phân lịch hộ dân, nghệ nhân, dịch vụ	Ổn định vận hành, giảm phụ thuộc cá nhân
Bộ chỉ số theo dõi	Theo dõi lưu trú, chi tiêu, quay lại, hài lòng	Điều chỉnh sản phẩm theo dữ liệu

Nguồn: Tác giả đề xuất, 2026.

Tóm lại, kéo dài thời gian lưu trú và tăng mức độ quay lại tại Ngọc Thanh phải được triển khai bằng hệ thống công cụ cụ thể: bộ chương trình theo thời lượng, bản đồ trải nghiệm theo khung giờ, mô hình tối văn hóa giới hạn, thực đơn bản địa có diễn giải, tuyển đi bộ buổi sáng, lịch sản phẩm theo mùa, hồ sơ khách hàng, tổ điều phối cộng đồng, bảng cơ cấu giá và bộ chỉ số đánh giá. Các công cụ này giúp chuyển giải pháp từ cấp độ định hướng sang cấp độ vận hành. Khi du khách có thêm hoạt động vào buổi tối, có lý do tham gia vào sáng hôm sau, có thông tin để quay lại vào mùa khác và nhận thấy trải nghiệm tại Ngọc Thanh khác với các điểm nghỉ dưỡng lân cận, thời gian lưu trú mới có thể tăng lên một cách thực chất. Đây là hướng đi phù hợp với điều kiện của Ngọc Thanh, bởi địa phương không cần sao chép mô hình nghỉ dưỡng quy mô lớn, mà cần tổ chức tốt hơn những giá trị văn hóa, lịch sử và cộng đồng vốn đã tồn tại trong không gian địa phương.

3.5. Nhóm giải pháp về tổ chức quản lý và sự tham gia của các chủ thể

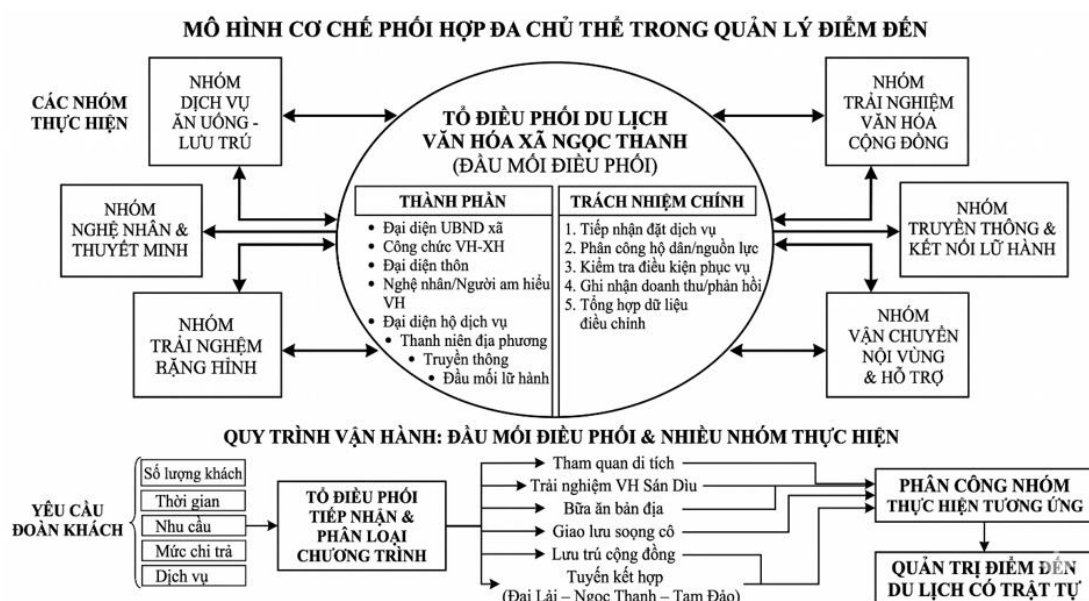
3.5.1. Thiết lập cơ chế phối hợp đa chủ thể trong quản lý điểm đến

*** Mô hình phối hợp**

- Bộ phận điều phối: Thành lập Tổ điều phối du lịch văn hóa xã Ngọc Thanh. Đây không phải là một ban chỉ đạo mang tính hình thức, mà là bộ phận điều phối trực tiếp các hoạt động du lịch văn hóa tại địa phương. Thành phần nên gồm đại diện UBND xã, công chức văn hóa – xã hội, đại diện các thôn có tài nguyên du lịch, nghệ nhân hoặc người am hiểu văn hóa Sán Dìu, đại diện hộ làm dịch vụ ăn uống – lưu trú, thanh niên địa phương, người phụ trách truyền thông và đầu mối liên hệ doanh nghiệp lữ hành. Tổ này có thể hoạt động theo quy chế kiêm nhiệm, nhưng phải có lịch họp định kỳ, sổ theo dõi dịch vụ, đầu mối liên hệ thống nhất và quyền phân công các nhóm tham gia theo từng chương trình. Trách nhiệm của Tổ điều phối gồm năm nhóm việc cụ thể. Thứ nhất, tiếp nhận và xác nhận các yêu cầu đặt dịch vụ từ doanh nghiệp, trường học, nhóm khách hoặc cơ sở lưu trú ở Đại Lải – Tam Đảo. Thứ hai, phân công hộ dân, nghệ nhân, người thuyết minh, nhóm hỗ trợ và phương tiện nội vùng theo từng chương trình. Thứ ba, kiểm tra điều kiện phục vụ trước khi đón khách, gồm vệ sinh, thực đơn, nội dung thuyết minh, trang phục, tuyển tham quan và an toàn. Thứ tư, ghi nhận doanh thu, phản hồi của khách và phản

ánh của cộng đồng sau chương trình. Thứ năm, tổng hợp dữ liệu hằng tháng để điều chỉnh sản phẩm, giá dịch vụ, lịch phục vụ và danh sách hộ tham gia. Như vậy, Tổ điều phối không thay thế người dân hay doanh nghiệp, mà tạo trật tự vận hành cho toàn bộ điểm đến.

- Cơ chế vận hành: một đầu mối – nhiều nhóm thực hiện. Khi có đoàn khách đăng ký, đầu mối điều phối tiếp nhận thông tin về số lượng khách, thời gian, nhu cầu, mức chi trả, yêu cầu ăn uống, lưu trú hoặc thuyết minh. Sau đó, Tổ điều phối phân loại chương trình: tham quan di tích, trải nghiệm văn hóa Sán Dìu, bữa ăn bản địa, giao lưu soong cô, lưu trú cộng đồng hoặc tuyển kết hợp Đại Lải – Ngọc Thanh – Tam Đảo. Từ phân loại này, Tổ điều phối phân công nhóm thực hiện tương ứng. Hộ dân không phải tự tìm khách; doanh nghiệp không phải liên hệ rời rạc từng người; chính quyền có dữ liệu để giám sát; cộng đồng biết rõ lượt tham gia và phần lợi ích của mình.



Hình 3.4. Mô hình Tổ điều phối du lịch văn hoá Ngọc Thanh và cơ chế vận hành

Nguồn: Tác giả xây dựng và đề xuất, 2026

*** Công cụ thực hiện phối hợp**

- Ma trận trách nhiệm – quyền lợi giữa các chủ thể: Ma trận này giúp xác định rõ ai tham gia, tham gia ở khâu nào, chịu trách nhiệm gì, được hưởng lợi ra sao và phối hợp thông qua công cụ nào.

Bảng 3.5: Ma trận trách nhiệm – quyền lợi của các chủ thể trong hoạt động du lịch văn hóa tại Ngọc Thanh

Chủ thể	Trách nhiệm	Quyền lợi	Công cụ phối hợp
UBND xã	Quản lý điểm đến, di tích, an ninh; hỗ trợ hạ tầng	Hiệu quả quản lý, nguồn thu gián tiếp, nâng năng lực du lịch	Quy chế điểm đến, kế hoạch phát triển, giám sát định kỳ
Tổ điều phối	Tiếp nhận đặt dịch vụ, phân công, kiểm tra, tổng hợp dữ liệu	Tỷ lệ điều phối duy trì hoạt động	Sổ đặt dịch vụ, lịch phân công, phản hồi, báo cáo tháng
Hộ dân	Cung cấp lưu trú, ẩm thực, trải nghiệm theo chuẩn	Thu nhập trực tiếp, sinh kế mở rộng	Bộ tiêu chuẩn hộ, bảng giá, quy trình phục vụ
Nghệ nhân	Thuyết minh, giao lưu, truyền dạy, kiểm soát nội dung	Thù lao, ghi nhận di sản, nâng vai trò xã hội	Ngân hàng câu chuyện, lịch giao lưu, quy định hình ảnh
Doanh nghiệp lữ hành	Bán tour, đưa khách, đảm bảo quy trình, phản hồi thị trường	Khai thác sản phẩm chuẩn hóa, giảm rủi ro, mở tuyến liên kết	Hồ sơ tour, hợp đồng dịch vụ, bảng giá, quy định hủy/đổi
Trường học chuyên gia	Đào tạo, tư vấn, diễn giải, đánh giá chất lượng	Địa bàn nghiên cứu, chuyên gia tri thức	Chương trình tập huấn, bộ tiêu chí, tài liệu thuyết minh

Nguồn: Tác giả đề xuất, 2026

Bảng phân công này cần được cụ thể hóa trong quy chế phối hợp điểm đến. Quy chế nên ngắn, rõ, áp dụng được ngay, gồm các nội dung: quy trình đặt dịch vụ; thời gian đặt trước tối thiểu; số lượng khách tối đa cho từng loại trải nghiệm; tiêu chuẩn hộ dân tham gia; mức thù lao nghệ nhân; nguyên tắc sử dụng hình ảnh cộng đồng; quy định ứng xử tại di tích, nhà dân, không gian tín ngưỡng; cơ chế xử lý khi khách đến trễ, hủy chương trình hoặc vượt số lượng cam kết.

- Bộ sản phẩm giao dịch với doanh nghiệp và trường học: Để liên kết với doanh nghiệp lữ hành và trường học có khả năng vận hành thực tế, Ngọc

Thanh cần chuẩn hóa sản phẩm thành một bộ công cụ giao dịch thay vì chỉ giới thiệu tài nguyên hoặc đề xuất tuyển tham quan chung. Bộ công cụ này giúp các bên biết rõ sản phẩm gồm những gì, dành cho ai, tổ chức trong bao lâu, chi phí ra sao, sức chứa đến mức nào và trách nhiệm của từng bên được xác lập như thế nào. Chẳng hạn, chương trình hai giờ có thể dành cho khách Đại Lải muốn trải nghiệm bữa ăn và giao lưu văn hóa; chương trình nửa ngày dành cho khách đi Tam Đảo kết hợp tuyển di tích; chương trình một ngày dành cho trường học; chương trình hai ngày một đêm dành cho nhóm nhỏ muốn trải nghiệm cộng đồng. Khi sản phẩm được mô tả bằng ngôn ngữ giao dịch rõ ràng, doanh nghiệp mới có cơ sở đưa vào tour, trường học mới có cơ sở tổ chức ngoại khóa, còn cộng đồng biết trước mình cần chuẩn bị gì.

Bảng 3.6. Bộ công cụ giao dịch sản phẩm du lịch văn hóa với doanh nghiệp và trường học tại Ngọc Thanh

Thành phần	Nội dung	Mục đích	Chủ thể
Phiếu mô tả chương trình	Tên, chủ đề, đối tượng, giá trị văn hóa	Nhận diện nhanh sản phẩm	Tổ điều phối, doanh nghiệp, trường học
Khung thời lượng	2 giờ, nửa ngày, 1 ngày, 2N1Đ	Phân loại theo nhu cầu khách	Tổ điều phối, lữ hành
Lịch trình chi tiết	Điểm đến, hoạt động, thời gian, di chuyển	Giảm rủi ro vận hành	Doanh nghiệp, trường học, HDV
Sức chứa	Min-max khách, giới hạn không gian	Kiểm soát quá tải	Tổ điều phối, hộ dân
Bảng giá	Giá theo khách/đoàn, dịch vụ kèm theo	Minh bạch, ổn định giá	Tổ điều phối, doanh nghiệp
Điều kiện đặt	Thời gian, yêu cầu, hủy/đổi	Đảm bảo chuẩn bị dịch vụ	Doanh nghiệp, trường học
Đầu mối liên hệ	Hotline, Zalo, người phụ trách	Tập trung điều phối	Tổ điều phối
Quy định phối hợp	Trách nhiệm, thanh toán, ứng xử	Chuẩn hóa hợp tác	Tất cả các bên
Tài liệu truyền thông	Ảnh, bản đồ, mô tả, lưu ý	Hỗ trợ quảng bá đúng	Doanh nghiệp, trường học
Phiếu phản hồi	Đánh giá dịch vụ, trải nghiệm	Cải tiến sản phẩm	Tổ điều phối, khách

Nguồn: Tác giả xây dựng, 2026

Bộ sản phẩm giao dịch này không chỉ là tài liệu quảng bá, mà là công cụ quản trị quan hệ giữa điểm đến và thị trường. Khi sản phẩm được mô tả bằng thông tin có thể giao dịch, doanh nghiệp có cơ sở đưa vào tour, trường học có căn cứ tổ chức chương trình học tập trải nghiệm, còn cộng đồng địa phương chủ động chuẩn bị nhân lực, dịch vụ và không gian tiếp nhận khách.

- Cơ chế chia lợi ích theo cấu phần dịch vụ: Mỗi chương trình phải tách rõ các khoản: ăn uống, lưu trú, thuyết minh, giao lưu văn hóa, hướng dẫn tuyến, sản phẩm địa phương, vận chuyển nội vùng và phí điều phối. Khoản nào do ai thực hiện thì chủ thể đó được hưởng trực tiếp; khoản điều phối được trích tỷ lệ nhỏ, chẳng hạn 5–10%, để duy trì truyền thông, in tài liệu, vệ sinh tuyến điểm, hỗ trợ tập huấn và quản lý đặt dịch vụ. Cách chia này giúp hạn chế tình trạng một vài hộ hưởng lợi chính trong khi nghệ nhân, người thuyết minh hoặc nhóm hỗ trợ chỉ tham gia phụ trợ. Với du lịch cộng đồng, bất bình đẳng lợi ích nếu kéo dài sẽ làm giảm sự đồng thuận xã hội, thậm chí khiến người dân không còn mặn mà với bảo tồn văn hóa.

- Cơ chế luân phiên tham gia giữa các hộ đủ điều kiện: Không phải hộ nào cũng có năng lực như nhau, nhưng những hộ đạt tiêu chuẩn tối thiểu về vệ sinh, thái độ phục vụ, không gian tiếp khách và cam kết giá cần được đưa vào danh sách xoay vòng. Tổ điều phối lập lịch phục vụ theo tuần hoặc theo tháng, ưu tiên hộ phù hợp với yêu cầu của từng đoàn nhưng tránh tập trung khách quá nhiều vào một số gia đình. Cơ chế này vừa mở rộng lợi ích, vừa giảm quá tải cho các hộ làm tốt. Trường hợp hộ phục vụ không đạt yêu cầu qua phản hồi nhiều lần, Tổ điều phối có quyền tạm dừng phân khách và yêu cầu tập huấn bổ sung. Như vậy, quyền lợi luôn đi kèm điều kiện chất lượng.

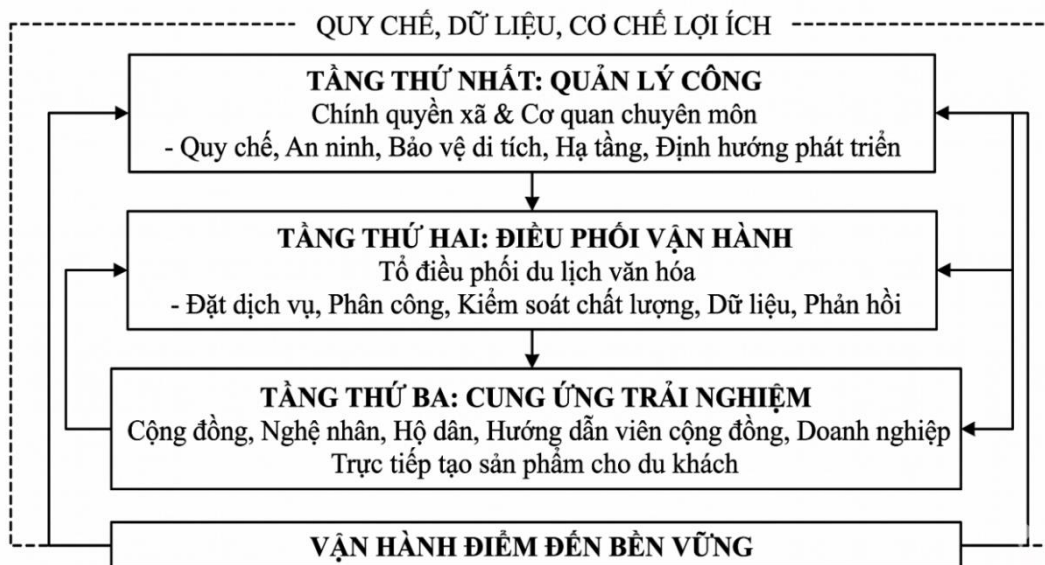
- Bộ tiêu chuẩn dịch vụ tối thiểu cho bốn nhóm hoạt động: ăn uống, lưu trú, thuyết minh và trải nghiệm văn hóa. Với ăn uống, cần có thực đơn, giá niêm yết, nguồn nguyên liệu rõ, vệ sinh bếp và khả năng giới thiệu món ăn. Với lưu trú, cần có chỗ ngủ sạch, nhà vệ sinh đạt yêu cầu, thông tin nội quy, an toàn điện nước và quy trình đón khách. Với thuyết minh, cần bảo đảm thông tin chính xác, mạch kể phù hợp, không thêu dệt lịch sử hoặc biến phong tục thành chi tiết gây tò mò rẻ tiền. Với trải nghiệm văn hóa, cần có thời lượng, số lượng khách tối đa, sự đồng thuận của người tham gia và mức thù lao rõ. Bộ tiêu chuẩn này không nhằm “chuẩn hóa cứng” văn hóa bản địa, mà nhằm tạo nền dịch vụ tối thiểu để khách, doanh nghiệp và cộng đồng cùng yên tâm.

- Công cụ thông tin điều phối trên dữ liệu: Tổ điều phối nên sử dụng một bảng quản lý dịch vụ dùng chung, có thể bắt đầu bằng Google Sheet, Zalo nhóm hoặc phần mềm đơn giản. Mỗi lượt khách cần ghi: ngày phục vụ, đơn vị đưa khách, số lượng khách, loại chương trình, hộ tham gia, nghệ nhân tham gia, doanh thu, phản hồi khách, phản ánh cộng đồng và vấn đề phát sinh. Sau mỗi tháng, dữ liệu này được tổng hợp để biết chương trình nào bán tốt, hộ nào phục vụ ổn định, nhóm khách nào chi tiêu cao, hoạt động nào bị phản nản, mùa nào cần tăng nhân lực. Đây là cơ sở để điều chỉnh sản phẩm bằng thông tin thực tế thay vì cảm nhận chủ quan.

* Mô hình quản trị điểm đến

Mô hình quản trị điểm đến tại Ngọc Thanh vì thế có thể khái quát thành ba tầng. Tầng thứ nhất là quản lý công, do chính quyền xã và cơ quan chuyên môn đảm nhận, tập trung vào quy chế, an ninh, bảo vệ di tích, hạ tầng, định hướng phát triển. Tầng thứ hai là điều phối vận hành, do Tổ điều phối du lịch văn hóa thực hiện, tập trung vào đặt dịch vụ, phân công, kiểm soát chất lượng, dữ liệu và phản hồi. Tầng thứ ba là cung ứng trải nghiệm, do cộng đồng, nghệ nhân, hộ dân, hướng dẫn viên cộng đồng và doanh nghiệp tham gia, trực tiếp tạo ra sản phẩm cho du khách. Ba tầng này nếu tách rời sẽ tạo ra khoảng trống quản trị; nếu nối với nhau bằng quy chế, dữ liệu và cơ chế lợi ích, điểm đến mới có khả năng vận hành bền vững.

Hình 3.6. Mô hình quản trị điểm đến du lịch văn hoá Ngọc Thanh



Nguồn: Tác giả xây dựng và đề xuất, 2026

Như vậy, cơ chế phối hợp đa chủ thể tại Ngọc Thanh như một hệ thống quản lý điểm đến có đầu mối, có quy trình, có phân quyền và có kiểm soát. Giải pháp không nằm ở việc kêu gọi các bên cùng tham gia, mà ở việc quy định rõ mỗi bên tham gia ở khâu nào, nhận lợi ích gì, chịu trách nhiệm ra sao và bị đánh giá bằng tiêu chí nào. Khi cơ chế này được thiết lập, Ngọc Thanh sẽ giảm được tình trạng khai thác tự phát, tạo điều kiện để doanh nghiệp đưa khách ổn định hơn, đồng thời bảo vệ được quyền chủ động của cộng đồng trong khai thác văn hóa địa phương.

3.5.2. Nâng cao năng lực cộng đồng địa phương trong vận hành du lịch

*** Xây dựng bản đồ năng lực du lịch của cộng đồng**

Nâng cao năng lực cộng đồng tại Ngọc Thanh được triển khai trước hết thông qua việc xây dựng bản đồ năng lực du lịch của cộng đồng. Đây là công cụ nhận diện nguồn lực con người tại chỗ, làm cơ sở phân công vai trò, tổ chức đào tạo và hình thành lực lượng tham gia trực tiếp vào chuỗi trải nghiệm du lịch văn hóa. Trong thực tế, có hộ phù hợp với phục vụ ăn uống, hộ có điều kiện đón khách lưu trú, nghệ nhân am hiểu soong cô, người cao tuổi lưu giữ ký ức chiến khu, người hiểu phong tục Sán Dìu, thanh niên có khả năng dẫn tuyến, phụ nữ tham gia chế biến món ăn và sản phẩm địa phương, người có kỹ năng sử dụng điện thoại thông minh để hỗ trợ truyền thông và đặt dịch vụ. Vì vậy, việc đào tạo đại trà theo một nội dung chung không tạo được hiệu quả vận hành rõ rệt.

Bản đồ này thể hiện cụ thể mức năng lực hiện có của từng nhóm tham gia: hộ phục vụ bữa ăn; hộ có không gian lưu trú; người có khả năng kể chuyện về Chiến khu Ngọc Thanh; người am hiểu trang phục, cưới hỏi, tín ngưỡng và ẩm thực Sán Dìu; người dẫn đường; người giao tiếp tốt; người hỗ trợ truyền thông hoặc kết nối với doanh nghiệp lữ hành. Dữ liệu này được Tổ điều phối quản lý, cập nhật và sử dụng trong quá trình phân công nhiệm vụ, lựa chọn đối tượng tập huấn và tổ chức hoạt động trải nghiệm. Bản đồ năng lực không chỉ là danh sách người tham gia, mà là nền tảng tổ chức nhân lực cho du lịch văn hóa địa phương. Cách làm này giúp Ngọc Thanh tránh tình trạng phát triển theo phong trào, đồng thời bảo đảm người dân tham gia đúng vai trò, đúng năng lực và đúng mức độ sẵn sàng của mình.

*** Tổ chức đào tạo, tập huấn theo vai trò**

- Nhóm các hộ làm ăn uống và lưu trú: Nhóm hộ làm ăn uống và lưu trú được tập huấn các kỹ năng trực tiếp phục vụ đón khách, gồm vệ sinh, phục vụ bữa ăn, bố trí không gian sinh hoạt, tính giá, tiếp nhận đặt dịch vụ, xử lý phản hồi và giới thiệu ngắn về món ăn, nếp sống gia đình, phong tục Sán Dìu. Nội dung tập huấn tập trung vào các tình huống thực tế khi hộ dân tiếp nhận khách, tránh đào tạo nặng lý thuyết nhưng khó áp dụng. Công cụ hỗ trợ gồm sổ tay hộ dịch vụ, bảng kiểm trước khi đón khách, mẫu thực đơn, khung giá tham khảo, quy trình đặt bữa, hướng dẫn vệ sinh, mẫu lời giới thiệu món ăn và phiếu phản hồi. Sau tập huấn, mỗi hộ thực hiện một buổi phục vụ thử với nhóm khách nhỏ để Tổ điều phối đánh giá. Những hộ đạt yêu cầu được đưa vào danh sách phục vụ thường xuyên; những hộ chưa đạt tiếp tục được hướng dẫn bổ sung.

- Nhóm nghệ nhân, người cao tuổi và người am hiểu văn hóa: Nhóm nghệ nhân, người cao tuổi và người am hiểu văn hóa được bồi dưỡng năng lực diễn giải văn hóa cho người ngoài cộng đồng. Trọng tâm không phải là cung cấp thêm tri thức văn hóa cho họ, mà là hỗ trợ họ chuyển vốn hiểu biết bản địa thành câu chuyện ngắn, rõ ý, dễ tiếp nhận và phù hợp với bối cảnh du lịch. Hoạt động tập huấn triển khai thông qua ghi âm, ghi chép và hệ thống hóa các câu chuyện về soong cô, trang phục, cưới hỏi, tín ngưỡng, món ăn, địa danh, ký ức chiến khu và đời sống Sán Dìu tại Ngọc Thanh. Từ nguồn tư liệu này, địa phương xây dựng ngân hàng câu chuyện cộng đồng, gồm các mẫu chuyện ngắn sử dụng trong thuyết minh, giao lưu văn hóa hoặc trải nghiệm tại hộ dân. Cách làm này vừa hỗ trợ bảo tồn tri thức bản địa, vừa tạo chất liệu nội dung cho sản phẩm du lịch văn hóa.

- Nhóm thanh niên địa phương: Thanh niên địa phương được tổ chức thành lực lượng hướng dẫn viên cộng đồng bán chuyên nghiệp. Nhóm này được bồi dưỡng kiến thức cơ bản về lịch sử chiến khu, văn hóa Sán Dìu, kỹ năng dẫn nhóm nhỏ, sơ cứu ban đầu, xử lý tình huống, sử dụng bản đồ tuyến, giao tiếp với khách, chụp ảnh – truyền thông có trách nhiệm và hỗ trợ đặt dịch vụ qua công cụ số. Sau tập huấn, mỗi thanh niên được phân công phụ trách một tuyến hoặc một nhóm hoạt động cụ thể như tuyến di tích chiến khu, tuyến tìm hiểu văn hóa Sán Dìu, tuyến đi bộ buổi sáng hoặc chương trình học tập trải

nghiệm. Tổ điều phối lập danh sách hướng dẫn viên cộng đồng, phân lịch dẫn khách và chi trả thù lao theo lượt. Cách tổ chức này tạo nguồn nhân lực tại chỗ và giảm sự phụ thuộc vào hướng dẫn viên bên ngoài.

- Nhóm phụ nữ và các hộ có khả năng làm sản phẩm địa phương: Nhóm phụ nữ và các hộ có khả năng làm sản phẩm địa phương tham gia chuỗi du lịch thông qua ẩm thực, sản phẩm thủ công, quà tặng nhỏ và sản phẩm gắn với đời sống văn hóa Sán Dìu. Nội dung tập huấn gồm lựa chọn sản phẩm phù hợp, bảo đảm vệ sinh, bao gói, định giá, kể câu chuyện sản phẩm và bán hàng trong không gian du lịch. Ngọc Thanh phát triển các nhóm sản phẩm như món ăn khô, nguyên liệu bản địa, sản phẩm thủ công nhỏ, vật phẩm lấy cảm hứng từ trang phục hoặc mô típ văn hóa Sán Dìu, ảnh – bưu thiếp về di tích và cảnh quan. Hệ thống hỗ trợ gồm danh mục sản phẩm địa phương, mẫu nhãn chung, thẻ thông tin ngắn, giá niêm yết và kệ trưng bày tại điểm đón khách. Khi sản phẩm có tiêu chuẩn trình bày và câu chuyện đi kèm, giá trị văn hóa địa phương được nhận diện rõ hơn và hạn chế tình trạng bán hàng tự phát

- Nhóm cán bộ thôn, người phụ trách điểm di tích và thành viên Tổ điều phối: Nhóm cán bộ thôn, người phụ trách điểm di tích và thành viên Tổ điều phối giữ vai trò kết nối, điều phối và duy trì nhịp vận hành. Nội dung bồi dưỡng tập trung vào quản trị điểm đến, ghi nhận dữ liệu, xử lý phản hồi, làm việc với doanh nghiệp, điều phối lịch, theo dõi doanh thu và kiểm soát tác động văn hóa. Công cụ vận hành gồm bảng quản lý khách, mẫu thỏa thuận dịch vụ, phiếu đánh giá sau tour, bảng phân công hộ dân, bảng theo dõi doanh thu và sổ ghi nhận phản ánh từ cộng đồng. Các công cụ này giúp quá trình phối hợp giữa các bên rõ ràng hơn, giảm phụ thuộc vào kinh nghiệm cá nhân hoặc thỏa thuận miệng.

*** Phương pháp đào tạo, tập huấn**

Phương pháp đào tạo kết hợp giữa hướng dẫn cơ bản và thực hành trong tình huống gắn với vận hành thật. Mỗi khóa tập huấn kết thúc bằng một sản phẩm mẫu hoặc một hoạt động thử nghiệm cụ thể. Sau tập huấn ẩm thực, hộ dân tổ chức thử một bữa cơm Sán Dìu cho nhóm khách nhỏ; sau tập huấn thuyết minh, thanh niên dẫn thử tuyến di tích chiến khu; sau tập huấn diễn giải văn hóa, nghệ nhân tổ chức thử một buổi giao lưu soong cô; sau tập huấn sản

phẩm địa phương, nhóm phụ nữ trưng bày và bán thử sản phẩm trong một chương trình cụ thể.

Sau mỗi lần vận hành thử, Tổ điều phối ghi nhận điểm mạnh, điểm còn hạn chế, thời lượng chương trình, thái độ phục vụ, mức giá, phản hồi của khách và mức độ phù hợp với văn hóa địa phương. Kết quả này được sử dụng để điều chỉnh nội dung đào tạo, hoàn thiện sản phẩm và xác định nhóm đủ điều kiện tham gia phục vụ thường xuyên. Như vậy, năng lực cộng đồng được hình thành thông qua quá trình thực hành, phản hồi và điều chỉnh liên tục.

*** Nội dung đào tạo, tập huấn**

- Quyền định giá và thương lượng: Cộng đồng tham gia du lịch bền vững khi nắm được quyền định giá dịch vụ, quyền sử dụng hình ảnh, quyền từ chối yêu cầu vượt quá khả năng phục vụ và nguyên tắc làm việc với doanh nghiệp. Vì vậy, chương trình tập huấn phải trang bị cho người dân các nội dung về giá sàn cho từng loại dịch vụ, mẫu xác nhận đặt dịch vụ, điều kiện hủy, thời hạn thanh toán, quy định chụp ảnh – quay phim và nguyên tắc không đưa khách vào không gian riêng tư khi chưa có sự đồng thuận. Nội dung này có ý nghĩa trực tiếp đối với vị thế của cộng đồng trong quan hệ với thị trường. Khi có nguyên tắc thương lượng rõ ràng, người dân giảm bị động, hoạt động du lịch minh bạch hơn và hạn chế rủi ro phát sinh từ các thỏa thuận miệng

- Quy tắc ứng xử hai chiều: Quy tắc ứng xử được xây dựng cho cả người dân và du khách. Người dân thực hiện tiếp khách lịch sự, giới thiệu văn hóa vừa đủ, không ép mua hàng, không tự ý nâng giá và không trình bày sai lệch phong tục để tạo sự tò mò. Du khách được thông báo trước về quy định khi vào nhà dân, điểm di tích, không gian tín ngưỡng, hoạt động giao lưu văn hóa và việc sử dụng hình ảnh cộng đồng. Quy tắc này được trình bày ngắn gọn tại điểm đón khách, gửi qua mã QR hoặc phổ biến trong phần mở đầu chương trình. Khi ranh giới ứng xử được xác lập rõ, cộng đồng giảm nguy cơ bị xâm phạm không gian sống, còn du khách có cơ sở tham gia trải nghiệm văn hóa một cách tôn trọng.

Bảng 3.7. Nội dung tập huấn về quyền thương lượng và quy tắc ứng xử trong du lịch cộng đồng tại Ngọc Thanh

Nội dung	Vấn đề	Công cụ	Giá trị
Quyền định giá	Thiếu giá sàn, dễ bị ép giá	Bảng giá, mẫu đặt dịch vụ, quy định hủy	Tăng chủ động thương lượng
Quyền hình ảnh & không gian	Nguy cơ khai thác hình ảnh không đồng thuận	Phiếu đồng thuận, phân khu tiếp cận	Bảo vệ quyền riêng tư cộng đồng
Ứng xử cộng đồng	Thiếu chuẩn phục vụ, dễ thương mại hóa	Bộ quy tắc tiếp khách	Chuẩn hóa chất lượng dịch vụ
Ứng xử du khách	Xâm phạm không gian sinh hoạt, tín ngưỡng	Quy tắc tại điểm, QR hướng dẫn	Giảm xung đột văn hóa
Xử lý tình huống	Khách trễ, vượt số, vi phạm quy định	Quy trình báo cáo, biên bản xử lý	Tăng năng lực tự quản

Nguồn: Tác giả đề xuất, 2026

Bảng 3.6 cho thấy tập huấn cộng đồng không chỉ nhằm cải thiện kỹ năng phục vụ, mà còn xác lập năng lực tự bảo vệ của người dân trong quá trình tham gia du lịch. Khi có công cụ về giá, hình ảnh, ứng xử và xử lý tình huống, hoạt động du lịch văn hóa sẽ giảm phụ thuộc vào thỏa thuận miệng, đồng thời hạn chế nguy cơ xâm phạm đời sống cộng đồng.

*** Hình thành nhóm hạt nhân**

Ngọc Thanh cần hình thành nhóm hạt nhân cộng đồng để duy trì chất lượng hoạt động du lịch văn hóa. Nhóm này không nhất thiết là những người giữ vị trí hành chính, mà là những người tham gia thường xuyên, có uy tín trong cộng đồng và có năng lực thực hành. Thành phần gồm đại diện hộ ăn uống – lưu trú, nghệ nhân hoặc người am hiểu văn hóa, thanh niên dẫn tuyến, người phụ trách sản phẩm địa phương, người thuyết minh di tích, đại diện Tổ điều phối và người hỗ trợ truyền thông. Nhóm hạt nhân được đào tạo sâu hơn so với các nhóm tham gia thông thường. Nhóm này cùng Tổ điều phối xây

dựng sản phẩm mẫu, hỗ trợ các hộ mới, tham gia đón những đoàn quan trọng, tiếp nhận phản hồi và đề xuất điều chỉnh hoạt động. Khi có nhóm hạt nhân, hoạt động du lịch cộng đồng không phụ thuộc vào từng cá nhân riêng lẻ mà có lực lượng duy trì chất lượng ổn định.

*** Tăng cường năng lực số**

Năng lực số của cộng đồng được tăng cường theo hướng sử dụng các công cụ đơn giản, dễ áp dụng và phục vụ trực tiếp cho vận hành du lịch. Tổ điều phối sử dụng Zalo để nhận thông tin đặt dịch vụ và phản công nhanh, Google Sheet để quản lý lịch khách và doanh thu, mã QR để thu phản hồi, fanpage để giới thiệu lịch hoạt động theo mùa, thư mục ảnh dùng chung để cung cấp tư liệu truyền thông chính thống cho doanh nghiệp hoặc đối tác liên kết. Ở giai đoạn đầu, trọng tâm không nằm ở đầu tư hệ thống đặt dịch vụ phức tạp, mà ở việc ghi nhận dữ liệu, chia sẻ thông tin cho đúng người và sử dụng phản hồi để điều chỉnh sản phẩm. Khi hoạt động ổn định hơn, địa phương phát triển website hoặc trang giới thiệu dịch vụ riêng để tăng khả năng tiếp cận thị trường. Cách tiếp cận này giúp chuyển đổi số gắn với nhu cầu thực tế, tránh hình thức hóa

*** Đánh giá năng lực cộng đồng**

Đánh giá năng lực cộng đồng được thực hiện như một cơ chế theo dõi và điều chỉnh chất lượng vận hành. Nội dung đánh giá tập trung vào mức độ tham gia của hộ dân, khả năng phối hợp giữa các nhóm, chất lượng phục vụ, năng lực diễn giải văn hóa, phản hồi của du khách, sự tham gia của nghệ nhân và thanh niên, khả năng duy trì thực hành văn hóa địa phương, cũng như mức độ hài hòa giữa hoạt động du lịch và đời sống cộng đồng. Kết quả đánh giá được sử dụng để xác định nhóm cần tập huấn bổ sung, hộ đủ điều kiện tiếp tục phục vụ, sản phẩm cần điều chỉnh và hoạt động cần giảm tần suất để tránh gây áp lực lên cộng đồng. Cách đánh giá này giúp đào tạo gắn với chất lượng vận hành thực tế, thay vì dừng ở hoạt động phong trào hoặc tập huấn ngắn hạn.

Tóm lại, nâng cao năng lực cộng đồng tại Ngọc Thanh được tổ chức như một chương trình phát triển nhân lực điểm đến, gồm bản đồ năng lực cộng đồng, đào tạo theo vai trò, vận hành thử, nhóm hạt nhân, công cụ số, quy tắc ứng xử, quyền thương lượng và đánh giá định kỳ. Cộng đồng chỉ thực sự trở

thành chủ thể khi biết phục vụ, biết kể câu chuyện của mình, biết định giá, biết phối hợp, biết bảo vệ không gian văn hóa và biết sử dụng phản hồi để cải thiện dịch vụ. Đây là nền tảng để du lịch văn hóa Ngọc Thanh không bị chi phối hoàn toàn bởi doanh nghiệp bên ngoài hoặc vận hành tự phát theo từng hộ, mà phát triển trên cơ sở cộng đồng có năng lực, có tiếng nói và có quyền lợi rõ ràng.

3.5.3. Tăng cường liên kết giữa chính quyền, doanh nghiệp, cộng đồng và cơ sở đào tạo

Liên kết giữa chính quyền, doanh nghiệp, cộng đồng và cơ sở đào tạo là điều kiện cần thiết để chuyển hoạt động du lịch văn hóa tại Ngọc Thanh từ trạng thái vận hành phân tán sang mô hình phối hợp có tổ chức. Thực trạng hiện nay cho thấy các chủ thể tham gia vào du lịch văn hóa đã hiện diện tương đối đầy đủ, song mức độ kết nối còn lỏng lẻo, chủ yếu diễn ra theo từng sự kiện hoặc chương trình ngắn hạn. Chính quyền địa phương giữ vai trò quản lý hành chính, cộng đồng là chủ thể nắm giữ giá trị văn hóa, doanh nghiệp có khả năng tiếp cận thị trường, còn cơ sở đào tạo có năng lực hỗ trợ chuyên môn. Tuy nhiên, nếu các chủ thể này không được đặt trong một cơ chế liên kết ổn định, nguồn lực văn hóa khó có thể chuyên hóa thành sản phẩm du lịch có khả năng vận hành thường xuyên.

Trước hết, chính quyền địa phương cần giữ vai trò kiến tạo môi trường liên kết thay vì chỉ thực hiện chức năng quản lý hành chính. Vai trò này thể hiện ở việc ban hành quy chế phối hợp, xác định đầu mối điều phối, hỗ trợ thông tin, tạo điều kiện về không gian tổ chức hoạt động và bảo đảm tính pháp lý cho các chương trình du lịch văn hóa. Chính quyền không trực tiếp thay thế doanh nghiệp hoặc cộng đồng trong vận hành dịch vụ, nhưng cần tạo ra khung phối hợp để các bên có thể tham gia một cách rõ trách nhiệm, rõ quyền lợi và giảm tình trạng tự phát. Trong bối cảnh Ngọc Thanh chưa hình thành được cơ chế quản trị điểm đến hoàn chỉnh, vai trò điều phối ban đầu của chính quyền có ý nghĩa đặc biệt quan trọng.

Đối với doanh nghiệp du lịch, liên kết cần hướng tới việc đưa Ngọc Thanh vào các tuyến, chương trình và gói sản phẩm có khả năng tiếp cận thị trường. Doanh nghiệp có ưu thế trong nắm bắt nhu cầu khách, xây dựng lịch

trình, định giá, truyền thông và tổ chức dòng khách. Tuy nhiên, doanh nghiệp không nên chỉ khai thác Ngọc Thanh như một điểm dừng phụ trong tuyến Đại Lải – Tam Đảo, mà cần phối hợp với địa phương để xây dựng các chương trình có chiều sâu văn hóa hơn, chẳng hạn như tuyến tìm hiểu Chiến khu Ngọc Thanh, trải nghiệm văn hóa Sán Dìu, chương trình học tập di sản hoặc trải nghiệm ẩm thực cộng đồng. Sự tham gia của doanh nghiệp phải được đặt trong giới hạn bảo vệ giá trị văn hóa, tránh tình trạng rút gọn di sản thành tiết mục trình diễn ngắn hạn.

Cộng đồng địa phương cần được xác lập là chủ thể trung tâm trong quá trình liên kết. Người dân không chỉ cung cấp không gian, món ăn, câu chuyện hay thực hành văn hóa, mà còn là bên có quyền tham gia quyết định nội dung nào được đưa vào du lịch, nội dung nào cần giữ trong phạm vi cộng đồng. Vì vậy, liên kết với cộng đồng cần dựa trên nguyên tắc tự nguyện, minh bạch lợi ích và tôn trọng giới hạn văn hóa. Các hộ dân, nghệ nhân, người cao tuổi, thanh niên và nhóm phụ nữ có thể tham gia theo các vai trò khác nhau như kể chuyện di sản, hướng dẫn cộng đồng, phục vụ ẩm thực, tổ chức giao lưu văn hóa, hỗ trợ truyền thông hoặc cung cấp sản phẩm địa phương. Cách phân vai này giúp cộng đồng tham gia thực chất hơn, thay vì chỉ xuất hiện như đối tượng được huy động khi có sự kiện.

Cơ sở đào tạo và các chuyên gia du lịch giữ vai trò hỗ trợ chuyên môn cho quá trình liên kết. Nhóm chủ thể này có thể tham gia xây dựng tài liệu diễn giải di sản, thiết kế mô-đun trải nghiệm, tập huấn kỹ năng phục vụ, hướng dẫn cộng đồng, đánh giá chất lượng sản phẩm và hỗ trợ truyền thông học thuật. Đặc biệt, với các chương trình dành cho học sinh, sinh viên hoặc khách có nhu cầu tìm hiểu văn hóa – lịch sử, cơ sở đào tạo có thể phối hợp với địa phương để xây dựng sản phẩm du lịch học tập trải nghiệm. Đây là hướng phù hợp với đặc điểm của Ngọc Thanh, nơi các giá trị văn hóa Sán Dìu, ký ức chiến khu và cảnh quan trung du có khả năng trở thành chất liệu giáo dục di sản.

Để cơ chế liên kết vận hành hiệu quả, cần thiết lập các hình thức phối hợp cụ thể. Một là, tổ chức các cuộc họp định kỳ giữa chính quyền, tổ điều phối, doanh nghiệp, đại diện cộng đồng và cơ sở đào tạo để thống nhất chương trình, lịch hoạt động và phản hồi sau mỗi đợt đón khách. Hai là, xây dựng bộ

sản phẩm mẫu để doanh nghiệp có căn cứ đưa vào tour, trong đó nêu rõ thời lượng, giá dịch vụ, số lượng khách phù hợp, người phụ trách và yêu cầu ứng xử. Ba là, hình thành cơ chế thử nghiệm sản phẩm với nhóm khách nhỏ trước khi triển khai thường xuyên. Bốn là, xây dựng kênh chia sẻ dữ liệu về lượng khách, nhu cầu thị trường, phản hồi của du khách và năng lực phục vụ của cộng đồng. Những công cụ này giúp liên kết không dừng ở chủ trương, mà trở thành quy trình vận hành có thể kiểm tra và điều chỉnh.

Bên cạnh đó, cần chú trọng cơ chế phân phối lợi ích giữa các bên. Doanh nghiệp có thể hưởng lợi từ việc mở rộng sản phẩm và tăng sức hấp dẫn của tuyến; cộng đồng có thêm thu nhập và cơ hội bảo tồn văn hóa thông qua thực hành; chính quyền đạt mục tiêu phát triển kinh tế – xã hội gắn với bảo tồn di sản; cơ sở đào tạo có môi trường thực địa phục vụ nghiên cứu, giảng dạy và thực hành nghề nghiệp. Khi lợi ích của các bên được xác định rõ, liên kết sẽ có khả năng duy trì lâu dài hơn so với các hình thức phối hợp mang tính phong trào.

Như vậy, tăng cường liên kết giữa chính quyền, doanh nghiệp, cộng đồng và cơ sở đào tạo không chỉ là giải pháp hỗ trợ quản lý, mà là điều kiện để hình thành hệ sinh thái du lịch văn hóa tại Ngọc Thanh. Thông qua cơ chế liên kết này, tài nguyên văn hóa có thể được chuyển hóa thành sản phẩm có tổ chức, cộng đồng được tham gia với vai trò chủ thể, doanh nghiệp có cơ sở khai thác thị trường ổn định, còn chính quyền có công cụ điều tiết phát triển theo hướng bền vững. Đây là nền tảng quan trọng để du lịch văn hóa Ngọc Thanh tránh tình trạng khai thác rời rạc, đồng thời từng bước hình thành mô hình quản trị điểm đến dựa trên sự phối hợp đa chủ thể.

3.5.4. Xây dựng cơ chế chia sẻ lợi ích và kiểm soát tác động tiêu cực

Sự phát triển bền vững của du lịch văn hóa không chỉ phụ thuộc vào khả năng khai thác tài nguyên hay tổ chức sản phẩm, mà còn chịu tác động trực tiếp từ cách thức phân bổ lợi ích giữa các chủ thể tham gia và năng lực kiểm soát những ảnh hưởng phát sinh trong quá trình khai thác. Thực tiễn phát triển du lịch cộng đồng cho thấy, khi lợi ích kinh tế tập trung vào một nhóm nhỏ hoặc không được phân chia minh bạch, cộng đồng địa phương sẽ dần mất động lực tham gia bảo tồn di sản, đồng thời gia tăng nguy cơ thương mại hóa các giá trị văn hóa. Ngược lại, nếu cơ chế chia sẻ lợi ích được thiết lập hợp lý,

người dân sẽ có động lực duy trì các thực hành văn hóa truyền thống và chủ động tham gia vào quá trình quản trị điểm đến. Vì vậy, xây dựng cơ chế chia sẻ lợi ích gắn với kiểm soát tác động tiêu cực là điều kiện quan trọng nhằm duy trì sự cân bằng giữa mục tiêu phát triển kinh tế và bảo tồn giá trị văn hóa tại Ngọc Thanh.

Trước hết, cần xác định nguyên tắc phân chia lợi ích dựa trên mức độ tham gia và đóng góp của từng chủ thể trong chuỗi cung ứng dịch vụ du lịch. Chính quyền giữ vai trò tạo lập môi trường quản lý và đầu tư hạ tầng phục vụ phát triển du lịch; doanh nghiệp thực hiện kết nối thị trường, tổ chức chương trình và đưa khách đến điểm đến; cộng đồng trực tiếp cung cấp không gian văn hóa, dịch vụ trải nghiệm và các giá trị bản địa; các tổ chức hỗ trợ và cơ sở đào tạo tham gia tư vấn, đào tạo và nâng cao năng lực. Mỗi nhóm chủ thể đều tạo ra giá trị trong chuỗi hoạt động, do đó cần được hưởng lợi tương ứng với vai trò và trách nhiệm của mình. Việc phân chia lợi ích không nên dựa trên các thỏa thuận mang tính cá nhân, mà cần được quy định thành nguyên tắc chung để bảo đảm tính công bằng và hạn chế phát sinh mâu thuẫn.

Đối với cộng đồng địa phương, cần xây dựng cơ chế chi trả minh bạch đối với từng loại hình dịch vụ. Giá dịch vụ ăn uống, hướng dẫn cộng đồng, biểu diễn hát Soọng Cô, trải nghiệm tại hộ dân, tham gia các hoạt động giáo dục di sản hoặc cung cấp sản phẩm địa phương cần được thống nhất và công khai trước khi tổ chức chương trình. Tổ điều phối du lịch văn hóa có trách nhiệm tổng hợp doanh thu, xác nhận khối lượng công việc của từng hộ dân hoặc nghệ nhân và thực hiện thanh toán theo nguyên tắc đã thống nhất. Việc công khai mức giá và phương thức thanh toán không chỉ bảo đảm quyền lợi cho người dân mà còn tạo niềm tin giữa các chủ thể, hạn chế tình trạng cạnh tranh thiếu lành mạnh hoặc phát sinh khiếu nại trong quá trình khai thác.

Bên cạnh lợi ích trực tiếp từ hoạt động kinh doanh, cần hình thành cơ chế tái đầu tư cho bảo tồn văn hóa và nâng cao chất lượng điểm đến. Một phần doanh thu từ các chương trình trải nghiệm có thể được trích lập vào quỹ phát triển du lịch văn hóa của địa phương. Nguồn kinh phí này được sử dụng để bảo trì di tích, hỗ trợ nghệ nhân, phục dựng không gian văn hóa, tổ chức tập huấn, cải thiện cơ sở vật chất phục vụ khách và hỗ trợ các hộ dân mới tham

gia hoạt động du lịch. Cách thức này giúp lợi ích kinh tế từ du lịch tiếp tục quay trở lại phục vụ công tác bảo tồn và phát triển cộng đồng, thay vì chỉ tạo thu nhập ngắn hạn cho từng cá nhân.

Song song với cơ chế chia sẻ lợi ích, cần xây dựng hệ thống kiểm soát các tác động tiêu cực phát sinh trong quá trình khai thác du lịch. Một trong những nguy cơ lớn đối với du lịch văn hóa là xu hướng đơn giản hóa hoặc sân khấu hóa các thực hành văn hóa nhằm đáp ứng nhu cầu thị trường. Khi các giá trị truyền thống bị tách khỏi bối cảnh xã hội và chỉ còn mang tính trình diễn, bản sắc văn hóa có thể dần bị mai một. Do đó, việc lựa chọn nội dung đưa vào hoạt động du lịch phải dựa trên sự đồng thuận của cộng đồng và tôn trọng giới hạn văn hóa. Những nghi lễ mang tính tín ngưỡng, sinh hoạt dòng họ hoặc các thực hành chỉ có ý nghĩa trong nội bộ cộng đồng cần được bảo vệ, không đưa vào khai thác đại trà.

Đối với di tích lịch sử và môi trường cảnh quan, cần áp dụng các biện pháp kiểm soát sức chứa và tần suất khai thác phù hợp với điều kiện thực tế của từng điểm đến. Việc tổ chức các đoàn khách với quy mô quá lớn hoặc hoạt động liên tục trong thời gian dài có thể gây áp lực lên hạ tầng, ảnh hưởng đến cảnh quan và làm giảm chất lượng trải nghiệm. Trên cơ sở đó, Tổ điều phối cần xây dựng quy định về số lượng khách tối đa đối với từng tuyến tham quan, thời gian tổ chức hoạt động và khoảng thời gian nghỉ cần thiết để cộng đồng duy trì sinh hoạt bình thường. Đối với các hộ gia đình tham gia phục vụ khách, cần bảo đảm việc khai thác du lịch không làm đảo lộn đời sống thường nhật hoặc ảnh hưởng đến quyền riêng tư của các thành viên.

Kiểm soát tác động xã hội cũng cần được quan tâm trong quá trình phát triển du lịch văn hóa. Hoạt động kinh doanh dịch vụ cần tuân thủ nguyên tắc niêm yết giá công khai, không chèo kéo khách, không ép buộc sử dụng dịch vụ và không khai thác hình ảnh của cộng đồng khi chưa có sự đồng thuận. Đồng thời, cần xây dựng quy tắc ứng xử dành cho du khách khi tham gia trải nghiệm tại các hộ dân, điểm di tích và không gian văn hóa Sán Dìu. Các quy định liên quan đến trang phục, chụp ảnh, ghi hình, bảo vệ môi trường và ứng xử với người dân địa phương cần được phổ biến ngay từ đầu chương trình nhằm giảm thiểu nguy cơ phát sinh xung đột văn hóa.

Để bảo đảm các quy định được thực hiện hiệu quả, cần xây dựng cơ chế giám sát và đánh giá định kỳ. Sau mỗi chương trình, Tổ điều phối thu thập phản

hội từ doanh nghiệp, cộng đồng và du khách về chất lượng dịch vụ, việc phân chia lợi ích, mức độ hài lòng của các bên cũng như những tác động phát sinh đối với đời sống địa phương. Kết quả đánh giá là cơ sở để điều chỉnh quy trình tổ chức, cập nhật quy chế phối hợp và hoàn thiện cơ chế quản trị điểm đến. Việc duy trì hoạt động giám sát thường xuyên sẽ giúp phát hiện sớm các dấu hiệu thương mại hóa quá mức, xung đột lợi ích hoặc suy giảm chất lượng tài nguyên văn hóa trước khi những tác động này trở thành vấn đề nghiêm trọng.

Như vậy, xây dựng cơ chế chia sẻ lợi ích gắn với kiểm soát tác động tiêu cực không chỉ nhằm bảo đảm sự công bằng giữa các chủ thể tham gia mà còn góp phần duy trì tính bền vững của hệ thống du lịch văn hóa tại Ngọc Thanh. Khi lợi ích kinh tế được phân bổ minh bạch, trách nhiệm bảo tồn được xác định rõ và các tác động tiêu cực được kiểm soát ngay từ quá trình vận hành, cộng đồng sẽ có động lực tham gia lâu dài, doanh nghiệp có môi trường khai thác ổn định, chính quyền nâng cao hiệu quả quản lý và các giá trị văn hóa địa phương được gìn giữ trong quá trình phát triển du lịch. Đây cũng là tiền đề quan trọng để mô hình quản trị điểm đến tại Ngọc Thanh vận hành theo hướng hài hòa giữa phát triển kinh tế, bảo tồn di sản và nâng cao chất lượng đời sống cộng đồng.

Tiểu kết Chương 3

Chương 3 đã đề xuất hệ thống định hướng và giải pháp phát triển du lịch văn hóa tại xã Ngọc Thanh theo hướng bền vững, trên cơ sở kế thừa các vấn đề thực tiễn đã được nhận diện ở Chương 2. Trọng tâm của chương là chuyển từ tư duy khai thác tài nguyên sẵn có sang tổ chức trải nghiệm văn hóa có chiều sâu, trong đó văn hóa Sán Dìu, di tích Chiến khu Ngọc Thanh và không gian sinh thái địa phương được kết nối thành một chỉnh thể du lịch văn hóa thống nhất. Các giải pháp được đề xuất tập trung vào tái cấu trúc cơ chế chuyển hóa tài nguyên văn hóa, phát triển hệ thống dịch vụ du lịch, tổ chức lại thị trường khách và hoàn thiện mô hình quản trị điểm đến. Đặc biệt, chương nhấn mạnh vai trò của cộng đồng địa phương trong bảo tồn, diễn giải và vận hành các hoạt động du lịch văn hóa, qua đó bảo đảm sự cân bằng giữa phát triển kinh tế, bảo tồn bản sắc và nâng cao sinh kế cho người dân.

KẾT LUẬN

Phát triển du lịch văn hóa trong bối cảnh hiện nay không chỉ là quá trình khai thác các giá trị văn hóa sẵn có nhằm phục vụ nhu cầu tham quan của du khách, mà còn là quá trình tổ chức, diễn giải và tái tạo các giá trị ấy trong đời sống đương đại. Đối với xã Ngọc Thanh, thành phố Phúc Yên, tỉnh Vĩnh Phúc, vấn đề này càng có ý nghĩa đặc biệt bởi địa phương không chỉ sở hữu cảnh quan sinh thái bán sơn địa, mà còn là không gian hội tụ của văn hóa cộng đồng Sán Dìu và hệ thống di tích Chiến khu Ngọc Thanh. Chính sự đan xen giữa văn hóa tộc người, ký ức lịch sử cách mạng và điều kiện sinh thái đã tạo nên nền tảng riêng để Ngọc Thanh phát triển du lịch văn hóa theo hướng bền vững.

Trên cơ sở tổng quan các công trình nghiên cứu và hệ thống hóa cơ sở lý luận, luận văn đã xác lập cách tiếp cận phát triển du lịch văn hóa như một quá trình vận hành tổng hợp giữa bảo tồn di sản, phát huy giá trị văn hóa, tổ chức sản phẩm, phát triển thị trường, nâng cao vai trò cộng đồng và hoàn thiện quản trị điểm đến. Theo đó, văn hóa không được xem như yếu tố phụ trợ cho hoạt động du lịch, mà là nền tảng tạo nghĩa, tạo bản sắc và tạo sức cạnh tranh cho điểm đến. Khung nghiên cứu được xây dựng trong luận văn cho thấy mối quan hệ giữa bảo tồn và phát triển không phải là quan hệ đối lập, mà là quan hệ tương hỗ: bảo tồn tạo ra chiều sâu và tính xác thực cho du lịch, trong khi phát triển du lịch hợp lý có thể tạo nguồn lực kinh tế – xã hội để duy trì và tái sinh các giá trị văn hóa.

Kết quả nghiên cứu thực trạng cho thấy xã Ngọc Thanh có tiềm năng đáng kể để phát triển du lịch văn hóa. Các giá trị văn hóa Sán Dìu như hát Soọng Cô, trang phục truyền thống, tín ngưỡng, ẩm thực, cùng với hệ thống di tích gắn với Chiến khu Ngọc Thanh, tạo nên nguồn tài nguyên có chiều sâu lịch sử và bản sắc cộng đồng rõ nét. Vấn đề đặt ra là, tiềm năng này hiện chưa được chuyển hóa đầy đủ thành sản phẩm du lịch có cấu trúc. Hoạt động du lịch tại địa phương vẫn chủ yếu dựa vào sự hiện diện của tài nguyên, trong khi năng lực diễn giải, tổ chức trải nghiệm, kết nối dịch vụ và định vị thị trường còn hạn chế. Do đó, du lịch văn hóa Ngọc Thanh chưa hình thành được sức hút độc lập, chưa kéo dài được thời gian lưu trú, chưa tạo được chuỗi giá trị ổn định và chưa phát huy đầy đủ vai trò của cộng đồng địa phương.

Từ thực trạng đó, luận văn khẳng định rằng hạn chế cốt lõi của phát triển du lịch văn hóa tại Ngọc Thanh không nằm ở sự thiếu hụt tài nguyên, mà nằm ở khoảng cách giữa tài nguyên văn hóa và cơ chế chuyển hóa tài nguyên thành trải nghiệm du lịch. Nói cách khác, các giá trị văn hóa – lịch sử của địa phương đã có nền tảng tồn tại, nhưng chưa được tổ chức thành hệ thống sản phẩm, dịch vụ và câu chuyện điểm đến đủ sức dẫn dắt thị trường. Đây là rào cản có tính bản chất, chi phối cả hoạt động khai thác tài nguyên, phát triển sản phẩm, thu hút khách, bảo tồn văn hóa và quản trị điểm đến.

Trên cơ sở đó, luận văn đã đề xuất hệ thống định hướng và giải pháp phát triển du lịch văn hóa xã Ngọc Thanh theo hướng bền vững. Trọng tâm của các giải pháp là chuyển đổi mô hình phát triển từ khai thác tài nguyên sang tổ chức trải nghiệm; tái cấu trúc cơ chế diễn giải di sản gắn với văn hóa Sán Dìu và Chiến khu Ngọc Thanh; phát triển các dịch vụ lưu trú, ẩm thực, thuyết minh và trải nghiệm cộng đồng; tổ chức lại thị trường khách theo hướng chuyên biệt hơn; đồng thời hoàn thiện mô hình quản trị du lịch địa phương trên cơ sở phối hợp giữa chính quyền, cộng đồng, doanh nghiệp và các chủ thể văn hóa. Những giải pháp này không chỉ hướng tới mục tiêu gia tăng lượng khách hay doanh thu, mà quan trọng hơn là tạo lập một cấu trúc phát triển trong đó văn hóa được bảo tồn thông qua thực hành, cộng đồng được tham gia thông qua sinh kế, và điểm đến được nâng cao giá trị thông qua bản sắc.

Về phương diện học thuật, luận văn góp phần bổ sung cách tiếp cận tích hợp trong nghiên cứu phát triển du lịch văn hóa ở cấp địa phương. Thay vì nhìn tài nguyên văn hóa như những yếu tố rời rạc để khai thác, nghiên cứu tiếp cận Ngọc Thanh như một không gian văn hóa tổng hợp, nơi di sản tộc người, di tích cách mạng và cảnh quan sinh thái cùng tương tác trong quá trình hình thành bản sắc điểm đến. Về phương diện thực tiễn, luận văn cung cấp cơ sở nhận diện tiềm năng, chỉ ra các tồn tại trong tổ chức phát triển và đề xuất định hướng giải pháp có thể tham khảo cho công tác quản lý, quy hoạch và xây dựng sản phẩm du lịch văn hóa tại địa phương.

Trên thực tế, phát triển du lịch văn hóa là một quá trình dài hạn, đòi hỏi sự phối hợp liên ngành, liên chủ thể và sự thích ứng liên tục trước biến đổi của

thị trường. Vì vậy, các giải pháp đề xuất trong luận văn cần được tiếp tục cụ thể hóa bằng kế hoạch hành động, nguồn lực triển khai, cơ chế giám sát và hệ thống chỉ tiêu đánh giá phù hợp. Trong tương lai, các nghiên cứu tiếp theo có thể mở rộng theo hướng đo lường sâu hơn hành vi du khách, đánh giá sức chịu tải văn hóa, phân tích sinh kế cộng đồng và xây dựng mô hình sản phẩm du lịch văn hóa cụ thể cho từng tuyến, điểm và nhóm khách.

Từ những kết quả nghiên cứu trên có thể khẳng định, phát triển du lịch văn hóa tại xã Ngọc Thanh chỉ có thể đạt được tính bền vững khi địa phương vượt qua tư duy khai thác tài nguyên đơn thuần để chuyển sang tư duy kiến tạo giá trị. Khi văn hóa Sán Dìu, ký ức Chiến khu Ngọc Thanh và không gian sinh thái được kết nối bằng cơ chế diễn giải phù hợp, được cộng đồng tham gia chủ động và được quản trị trong một cấu trúc phát triển thống nhất, Ngọc Thanh có khả năng trở thành một điểm đến du lịch văn hóa có bản sắc trong không gian du lịch vùng Đại Lải – Tam Đảo, đồng thời góp phần bảo tồn, phát huy các giá trị văn hóa – lịch sử của địa phương trong tiến trình phát triển bền vững.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

Tài liệu tiếng Việt

1. Luyện Hồng Anh. (2013). *Nghiên cứu phát triển du lịch văn hóa tỉnh Vĩnh Phúc* (Luận văn thạc sĩ). Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn, Đại học Quốc gia Hà Nội.
2. Trần Thúy Anh. (2020). *Giáo trình du lịch văn hóa: Những vấn đề lý luận và nghiệp vụ*. Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam.
3. Lê Thanh Bài. (2021). Vĩnh Phúc: Chiến khu Ngọc Thanh - Cách nhìn đồng đại. Trong *Kỷ yếu Hội thảo Di tích chiến khu Ngọc Thanh, bảo tồn và phát huy giá trị*.
4. Nguyễn Thị Châu. (2025). Du lịch văn hoá tỉnh Phú Thọ: Thực trạng và triển vọng tương lai. *Tạp chí Giáo dục & Xã hội*, 1/2026(1), 303–308.
5. Chính phủ. (2023). *Quy hoạch hệ thống du lịch thời kỳ 2021–2030, tầm nhìn đến năm 2045*. Hà Nội.
6. Trần Quốc Dũng. (2021). Vĩnh Phúc: Chiến khu Ngọc Thanh với chiến dịch Trần Hưng Đạo. Trong *Kỷ yếu Hội thảo Di tích chiến khu Ngọc Thanh, bảo tồn và phát huy giá trị*.
7. Hà Nam Khánh Giao, & Huỳnh Diệp Trâm Anh. (2022). Bản sắc văn hóa vùng dân tộc thiểu số gắn với phát triển du lịch bền vững ở Việt Nam thời kỳ hội nhập. Trong *Kỷ yếu hội thảo khoa học quốc gia: Thực trạng và tác động của các yếu tố an ninh phi truyền thống vùng dân tộc thiểu số ở Việt Nam thời kỳ đổi mới* (tr. 215–228). Nhà xuất bản Chính trị Quốc gia Sự thật.
8. Nguyễn Đức Hiếu. (2025). Xây dựng mô hình học tập trải nghiệm dựa trên khai thác các giá trị văn hoá truyền thống ở Ngọc Thanh - Xuân Hòa - Phú Thọ. *Tạp chí Thiết bị Giáo dục*, 340(2).
9. Trịnh Thị Hoà. (2009). Bảo tồn và phát huy giá trị di tích trong bối cảnh hội nhập và phát triển. *Tạp chí Di sản Văn hoá*, 2(27), 90–94.
10. Lâm Quang Hùng. (2011). *Người Sán Dìu ở Vĩnh Phúc*. Hội Sử học Vĩnh Phúc.
11. Lâm Quang Hùng. (2026). Những nét văn hoá truyền thống của người Sán Dìu ở Vĩnh Phúc. *Tạp chí Di sản Văn hoá*, 4(17), 102–105.

12. Lê Mạnh Hùng. (Chủ biên). (2025). *Giáo trình du lịch văn hóa*. Nhà xuất bản Bách khoa Hà Nội.
13. Nguyễn Phạm Hùng. (Chủ biên). (2016). *Văn hóa du lịch*. Nhà xuất bản Đại học Quốc gia Hà Nội.
14. Nguyễn Quốc Hùng. (2012). Di tích cách mạng – bằng chứng của sự thay đổi. *Tạp chí Di sản Văn hóa*, 2, 15–21.
15. Hoàng Trường Kỳ. (2026). Di sản văn hoá Vĩnh Phúc với quá trình phát triển kinh tế - xã hội hiện tại. *Tạp chí Di sản Văn hoá*, 4(17), 13–15.
16. Trần Thị Mai Lan. (2021). Mối quan hệ giữa văn hóa tộc người và du lịch văn hóa cộng đồng ở vùng dân tộc thiểu số Việt Nam. *Tạp chí Khoa học*, 17(3), 41–50.
17. Thèn Thị Liên, & Nguyễn Thị Thanh Huyền. (2019). Khai thác giá trị văn hóa của người Dao ở tỉnh Phú Thọ phục vụ phát triển du lịch cộng đồng. *Tạp chí Khoa học và Công nghệ Trường Đại học Hùng Vương*, 14, 77–85.
18. Trần Đức Nguyên. (2010). Phát huy giá trị của các di tích cách mạng kháng chiến trên địa bàn thủ đô Hà Nội. *Tạp chí Nghiên cứu Văn hóa*, 3, 58–66.
19. Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam. (2009). *Luật Di sản văn hóa sửa đổi, bổ sung*. Nhà xuất bản Chính trị Quốc gia Sự thật.
20. Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam. (2017). *Luật Du lịch*. Nhà xuất bản Chính trị Quốc gia Sự thật.
21. Bùi Hoài Sơn. (2022). *Phát triển công nghiệp văn hóa ở Việt Nam*. Nhà xuất bản Chính trị Quốc gia Sự thật.
22. Nguyễn Văn Tập. (2021). Vĩnh Phúc: Chiến khu Ngọc Thanh - Cầu nối vùng đồng bằng với ATK Việt Bắc. Trong *Kỷ yếu Hội thảo Di tích chiến khu Ngọc Thanh, bảo tồn và phát huy giá trị*.
23. Trần Đức Thanh. (2020). *Nhập môn khoa học du lịch*. Nhà xuất bản Đại học Quốc gia Hà Nội.
24. Đỗ Văn Tiến, & Nguyễn Văn Giang. (2022). Phát triển du lịch bền vững ở tỉnh Vĩnh Phúc: Thực trạng và giải pháp. *Tạp chí Kinh tế ngành – lãnh thổ*, 12(4), 45–53.
25. Vương Xuân Tình, & Trần Hồng Hạnh. (2012). *Phát triển văn hóa tộc*

người trong quá trình hội nhập vùng Đông Bắc. Nhà xuất bản Khoa học Xã hội.

26. Nguyễn Thị Xuyên Thoại, & Nguyễn Thị Thúy Ngân. (2021). Tiềm năng du lịch tại các di tích lịch sử tỉnh Vĩnh Long. *Tạp chí Khoa học Đại học Văn Lang*, 27, 89–97.
27. Kiều Thị Thiên Trang. (2018). *Bảo tồn và phát huy giá trị trang phục truyền thống người Sán Dìu tại xã Đạo Trù, huyện Tam Đảo, tỉnh Vĩnh Phúc* (Luận văn thạc sĩ). Trường Đại học Văn hóa Hà Nội.
28. Nguyễn Minh Tuấn. (2021). Phát huy giá trị các di tích lịch sử, văn hóa cấp quốc gia ở Cần Thơ để phục vụ phát triển du lịch. *Tạp chí Nghiên cứu – Trao đổi*, 8(2), 67–74.
29. Nguyễn Thị Quỳnh Hương, & Mai Anh Thương. (2020). Phát triển du lịch Phú Thọ: Quan điểm và giải pháp. *Tạp chí Công thương*, 8, 120–125.
30. Phan Lan Hương, & Đặng Thị Phương Anh. (2023). Khai thác giá trị văn hóa truyền thống của người Thái gắn với phát triển du lịch: Qua khảo sát tại xã Mai Hịch, huyện Mai Châu, tỉnh Hòa Bình. *Tạp chí Văn hóa và Nguồn lực*, 6, 102–110.
31. Hoàng Thị Thu Hương, & Nguyễn Thị Hồng Vân. (2021). Đánh giá bền vững văn hóa tộc người trong phát triển du lịch cộng đồng ở khu vực hồ thủy điện Hòa Bình. *Tạp chí Nghiên cứu Địa lý nhân văn*, 36, 52–63.
32. Xuân Huy. (2021). Vĩnh Phúc: Ngọc Thanh trong cấu trúc các chiến khu của Việt Bắc. Trong *Kỷ yếu Hội thảo Di tích chiến khu Ngọc Thanh, bảo tồn và phát huy giá trị*.
33. Phạm Xanh. (2012). Đôi điều suy nghĩ về di tích cách mạng. *Tạp chí Di sản Văn hóa*, 4, 24–31.

Tài liệu tiếng Anh

1. Baker, P. (1995). *Touring historic places: A manual for group tour operators and managers of historic and cultural attractions*. Van Nostrand Reinhold.
2. Boniface, P. (1995). *Managing quality cultural tourism*. Routledge.
3. Evans, G. (2001). *Cultural planning: An urban renaissance?* Routledge.
4. ICOMOS. (1999). *International cultural tourism charter: Managing*

tourism at places of heritage significance. ICOMOS.

5. King, V. T. (1994). *Anthropology and development in South-East Asia: Theory and practice*. Oxford University Press.
6. McKercher, B., & du Cros, H. (2020). *Cultural tourism: The partnership between tourism and cultural heritage management* (2nd ed.). Routledge.
7. OECD. (2022). *Culture and local development: Maximising the impact*. OECD Publishing.
8. Richards, G. (2021). *Rethinking cultural tourism*. Edward Elgar Publishing.
9. Richards, G., & Smith, M. K. (Eds.). (2022). *The Routledge handbook of cultural tourism*. Routledge.
10. Smith, V. L. (1977). *Hosts and guests: The anthropology of tourism*. University of Pennsylvania Press.
11. UNESCO. (1972). *Convention concerning the protection of the world cultural and natural heritage*. UNESCO Publishing.
12. UNESCO. (2003). *Convention for the safeguarding of the intangible cultural heritage*. UNESCO Publishing.
13. UNESCO. (2022). *Culture|2030 indicators*. UNESCO Publishing.
14. UNWTO. (2024). *Global report on cultural tourism and sustainable development*. UNWTO.
15. UNWTO, & UNESCO. (2018). *Tourism and culture synergies*. UNWTO.
16. Walton, J. K. (2005). *Histories of tourism: Representation, identity and conflict*. Channel View Publications.

PHỤ LỤC

PHỤ LỤC 1. BỘ PHIẾU KHẢO SÁT & PHÒNG VẤN BÁN CẦU TRÚC

PHỤ LỤC 2. MA TRẬN THAO TÁC HOÁ THANG ĐO

PHỤ LỤC 3. MA TRẬN PHÒNG VẤN BÁN CẦU TRÚC

PHỤ LỤC 4. BỘ SẢN PHẨM ỨNG DỤNG

- TẬP BÀI THUYẾT MINH DU LỊCH TẠI ĐIỂM

- CHƯƠNG TRÌNH DU LỊCH TRẢI NGHIỆM

PHỤ LỤC 5. MINH CHỨNG BÀI BÁO HỌC THUẬT

**- TÀI NGUYÊN VĂN HOÁ PHỤC VỤ PHÁT TRIỂN
DU LỊCH TẠI XÃ NGỌC THANH, THÀNH PHỐ PHÚC YÊN,
TỈNH VĨNH PHÚC**

**- XÂY DỰNG MÔ HÌNH HỌC TẬP TRẢI NGHIỆM DỰA
TRÊN KHAI THÁC CÁC GIÁ TRỊ VĂN HOÁ TRUYỀN THỐNG
Ở NGỌC THANH – XUÂN HOÀ – PHÚ THỌ**

PHỤ LỤC 1. BỘ PHIẾU KHẢO SÁT & PHÒNG VẤN BẢN CẤU TRÚC

A. PHIẾU KHẢO SÁT KHÁCH DU LỊCH

Kính thưa Quý du khách,

Tôi là Nguyễn Đức Hiếu – Học viên cao học tại Khoa Du lịch học, Trường Đại học Khoa học xã hội và Nhân Văn – ĐHQGHN, tôi đang thực hiện Luận văn với đề tài: “*Phát triển du lịch văn hóa tại xã Ngọc Thanh, Thành phố Phúc Yên, tỉnh Vĩnh Phúc.*”. Xin Quý khách vui lòng dành chút thời gian cung cấp một số thông tin liên quan đến nội dung nghiên cứu. Các thông tin Quý khách cung cấp sẽ rất có ý nghĩa trong việc khai thác các tiềm năng du lịch văn hóa của địa phương, cải thiện đời sống người dân và nâng cao mức độ hài lòng của du khách. Các thông tin quý khách cung cấp sẽ hoàn toàn được bảo mật và chỉ sử dụng cho mục đích nghiên cứu này. Tôi xin chân thành cảm ơn sự giúp đỡ của Quý du khách!

PHẦN I. THÔNG TIN CHUNG VỀ DU KHÁCH

Câu 1. Quý khách đã trực tiếp đến khu vực Ngọc Thanh – Đại Lải trong chuyến đi này hoặc trước đây chưa?

- ☐ Có ☐ Chưa

Câu 2. Giới tính của Quý khách

- ☐ Nam ☐ Nữ ☐ Khác/Không muốn trả lời

Quý khách

- ☐ 18–25 tuổi ☐ 26–35 tuổi
☐ 36–50 tuổi ☐ Trên 50 tuổi

Câu 4. Nghề nghiệp hiện tại của Quý khách

- ☐ Học sinh, sinh viên ☐ Cán bộ, công chức, viên chức
☐ Kinh doanh/tự do ☐ Công nhân/người lao động
☐ Nông nghiệp ☐ Nghỉ hưu ☐ Khác:

Hiện nay của Quý khách

- ☐ Hà Nội ☐ Vĩnh Phúc ☐ Các tỉnh miền Bắc khác
☐ Miền Trung ☐ Miền Nam ☐ Khác:

PHẦN II: ĐẶC ĐIỂM CHUYẾN ĐI

Câu 6. Quý khách biết đến Ngọc Thanh qua những kênh thông tin nào? (Có thể chọn nhiều phương án)

- ☐ Internet/mạng xã hội ☐ Báo chí/truyền hình
☐ Website hoặc trang thông tin du lịch ☐ Công ty du lịch/lữ hành
☐ Người thân, bạn bè ☐ Ấn phẩm du lịch
☐ Đã từng đến trước đây ☐ Khác:

Câu 7. Đây là lần thứ mấy Quý khách đến Ngọc Thanh?

- ☐ Lần đầu tiên ☐ Lần thứ hai
☐ Lần thứ ba ☐ Trên ba lần

Câu 8. Mục đích chuyến đi của Quý khách là gì? (Có thể chọn nhiều phương án)

- ☐ Tham quan ☐ Nghỉ dưỡng ☐ Vui chơi, giải trí
☐ Tìm hiểu văn hóa – lịch sử ☐ Trải nghiệm đời sống địa phương

- ☐ Học tập/nghiên cứu ☐ Công việc/kinh doanh
- ☐ Thăm người thân, bạn bè ☐ Khác:

Câu 9. Quý khách tổ chức chuyến đi theo hình thức nào?

- ☐ Tự tổ chức chuyến đi ☐ Mua tour của doanh nghiệp lữ hành
- ☐ Do cơ quan/trường học tổ chức ☐ Đi cùng gia đình/người thân
- ☐ Đi cùng nhóm bạn ☐ Khác:

Câu 10. Phương tiện di chuyển chủ yếu của Quý khách

- ☐ Xe máy cá nhân ☐ Ô tô cá nhân
- ☐ Xe thuê/taxi ☐ Xe của doanh nghiệp lữ hành
- ☐ Xe của cơ quan/trường học ☐ Khác:

Câu 11. Tổng thời gian Quý khách lưu lại khu vực Ngọc Thanh – Đại Lải là bao lâu?

- ☐ Dưới nửa ngày ☐ Trong ngày
- ☐ 1 đêm ☐ 2 đêm ☐ Từ 3 đêm trở lên

Câu 12. Trong chuyến đi này, Quý khách lựa chọn hình thức lưu trú nào?

- ☐ Không lưu trú qua đêm ☐ Khách sạn/khu nghỉ dưỡng
- ☐ Nhà nghỉ ☐ Homestay/farmstay
- ☐ Nhà người thân, bạn bè ☐ Khác:

Câu 13. Mức chi tiêu ước tính của Quý khách tại khu vực trong chuyến đi này là bao nhiêu?

- ☐ Dưới 500.000 đồng/người
- ☐ Từ 500.000 đến dưới 1 triệu đồng/người
- ☐ Từ 1 triệu đến dưới 2 triệu đồng/người
- ☐ Từ 2 triệu đến dưới 5 triệu đồng/người
- ☐ Từ 5 triệu đồng/người trở lên
- ☐ Không muốn trả lời

PHẦN III. TIẾP CẬN THÔNG TIN VÀ NHẬN DIỆN ĐIỂM ĐẾN

Câu 14. Khi tìm hiểu hoặc tham quan Ngọc Thanh, Quý khách quan tâm đến những loại thông tin nào? (Có thể chọn nhiều phương án)

- ☐ Các điểm tham quan
- ☐ Lịch sử Chiến khu Ngọc Thanh
- ☐ Văn hóa và đời sống cộng đồng Sán Dìu
- ☐ Hát Soọng cô và hoạt động văn hóa
- ☐ Lễ hội/sự kiện
- ☐ Ẩm thực địa phương
- ☐ Hoạt động trải nghiệm
- ☐ Giá dịch vụ
- ☐ Cơ sở lưu trú
- ☐ Đường đi/phương tiện di chuyển
- ☐ Thời gian hoạt động của điểm tham quan
- ☐ Khác:

Câu 15: Quý khách đánh giá mức độ tiếp cận thông tin du lịch Ngọc Thanh như thế nào?

Xin Quý khách vui lòng chọn 1 trong 5 mức độ đối với mỗi ý hỏi dưới đây:

1-Hoàn toàn không đồng ý 2-Không đồng ý 3-Trung lập 4-Đồng ý 5-Rất đồng ý

Nội dung	1	2	3	4	5
Thông tin về điểm tham quan tại Ngọc Thanh dễ tìm kiếm.					
Thông tin về văn hóa Sán Dìu tương đối đầy đủ.					
Thông tin về Chiến khu Ngọc Thanh tương đối đầy đủ.					
Thông tin về hoạt động trải nghiệm được cung cấp rõ ràng.					
Thông tin về dịch vụ, giá cả và cách tiếp cận điểm đến dễ hiểu					

Câu 16. Trước chuyến đi này, Quý khách đã biết đến Ngọc Thanh như một điểm đến du lịch văn hóa ở mức độ nào?

- ☐ Chưa từng biết đến ☐ Có nghe đến nhưng biết rất ít
☐ Biết một số thông tin ☐ Biết tương đối rõ ☐ Biết rõ

Câu 17. Khi nhắc đến Ngọc Thanh, yếu tố nào khiến Quý khách liên tưởng đầu tiên?

- ☐ Hồ Đại Lải/cảnh quan tự nhiên ☐ Nghỉ dưỡng
☐ Văn hóa người Sán Dìu ☐ Hát Soọng cô
☐ Chiến khu Ngọc Thanh ☐ Ẩm thực địa phương
☐ Chưa có hình ảnh/liên tưởng rõ ràng ☐ Khác:

Câu 18. Xin Quý khách đánh giá các nhận định sau về hình ảnh điểm đến Ngọc Thanh

Xin Quý khách vui lòng chọn 1 trong 5 mức độ đối với mỗi ý hỏi dưới đây:

1-Hoàn toàn không đồng ý 2-Không đồng ý 3-Trung lập 4-Đồng ý 5-Rất đồng ý

Tiêu chí	1	2	3	4	5
Ngọc Thanh có những giá trị văn hóa – lịch sử đặc trưng.					
Tôi có thể phân biệt Ngọc Thanh với các điểm đến lân cận.					
Văn hóa Sán Dìu tạo dấu ấn riêng cho Ngọc Thanh.					
Chiến khu Ngọc Thanh góp phần tạo hình ảnh riêng cho điểm đến.					
Ngọc Thanh có thể được nhận diện như một điểm đến du lịch văn hóa.					

PHẦN IV. TRẢI NGHIỆM VÀ ĐÁNH GIÁ DU LỊCH VĂN HÓA

Câu 19. Những yếu tố nào hấp dẫn Quý khách tại Ngọc Thanh? (Có thể chọn nhiều phương án)

- ☐ Cảnh quan tự nhiên ☐ Di tích Chiến khu Ngọc Thanh
☐ Văn hóa cộng đồng Sán Dìu ☐ Hát Soọng cô
☐ Ẩm thực địa phương ☐ Phong tục, tập quán
☐ Sự thân thiện của người dân ☐ Không gian nghỉ dưỡng
☐ Khác:

Câu 20. Trong chuyến đi, Quý khách đã tham gia những hoạt động nào? (Có thể chọn nhiều phương án)

- ☐ Tham quan di tích Chiến khu Ngọc Thanh
- ☐ Tìm hiểu lịch sử cách mạng
- ☐ Tìm hiểu đời sống cộng đồng Sán Dìu
- ☐ Xem/nghe hát Soọng cô
- ☐ Tham gia sinh hoạt văn hóa, lễ hội, trò chơi dân gian
- ☐ Thưởng thức ẩm thực địa phương
- ☐ Tham gia chế biến món ăn truyền thống
- ☐ Mua đặc sản/sản phẩm địa phương
- ☐ Tham quan cảnh quan tự nhiên
- ☐ Chưa tham gia hoạt động văn hóa nào
- ☐ Khác:

Câu 21. Quý khách đánh giá sức hấp dẫn của các giá trị sau tại Ngọc Thanh như thế nào?

Xin Quý khách vui lòng chọn 1 trong 5 mức độ đối với mỗi ý hỏi dưới đây:

1-Hoàn toàn không đồng ý 2-Không đồng ý 3-Trung lập 4-Đồng ý 5-Rất đồng ý

Giá trị văn	1	2	3	4	5
Văn hóa cộng đồng Sán Dìu.					
Hát Soọng cô.					
Ẩm thực truyền thống.					
Phong tục, tập quán địa phương.					
Hệ thống di tích Chiến khu Ngọc Thanh.					
Các câu chuyện, kỷ ức lịch sử cách mạng.					
Cảnh quan văn hóa và không gian cư trú địa phương.					

Câu 22. Xin Quý khách đánh giá sản phẩm và dịch vụ du lịch tại Ngọc Thanh

Xin Quý khách vui lòng chọn 1 trong 5 mức độ đối với mỗi ý hỏi dưới đây:

1-Hoàn toàn không đồng ý 2-Không đồng ý 3-Trung lập 4-Đồng ý 5-Rất đồng ý

Tiêu chí	1	2	3	4	5
Mức độ đa dạng của hoạt động trải nghiệm văn hóa.					
Mức độ hấp dẫn của các hoạt động trải nghiệm.					
Nội dung thuyết minh/diễn giải văn hóa – lịch sử.					
Biển chỉ dẫn và thông tin tại điểm tham quan.					

Chất lượng dịch vụ ăn uống.					
Tính đặc sắc của ẩm thực địa phương.					
Vệ sinh an toàn thực phẩm.					
Chất lượng cơ sở lưu trú.					
Mức độ phù hợp của cơ sở lưu trú với không gian địa phương.					
Mức giá sản phẩm và dịch vụ.					
Điều kiện giao thông và khả năng tiếp cận điểm tham quan.					
Sự liên kết giữa các điểm và hoạt động trải nghiệm.					

Câu 23. Xin Quý khách đánh giá người dân/người phục vụ du lịch tại địa phương

Xin Quý khách vui lòng chọn 1 trong 5 mức độ đối với mỗi ý hỏi dưới đây:

1-Rất kém

2-Kém

3-Trung bình

4-Tốt

5-Rất tốt

Tiêu chí	1	2	3	4	5
Thân thiện và tôn trọng du khách.					
Sẵn sàng hỗ trợ khi du khách cần.					
Có hiểu biết về lịch sử và văn hóa địa phương.					
Có khả năng giới thiệu, giải thích giá trị văn hóa cho du khách.					
Có kỹ năng giao tiếp và phục vụ phù hợp					

Câu 24. Nhìn chung, Quý khách hài lòng ở mức độ nào đối với trải nghiệm du lịch tại Ngọc Thanh?

- ☐ Rất không hài lòng
- ☐ Không hài lòng
- ☐ Bình thường
- ☐ Hài lòng
- ☐ Rất hài lòng

PHẦN V. Ý ĐỊNH HÀNH VI VÀ ĐỀ XUẤT**Câu 25. Quý khách có dự định quay trở lại Ngọc Thanh trong tương lai không?**

- ☐ Chắc chắn không
- ☐ Có lẽ không
- ☐ Chưa xác định
- ☐ Có lẽ có
- ☐ Chắc chắn có

Câu 26. Quý khách có sẵn sàng giới thiệu Ngọc Thanh cho người thân, bạn bè không?

- ☐ Chắc chắn không
- ☐ Có lẽ không
- ☐ Chưa xác định
- ☐ Có lẽ có
- ☐ Chắc chắn có

Câu 27. Theo Quý khách, Ngọc Thanh cần ưu tiên cải thiện nội dung nào để phát triển du lịch văn hóa tốt hơn? (Có thể chọn tối đa 3 phương án)

- ☐ Bảo tồn văn hóa Sán Dìu
- ☐ Bảo tồn và phát huy Chiến khu Ngọc Thanh
- ☐ Tăng hoạt động trải nghiệm văn hóa
- ☐ Nâng cao chất lượng thuyết minh/điễn giải
- ☐ Tăng thông tin và quảng bá điểm đến
- ☐ Phát triển ẩm thực và sản phẩm địa phương
- ☐ Nâng cao chất lượng lưu trú
- ☐ Cải thiện giao thông, biển chỉ dẫn
- ☐ Đào tạo người dân làm du lịch
- ☐ Liên kết các điểm thành tuyến tham quan
- ☐ Bảo vệ cảnh quan và môi trường
- ☐ Khác:

Câu 28. Quý khách có góp ý gì để du lịch văn hóa ở đây phát triển tốt hơn?

.....

XIN TRÂN TRỌNG CẢM ƠN!

B. PHIẾU KHẢO SÁT NGƯỜI DÂN ĐỊA PHƯƠNG

Kính chào ông/bà/anh/chị

Tôi là Nguyễn Đức Hiếu – Học viên cao học tại Khoa Du lịch học, Trường Đại học Khoa học xã hội và Nhân Văn – ĐHQGHN, tôi đang thực hiện Luận văn với đề tài: “*Phát triển du lịch văn hóa tại xã Ngọc Thanh, Thành phố Phúc Yên, tỉnh Vĩnh Phúc*”, xin/ ông/ bà/ anh/ chị giúp chúng tôi trả lời các câu hỏi khảo sát dưới đây.

Thông tin mà ông/bà/anh/chị cung cấp sẽ rất có ích cho việc đề xuất các giải pháp phát triển du lịch văn hóa và cải thiện đời sống của người dân. Mọi thông tin ông/bà/anh/chị cung cấp đều được tuyệt đối giữ kín và chỉ phục vụ cho mục đích nghiên cứu. Xin chân thành cảm ơn sự giúp đỡ!

Ghi chú: Để xưng hô được ngắn gọn, từ đây xin phép gọi chung là anh chị.

PHẦN I. THÔNG TIN CHUNG

Câu 1. Ông/Bà có đồng ý tự nguyện tham gia khảo sát này không?

- ☐ Có ☐ Không

Câu 2. Khu vực/thôn nơi Ông/Bà đang sinh sống:

.....

Câu 3. Giới tính

- ☐ Nam ☐ Nữ ☐ Khác/Không muốn trả lời

Câu 4. Độ tuổi

- ☐ 18–30 tuổi ☐ 31–45 tuổi
☐ 46–60 tuổi ☐ Trên 60 tuổi

Câu 5. Dân tộc

- ☐ Sán Dìu
☐ Kinh
☐ Khác:

Câu 6. Trình độ học vấn

- ☐ Tiểu học ☐ Trung học cơ sở ☐ Trung học phổ thông
☐ Trung cấp/Cao đẳng ☐ Đại học ☐ Sau đại học
☐ Khác:

Câu 7. Nghề nghiệp/sinh kế chính hiện nay

- ☐ Nông nghiệp
☐ Kinh doanh/buôn bán
☐ Dịch vụ du lịch
☐ Công nhân
☐ Cán bộ/công chức/viên chức
☐ Nghề thủ công/sản xuất sản phẩm địa phương
☐ Lao động tự do
☐ Nghỉ hưu
☐ Khác:

Câu 8. Ông/Bà đã sinh sống tại địa phương trong thời gian bao lâu?

- ☐ Dưới 5 năm ☐ 5–10 năm ☐ 11–20 năm
☐ Trên 20 năm ☐ Sinh ra và lớn lên tại địa phương

PHẦN II. NHẬN DIỆN VÀ ĐÁNH GIÁ GIÁ TRỊ VĂN HÓA ĐỊA PHƯƠNG

Câu 9. Theo Ông/Bà, những giá trị nào sau đây tiêu biểu cho văn hóa – lịch sử Ngọc Thanh? (Có thể chọn nhiều phương án)

- ☐ Hát Soọng cô
☐ Phong tục, tập quán của người Sán Dìu
☐ Tín ngưỡng và nghi lễ truyền thống
☐ Ẩm thực Sán Dìu
☐ Tri thức bản địa, cây thuốc và kinh nghiệm sản xuất
☐ Trang phục truyền thống
☐ Hệ thống di tích Chiến khu Ngọc Thanh
☐ Ký ức và câu chuyện lịch sử cách mạng
☐ Cảnh quan hồ, rừng và làng xóm
☐ Đình, chùa và các thiết chế văn hóa cộng đồng
☐ Khác:

PHẦN III. NHẬN THỨC CỦA NGƯỜI DÂN VỀ PHÁT TRIỂN DU LỊCH VĂN HÓA

Câu 10. Xin Ông/Bà cho biết mức độ đồng ý với các nhận định sau: Xin Ông/bà vui lòng chọn 1 trong 5 mức độ đối với mỗi ý hỏi dưới đây:

1-Hoàn toàn không đồng ý; 2-Không đồng ý; 3-Trung lập; 4-Đồng ý; 5-Hoàn toàn đồng ý

Nội dung	1	2	3	4	5
Văn hóa Sán Dìu là một bộ phận quan trọng tạo nên bản sắc của Ngọc Thanh					
Chiến khu Ngọc Thanh có giá trị lịch sử và giáo dục cần được bảo tồn					
Phát triển du lịch có thể góp phần bảo tồn và quảng bá văn hóa địa phương					
Du lịch có thể tạo thêm việc làm và thu nhập cho người dân					
Du lịch có thể giúp thế hệ trẻ quan tâm hơn đến văn hóa địa phương					
Người dân cần được tham gia quyết định cách thức khai thác văn hóa phục vụ du lịch					
Một phần lợi ích từ du lịch cần được sử dụng cho bảo tồn di sản và cộng đồng					

PHẦN IV.

MỨC ĐỘ THAM GIA CỦA NGƯỜI DÂN VÀO HOẠT ĐỘNG DU LỊCH

Câu 11. Hiện nay Ông/Bà hoặc hộ gia đình tham gia hoạt động du lịch tại địa phương ở mức độ nào?

- ☐ Tham gia thường xuyên – trực tiếp cung cấp dịch vụ hoặc tham gia hoạt động du lịch tương đối ổn định
- ☐ Tham gia không thường xuyên – chủ yếu theo mùa, sự kiện hoặc khi có khách
- ☐ Ít tham gia – chỉ hỗ trợ hoặc tham gia gián tiếp, không thường xuyên
- ☐ Không tham gia

Câu 12. Ông/Bà/hộ gia đình hiện tham gia những hoạt động nào? (Có thể chọn nhiều phương án)

- ☐ Dịch vụ ăn uống
- ☐ Lưu trú/homestay/farmstay
- ☐ Bán đặc sản, sản phẩm địa phương
- ☐ Biểu diễn hoặc tham gia hoạt động văn hóa
- ☐ Hướng dẫn/thuyết minh cho khách
- ☐ Tổ chức trải nghiệm văn hóa
- ☐ Vận chuyển khách
- ☐ Làm việc cho doanh nghiệp/cơ sở du lịch
- ☐ Cho thuê địa điểm hoặc cơ sở vật chất
- ☐ Hỗ trợ tổ chức lễ hội/sự kiện
- ☐ Chưa tham gia
- ☐ Khác:

Câu 13. Nếu có tham gia, Ông/Bà/hộ gia đình đã tham gia hoạt động du lịch từ khi nào?

- ☐ Dưới 1 năm ☐ 1–3 năm
- ☐ 4–5 năm ☐ Trên 5 năm

Câu 14. Mức độ đóng góp của thu nhập từ du lịch đối với kinh tế hộ gia đình hiện nay:

- ☐ Không có thu nhập từ du lịch ☐ Rất thấp ☐ Thấp
- ☐ Trung bình ☐ Khá cao ☐ Cao

PHẦN V. RÀO CẢN ĐỐI VỚI SỰ THAM GIA CỦA CỘNG ĐỒNG

Câu 15. Theo Ông/Bà, những khó khăn nào đang hạn chế người dân tham gia hoạt động du lịch? (Có thể chọn nhiều phương án)

- ☐ Thiếu vốn đầu tư
- ☐ Thiếu kiến thức về tổ chức và vận hành du lịch
- ☐ Thiếu kỹ năng phục vụ khách du lịch
- ☐ Thiếu kỹ năng giao tiếp
- ☐ Thiếu khả năng thuyết minh/giới thiệu văn hóa địa phương
- ☐ Thiếu ngoại ngữ
- ☐ Thiếu thông tin về thị trường khách
- ☐ Thiếu kỹ năng quảng bá, sử dụng mạng xã hội
- ☐ Thiếu cơ hội liên kết với doanh nghiệp du lịch

- ☐ Thủ tục pháp lý còn khó tiếp cận
- ☐ Chưa có sản phẩm du lịch rõ ràng để tham gia
- ☐ Lượng khách chưa ổn định
- ☐ Không có đủ thời gian/lao động
- ☐ Không có nhu cầu tham gia
- ☐ Khác:

Câu 16. Ông/Bà/hộ gia đình đã từng tham gia khóa đào tạo hoặc tập huấn về du lịch chưa?

- ☐ Chưa từng
- ☐ Đã tham gia 1 lần
- ☐ Đã tham gia từ 2 lần trở lên

Câu 17. Nếu đã tham gia, nội dung đào tạo chủ yếu là gì?

- ☐ Kỹ năng phục vụ khách
- ☐ Chế biến và phục vụ ẩm thực
- ☐ Homestay/lưu trú
- ☐ Hướng dẫn – thuyết minh
- ☐ Văn hóa địa phương
- ☐ Ngoại ngữ
- ☐ Marketing/truyền thông
- ☐ Khác:

PHẦN VI. NHU CẦU VÀ MONG MUỐN THAM GIA PHÁT TRIỂN DU LỊCH

Câu 18. Trong thời gian tới, Ông/Bà có mong muốn tham gia hoặc mở rộng hoạt động du lịch không?

- ☐ Chắc chắn không
- ☐ Có lẽ không
- ☐ Chưa xác định
- ☐ Có
- ☐ Rất mong muốn

Câu 19. Nếu có điều kiện, Ông/Bà mong muốn tham gia những hoạt động nào? (Có thể chọn nhiều phương án)

- ☐ Dịch vụ ăn uống
- ☐ Homestay/lưu trú
- ☐ Bán đặc sản, sản phẩm địa phương
- ☐ Biểu diễn hát Soọng cô/văn nghệ
- ☐ Trình diễn nghề, chế biến ẩm thực
- ☐ Hướng dẫn/thuyết minh cộng đồng
- ☐ Tổ chức hoạt động trải nghiệm
- ☐ Làm việc tại doanh nghiệp du lịch
- ☐ Khác:

Câu 20. Ông/Bà mong muốn được hỗ trợ những nội dung nào? (Có thể chọn nhiều phương án)

- ☐ Vốn đầu tư
- ☐ Kiến thức và kỹ năng du lịch
- ☐ Kỹ năng tổ chức và vận hành dịch vụ
- ☐ Kỹ năng thuyết minh, diễn giải văn hóa
- ☐ Kỹ năng marketing và quảng bá trực tuyến
- ☐ Ngoại ngữ
- ☐ Xây dựng sản phẩm du lịch
- ☐ Kết nối với doanh nghiệp và thị trường khách
- ☐ Thủ tục pháp lý
- ☐ Cơ sở vật chất/hạ tầng
- ☐ Khác:

PHẦN VII. VAI TRÒ CỦA CỘNG ĐỒNG VÀ QUẢN TRỊ DU LỊCH

Câu 21. Xin Ông/Bà đánh giá các nhận định sau:

Xin Ông/bà vui lòng chọn 1 trong 5 mức độ đối với mỗi ý hỏi dưới đây:

1-Hoàn toàn không đồng ý; 2-Không đồng ý; 3-Trung lập; 4-Đồng ý; 5-Hoàn toàn đồng ý

Nhận định	1	2	3	4	5
Người dân được cung cấp đầy đủ thông tin về định hướng phát triển du lịch địa phương					
Người dân có cơ hội tham gia đóng góp ý kiến vào hoạt động du lịch					
Quyền lợi của người dân được xem xét trong quá trình phát triển du lịch					
Chính quyền, doanh nghiệp và cộng đồng có sự phối hợp trong phát triển du lịch					
Lợi ích từ du lịch cần được chia sẻ hợp lý với cộng đồng địa phương					

PHẦN VIII. TÁC ĐỘNG CỦA DU LỊCH ĐỐI VỚI VĂN HÓA VÀ MÔI TRƯỜNG

Câu 22. Theo Ông/Bà, phát triển du lịch có thể tạo ra những tác động nào sau đây?

Xin Ông/bà vui lòng chọn 1 trong 5 mức độ đối với mỗi ý hỏi dưới đây:

1-Hoàn toàn không đồng ý; 2-Không đồng ý; 3-Trung lập; 4-Đồng ý; 5-Hoàn toàn đồng ý

Tác động	1	2	3	4	5
Du lịch tạo thêm cơ hội việc làm và thu nhập cho người dân.					
Du lịch góp phần quảng bá văn hóa Sán Dìu.					
Du lịch góp phần phát huy giá trị Chiến khu Ngọc Thanh.					
Du lịch giúp nâng cao ý thức bảo tồn văn hóa trong cộng đồng.					
Du lịch có thể khiến một số giá trị văn hóa bị thương mại hóa hoặc sân khấu hóa.					
Du lịch có thể ảnh hưởng đến không gian riêng tư hoặc tín ngưỡng của cộng đồng.					
Du lịch có thể gây áp lực lên cảnh quan và môi trường nếu không được quản lý tốt.					

PHẦN IX. ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN

Câu 23. Theo Ông/Bà, những giá trị nào nên được ưu tiên phát triển thành sản phẩm du lịch? (Chọn tối đa 3 phương án)

- ☐ Hát Soọng cô
- ☐ Âm thực Sán Dìu
- ☐ Trang phục truyền thống
- ☐ Nghề và tri thức bản địa
- ☐ Phong tục, tập quán phù hợp để giới thiệu
- ☐ Hệ thống di tích Chiến khu Ngọc Thanh

- ☐ Giáo dục và kể chuyện lịch sử ☐ Cảnh quan hồ – rừng – làng
☐ Khác:

Câu 24. Theo Ông/Bà, địa phương cần ưu tiên nội dung nào để phát triển du lịch văn hóa? (Chọn tối đa 3 phương án)

- ☐ Bảo tồn văn hóa Sán Dìu ☐ Bảo tồn và phát huy Chiến khu Ngọc Thanh
☐ Xây dựng sản phẩm trải nghiệm ☐ Đào tạo người dân làm du lịch
☐ Hỗ trợ vốn ☐ Cải thiện cơ sở hạ tầng
☐ Tăng quảng bá và thông tin điểm đến ☐ Liên kết với doanh nghiệp lữ hành
☐ Xây dựng cơ chế chia sẻ lợi ích ☐ Bảo vệ cảnh quan và môi trường
☐ Khác:

Câu 25. Ông/Bà có đề xuất hoặc ý kiến gì khác đối với việc phát triển du lịch văn hóa tại địa phương?

.....

Xin trân trọng cảm ơn sự hợp tác của Ông/Bà!

C. PHIẾU PHỎNG VẤN BẢN CẤU TRÚC

Kính chào Ông/Bà,

Tôi đang thực hiện nghiên cứu về đề tài: “*Phát triển du lịch văn hóa tại xã Ngọc Thanh, thành phố Phúc Yên, tỉnh Vĩnh Phúc*”. Cuộc phỏng vấn nhằm thu thập thông tin phục vụ nghiên cứu khoa học và hoàn thiện luận văn. Những thông tin do Ông/Bà cung cấp chỉ được sử dụng cho mục đích nghiên cứu học thuật và được đảm bảo tính bảo mật.

Rất mong nhận được sự hợp tác và chia sẻ từ Ông/Bà. Xin trân trọng cảm ơn!

I. THÔNG TIN CHUNG

Nội dung	Thông tin
Mã phỏng vấn	
Ngày phỏng vấn	
Địa điểm phỏng vấn	
Họ và tên người tham gia	
Nhóm đối tượng	☐ Chuyên gia ☐ Doanh nghiệp ☐ Cán bộ quản lý ☐ Nhà đào tạo
Chức vụ/Vai trò	
Đơn vị công tác	
Hình thức phỏng vấn	☐ Trực tiếp ☐ Trực tuyến
Thời lượng phỏng vấn	

II. XÁC NHẬN THAM GIA NGHIÊN CỨU

Nội dung	Đồng ý
Đồng ý tham gia phỏng vấn	☐ Có ☐ Không
Đồng ý ghi âm phục vụ nghiên cứu	☐ Có ☐ Không

III. NỘI DUNG PHỎNG VẤN BẢN CẤU TRÚC

NHÓM CHỦ ĐỀ 1: *Tiềm năng tài nguyên du lịch văn hóa Câu hỏi chính*

Câu hỏi: Ông/Bà đánh giá như thế nào về tiềm năng phát triển du lịch văn hóa tại xã Ngọc Thanh hiện nay?

Câu hỏi gợi mở

- Theo Ông/Bà, những giá trị văn hóa nào của địa phương có khả năng thu hút khách du lịch?
- Văn hóa Sán Dìu hiện có vai trò như thế nào trong phát triển du lịch?
- Hát Soọng Cô, phong tục tập quán, ẩm thực địa phương có thể khai thác theo hướng nào?
- So với các địa phương lân cận, Ngọc Thanh có những lợi thế gì?
- Những giá trị văn hóa nào hiện chưa được khai thác hiệu quả?

Câu hỏi thăm dò

- Ông/Bà có thể nói rõ hơn về điều này không?
- Theo Ông/Bà, yếu tố đó ảnh hưởng như thế nào đến sức hấp dẫn của điểm đến?
- Ông/Bà có ví dụ thực tế nào tại địa phương không?

Ghi chép nghiên cứu viên

.....
NHÓM CHỦ ĐỀ 2. Thực trạng khai thác và sản phẩm du lịch văn hóa

Câu hỏi chính: Ông/Bà đánh giá như thế nào về thực trạng khai thác du lịch văn hóa tại xã Ngọc Thanh hiện nay?

Câu hỏi gợi mở

- Các sản phẩm du lịch hiện nay đã đáp ứng nhu cầu du khách chưa?
- Du khách hiện thường quan tâm hoặc chưa hài lòng ở những hoạt động nào?
- Theo Ông/Bà, vì sao thời gian lưu trú của khách còn ngắn?
- Hoạt động trải nghiệm văn hóa hiện nay đã đủ hấp dẫn chưa?
- Những hạn chế lớn nhất trong phát triển sản phẩm du lịch văn hóa hiện nay là gì?

Câu hỏi thăm dò

- Vì sao Ông/Bà lại cho rằng như vậy?
- Theo Ông/Bà, hạn chế này ảnh hưởng như thế nào đến trải nghiệm của du khách?
- Trong thực tế địa phương đã có mô hình hoặc hoạt động nào hiệu quả chưa?

Ghi chép nghiên cứu viên

.....
NHÓM CHỦ ĐỀ 3. Cộng đồng địa phương trong phát triển du lịch

Câu hỏi chính: Ông/Bà đánh giá như thế nào về vai trò và mức độ tham gia của cộng đồng địa phương trong hoạt động du lịch hiện nay?

Câu hỏi gợi mở

- Người dân địa phương có sẵn sàng tham gia phát triển du lịch không?
- Những khó khăn lớn nhất của người dân khi tham gia làm du lịch là gì?
- Người dân đã có đủ kỹ năng phục vụ du lịch chưa?
- Theo Ông/Bà, cộng đồng địa phương cần được hỗ trợ những gì?
- Làm thế nào để người dân trở thành chủ thể của du lịch văn hóa?

Câu hỏi thăm dò

- Ông/Bà có thể chia sẻ thêm ví dụ thực tế tại địa phương không?
- Theo Ông/Bà, nguyên nhân của những hạn chế này là gì?
- Điều này ảnh hưởng như thế nào đến phát triển du lịch văn hóa?

Ghi chép nghiên cứu viên

.....
NHÓM CHỦ ĐỀ 4. Hạ tầng, dịch vụ và điều kiện phục vụ du lịch

Câu hỏi chính: Ông/Bà đánh giá như thế nào về hệ thống hạ tầng và dịch vụ phục vụ du lịch tại xã Ngọc Thanh?

Câu hỏi gợi mở

- Hệ thống giao thông hiện nay có đáp ứng nhu cầu phát triển du lịch không?
- Chất lượng homestay, lưu trú và ăn uống hiện nay như thế nào?
- Những hạn chế lớn nhất về cơ sở vật chất phục vụ du lịch là gì?
- Địa phương hiện còn thiếu những điều kiện nào để phát triển du lịch văn hóa?

- Theo Ông/Bà, cần ưu tiên đầu tư những hạng mục nào?

Câu hỏi thăm dò

- Theo Ông/Bà, những hạn chế này ảnh hưởng như thế nào đến du khách?
- Có vấn đề nào mà khách du lịch thường phản ánh không?
- Ông/Bà có đề xuất giải pháp cụ thể nào không?

Ghi chép nghiên cứu viên

.....

NHÓM CHỦ ĐỀ 5. Quảng bá điểm đến và liên kết phát triển

Câu hỏi chính: Ông/Bà đánh giá như thế nào về hoạt động quảng bá và liên kết phát triển du lịch tại địa phương?

Câu hỏi gợi mở

- Hoạt động quảng bá du lịch hiện nay đã hiệu quả chưa?
- Hình ảnh du lịch văn hóa Ngọc Thanh đã có dấu ấn rõ ràng chưa?
- Theo Ông/Bà, địa phương đang thiếu điều gì trong hoạt động truyền thông?
- Mức độ liên kết giữa địa phương với doanh nghiệp du lịch hiện nay như thế nào?
- Cần làm gì để nâng cao khả năng thu hút khách du lịch?

Câu hỏi thăm dò

- Theo Ông/Bà, nguyên nhân của những hạn chế hiện nay là gì?
- Có mô hình quảng bá hoặc liên kết nào địa phương có thể học hỏi không?
- Theo Ông/Bà, truyền thông số có vai trò như thế nào đối với phát triển du lịch văn hóa?

Ghi chép nghiên cứu viên

.....

NHÓM CHỦ ĐỀ 6. Định hướng và giải pháp phát triển du lịch văn hóa

Câu hỏi chính: Theo Ông/Bà, cần thực hiện những giải pháp nào để phát triển du lịch văn hóa tại xã Ngọc Thanh trong thời gian tới?

Câu hỏi gợi mở

- Địa phương nên phát triển theo mô hình du lịch nào?
- Cần ưu tiên phát triển những sản phẩm du lịch nào?
- Làm thế nào để nâng cao thời gian lưu trú và mức chi tiêu của khách?
- Cần làm gì để bảo tồn văn hóa Sán Dìu gắn với phát triển du lịch?
- Vai trò của chính quyền, doanh nghiệp và cộng đồng nên được phát huy như thế nào?

Câu hỏi thăm dò

- Theo Ông/Bà, giải pháp nào cần ưu tiên trước?
- Những điều kiện nào cần có để triển khai hiệu quả?
- Ông/Bà đánh giá khả năng phát triển du lịch văn hóa của địa phương trong thời gian tới như thế nào?

Ghi chép nghiên cứu viên

.....

IV. CÂU HỎI KẾT THÚC

Ông/Bà còn đề xuất hoặc chia sẻ thêm vấn đề nào liên quan đến phát triển du lịch văn hóa tại xã Ngọc Thanh không?

.....

V. GHI CHÚ NGHIÊN CỨU VIÊN

Nội dung

Ghi chép

Thái độ người tham gia

Mức độ hợp tác

Các vấn đề nổi bật phát sinh

Ghi chú khác

PHỤ LỤC 2. MA TRẬN THAO TÁC HOÁ THANG ĐO

BẢNG 1. MA TRẬN THAO TÁC HÓA THANG ĐO – PHIẾU KHẢO SÁT DU KHÁCH

Nhóm biến/Thành tố	Biến khái niệm	Mã biến	Biến quan sát/Phát biểu đo lường cụ thể	Vị trí/Mã câu hỏi trong Phiếu du khách	Loại thang đo
I. ĐẶC ĐIỂM CHUYẾN ĐI	Kênh thông tin tiếp cận	INFO_SRC	Internet/MXH, Báo chí, Lữ hành, Bạn bè, Lần đến trước...	Câu 6	Định danh (Nhiều lựa chọn)
	Số lần đến	FREQ	Lần đầu, Lần thứ hai, Lần thứ ba, Trên 3 lần	Câu 7	Định danh
	Mục đích chuyến đi	PURP	Tham quan, Nghi dưỡng, Vui chơi, Tìm hiểu VH-LS, Trải nghiệm...	Câu 8	Định danh (Nhiều lựa chọn)
	Hình thức tổ chức	ORG	Tự tổ chức, Mua tour, Cơ quan/trường học, Gia đình/Nhóm bạn	Câu 9	Định danh
	Phương tiện di chuyển	TRANS	Xe máy, Ô tô cá nhân, Taxi, Xe tour, Xe cơ quan	Câu 10	Định danh
	Thời gian lưu trú	DUR	Dưới nửa ngày, Trong ngày, 1 đêm, 2 đêm, Từ 3 đêm trở lên	Câu 11	Định danh
	Hình thức lưu trú	ACC	Không lưu trú, Khách sạn/Resort, Nhà nghỉ, Homestay...	Câu 12	Định danh
	Mức chi tiêu	EXP	Dưới 500k, 500k–1tr, 1tr–2tr, 2tr–5tr, Từ 5tr trở lên	Câu 13	Định danh
II. TIẾP CẬN THÔNG TIN & NHẬN DIỆN ĐIỂM ĐẾN	Thông tin quan tâm	INFO_TYP	Điểm tham quan, LS Chiến khu, VH Sán Dìu, Soong cô, Ẩm thực...	Câu 14	Định danh (Nhiều lựa chọn)
	Mức độ tiếp cận thông tin	INF1	Thông tin về điểm tham quan tại Ngọc Thanh để tìm kiếm	Câu 15 (Ý 1)	Likert 5 mức độ
		INF2	Thông tin về văn hóa Sán Dìu tương đối đầy đủ	Câu 15 (Ý 2)	Likert 5 mức độ
		INF3	Thông tin về Chiến khu Ngọc Thanh tương đối đầy đủ	Câu 15 (Ý 3)	Likert 5 mức độ

III. TRẢI NGHIỆM VÀ ĐÁNH GIÁ DU LỊCH VĂN HÓA		INF4	Thông tin về hoạt động trải nghiệm được cung cấp rõ ràng	Câu 15 (Ý 4)	Likert 5 mức độ
		INF5	Thông tin về dịch vụ, giá cả và cách tiếp cận điểm đến dễ hiểu	Câu 15 (Ý 5)	Likert 5 mức độ
	Mức độ biết trước chuyến đi	AWARE	Chưa biết \$rightarrow\$ Biết rõ	Câu 16	Thứ tự 5 mức độ
	Liên tưởng đầu tiên	ASSOC	Hồ Đại Lải, Nghỉ dưỡng, VH Sán Dìu, Soọng cô, Chiến khu...	Câu 17	Định danh
	Đánh giá hình thức/nhận diện	IMG1	Ngọc Thanh có những giá trị văn hóa – lịch sử đặc trưng	Câu 18 (Ý 1)	Likert 5 mức độ
		IMG2	Tôi có thể phân biệt Ngọc Thanh với các điểm đến lân cận	Câu 18 (Ý 2)	Likert 5 mức độ
		IMG3	Văn hóa Sán Dìu tạo dấu ấn riêng cho Ngọc Thanh	Câu 18 (Ý 3)	Likert 5 mức độ
		IMG4	Chiến khu Ngọc Thanh góp phần tạo hình ảnh riêng cho điểm đến	Câu 18 (Ý 4)	Likert 5 mức độ
		IMG5	Ngọc Thanh có thể được nhận diện như điểm đến du lịch văn hóa	Câu 18 (Ý 5)	Likert 5 mức độ
	Yếu tố hấp dẫn	ATT_ATTR	Cảnh quan, Di tích Chiến khu, VH Sán Dìu, Soọng cô, Ẩm thực...	Câu 19	Định danh (Nhiều lựa chọn)
	Hoạt động đã tham gia	ACT_DO	Tham quan di tích, Nghe Soọng cô, Thương thức/chế biến ẩm thực...	Câu 20	Định danh (Nhiều lựa chọn)
	Sức hấp dẫn giá trị văn hóa	ATT1	Văn hóa cộng đồng Sán Dìu	Câu 21 (Ý 1)	Likert 5 mức độ
		ATT2	Hát Soọng cô	Câu 21 (Ý 2)	Likert 5 mức độ
		ATT3	Ẩm thực truyền thống	Câu 21 (Ý 3)	Likert 5 mức độ
		ATT4	Phong tục, tập quán địa phương	Câu 21 (Ý 4)	Likert 5 mức độ
		ATT5	Hệ thống di tích Chiến khu Ngọc Thanh	Câu 21 (Ý 5)	Likert 5 mức độ

		ATT6	Các câu chuyện, ký ức lịch sử cách mạng	Câu 21 (Ý 6)	Likert 5 mức độ
		ATT7	Cảnh quan văn hóa và	Câu 21	Likert 5 mức độ

			không gian cư trú địa phương	(Ý 7)	
	Chất lượng sản phẩm & dịch vụ	SER1	Mức độ đa dạng của hoạt động trải nghiệm văn hóa	Câu 22 (Ý 1)	Likert 5 mức độ
		SER2	Mức độ hấp dẫn của các hoạt động trải nghiệm	Câu 22 (Ý 2)	Likert 5 mức độ
		SER3	Nội dung thuyết minh/điển giải văn hóa – lịch sử	Câu 22 (Ý 3)	Likert 5 mức độ
		SER4	Biển chỉ dẫn và thông tin tại điểm tham quan	Câu 22 (Ý 4)	Likert 5 mức độ
		SER5	Chất lượng dịch vụ ăn uống	Câu 22 (Ý 5)	Likert 5 mức độ
		SER6	Tính đặc sắc của ẩm thực địa phương	Câu 22 (Ý 6)	Likert 5 mức độ
		SER7	Vệ sinh an toàn thực phẩm	Câu 22 (Ý 7)	Likert 5 mức độ
		SER8	Chất lượng cơ sở lưu trú	Câu 22 (Ý 8)	Likert 5 mức độ
		SER9	Mức độ phù hợp của cơ sở lưu trú với không gian địa phương	Câu 22 (Ý 9)	Likert 5 mức độ
		SER10	Mức giá sản phẩm và dịch vụ	Câu 22 (Ý 10)	Likert 5 mức độ
		SER11	Điều kiện giao thông và khả năng tiếp cận điểm tham quan	Câu 22 (Ý 11)	Likert 5 mức độ
		SER12	Sự liên kết giữa các điểm và hoạt động trải nghiệm	Câu 22 (Ý 12)	Likert 5 mức độ
	Đánh giá thái độ/năng lực người dân	PEO1	Thân thiện và tôn trọng du khách	Câu 23 (Ý 1)	Likert 5 mức độ
		PEO2	Sẵn sàng hỗ trợ khi du khách cần	Câu 23 (Ý 2)	Likert 5 mức độ
		PEO3	Có hiểu biết về lịch sử và văn hóa địa phương	Câu 23 (Ý 3)	Likert 5 mức độ
		PEO4	Có khả năng giới thiệu, giải thích giá trị văn hóa cho du khách	Câu 23 (Ý 4)	Likert 5 mức độ

		PEO5	Có kỹ năng giao tiếp và phục vụ phù hợp	Câu 23 (Ý 5)	Likert 5 mức độ
	Đánh giá hài lòng chung	SAT_GEN	Đánh giá chung mức độ hài lòng về trải nghiệm tại Ngọc Thanh	Câu 24	Likert 5 mức độ (1- Rất KHL; 5- Rất HL)
IV. Ý ĐỊNH HÀNH VI	Dự định quay lại	INT_RET	Dự định quay trở lại Ngọc Thanh trong tương lai	Câu 25	Likert 5 mức độ (1-Chắc chắn không; 5-Chắc

VÀ ĐỀ XUẤT					chắc có)
	Sẵn sàng giới thiệu	INT_REC	Sẵn sàng giới thiệu Ngọc Thanh cho người thân, bạn bè	Câu 26	Likert 5 mức độ (1- Chắc chắn không; 5-Chắc chắn có)
	Ưu tiên cải thiện	IMP_PRI	Bảo tồn VH Sán Dìu, Bảo tồn Chiến khu, Tăng trải nghiệm...	Câu 27	Định danh (Tối đa 3 phương án)
	Ý kiến đóng góp	OPEN_GUEST	Góp ý mở cửa du khách	Câu 28	Câu hỏi mở

BẢNG 2. MA TRẬN THAO TÁC HÓA THANG ĐO – PHIẾU KHẢO SÁT NGƯỜI DÂN ĐỊA PHƯƠNG

Nhóm biến/Thành tố	Biến khái niệm	Mã biến	Biến quan sát/Phát biểu đo lường cụ thể	Vị trí/Mã câu hỏi trong Phiếu đo người dân	Loại thang đo
I. THÔNG TIN CHUNG VÀ SINH KẾ	Dân tộc	ETH	Sán Dìu, Kinh, Khác	Câu 5	Định danh
	Nghề nghiệp / Sinh kế	JOB	Nông nghiệp, Buôn bán, Dịch vụ du lịch, Công nhân...	Câu 7	Định danh
	Thời gian sinh sống	RES_TIME	Dưới 5 năm, 5–10 năm, 11–20 năm, Trên 20 năm, Sinh ra ở đây	Câu 8	Định danh / Thứ tự
II. NHẬN DIỆN GIÁ TRỊ VĂN HÓA	Giá trị tiêu biểu	VAL_REC	Soong cô, Phong tục Sán Dìu, Tín ngưỡng, Âm thực, Di tích Chiến khu...	Câu 9	Định danh (Nhiều lựa chọn)
	Nhận thức giá trị & Lợi ích du	PER1	Văn hóa Sán Dìu là bộ phận quan trọng tạo	Câu 10 (Ý	Likert 5 mức

III. NHẬN THỨC VỀ PHÁT TRIỂN DU LỊCH	lịch		nên bản sắc Ngọc Thanh	1)	độ
		PER2	Chiến khu Ngọc Thanh có giá trị lịch sử, giáo dục cần bảo tồn	Câu 10 (Ý 2)	Likert 5 mức độ
		PER3	Phát triển du lịch góp phần bảo tồn và quảng bá văn hóa địa phương	Câu 10 (Ý 3)	Likert 5 mức độ
		PER4	Du lịch có thể tạo thêm việc làm và	Câu 10 (Ý 4)	Likert 5 mức độ

			thu nhập cho người dân		
		PER5	Du lịch giúp thế hệ trẻ quan tâm hơn đến văn hóa địa phương	Câu 10 (Ý 5)	Likert 5 mức độ
		PER6	Người dân cần được tham gia quyết định cách thức khai thác văn hóa	Câu 10 (Ý 6)	Likert 5 mức độ
		PER7	Một phần lợi ích du lịch cần dùng cho bảo tồn di sản và cộng đồng	Câu 10 (Ý 7)	Likert 5 mức độ
IV. MỨC ĐỘ THAM GIA DU LỊCH	Mức độ tham gia thực tế	PART_LVL	Thường xuyên/Trực tiếp \$\\rightarrow\$ Không tham gia	Câu 11	Thứ tự 4 mức độ
	Hoạt động tham gia	PART_ACT	Ăn uống, Lưu trú, Bán đặc sản, Biểu diễn văn nghệ, Thuyết minh...	Câu 12	Định danh (Nhiều lựa chọn)
	Thời gian bắt đầu làm DL	PART_YRS	Dưới 1 năm, 1–3 năm, 4–5 năm, Trên 5 năm	Câu 13	Thứ tự
	Đóng góp thu nhập từ DL	INC_CONT	Không có \$\\rightarrow\$ Cao	Câu 14	Thứ tự 6 mức độ

V. RÀO CẢN VÀ ĐÀO TẠO	Rào cản tham gia	BARRIER	Thiếu vốn, Thiếu kiến thức/kỹ năng, Thiếu ngoại ngữ, Thiếu liên kết...	Câu 15	Định danh (Nhiều lựa chọn)
	Tình trạng đào tạo	TRAIN_EXP	Chưa từng, Đã tham gia 1 lần, Đã tham gia từ 2 lần trở lên	Câu 16	Thứ tự
	Nội dung đào tạo	TRAIN_CONTENT	Phục vụ, Ẩm thực, Homestay, Thuyết minh, Văn hóa, Ngoại ngữ...	Câu 17	Định danh
VI. NHU CẦU & MONG MUỐN	Mong muốn tham gia	DESIRE	Chắc chắn không \$rightarrow\$ Rất mong muốn	Câu 18	Thứ tự 5 mức độ
	Hoạt động muốn làm	WANT_ACT	Ăn uống, Lưu trú, Biểu diễn Soọng cô, Thuyết minh, Trải nghiệm...	Câu 19	Định danh (Nhiều lựa chọn)

	Nội dung cần hỗ trợ	NEED_SUPP	Vốn, Kỹ năng du lịch, Thuyết minh, Marketing, Kết nối thị trường...	Câu 20	Định danh (Nhiều lựa chọn)
VII. VAI TRÒ CỘNG ĐỒNG & QUẢN TRỊ	Đánh giá công tác quản trị du lịch	GOV1	Người dân được cung cấp đầy đủ thông tin về định hướng du lịch	Câu 21 (Ý 1)	Likert 5 mức độ
		GOV2	Người dân có cơ hội tham gia đóng góp ý kiến vào hoạt động du lịch	Câu 21 (Ý 2)	Likert 5 mức độ
		GOV3	Quyền lợi của người dân được xem xét trong quá trình phát triển	Câu 21 (Ý 3)	Likert 5 mức độ
		GOV4	Chính quyền, doanh nghiệp và cộng đồng có sự phối hợp trong phát triển	Câu 21 (Ý 4)	Likert 5 mức độ
		GOV5	Lợi ích từ du lịch cần được chia sẻ hợp lý	Câu 21 (Ý 5)	Likert 5 mức độ

			với cộng đồng địa phương	5)	độ
VIII. ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG DU LỊCH	Tác động văn hóa - môi trường	IMP_ECO1	Du lịch tạo thêm cơ hội việc làm và thu nhập cho người dân	Câu 22 (Ý 1)	Likert 5 mức độ
		IMP_CUL2	Du lịch góp phần quảng bá văn hóa Sán Dìu	Câu 22 (Ý 2)	Likert 5 mức độ
		IMP_HIS3	Du lịch góp phần phát huy giá trị Chiến khu Ngọc Thanh	Câu 22 (Ý 3)	Likert 5 mức độ
		IMP_AWA4	Du lịch giúp nâng cao ý thức bảo tồn văn hóa trong cộng đồng	Câu 22 (Ý 4)	Likert 5 mức độ
		IMP_COM5	Du lịch có thể khiến văn hóa bị thương mại hóa/sân khấu hóa	Câu 22 (Ý 5)	Likert 5 mức độ
		IMP_PRI6	Du lịch có thể ảnh hưởng đến không gian riêng tư/tín	Câu 22 (Ý 6)	Likert 5 mức độ

			ngưỡng		
		IMP_ENV7	Du lịch có thể gây áp lực lên cảnh quan và môi trường	Câu 22 (Ý 7)	Likert 5 mức độ
IX. ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN	Ưu tiên phát triển SP	PRI_PROD	Soong cô, Âm thực Sán Dìu, Trang phục, Di tích Chiến khu...	Câu 23	Định danh (Tối đa 3 lựa chọn)
	Ưu tiên giải pháp	PRI_SOL	Bảo tồn VH, Đào tạo, Hỗ trợ vốn, Liên kết doanh nghiệp...	Câu 24	Định danh (Tối đa 3 lựa chọn)
	Ý kiến đề xuất khác	OPEN_RES	Ý kiến đóng góp mở của người dân	Câu 25	Câu hỏi mở

PHỤ LỤC 3. MA TRẬN PHỎNG VẤN BÁN CẤU TRÚC
BẢNG 1. BẢNG DANH SÁCH CHI TIẾT PHỎNG VẤN BÁN CẤU TRÚC

STT	Họ và tên	Chức danh / Vai trò / Đơn vị	Đối tượng phỏng vấn
I	Nhóm Cán bộ Quản lý Nhà nước & Chính quyền		
1	Lý Văn Lương	Bí thư Đảng ủy xã Ngọc Thanh	Cán bộ quản lý địa phương
2	Lưu Tiến Chung	Chủ tịch UBND xã Ngọc Thanh	Cán bộ quản lý địa phương
3	Lê Viết Dũng	Cán bộ Ban VH – XH xã Ngọc Thanh	Cán bộ quản lý chuyên môn
4	Nguyễn Thị Thuý Hà	Trưởng phòng VH- TT thành phố Phúc Yên	Cán bộ quản lý chuyên môn
II	Nhóm Cộng đồng Địa phương & Người thực hành Văn hóa		
5	Lục Thị Nhật	Chủ nhiệm CLB Soong cô xã Ngọc Thanh	Nghệ nhân/Người thực hành văn hóa
6	Lý Văn Căn	Thủ từ Đình Thanh Lộc	Đại diện ban quản lý di tích cộng đồng
7	Trần Văn Út	Chủ cơ sở Homestay địa phương	Cung ứng dịch vụ du lịch cộng đồng
8	Lưu Văn Trung	Cư dân địa phương	Cung ứng dịch vụ ẩm thực
9	Lý Thị Linh	Cư dân địa phương	Cung ứng dịch vụ ẩm thực
1	Trương Văn Đại	Cư dân địa phương	Cộng đồng dân cư
11	Lưu Thị Hợp	Cư dân địa phương	Cộng đồng dân cư
12	Lê Thị Thọ	Cư dân địa phương	Cộng đồng dân cư
13	Lý Ngọc Hoàn	Cư dân địa phương	Cộng đồng dân cư
III	Nhóm Doanh nghiệp Du lịch & Hướng dẫn viên		
14	Nguyễn Văn Hưởng	Đại diện Du lịch Đại An	Doanh nghiệp lưu trú
15	Vũ Đình Tứ	Đại diện Du lịch Việt Á	Doanh nghiệp lữ hành
16	Trần Thị Ngọc Cảnh	Đại diện Du lịch Thái Nguyên Tour	Doanh nghiệp lữ hành
17	Hoàng Thị Phương Nga	Đại diện Du lịch Trung Dũng	Doanh nghiệp lữ hành / HDV
18	Nguyễn Đình Khánh	Đại diện Du lịch S9 Thái Nguyên	Doanh nghiệp du lịch
19	Nguyễn Phi Hiệp	Hướng dẫn viên du lịch	Hướng dẫn viên du lịch

20	Nguyễn Văn Thảo	Hướng dẫn du lịch	Hướng dẫn viên du lịch
IV	Nhóm Nhà Khoa học & Chuyên gia		
21	PGS.TS. Đặng Thị Phương Anh	Viện Chính sách đổi mới & Khoa học liên ngành	Chuyên gia Du lịch & Di sản
22	TS. Đàm Thị Tâm	Trường ĐH Khoa học, ĐH Thái Nguyên	Chuyên gia Nhân học/Văn hóa
23	TS. Phạm Dương Hồng Ngọc	Trường ĐH Ngoại ngữ, ĐH Quốc gia Hà Nội	Chuyên gia du lịch liên ngành/Bền vững
24	TS. Nguyễn Thị Thu Hương	Trường ĐH Hùng Vương	Chuyên gia Quản trị điểm đến
25	TS. Mai Thị Hồng Vĩnh	Trường ĐH Khoa học, ĐH Thái Nguyên	Chuyên gia Lịch sử/Di tích

BẢNG 2. QUY TẮC MÃ HÓA CÁC BIẾN CƠ BẢN

Tên biến	Mã	Diễn giải	Quy tắc đặt Mã chi tiết
1. Nhóm chủ thể	CB	Cán bộ/Cơ quan quản lý	Tiền tố nhóm + “-” + Số thứ tự bên trong nhóm (ví dụ: CB-01, CB-02...)
	CD	Cộng đồng dân cư/Người dân	
	DN	Doanh nghiệp/Hộ kinh doanh	
	CG	Chuyên gia/Nhà khoa học	
2. Hình thức	TR	Trực tiếp (Face-to-Face)	
	TT	Trực tuyến (Online)	
3. Phân loại thời lượng	S	Ngắn (< 30 phút)	Dựa trên thời lượng thực tế (phút)
	M	Trung bình (30 - 60 phút)	
	L	Dài (> 60 phút)	

BẢNG 3. MA TRẬN MẪU PHỎNG VẤN BÁN CẤU TRÚC (PVS01 - PVS20)

TT	Mã NV (ID)	Mã Nhóm	Vai trò/Bối cảnh (ảnh danh)	Ngày PV	Hình thức	Thời lượng (Phút)	Phân loại	Tệp ghi âm (Audio File)
I	Nhóm Cán bộ Quản lý Nhà nước & Chính quyền (04 mẫu: PVS01 - PVS04)							
1	PVS01	CB-01	Cán bộ quản lý địa phương (Cấp ủy)	10/05/24	TR	45	M	PVS01_CB01_Rec.mp3
2	PVS02	CB-02	Cán bộ quản lý địa phương (Chính quyền Xã)	10/05/24	TR	60	M	PVS02_CB02_Rec.mp3
3	PVS03	CB-	Cán bộ quản lý	11/05/24	TR	40	M	PVS03_CB03_Rec.mp3

		03	chuyên môn Văn hóa cấp Xã					
4	PVS04	CB-04	Lãnh đạo quản lý Văn hóa cấp Thành phố	11/05/24	TT	50	M	PVS04_CB04_Rec.mp3
II Nhóm Cộng đồng Địa phương & Người thực hành Văn hóa (09 mẫu: PVS05 - PVS13)								
5	PVS05	CD-01	Nghệ nhân / Người thực hành văn hóa bản địa	12/05/24	TR	75	L	PVS05_CD01_Rec.mp3
6	PVS06	CD-02	Đại diện Ban quản lý di tích cộng đồng	12/05/24	TR	50	M	PVS06_CD02_Rec.mp3
7	PVS07	CD-03	Chủ cơ sở cung ứng dịch vụ du lịch cộng đồng	13/05/24	TR	55	M	PVS07_CD03_Rec.mp3
8	PVS08	CD-04	Cư dân địa phương (Cung ứng dịch vụ âm thực)	13/05/24	TR	30	S	PVS08_CD04_Rec.mp3
9	PVS09	CD-05	Cư dân địa phương (Cung ứng dịch vụ âm thực)	14/05/24	TR	Rec lỗi	-	PVS09_Ghi_chep.doc
10	PVS10	CD-06	Đại diện cộng đồng dân cư địa phương	14/05/24	TR	45	M	PVS10_CD06_Rec.mp3
11	PVS11	CD-07	Đại diện cộng đồng dân cư địa phương	15/05/24	TR	35	M	PVS11_CD07_Rec.mp3
12	PVS12	CD-08	Đại diện cộng đồng dân cư địa phương	18/05/24	TR	40	M	PVS12_CD08_Rec.mp3
13	PVS13	CD-09	Đại diện cộng đồng dân cư (Hoạt động nhỏ lẻ)	18/05/24	TR	20	S	Không ghi âm
III Nhóm Doanh nghiệp Du lịch & Hướng dẫn viên (07 mẫu: PVS14 - PVS20)								
14	PVS14	DN-01	Đại diện doanh nghiệp dịch vụ lưu trú	15/05/24	TR	65	L	PVS14_DN01_Rec.mp3
15	PVS15	DN-02	Đại diện doanh nghiệp lữ hành	15/05/24	TT	45	M	PVS15_DN02_Rec.mp3
16	PVS16	DN-03	Đại diện doanh nghiệp lữ hành	16/05/24	TR	40	M	PVS16_DN03_Rec.mp3
17	PVS17	DN-04	Đại diện doanh nghiệp lữ hành /	17/05/24	TR	60	M	PVS17_DN04_Rec.mp3

			HDV					
18	PVS18	DN-05	Đại diện doanh nghiệp du lịch địa phương	19/05/24	TR	55	M	PVS18_DN05_Rec.mp3
19	PVS19	DN-06	Hướng dẫn viên du lịch	22/05/24	TR	60	M	PVS19_DN06_Rec.mp3
20	PVS20	DN-07	Hướng dẫn viên du lịch	22/05/24	TT	50	M	PVS20_DN07_Rec.mp3

BẢNG 4. MA TRẬN MẪU THAM VẤN CHUYÊN GIA (CG01 - CG05)

TT	Mã NV (ID)	Mã Nhóm	Lĩnh vực chuyên môn / Am hiểu (ẩn danh)	Ngày PV	Hình thức	Thời lượng (Phút)	Phân loại	Tệp ghi âm (Audio File)
1	CG01	CG-01	Chuyên gia Du lịch & Di sản văn hóa	01/06/24	TT	90	L	CG01_Rec.mp3
2	CG02	CG-02	Chuyên gia Nhân học / Văn hóa tộc người	02/06/24	TT	60	M	CG02_Rec.mp3
3	CG03	CG-03	Chuyên gia Du lịch liên ngành & Bền vững	03/06/24	TT	75	L	CG03_Rec.mp3
4	CG04	CG-04	Chuyên gia Quản trị điểm đến du lịch	04/06/24	TR	60	M	CG04_Rec.mp3
5	CG05	CG-05	Chuyên gia Lịch sử / Di tích văn hóa	05/06/24	TR	60	M	CG05_Rec.mp3

BẢNG 5. THỐNG KÊ TỔNG HỢP MẪU PHỎNG VẤN CHÍNH (N = 25)

Nhóm chủ thể	Mã nhóm	Số lượng (N)	Tỷ lệ (%)	Tổng thời lượng (Phút)	Thời lượng TB (Phút)
Cán bộ quản lý	CB	4	16%	195	48.75
Cộng đồng dân cư	CD	9	36%	330*	47.14*
Doanh nghiệp & HDV	DN	7	28%	375	53.57
Chuyên gia / Nhà khoa học	CG	5	20%	345	69
TỔNG MẪU		25	100%	1245	51.88

Ghi chú:

- Tỷ lệ % được làm tròn đến 02 chữ số thập phân.

- Toàn bộ 25 đối tượng (bao gồm cả 05 Chuyên gia) đều được thực hiện theo phương pháp phỏng vấn bán cấu trúc.

*Tổng thời lượng 330 phút và Thời lượng trung bình là 47.14 phút của nhóm Cộng đồng (CD) được thống kê dựa trên 07/09 cuộc phỏng vấn có ghi âm trực tiếp. 02/09 cuộc còn lại được thu thập dữ liệu qua biên bản ghi chép thực địa (PVS09 bị lỗi file ghi âm, PVS13 người dân không đồng ý ghi âm)

PHỤ LỤC 4. SẢN PHẨM ỨNG DỤNG

TẬP BÀI THUYẾT MINH DU LỊCH TẠI ĐIỂM

BÀI 1. HÁT SOỌNG CÔ VÀ KHÔNG GIAN THỰC HÀNH VĂN HÓA CỦA NGƯỜI SÁN DÌU TẠI NGỌC THANH

Kính thưa quý khách!

Trong hành trình tìm hiểu các giá trị văn hóa tại Ngọc Thanh, bên cạnh hệ thống di tích gắn với Chiến khu cách mạng, chúng ta còn có cơ hội tiếp cận đời sống văn hóa đặc sắc của cộng đồng người Sán Dìu. Một trong những biểu hiện tiêu biểu nhất của đời sống văn hóa ấy là hát Soọng cô. Soọng cô không chỉ là một hình thức ca hát dân gian nhằm phục vụ nhu cầu giải trí. Qua những câu hát đối đáp, người Sán Dìu gửi gắm tình cảm, kinh nghiệm sống, quan niệm về gia đình, lao động, thiên nhiên và cách ứng xử trong cộng đồng. Vì vậy, tìm hiểu Soọng cô cũng là một cách để tiếp cận ngôn ngữ, ký ức và đời sống tinh thần của người Sán Dìu tại Ngọc Thanh.

Trong ít phút tiếp theo, kính mời quý khách cùng tìm hiểu về nguồn gốc, hình thức diễn xướng, không gian thực hành, nội dung lời ca và giá trị của Soọng cô trong đời sống cộng đồng cũng như trong phát triển du lịch văn hóa tại địa phương. Trong quá trình tham quan và giao lưu, quý khách vui lòng giữ trật tự khi nghệ nhân trình diễn; tôn trọng không gian sinh hoạt của người dân và chỉ chụp ảnh, ghi âm hoặc ghi hình khi được sự đồng ý của người thực hành văn hóa.

Kính thưa quý khách,

Soọng cô được hình thành trong môi trường cư trú, lao động và giao tiếp cộng đồng của người Sán Dìu. Trong điều kiện đời sống nông nghiệp truyền thống, người dân thường xuyên gặp gỡ nhau trong quá trình lao động sản xuất, sinh hoạt làng bản, lễ hội và những dịp giao lưu xã hội. Từ những không gian ấy, các câu hát dân được sáng tạo như một phương thức bày tỏ tình cảm, chia sẻ kinh nghiệm và kết nối con người.

Không giống những tác phẩm nghệ thuật được lưu giữ chủ yếu bằng sách vở, Soọng cô được truyền lại phần lớn theo phương thức truyền miệng. Người biết hát hướng dẫn cho người chưa biết; người cao tuổi, nghệ nhân và những người có kinh nghiệm truyền lại lời ca, cách hát và cách đối đáp cho thế hệ trẻ thông qua quá trình nghe, ghi nhớ và thực hành. Phương thức truyền miệng làm cho Soọng cô vừa có tính kế thừa, vừa có khả năng thích ứng. Người hát tiếp nhận những lời ca và quy tắc đã được cộng đồng lưu giữ, nhưng đồng thời có thể lựa chọn, kết hợp hoặc điều chỉnh cách thể hiện cho phù hợp với từng hoàn cảnh giao tiếp.

Soọng cô thường được thể hiện dưới hình thức hát đối đáp, phổ biến là đối đáp giữa nam và nữ. Một người cất lời mở đầu bằng câu hát chào hỏi, gợi chuyện hoặc đặt ra một nội dung. Người còn lại lắng nghe, suy nghĩ rồi đáp lại bằng lời hát phù hợp. Cuộc hát có thể tiếp tục qua nhiều lượt, tạo thành quá trình giao lưu bằng âm nhạc và ngôn từ. Người tham gia không chỉ cần có giọng hát mà còn phải nhớ được lời ca, hiểu ý nghĩa của từng câu và biết lựa chọn cách đáp phù hợp. Trong nhiều trường hợp, người hát còn phải vận dụng linh hoạt những câu hát đã biết hoặc ứng tác theo hoàn cảnh cụ thể.

Điểm hấp dẫn của Soọng cô vì thế không chỉ nằm ở giai điệu mà còn nằm ở khả năng ứng đối. Một câu đáp hay phải vừa đúng ý, phù hợp với câu hát trước, vừa thể hiện sự tinh tế, khéo léo và tôn trọng người đối diện. Qua đó, Soọng cô trở thành sự kết hợp giữa âm nhạc, ngôn ngữ và nghệ thuật giao tiếp xã hội.

Soọng cô vốn không tách rời môi trường sống của cộng đồng người Sán Dìu. Hoạt động diễn xướng có thể diễn ra trong không gian làng bản, trong các dịp lễ hội, sinh hoạt cộng đồng hoặc những cuộc gặp gỡ mang tính giao lưu xã hội. Không gian thực hành của Soọng cô vì thế mang tính mở. Đó có thể là sân nhà, nhà văn hóa, không gian lễ hội hoặc một địa điểm sinh hoạt quen thuộc của cộng đồng. Trong những không gian ấy, lời hát được đặt trong mối quan hệ với người hát, người nghe, cảnh quan và những hoạt động diễn ra xung quanh.

Âm thanh, ngôn ngữ, cách giao tiếp và bối cảnh tự nhiên hòa quyện, tạo nên một chỉnh thể văn hóa sống động. Giá trị của Soọng cô không chỉ nằm trong lời ca mà còn nằm ở hoàn cảnh câu hát được cất lên, ở người thực hành và ở mối quan hệ xã hội giữa những người tham gia. Đây là điểm giúp chúng ta phân biệt một di sản sống với một tiết mục văn nghệ thông thường. Khi được tách khỏi môi trường cộng đồng và chỉ trình diễn trên sân khấu, Soọng cô có thể vẫn giữ lại giai điệu và lời hát, nhưng người xem chưa chắc hiểu đầy đủ bối cảnh, chức năng và ý nghĩa xã hội của loại hình diễn xướng này.

Về nội dung, lời ca Soọng cô phản ánh nhiều phương diện trong đời sống người Sán Dìu. Một trong những chủ đề nổi bật là tình cảm giữa con người với con người, đặc biệt là tình yêu đôi lứa. Thông qua lời hát, nam và nữ có thể làm quen, thăm hỏi, giao lưu và bày tỏ tình cảm một cách tế nhị. Người hát thường không nói trực tiếp toàn bộ tâm tư mà sử dụng hình ảnh, cách ví von và những lời gợi mở giàu cảm xúc. Chính cách diễn đạt ấy làm cho lời ca vừa mềm mại, sâu sắc, vừa thể hiện khả năng quan sát và tư duy thẩm mỹ của cộng đồng.

Bên cạnh tình yêu, lời ca còn đề cập đến hôn nhân, gia đình, đạo lý và các mối quan hệ xã hội. Những giá trị như sự chân thành, lòng kính trọng, trách nhiệm đối với gia đình và sự hòa thuận trong cộng đồng được thể hiện thông qua cách con người đối đáp và ứng xử với nhau. Một bộ phận lời ca còn gắn với lao động sản xuất và kinh nghiệm sống. Những quan sát về thiên nhiên, mùa vụ, môi trường cư trú và cuộc sống thường ngày được chuyển tải bằng ngôn ngữ giàu hình ảnh, có vần điệu và dễ ghi nhớ.

Đối với người Sán Dìu, Soọng cô trước hết là một hình thức sinh hoạt tinh thần. Tuy nhiên, giá trị của loại hình này không chỉ dừng ở chức năng giải trí. Trước hết, Soọng cô góp phần bảo lưu ngôn ngữ của cộng đồng. Lời hát được thể hiện bằng tiếng nói bản địa, vì vậy quá trình học và thực hành hát cũng là quá trình ghi nhớ, sử dụng và truyền lại ngôn ngữ của dân tộc mình. Bên cạnh đó, Soọng cô là phương tiện lưu giữ kinh nghiệm sống và ký ức cộng đồng. Những quan niệm về tình cảm, gia đình, lao động, thiên nhiên và cách ứng xử được chuyển từ thế hệ trước sang thế hệ sau thông qua lời ca. Hoạt động hát đối đáp còn góp phần tạo nên sự giao lưu và gắn kết xã hội. Khi tham gia một cuộc hát, con người phải lắng nghe, trao đổi và chia sẻ cảm xúc với nhau. Không gian diễn xướng vì thế cũng

trở thành không gian gặp gỡ, duy trì các mối quan hệ cộng đồng và khẳng định bản sắc chung.

Kính thưa quý khách!

Qua phần thuyết minh vừa rồi, chúng ta có thể thấy hát Soọng cô không chỉ là một làn điệu dân gian mà còn là phương thức lưu giữ ngôn ngữ, tri thức, tình cảm và ký ức của cộng đồng người Sán Dìu. Giá trị của Soọng cô không nằm riêng trong giai điệu hay lời ca mà được hình thành từ sự kết hợp giữa người hát, người nghe, không gian làng bản và các mối quan hệ xã hội. Mỗi khi câu hát được cất lên, một phần văn hóa cộng đồng lại được tiếp tục thực hành, tái hiện và trao truyền.

Hy vọng rằng trải nghiệm tại Ngọc Thanh sẽ giúp quý khách hiểu thêm về đời sống tinh thần của người Sán Dìu và trân trọng hơn những giá trị văn hóa đang được cộng đồng gìn giữ trong đời sống hiện nay.

Sau phần thuyết minh, kính mời quý khách tiếp tục giao lưu với nghệ nhân và đặt câu hỏi về những nội dung mà quý khách quan tâm. Trong quá trình giao lưu, xin quý khách tôn trọng sự hướng dẫn của người thực hành và các quy định tại không gian sinh hoạt cộng đồng.

Xin trân trọng cảm ơn sự quan tâm và lắng nghe của quý khách!

BÀI 2. CHIẾN KHU NGỌC THANH – KHÔNG GIAN LỊCH SỬ, HẬU CẦN VÀ KÝ ỨC CÁCH MẠNG

Kính thưa quý khách!

Chào mừng quý khách đến với Chiến khu Ngọc Thanh – một không gian lịch sử có vai trò quan trọng trong quá trình xây dựng căn cứ cách mạng và tổ chức kháng chiến chống thực dân Pháp ở khu vực trung du Bắc Bộ. Khi nhắc đến một chiến khu, chúng ta thường nghĩ đến một địa điểm chỉ huy hoặc một công trình quân sự riêng lẻ. Tuy nhiên, Chiến khu Ngọc Thanh không chỉ được hình thành từ một điểm di tích. Đây là một chỉnh thể không gian lịch sử, trong đó địa hình tự nhiên, các cơ sở chỉ huy, quân y, quân khí, kho lương thực, nơi trú đóng và mạng lưới giao thông bí mật được tổ chức, phối hợp để phục vụ hoạt động kháng chiến.

Trong phần thuyết minh hôm nay, kính mời quý khách cùng tìm hiểu ba nội dung chính: vị trí chiến lược của Ngọc Thanh; cấu trúc hậu cần – quân sự của chiến khu; và giá trị của hệ thống di tích đối với giáo dục lịch sử, bảo tồn văn hóa và phát triển du lịch hiện nay. Trong quá trình tham quan, quý khách vui lòng di chuyển theo hướng dẫn, giữ gìn vệ sinh, không tự ý tác động vào dấu tích, hiện vật và tôn trọng sự trang nghiêm của không gian lịch sử.

Kính thưa quý khách,

Chiến khu Ngọc Thanh được hình thành tại một địa bàn có vị trí và điều kiện tự nhiên tương đối đặc biệt. Khu vực này nằm trong vùng chuyển tiếp giữa đồng bằng Bắc Bộ với khu vực trung du và căn cứ địa Việt Bắc. Trong điều kiện chiến tranh, vị trí địa lý không chỉ được xem xét về khoảng cách mà còn liên quan trực tiếp đến khả năng bảo vệ lực lượng, vận chuyển lương thực, tiếp nhận thông tin và tổ chức các hoạt động hậu cần. Một căn cứ kháng chiến cần có địa hình thuận lợi để che giấu lực lượng, có đường liên lạc với những khu vực khác và có khả năng huy động nguồn lực tại chỗ.

Ngọc Thanh có địa hình bán sơn địa, xen kẽ giữa đồi thấp, rừng, khe núi, đường mòn và các khu dân cư. Đặc điểm này tạo điều kiện để lực lượng cách mạng bố trí cơ sở phân tán, bảo đảm bí mật và linh hoạt khi di chuyển. Địa bàn Ngọc Thanh đồng thời giữ vai trò kết nối giữa đồng bằng và vùng căn cứ Việt Bắc. Từ đây, lực lượng, lương thực, thuốc men, vật tư và thông tin có thể được chuyển tiếp giữa các khu vực. Vì vậy, Ngọc Thanh vừa là vùng đệm bảo vệ, vừa là khu vực trung chuyển và tổ chức hậu cần quan trọng.

Có thể nói, thiên nhiên tại đây không chỉ là bối cảnh diễn ra lịch sử mà còn trực tiếp tham gia vào việc tổ chức và bảo vệ chiến khu. Rừng, núi, khe suối và các tuyến đường đã trở thành một phần của hệ thống phòng thủ và vận hành kháng chiến. Kính mời quý khách quan sát địa hình xung quanh: sự đan xen giữa đồi, rừng và các tuyến đường nhỏ đã tạo ra những điều kiện thuận lợi nào cho việc che giấu, di chuyển và bảo vệ lực lượng? Qua đó, chúng ta có thể hiểu rõ hơn vì sao Ngọc Thanh được lựa chọn làm một địa bàn căn cứ quan trọng trong thời kỳ kháng chiến.

Trên nền địa hình tự nhiên ấy, một hệ thống cơ sở phục vụ kháng chiến đã được xây dựng với nhiều chức năng khác nhau. Trong đó có các địa điểm chỉ huy, đồn bót,

xưởng quân khí, trạm quân y, kho lương thực và nơi trú đóng của lực lượng. Những địa điểm này không tập trung tại một khu vực duy nhất mà được bố trí tương đối phân tán. Cách tổ chức này giúp hạn chế nguy cơ toàn bộ hệ thống bị phát hiện hoặc phá hủy trong cùng một thời điểm. Tuy phân tán, các bộ phận vẫn được kết nối và hỗ trợ lẫn nhau thông qua mạng lưới giao thông, liên lạc và hậu cần.

Các cơ sở chỉ huy có nhiệm vụ tiếp nhận thông tin, xây dựng kế hoạch và điều phối lực lượng. Xưởng quân khí đảm nhiệm hoạt động sản xuất, sửa chữa và chuẩn bị vật dụng phục vụ chiến đấu. Trạm quân y là nơi chăm sóc, điều trị thương bệnh binh. Kho lương thực và các cơ sở hậu cần giúp duy trì nguồn cung cấp cần thiết cho lực lượng hoạt động trong khu vực. Mỗi bộ phận có một chức năng riêng nhưng không tồn tại độc lập. Một chiến khu chỉ có thể hoạt động ổn định khi việc chỉ huy, cứu chữa, sản xuất, tiếp tế và bảo vệ lực lượng được phối hợp chặt chẽ.

Chẳng hạn, trạm quân y không chỉ cần nơi chữa trị mà còn cần thuốc men, lương thực, người chăm sóc và tuyến đường di chuyển an toàn. Xưởng quân khí cần nguyên liệu, người sản xuất, nơi bảo vệ và đường vận chuyển. Một cơ sở chỉ huy cũng cần hệ thống liên lạc và mạng lưới bảo vệ xung quanh. Do đó, giá trị của Chiến khu Ngọc Thanh không thể được nhận biết đầy đủ nếu chỉ xem xét từng điểm riêng biệt. Các địa điểm phải được đặt trong mối liên hệ với nhau để hình dung được cách toàn bộ chiến khu đã vận hành.

Cấu trúc này cũng phản ánh đặc điểm của chiến tranh nhân dân. Hoạt động kháng chiến không chỉ dựa vào lực lượng vũ trang mà còn có sự đóng góp của cộng đồng cư dân địa phương. Người dân tham gia cung cấp lương thực, dẫn đường, chuyển tin, chăm sóc người bị thương, che giấu và bảo vệ các cơ sở cách mạng. Sự phối hợp giữa lực lượng kháng chiến với người dân đã tạo nên nền tảng xã hội quan trọng giúp chiến khu duy trì hoạt động trong điều kiện khó khăn.

Kính thưa quý khách,

Chiến khu Ngọc Thanh không chỉ là nơi bố trí cơ sở hậu cần mà còn góp phần hỗ trợ trực tiếp cho các hoạt động quân sự trong thời kỳ kháng chiến chống thực dân Pháp. Trong những giai đoạn hoạt động quân sự diễn ra mạnh mẽ, khu vực này giữ vai trò hậu cứ, cung cấp những điều kiện cần thiết để lực lượng phía trước duy trì hoạt động. Lương thực được chuẩn bị, thương bệnh binh được chăm sóc, vật tư được sản xuất hoặc sửa chữa, thông tin được chuyển tiếp và lực lượng được bảo vệ tại các địa điểm thuộc hệ thống chiến khu. Vai trò hậu cứ vì thế không nên được hiểu đơn giản là một khu vực nằm phía sau chiến tuyến. Đây là nơi bảo đảm những điều kiện thiết yếu cho toàn bộ hoạt động chiến đấu. Nếu không có hệ thống hậu cần tương đối ổn định, các lực lượng hoạt động phía trước khó có thể duy trì trong thời gian dài.

Các nghiên cứu về Chiến dịch Trần Hưng Đạo cũng cho thấy Ngọc Thanh từng giữ vai trò hỗ trợ quan trọng trong quá trình tổ chức lực lượng và hậu cần. Những lớp sự kiện lịch sử đã tạo nên chiều sâu cho khu vực, khiến mỗi địa điểm không chỉ mang một chức năng vật chất mà còn gắn với hoạt động, sự hy sinh và nỗ lực của nhiều con người.

Không gian tại đây vì thế trở thành một dạng chứng tích vật chất của lịch sử. Địa hình, công trình và những dấu tích còn lại giúp thế hệ hôm nay hình dung rõ hơn về điều

kiện hoạt động của lực lượng cách mạng trong quá khứ. Bên cạnh những dấu tích vật thể, ký ức của cộng đồng địa phương là một bộ phận quan trọng tạo nên giá trị của Chiến khu Ngọc Thanh.

Trong nhiều gia đình, những câu chuyện về chiến khu vẫn được truyền lại qua lời kể của người cao tuổi và các thế hệ từng sống, hoạt động hoặc chứng kiến sự kiện lịch sử. Đó có thể là câu chuyện về nơi trú quân, tuyến đường vận chuyển, người dân tham gia hỗ trợ kháng chiến hoặc những khó khăn trong đời sống thời chiến. Ký ức truyền miệng giúp bổ sung ý nghĩa cho các điểm di tích. Có những nơi không còn giữ được đầy đủ công trình ban đầu, nhưng giá trị lịch sử vẫn được duy trì qua tên gọi, câu chuyện và sự ghi nhớ của người dân.

Kính thưa quý khách!

Qua phần thuyết minh vừa rồi, có thể thấy Chiến khu Ngọc Thanh không phải là tập hợp rời rạc của một vài điểm di tích. Đây là một hệ thống di sản lịch sử – cách mạng được hình thành từ sự kết hợp giữa vị trí chiến lược, địa hình tự nhiên, mạng lưới hậu cần – quân sự, các sự kiện lịch sử và ký ức cộng đồng. Địa hình đã góp phần che chở và bảo vệ lực lượng; các cơ sở chỉ huy, quân y, quân khí và hậu cần giúp chiến khu duy trì hoạt động; người dân địa phương tham gia cung cấp nguồn lực, bảo vệ cơ sở và lưu giữ ký ức lịch sử.

Tìm hiểu Chiến khu Ngọc Thanh không chỉ giúp chúng ta biết thêm về một địa danh cách mạng, mà còn giúp hiểu rõ vai trò của sự đoàn kết, tinh thần vượt khó và sức mạnh của chiến tranh nhân dân trong sự nghiệp bảo vệ đất nước. Mỗi dấu tích được bảo vệ, mỗi câu chuyện được ghi lại và mỗi hành vi ứng xử có trách nhiệm của khách tham quan đều góp phần duy trì giá trị của không gian lịch sử này cho các thế hệ sau.

Hy vọng chuyến tham quan hôm nay sẽ giúp quý khách hiểu sâu hơn về vai trò của Chiến khu Ngọc Thanh và thêm trân trọng những giá trị lịch sử mà các thế hệ đi trước đã để lại. Kính mời quý khách tiếp tục tham quan theo tuyến được hướng dẫn. Trong quá trình di chuyển, quý khách vui lòng đi theo đoàn, giữ gìn vệ sinh và không tự ý tác động vào các dấu tích.

Xin trân trọng cảm ơn sự quan tâm và lắng nghe của quý khách!

BÀI 3. ẨM THỰC TRUYỀN THỐNG CỦA CỘNG ĐỒNG NGƯỜI SÁN DÌU TẠI NGỌC THANH

Kính thưa quý khách!

Trong hành trình tìm hiểu văn hóa của cộng đồng người Sán Dìu tại Ngọc Thanh, bên cạnh tiếng hát Soọng cô, phong tục, trang phục và các sinh hoạt cộng đồng, ẩm thực truyền thống là một trong những yếu tố gần gũi và dễ cảm nhận nhất. Trong phần thuyết minh hôm nay, kính mời quý khách cùng tìm hiểu một số món ăn tiêu biểu của người Sán Dìu tại Ngọc Thanh, gồm bánh chưng gù, bánh lá ngải, xôi màu, thịt chua và thịt thính. Đây là những món ăn phản ánh tương đối rõ mối quan hệ giữa nguyên liệu địa phương, kinh nghiệm chế biến và đời sống văn hóa cộng đồng.

Trong quá trình tham quan và trải nghiệm, quý khách vui lòng thực hiện theo hướng dẫn của hộ gia đình, giữ gìn vệ sinh và thông báo trước nếu có tiền sử dị ứng hoặc yêu cầu ăn uống đặc biệt.

Kính thưa quý khách,

Ẩm thực truyền thống của người Sán Dìu tại Ngọc Thanh được hình thành trong mối quan hệ chặt chẽ với điều kiện tự nhiên và phương thức sản xuất nông nghiệp của cộng đồng. Nguyên liệu chế biến món ăn chủ yếu gắn với sản vật địa phương, hoạt động trồng trọt, chăn nuôi và khả năng khai thác nguồn thực phẩm theo mùa.

Trong đời sống thường ngày, việc chuẩn bị món ăn không chỉ nhằm đáp ứng nhu cầu dinh dưỡng. Gian bếp còn là nơi các thành viên trong gia đình cùng làm việc, trò chuyện và truyền lại kinh nghiệm. Người lớn tuổi hướng dẫn người trẻ cách lựa chọn nguyên liệu, nhận biết độ chín, điều chỉnh thời gian nấu và bảo quản thực phẩm. Những kiến thức ấy thường không được ghi chép thành công thức hoàn chỉnh mà được tiếp nhận chủ yếu thông qua quan sát và thực hành.

Bởi vậy, mỗi món ăn truyền thống có thể được xem như kết quả của một quá trình tích lũy kinh nghiệm lâu dài. Giá trị của món ăn không chỉ nằm ở thành phẩm cuối cùng mà còn nằm trong cách chuẩn bị, người tham gia chế biến, thời điểm sử dụng và câu chuyện được truyền lại trong gia đình.

Ẩm thực cũng gắn với các dịp lễ tết, gặp gỡ và sinh hoạt cộng đồng. Trong những dịp đó, việc cùng nhau chuẩn bị món ăn góp phần tạo nên không khí sum họp và củng cố mối quan hệ giữa các thành viên. Có thể nói, món ăn vừa nuôi dưỡng đời sống vật chất, vừa là phương tiện kết nối con người với gia đình và cộng đồng. Một số món ăn truyền thống tiêu biểu:

- Bánh chưng gù: Món ăn đầu tiên được giới thiệu là bánh chưng gù. Đây là món bánh gắn với những dịp lễ tết và các sự kiện quan trọng của gia đình. Điểm dễ nhận biết của bánh là hình dáng đặc trưng, khác với dạng bánh chưng vuông phổ biến ở nhiều địa phương. Tuy nhiên, giá trị của bánh chưng gù không chỉ nằm ở hình thức. Quá trình chuẩn bị bánh thường cần nhiều công đoạn, từ lựa chọn nguyên liệu, sơ chế, gói bánh đến nấu bánh trong thời gian phù hợp. Việc làm bánh là dịp các thành viên trong gia đình cùng tham gia. Người có kinh nghiệm đảm nhiệm hoặc hướng dẫn những công đoạn đòi hỏi sự khéo léo, trong khi người trẻ quan sát và học cách thực hiện. Chính quá trình ấy giúp kỹ

năng làm bánh được duy trì qua nhiều thế hệ. Bánh chưng gù vì thế không chỉ là một món ăn mà còn gắn với ký ức về sự sum họp. Khi món bánh xuất hiện trong dịp lễ tết, nó gợi nhắc mối quan hệ giữa các thành viên, sự tiếp nối của gia đình và ý thức gìn giữ nếp sống truyền thống.

- Bánh lá ngải: Món ăn tiếp theo là bánh lá ngải. Đây là món bánh thể hiện rõ sự kết hợp giữa nguyên liệu tự nhiên với kinh nghiệm chế biến của cộng đồng. Lá ngải là loại cây quen thuộc trong đời sống. Để sử dụng trong món bánh, nguyên liệu cần được lựa chọn và xử lý phù hợp nhằm tạo màu sắc, mùi vị và độ mềm của sản phẩm. Công đoạn chế biến đòi hỏi sự kiên nhẫn và hiểu biết về tỷ lệ nguyên liệu. Điều đáng chú ý là kinh nghiệm làm bánh thường được truyền lại qua việc cùng nhau thực hành. Người trẻ không chỉ nghe hướng dẫn mà còn phải trực tiếp quan sát cách người có kinh nghiệm nhận biết nguyên liệu, điều chỉnh từng công đoạn và đánh giá sản phẩm. Bánh lá ngải vì vậy mang giá trị vượt ra ngoài chức năng của một món ăn. Nó phản ánh cách người dân sử dụng nguồn nguyên liệu sẵn có và biến những kinh nghiệm đời thường thành một sản phẩm mang dấu ấn văn hóa.

- Xôi màu: Xôi màu là món ăn tạo ấn tượng bởi màu sắc và hình thức trình bày. Món xôi thường được chuẩn bị trong những dịp lễ hội, gặp gỡ hoặc sinh hoạt cộng đồng. Để tạo nên sản phẩm hoàn chỉnh, người chế biến phải biết lựa chọn nguyên liệu, xử lý màu và điều chỉnh quá trình đồ xôi. Mỗi công đoạn đều ảnh hưởng đến độ dẻo, màu sắc và chất lượng của món ăn. Màu sắc của xôi không chỉ làm món ăn trở nên đẹp mắt mà còn góp phần tạo không khí trang trọng, vui tươi trong những dịp đặc biệt. Qua đó, có thể thấy thẩm mỹ ẩm thực của cộng đồng không chỉ được thể hiện bằng hương vị mà còn bằng màu sắc, cách sắp đặt và hoàn cảnh sử dụng.

- Thịt chua và thịt thính: Bên cạnh các loại bánh và xôi, thịt chua và thịt thính là những món ăn thể hiện rõ kinh nghiệm chế biến và bảo quản thực phẩm của người dân. Trong điều kiện trước đây chưa có các phương tiện bảo quản hiện đại, cộng đồng đã hình thành những phương pháp xử lý nguyên liệu phù hợp với môi trường và nhu cầu sử dụng. Quá trình chế biến đòi hỏi người làm phải nắm được đặc điểm của nguyên liệu, tỷ lệ phối hợp, thời gian và dấu hiệu nhận biết thành phẩm. Đây là loại kinh nghiệm khó tiếp nhận đầy đủ nếu chỉ đọc qua một công thức. Người học thường phải quan sát người có kinh nghiệm thực hiện, sau đó trực tiếp làm thử và điều chỉnh nhiều lần. Thịt chua và thịt thính vì thế không chỉ mang giá trị về hương vị mà còn phản ánh khả năng thích ứng của cộng đồng. Từ những nguyên liệu quen thuộc, người dân đã hình thành phương pháp chế biến vừa kéo dài thời gian sử dụng, vừa tạo nên nét riêng trong văn hóa ẩm thực.

Kính thưa quý khách,

Qua những món ăn vừa được giới thiệu, có thể thấy ẩm thực truyền thống của người Sán Dìu mang nhiều lớp giá trị. Trước hết, đó là giá trị thích ứng với môi trường. Người dân lựa chọn những nguyên liệu phù hợp với điều kiện sản xuất và mùa vụ, đồng thời hình thành các phương pháp chế biến, bảo quản dựa trên kinh nghiệm thực tế. Thứ hai, ẩm thực là nơi lưu giữ ký ức gia đình. Nhiều người nhớ về món ăn không chỉ bởi hương vị mà còn bởi hình ảnh ông bà, cha mẹ cùng chuẩn bị trong những dịp sum họp. Vì vậy, một công

thức được truyền lại cũng đồng thời mang theo câu chuyện và tình cảm giữa các thế hệ. Thứ ba, ẩm thực góp phần duy trì quan hệ cộng đồng. Việc cùng nhau chuẩn bị và chia sẻ món ăn tạo ra không gian gặp gỡ, hỗ trợ lẫn nhau và củng cố sự gắn kết trong gia đình, làng xóm. Thứ tư, các món ăn truyền thống góp phần tạo nên bản sắc của người Sán Dìu. Bánh chưng gù, bánh lá ngải, xôi màu, thịt chua và thịt thính không chỉ phục vụ nhu cầu ăn uống mà còn là những dấu hiệu giúp cộng đồng nhận biết và giới thiệu văn hóa của mình. Chính vì vậy, bảo tồn ẩm thực truyền thống không chỉ là giữ lại tên món hoặc công thức. Điều quan trọng hơn là duy trì người biết làm, nguồn nguyên liệu, không gian thực hành và quá trình truyền dạy cho thế hệ trẻ.

Kính thưa quý khách!

Qua phần thuyết minh vừa rồi, chúng ta có thể thấy ẩm thực truyền thống của người Sán Dìu tại Ngọc Thanh không chỉ gồm những món ăn có hương vị riêng. Bánh chưng gù, bánh lá ngải, xôi màu, thịt chua và thịt thính còn chứa đựng kinh nghiệm sử dụng nguyên liệu, kỹ năng chế biến, ký ức gia đình và mối quan hệ cộng đồng. Giá trị của món ăn không nằm riêng ở thành phẩm được đặt trên bàn, mà còn hiện diện trong quá trình chuẩn bị, trong người thực hành và trong những câu chuyện được trao truyền giữa các thế hệ.

Hy vọng trải nghiệm hôm nay sẽ giúp quý khách hiểu thêm về đời sống của người Sán Dìu và cảm nhận rằng, trong mỗi món ăn truyền thống không chỉ có hương vị mà còn có ký ức, tri thức và bản sắc của cộng đồng Ngọc Thanh. Sau phần giới thiệu, kính mời quý khách tiếp tục quan sát hoạt động chế biến và thưởng thức các món ăn theo hướng dẫn của gia đình phục vụ.

Xin trân trọng cảm ơn sự quan tâm và lắng nghe của quý khách!

BÀI 4. TRANG PHỤC CỦA NGƯỜI SÁN DÌU

Kính thưa quý khách!

Trong hành trình tìm hiểu văn hóa của cộng đồng người Sán Dìu tại Ngọc Thanh, bên cạnh hát Soọng cô, ẩm thực, phong tục và đời sống tín ngưỡng, trang phục truyền thống là một trong những dấu hiệu trực quan giúp nhận diện bản sắc tộc người. Trang phục của người Sán Dìu không thiên về màu sắc quá rực rỡ hoặc trang trí cầu kỳ. Vẻ đẹp chủ yếu được tạo nên từ gam màu trầm, hình thức kín đáo, cách mặc nhiều lớp và sự kết hợp hài hòa giữa áo, váy, khăn, yếm, thắt lưng và xà cạp. Trong đó, trang phục nữ thể hiện rõ hơn những đặc điểm nhận diện văn hóa của cộng đồng.

Trong phần thuyết minh hôm nay, kính mời quý khách cùng tìm hiểu những thành phần cơ bản của bộ trang phục, ý nghĩa của màu sắc và cách mặc, vai trò của trang phục trong đời sống cộng đồng, cũng như việc bảo tồn và phát huy giá trị trang phục trong hoạt động du lịch văn hóa tại Ngọc Thanh.

Kính thưa quý khách,

Trang phục truyền thống của người Sán Dìu được hình thành trong môi trường cư trú và lao động của cộng đồng ở khu vực trung du Bắc Bộ. Kiểu dáng trang phục vì thế vừa bảo đảm sự kín đáo, vừa phù hợp với việc đi lại, lao động và tham gia các hoạt động gia đình, lễ hội. Màu sắc chủ đạo thường là màu chàm hoặc những gam màu tối. Trên nền màu trầm ấy, một số chi tiết như yếm, thắt lưng, áo trong hoặc xà cạp tạo nên điểm nhấn sáng hơn. Cách phối màu không quá phô trương nhưng vẫn tạo được sự hài hòa và nét duyên dáng cho người mặc.

Trang phục nam giới nhìn chung đơn giản và thuận tiện hơn. Áo, quần và khăn đội đầu thường có màu trầm, ít trang trí, phù hợp với yêu cầu lao động và sinh hoạt hằng ngày. Trong khi đó, bộ trang phục nữ gồm nhiều thành phần được phối hợp với nhau như khăn đội đầu, áo dài, áo mặc trong, yếm, váy, thắt lưng, xà cạp và một số đồ trang sức đi kèm. Các bộ phận không tồn tại riêng lẻ mà tạo thành một tổng thể có trật tự, thể hiện sự kín đáo, gọn gàng và quan niệm thẩm mỹ của người Sán Dìu.

*** Những thành phần cơ bản của trang phục nữ Sán Dìu**

- Khăn đội đầu: Khăn đội đầu thường có màu đen hoặc màu sẫm. Khăn có tác dụng giữ tóc, tạo sự gọn gàng và hoàn thiện diện mạo của người phụ nữ. Cách quấn khăn tương chừng đơn giản nhưng đòi hỏi sự khéo léo. Khăn cần được gấp và điều chỉnh phù hợp với khuôn mặt, kiểu tóc và hoàn cảnh sử dụng. Trong gia đình, kỹ năng này thường được người lớn tuổi hướng dẫn lại cho con cháu. Chiếc khăn không chỉ là vật dụng hằng ngày mà còn góp phần tạo nên vẻ chỉnh tề trong những dịp lễ hội, cưới hỏi hoặc sinh hoạt văn hóa cộng đồng.

- Áo dài và áo mặc trong: Thành phần nổi bật của nữ phục Sán Dìu là áo dài màu chàm hoặc màu thâm. Áo thường có chiều dài qua đầu gối, tạo nên dáng vẻ kín đáo và nền nã. Bên trong áo dài có thể là một lớp áo ngắn hơn hoặc yếm sáng màu. Cách mặc nhiều lớp tạo nên sự cân bằng giữa màu trầm của áo ngoài và điểm nhấn nhẹ nhàng bên trong. Vẻ đẹp của bộ áo không nằm ở số lượng hoa văn mà thể hiện qua đường cắt, cách may, độ cân đối và sự mềm mại khi người mặc di chuyển. Trước đây, phụ nữ trong gia đình không chỉ

sử dụng mà còn trực tiếp may, sửa và bảo quản trang phục. Vì vậy, một bộ áo có thể gắn với công sức, ký ức và tình cảm của nhiều thế hệ.

- Yếm và thắt lưng: Yếm được mặc bên trong áo, thường có màu sáng hơn để tạo điểm nhấn. Yếm không phô bày quá nhiều mà chỉ xuất hiện vừa đủ trong tổng thể trang phục, thể hiện sự kín đáo nhưng vẫn có nét duyên dáng. Thắt lưng vừa có tác dụng giữ cho trang phục gọn gàng, vừa tạo đường nét cho cơ thể. Trên nền áo váy màu chàm, dải thắt lưng sáng màu làm cho tổng thể trang phục bớt đơn điệu. Cách buộc thắt lưng cũng thể hiện sự khéo léo của người mặc. Dải thắt lưng cần được đặt đúng vị trí, buộc chắc nhưng vẫn giữ được sự mềm mại, đặc biệt khi người phụ nữ di chuyển hoặc tham gia hát Soọng cô.

- Váy và xà cạp: Váy truyền thống thường mang màu chàm và có chiều dài qua đầu gối. Cách cấu tạo và sắp xếp các lớp vải giúp váy có độ mềm mại, đồng thời tạo thuận lợi cho việc đi lại. Phần chân thường được quấn xà cạp. Xà cạp giúp bảo vệ chân, giữ trang phục gọn gàng khi lao động hoặc di chuyển trong điều kiện đường làng, đồi núi. Đây là chi tiết cho thấy trang phục truyền thống không chỉ có giá trị thẩm mỹ mà còn được hình thành từ nhu cầu thực tế của đời sống. Khi kết hợp với áo dài, yếm, thắt lưng và khăn đội đầu, váy cùng xà cạp tạo nên một bộ trang phục hoàn chỉnh, thể hiện sự hài hòa giữa công năng sử dụng và vẻ đẹp văn hóa.

- Trang sức và vật dụng đi kèm: Bên cạnh các bộ phận chính, phụ nữ Sán Dìu có thể sử dụng thêm một số đồ trang sức như vòng cổ, vòng tay, hoa tai hoặc dây bạc. Những vật dụng này thường được sử dụng trong các dịp lễ hội, cưới hỏi hoặc giao lưu văn hóa, góp phần làm tăng vẻ trang trọng cho bộ trang phục. Một số vật dụng nhỏ đi kèm còn phản ánh tập quán sinh hoạt và kỹ năng thủ công của người phụ nữ. Qua cách thêu, trang trí, bảo quản và sử dụng, những đồ vật này trở thành một phần của ký ức gia đình và đời sống cộng đồng.

Kính thưa quý khách,

Trước hết, trang phục là dấu hiệu giúp nhận diện cộng đồng người Sán Dìu. Thông qua màu sắc, kiểu dáng và cách phối hợp các bộ phận, người mặc thể hiện sự gắn bó với nguồn cội và bản sắc tộc người. Trang phục cũng phản ánh quan niệm thẩm mỹ của cộng đồng. Vẻ đẹp không được tạo nên từ sự phô trương mà chủ yếu nằm ở tính kín đáo, hài hòa và những điểm nhấn vừa phải. Màu chàm tạo nên sự nền nã; yếm, thắt lưng và xà cạp làm sáng tổng thể; còn cách quấn khăn, mặc áo và sắp xếp từng bộ phận thể hiện sự chắt chiu của người mặc.

Bên cạnh đó, trang phục phản ánh sự thích ứng với môi trường sống. Kiểu dáng gọn gàng, cách mặc nhiều lớp và việc sử dụng xà cạp cho thấy trang phục được hình thành từ nhu cầu lao động và đi lại, chứ không chỉ để trình diễn. Trang phục còn là nơi lưu giữ kỹ năng và ký ức gia đình. Quá trình may, sửa chữa, bảo quản và hướng dẫn cách mặc tạo ra mối liên hệ giữa các thế hệ. Một bộ trang phục có thể gắn với người đã may ra nó, với một ngày hội, một lễ cưới hoặc một sự kiện quan trọng trong đời sống gia đình. Vì vậy, bảo tồn trang phục không chỉ là lưu giữ một số bộ áo váy. Điều quan trọng hơn là duy trì người biết may, biết mặc, biết giải thích tên gọi, chức năng và ý nghĩa của từng bộ phận.

Kính thưa quý khách!

Qua phần thuyết minh vừa rồi, chúng ta có thể thấy trang phục truyền thống của người Sán Dìu không chỉ là những bộ áo váy được sử dụng để bảo vệ cơ thể hoặc làm đẹp. Khăn đội đầu, áo dài màu chàm, áo trong, yếm, thắt lưng, váy, xà cạp và những vật dụng đi kèm tạo thành một tổng thể phản ánh điều kiện sống, quan niệm thẩm mỹ, kỹ năng thủ công và bản sắc của cộng đồng. Giá trị của bộ trang phục không chỉ nằm trong màu sắc hay kiểu dáng. Giá trị còn nằm trong bàn tay của người làm ra nó, trong quá trình người lớn tuổi hướng dẫn con cháu cách mặc và trong ký ức về những ngày lễ hội, cưới hỏi hoặc sinh hoạt văn hóa cộng đồng.

Hy vọng sau hoạt động hôm nay, quý khách không chỉ ghi nhớ về đẹp giản dị, kín đáo và hài hòa của trang phục Sán Dìu, mà còn hiểu rõ hơn những giá trị văn hóa đang được người dân Ngọc Thanh gìn giữ và trao truyền. Sau phần giới thiệu, kính mời quý khách tiếp tục quan sát bộ trang phục được trưng bày và giao lưu với người hướng dẫn địa phương. Quý khách vui lòng không tự ý chạm, mặc hoặc sử dụng phụ kiện khi chưa được hướng dẫn.

Xin trân trọng cảm ơn sự quan tâm và lắng nghe của quý khách!

CHƯƠNG TRÌNH DU LỊCH TRẢI NGHIỆM **“DẤU ẤN CHIẾN KHU – SẮC MÀU VĂN HÓA SÁN DÌU”**

1. Tổng quan chương trình

Giữa không gian trung du xanh mát của Ngọc Thanh, nơi những dấu tích cách mạng vẫn còn in đậm trong địa hình, ký ức cộng đồng và đời sống địa phương, chương trình du lịch trải nghiệm **“Dấu ấn Chiến khu – Sắc màu văn hóa Sán Dìu”** mở ra một hành trình kết nối lịch sử với văn hóa bản địa bằng những trải nghiệm gần gũi, chân thực và giàu cảm xúc.

Trong một ngày, du khách không chỉ được tìm hiểu về Chiến khu Ngọc Thanh – một không gian lịch sử gắn với hoạt động chỉ huy, quân khí, quân y và hậu cần trong thời kỳ kháng chiến – mà còn có cơ hội bước vào đời sống văn hóa của cộng đồng người Sán Dìu. Từ việc nghe kể chuyện chiến khu giữa đồi rừng, trực tiếp chế biến món ăn truyền thống, khoác lên mình trang phục chàm, thưởng thức làn điệu Soọng Cô đến khám phá các sản phẩm địa phương, mỗi hoạt động đều giúp du khách cảm nhận rõ hơn chiều sâu lịch sử và sức sống văn hóa của vùng đất này.

Chương trình được xây dựng theo hướng kết hợp giữa tham quan, giáo dục truyền thống và trải nghiệm cộng đồng. Du khách không chỉ “đến để xem”, mà còn được lắng nghe, tham gia, tương tác và tự mình cảm nhận những giá trị được gìn giữ qua nhiều thế hệ. Qua đó, lịch sử không còn là những sự kiện xa xôi, còn văn hóa không chỉ tồn tại trong lời giới thiệu, mà trở thành những câu chuyện sống động hiện diện trong món ăn, trang phục, tiếng hát và sự hiếu khách của người dân địa phương.

“Dấu ấn Chiến khu – Sắc màu văn hóa Sán Dìu” vì thế không đơn thuần là một chuyến tham quan, mà là hành trình tìm về ký ức, khám phá bản sắc và lan tỏa sự trân trọng đối với những giá trị lịch sử – văn hóa đặc sắc của Ngọc Thanh.

2. Thông tin chung về chương trình

Tên chương trình: Dấu ấn Chiến khu – Sắc màu văn hóa Sán Dìu

Địa điểm tổ chức: Xã Ngọc Thanh, tỉnh Phú Thọ

Thời lượng: 01 ngày, từ 7 giờ 30 đến 17 giờ

Điểm đón và trả khách: Khu vực Đại Lải hoặc điểm điều phối du lịch tại Ngọc Thanh Loại

Hình du lịch: Du lịch văn hóa, lịch sử, giáo dục truyền thống và trải nghiệm cộng đồng

Đối tượng khách phù hợp: Học sinh, sinh viên; Khách du lịch nội địa; Các đoàn thể, cơ quan, tổ chức; Khách nghiên cứu văn hóa và lịch sử; Khách có nhu cầu tìm hiểu đời sống cộng đồng dân tộc Sán Dìu.

Quy mô đoàn đề xuất: Từ 15 đến 30 khách. Trường hợp đoàn có số lượng lớn hơn cần chia thành các nhóm nhỏ để bảo đảm chất lượng thuyết minh, an toàn tại điểm di tích và hạn chế gây ảnh hưởng đến sinh hoạt của người dân.

Thời gian tổ chức phù hợp: Có thể tổ chức quanh năm.

3. Lịch trình chi tiết

Thời gian	Nội dung
07h00 – 07h30	Đón khách và giới thiệu hành trình. Khách được đón tại khu vực Đại Lải hoặc điểm điều phối tại Ngọc Thanh. Hướng dẫn viên chào đón đoàn, kiểm tra số lượng khách, xác nhận các yêu cầu đặc biệt và phổ biến những nội dung an toàn cần thiết.
07h30 – 10h00	Trải nghiệm “Dấu ấn Chiến khu Ngọc Thanh” Đoàn di chuyển đến cụm di tích tiêu biểu thuộc Chiến khu Ngọc Thanh. Tại điểm đầu tiên, hướng dẫn viên giới thiệu khái quát về vị trí của Ngọc Thanh trong không gian chuyển tiếp giữa đồng bằng Bắc Bộ, vùng trung du và căn cứ địa Việt Bắc. Khách quan sát đặc điểm địa hình và nghe giải thích về vai trò của đồi, rừng, khe núi, đường mòn và các khu vực kín đáo trong việc che giấu, bảo vệ và kết nối lực lượng. Tại các điểm tiếp theo, khách được tìm hiểu chức năng của từng bộ phận trong hệ thống chiến khu, gồm: - Cơ sở chỉ huy và điều phối lực lượng; - Xưởng quân khí; - Trạm quân y; - Kho lương thực và hệ thống hậu cần;
10h00 – 10h15	Di chuyển đến không gian cộng đồng Sán Dìu
10h15-11h15	Trải nghiệm chế biến ẩm thực Sán Dìu Đại diện cộng đồng giới thiệu một số món ăn truyền thống có thể khai thác trong chương trình như: - Bánh chưng gù; - Bánh lá ngải; - Xôi màu; - Thịt chua; - Thịt thính; Tùy theo mùa, quy mô đoàn và điều kiện chuẩn bị, chương trình lựa chọn một món phù hợp để khách trực tiếp tham gia
11h15 – 13h30	Ăn trưa với thực đơn địa phương Khách dùng bữa trưa tại hộ gia đình hoặc không gian cộng đồng. Sau bữa trưa, khách nghỉ tại không gian cộng đồng.
13h30 – 14h30	Trải nghiệm trang phục truyền thống Sán Dìu Người hướng dẫn địa phương giới thiệu các thành phần cơ bản của trang phục truyền thống Sán Dìu như: - Khăn đội đầu; - Áo dài màu chàm; - Áo trong; - Yếm;

	- Thắt lưng; - Váy; - Xà cạp; - Một số phụ kiện đi kèm.
14h30 – 15h45	Giao lưu hát Soọng Cô Nghệ nhân hoặc thành viên câu lạc bộ văn hóa giới thiệu khái quát về hát Soọng Cô, hình thức hát đối đáp, nội dung lời ca và không gian thực hành trong đời sống cộng đồng Sán Dìu và trình diễn hát Soọng cô
15h45-16h30	Không gian sản phẩm và câu chuyện địa phương Khách tham quan khu giới thiệu sản phẩm địa phương. Sản phẩm có thể gồm: Bánh và thực phẩm truyền thống; Nông sản theo mùa; Đồ thủ công; Sản phẩm chế biến từ nguyên liệu địa phương; Tài liệu, hình ảnh hoặc ấn phẩm về Chiến khu Ngọc Thanh; Sản phẩm gắn với văn hóa Sán Dìu; Quà lưu niệm có nguồn gốc rõ ràng.
16h30 – 17h00	Tổng kết và trả khách Hướng dẫn viên tập trung đoàn tại điểm cộng đồng, kiểm tra số lượng khách và tổ chức hoạt động tổng kết ngắn. Hướng dẫn viên cảm ơn khách, người dân, nghệ nhân và các đơn vị tham gia. Đoàn di chuyển về điểm đón ban đầu, kết thúc chương trình.

4. Dịch vụ bao gồm

Chương trình dự kiến bao gồm:

- Phương tiện di chuyển nội bộ theo lịch trình;
- Hướng dẫn viên hoặc thuyết minh viên;
- Người hướng dẫn cộng đồng;
- Nước uống;
- Nguyên liệu và dụng cụ cho hoạt động chế biến món ăn;
- Bữa trưa tại cộng đồng;
- Chương trình giao lưu Soọng Cô;
- Chi phí hỗ trợ nghệ nhân và hộ gia đình;
- Bảo hiểm du lịch;

5. Dịch vụ không bao gồm

- Chi phí mua sản phẩm và quà lưu niệm;
- Đồ uống hoặc món ăn gọi thêm ngoài thực đơn;
- Các khoản chi tiêu cá nhân;
- Các dịch vụ riêng không được nêu trong chương trình.

MỤC LỤC - CONTENTS

NGHIÊN CỨU - TRAO ĐỔI - RESEARCH & DISCUSSION

- 3 Nguyễn Hương Quế:** Một số kinh nghiệm và giải pháp nâng cao chất lượng nghiên cứu thực tế hàng năm của giảng viên tại Trường Chính trị tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu - Some experiences and solutions to improve the quality of annual practical research of lecturers at Ba Ria-Vung Tau Province Political School.
- 8 Mai Thanh Hồng:** Sử dụng một số phương pháp dạy học tích cực trong giảng dạy môn Tư tưởng Hồ Chí Minh ở Trường Đại học Sư phạm Nghệ thuật Trung ương hiện nay - Using several methods of active learning in teaching Ho Chi Minh's ideology at the National University of Art Education today.
- 13 Nguyễn Văn Ty:** Huyện An Biên trong chiến cuộc Đông Xuân 1953-1954 phối hợp với toàn quốc đánh bại thực dân Pháp xâm lược mà đỉnh cao là chiến thắng Điện Biên Phủ - An Bien district (Kien Giang province) in the winter-spring war of 1953-1954 against the French colonialists, culminating in the Dien Bien Phu victory.
- 19 Lê Thị Thủy Dung:** Vận dụng phương thức dạy học kết hợp (Blended Learning) trong giảng dạy Triết học Mác-Lênin tại Trường Đại học Tài nguyên và Môi trường Hà Nội - Applying the Blended Learning method in teaching Marxist-Leninist Philosophy at Hanoi University of Natural Resources and Environment.
- 24 Trương Thị Ly Na - Vũ Đình Chinh:** Thiết kế mô hình 3D trong dạy học một số yếu tố xác suất lớp 6 - Designing 3D models in teaching some probabilistic factors in grade 6.
- 29 Nguyễn Quốc Thịnh:** Ứng dụng hệ thức lượng trong đo đạc thực tế - Application of quantitative formula to solve practical measurement problems.
- 35 Võ Hoàng Đệ:** Phát triển năng lực giải quyết vấn đề toán học cho học sinh qua bài toán thực tiễn với phương trình đường tròn - Toán 10 - Developing students' ability to solve mathematical problems through practical math problems with circle equations - Math 10.
- 41 Phạm Thị Ngọc Liên:** Đề xuất một số giải pháp về đào tạo, bồi dưỡng và chính sách đối với giáo viên mầm non - Proposing some solutions on training, development and policies for preschool teachers.
- 46 Phạm Việt Quỳnh - Hoàng Quỳnh Chi:** Vận dụng dạy học tình huống trong dạy học chủ đề "Con người và sức khỏe" (Tự nhiên và Xã hội 2) nhằm phát triển kĩ năng vận dụng kiến thức, kĩ năng đã học vào thực tiễn cho học sinh - Applying case-based teaching in the topic "Human and health" (Natural and Social Sciences Grade 2) to develop the capability to apply knowledge to practice for students.
- 51 Phạm Văn Hùng - Huỳnh Thị Lệ Trang:** Điều kiện cần và đủ để rèn chữ viết cho học sinh tiểu học - Necessary and sufficient conditions for teaching handwriting to primary school students.
- 56 Phí Công Mạnh:** Kỹ năng giải quyết mâu thuẫn của học sinh Trường Trung học phổ thông Vạn Xuân, Thành phố Hà Nội - Skills in conflict resolution of students at Van Xuan High school, Hanoi City.
- 61 Nguyễn Hồng Nga - Nguyễn Ngọc Thọ:** Tích hợp tính bền vững vào chương trình giáo dục đại học Việt Nam - Lợi ích, thách thức và một số kinh nghiệm quốc tế - Integrating sustainability into Vietnamese higher education curriculum - benefits, challenges and some international experiences.
- 66 Phạm Thị Trang:** Ứng dụng trí tuệ nhân tạo vào đổi mới phương pháp giảng dạy tại trường đại học - Application of artificial intelligence to innovation of teaching methods at universities.
- 71 Tạ Thanh Thủy:** Nâng cao hiệu quả quản trị đại học trong bối cảnh đổi mới giáo dục tại Việt Nam - Improving the effectiveness of university administration in the context of educational innovation in Vietnam.
- 76 Nguyễn Hải Vân:** Hoạt động trải nghiệm trong dạy học môn Địa lí lớp 12 trung học phổ thông tại thành phố Hải Dương - Experiential activities in teaching grade 12 Geography in Hai Duong city.
- 82 Nguyễn Thị Thảo Nguyên:** Đổi mới phương pháp giảng dạy học phần Tư tưởng Hồ Chí Minh tại Trường Đại học Kinh tế Thành phố Hồ Chí Minh - Innovating teaching methods for Ho Chi Minh ideology module at Ho Chi Minh City University of Economics.
- 87 Huỳnh Đức Duy - Nguyễn Thành Đại:** Thiết kế mô hình nghiên cứu mối quan hệ giữa marketing-truyền thông tích hợp, hiệu quả thương hiệu và quyết định lựa chọn của người học: Trường hợp Khoa Kinh doanh và Luật, Trường Đại học Quốc tế Sài Gòn - Designing a research model on the relationship between integrated marketing communications, brand effectiveness, and learner choice: A case study of the Faculty of Business and Law at Saigon International University.
- 92 Văn Quỳnh Phương - Bùi Văn Công:** Công cụ trình chiếu trợ giúp dạy và học kiến trúc - Presentation tools to help teach and learn architecture.
- 97 Trần Trọng Hiếu:** Nâng cao hiệu quả công tác tập huấn điều lệnh, quân sự, võ thuật tại Công an Thành phố Hà Nội - Improving the effectiveness of training in command, military and martial arts at Hanoi City Police.
- 102 Vũ Thị Diệp Lan - Nguyễn Thị Tuyết Nhung:** Nâng cao kỹ năng đọc hiểu tiếng Anh cho sinh viên năm thứ nhất tại Trường Đại học Hải Dương - Improving English reading comprehension skills for first-year students at Hai Duong University.
- 107 Hà Thị Hải Thi:** Biện pháp nâng cao năng lực tự học cho sinh viên chuyên ngành Giáo dục thể chất, Trường Đại học Thủ đô Hà Nội - Measures to improve self-study capacity for students majoring in Physical Education at Hanoi Metropolitan University.
- 113 Bùi Thị Bích Diệp - Nguyễn Thị Kim Nguyệt - Nguyễn Công Trung:** Giáo dục giá trị đạo đức truyền thống Việt Nam cho sinh viên Trường Cao đẳng Văn hóa Nghệ thuật Đắk Lắk trong bối cảnh hiện nay - Educating traditional Vietnamese moral values for students at Dak Lak College of Culture and Arts in the current context.
- 118 Tạ Thu Huyền:** Công tác đào tạo, huấn luyện kỹ năng điều khiển phương tiện giao thông cơ giới đường bộ của Trung tâm Day nghề, đào tạo và sát hạch lái xe tại Học viện Cảnh sát nhân dân - Training and coaching on road motor vehicle driving skills of the Center for Vocational Training, Driving Training and Testing at the People's Police Academy.
- 123 Lương Thị Minh:** Phát huy tính tích cực, chủ động cho học viên trong học tập học phần Kinh tế chính trị Mác-Lênin tại Học viện Cảnh sát nhân dân - Promoting positivity and initiative for students in studying Marxist-Leninist Political Economy at the People's Police Academy.
- 128 Trần Trọng Hiếu:** Công tác tập huấn, huấn luyện võ thuật cho cán bộ, chiến sĩ Bộ Tư lệnh Cảnh vệ đáp ứng yêu cầu, nhiệm vụ cảnh vệ trong tình hình mới - Training and coaching martial arts for officers and soldiers of the Guard Command to meet the requirements and tasks of guarding in the new situation.
- 133 Nguyễn Thị Ngọc Tâm:** Kiến nghị một số giải pháp giáo dục kĩ năng phòng tránh bạo lực cho trẻ mẫu giáo 5-6 tuổi tại một số trường mầm non trên địa bàn tỉnh Bình Dương - Solutions to educate violence prevention skills for 5-6 year-old preschoolers at some kindergartens in Binh Duong province.
- 138 Nguyễn Thị Minh Hải:** Sự phát triển tâm lý của học sinh trung học cơ sở ở thành phố Hải Dương và một số nguy cơ dẫn đến bạo lực và xâm hại tình dục - Psychological development of middle school students in Hai Duong city and some risks leading to violence and sexual abuse.
- 144 Nguyễn Bá Huy:** Đổi mới nội dung Giáo dục quốc phòng và an ninh cho sinh viên trong xây dựng và bảo vệ Tổ quốc - Innovating the content of National Defense and Security Education for students in building and protecting the Fatherland.
- 149 Hồ Như Tùng:** Ứng dụng bài tập bổ trợ nhằm nâng cao hiệu quả kỹ thuật tại chỗ ném rổ một tay trên cao cho sinh viên chuyên ngành Giáo dục thể chất, Trường Đại học Tây Bắc - Application of supplementary exercises to improve the efficiency of on-site one-handed overhead shooting technique in basketball for students majoring in Physical Education at Tay Bac University.
- 153 Hoàng Quang Vinh:** Thái độ của sinh viên và ảnh hưởng của việc sử dụng ngữ liệu thực tế đối với kỹ năng phát âm các từ chức năng của sinh viên khối chuyên ngữ tại Đại học Bách khoa Hà Nội - The impact of authentic materials on English-major students' attitudes and pronunciation of function words.
- 158 Trần Quốc Toàn:** Biểu hiện tương tác giữa sinh viên với sinh viên trong học tập theo học chế tín chỉ tại Trường Đại học Công nghiệp Hà Nội - Expression of interaction between students in learning under the credit system at Hanoi Industrial University.

- 164 Ngô Thị Thu:** Lựa chọn biện pháp nâng cao tính tự giác tích cực tập luyện trong giờ học Bóng chuyền cho nữ sinh viên Trường Đại học Luật Hà Nội - Measures to improve positive self-discipline during Volleyball lessons for female students at Hanoi Law University.
- 169 Dương Thị Thuợc:** Khó khăn và giải pháp để hỗ trợ sinh viên tham gia mô phỏng phỏng vấn bằng tiếng Pháp và tiếng Anh cuối khóa học hội nhập nghề nghiệp bằng tiếng Pháp tại Đại học Bách khoa Hà Nội - Difficulties and solutions to support students participating in simulated interviews in French and English at the end of the Professional Integration Course in French at Hanoi University of Science and Technology.
- 175 Nguyễn Thị Xuân Sơn - Vũ Hải Đăng - Lê Thị Anh Đào:** Luật mềm quốc tế điều chỉnh ô nhiễm biển từ nước thải trong đất liền - International soft law regulating marine pollution from inland wastewater.
- 181 Nguyễn Văn Nghiêm - Đào Ngọc Duy:** Tìm hiểu phương thức, thủ đoạn của tội phạm sử dụng công nghệ cao trong hoạt động giao dịch thương mại điện tử và một số giải pháp nâng cao hiệu quả phòng ngừa - Exploring the methods and tactics of high-tech crime in e-commerce transactions and proposing solutions to enhance prevention effectiveness.
- 186 Vũ Thị Thùy Dung:** Giải pháp nâng cao ý thức bảo vệ môi trường của sinh viên các trường đại học trên địa bàn Thành phố Hà Nội - Solutions to enhance environmental awareness protection among university students in Hanoi City.
- 191 Lê Thị Hồng Xuân:** Quyền được tiếp xúc với người bào chữa của các chủ thể bị buộc tội trong giai đoạn đầu của tố tụng theo pháp luật tố tụng hình sự Việt Nam hiện nay - The right to contact a defense attorney for defendants in the early stages of proceedings under current Vietnamese criminal procedure law.
- 197 Bùi Thị Thu Hường:** Hoàn thiện pháp luật về đấu thầu mua sắm hàng hóa, dịch vụ - Thực trạng và giải pháp - Improving the law on bidding for procurement of goods and services - current situation and solutions.
- 202 Lê Thị Khánh Hòa:** Một số đánh giá về quy định phân bổ sử dụng quỹ bảo hiểm y tế theo dự thảo luật sửa đổi bổ sung một số điều của Luật Bảo hiểm y tế - Some assessments of regulations on allocation and use of health insurance funds according to the Draft Law amending and supplementing a number of articles of the Law on Health Insurance.
- 207 Nguyễn Xuân Ninh:** Một số vấn đề về giám sát trong thi hành tạm giữ, tạm giam ở Việt Nam hiện nay - Some issues on supervision in the implementation of temporary detention and temporary detention in Vietnam today.
- 212 Đinh Thị Thanh Nga:** Hoàn thiện quy định pháp luật về hợp đồng dự án hợp tác công tư trong đầu tư kết cấu hạ tầng - Improving legal regulations on public-private partnership project contracts in infrastructure investment.
- 217 Nguyễn Thị Mỹ Linh:** Pháp luật về nghĩa vụ chứng minh của các đương sự trong các vụ án kinh doanh thương mại tại tòa án - The obligation of proof of parties in commercial disputes before the courts.
- 222 Huỳnh Công Tâm - Lê Đức Trình:** Xây dựng, khai thác cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư phục vụ phòng, chống tội phạm trên không gian mạng - Construction and exploitation of the national population database for cybercrime prevention and control.
- 227 Lâm Vĩ Khang:** Pháp luật về phát triển, quản lý và khai thác quỹ đất - Điểm mới từ Luật Đất đai năm 2024 và gợi ý hoàn thiện - Law on development, management and exploitation of land funds - new points from the Land Law 2024 and suggestions.
- 232 Phạm Văn Toàn:** Vấn đề vướng mắc trong Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật và kiến nghị hoàn thiện - Problems in the Law on Promulgation of Legal Documents and recommendations for improvement.
- 238 Trương Kim Phụng - Nguyễn Hoàng Chương:** Nghĩa vụ hoàn trả hoa lợi, lợi tức do chiếm hữu tài sản không có căn cứ pháp luật theo pháp luật Việt Nam - Obligation to return benefits and profits due to possession of property without a legal basis according to Vietnamese law.
- 243 Nguyễn Thị Quỳnh Dương:** Đổi mới công tác thi đua, khen thưởng trong công an nhân dân giai đoạn hiện nay - Innovating Emulation and Reward Work in the People's Public Security Force during the current period.
- 249 Nguyễn Nữ Kim Chi:** Thành tựu nghệ thuật art Nouvear với các công trình thiết kế nội thất - kiến trúc trên thế giới và Việt Nam - Art nouveau achievements with works interior design and architecture in the world and in Vietnam.
- 254 Bùi Đức Hiên:** Mấy vấn đề pháp lý về phòng ngừa ô nhiễm môi trường biển từ rác thải nhựa ở Việt Nam hiện nay - Some legal issues on prevention of marine environment pollution from plastic waste in Vietnam today.
- 260 Phạm Thị Kim Phượng:** Người có khó khăn trong nhận thức, làm chủ hành vi theo Bộ luật Dân sự 2015 - Persons with limited cognition or behavior control according to the 2015 Civil Code.
- 265 Phạm Thị Lệ Quyên:** Một số bất cập của pháp luật về giao dịch hợp đồng điện tử trong giai đoạn hiện nay - Some inadequacies of the law on electronic contracts transactions in the current period.
- 271 Trương Minh Điển - Trịnh Văn Mới:** Vai trò của dữ liệu điện tử trong điều tra vụ án hình sự - The role of electronic data in criminal investigations.
- 276 Đỗ Trường:** Tăng cường quản lý vũ khí, vật liệu nổ, công cụ hỗ trợ trên địa bàn tỉnh Quảng Bình - Strengthening the management of weapons, explosives and supporting tools in Quang Binh province.
- 281 Trương Thị Hồng - Trần Hữu Trọng:** Hoạt động của lực lượng Cảnh sát giao thông Công an Thành phố Hồ Chí Minh trong phòng ngừa tội phạm vi phạm quy định về tham gia giao thông đường bộ do người vi phạm nồng độ cồn gây ra - Activities of the Ho Chi Minh City Traffic Police force in preventing road traffic crimes committed by alcohol-impaired offenders.
- 287 Hoàng Tuấn Tú:** Xây dựng đội ngũ cán bộ tham mưu Cục Công tác Đảng và công tác chính trị, Bộ Công an hiện nay - Building staff corps for Department of Party affairs and political work, Ministry of Public Security
- 292 Huỳnh Tấn Lộc:** Một số vấn đề chung về kinh tế tri thức và đặc trưng trong giai đoạn hiện nay - Some general issues about knowledge economy and its characteristics in the current period.
- 297 Đỗ Trường:** Công tác quản lý cư trú của công an huyện Phú Quý, tỉnh Bình Thuận - Residence management work of Phu Quy District Police, Binh Thuan province.
- 301 Lại Thị Ngọc Hạnh:** Vận dụng tư tưởng Hồ Chí Minh về phát triển nông nghiệp toàn diện ở tỉnh Đắk Lắk hiện nay - Applying Ho Chi Minh's thought on comprehensive agricultural development in Dak Lak province today.
- 307 Nguyễn Tôn Thị Tường Vân:** Các yếu tố ảnh hưởng đến hành vi công dân trong tổ chức của cán bộ giảm nghèo ở Thành phố Hồ Chí Minh - Factors influencing the organizational citizenship behavior of poverty reduction officers in Ho Chi Minh City.
- 313 Nguyễn Đức Hiếu - Đặng Thị Phương Anh:** Tài nguyên văn hóa phục vụ phát triển du lịch tại xã Ngọc Thanh, thành phố Phúc Yên, tỉnh Vĩnh Phúc - Cultural resources for tourism development in Ngoc Thanh commune, Phuc Yen city, Vinh Phuc province.
- 319 Phùng Thị Bích Hằng:** Phát huy giá trị văn hóa mặc cho sinh viên các trường cao đẳng, đại học ở Việt Nam hiện nay - Promoting cultural value of costumes for students of colleges and universities in Vietnam today.
- 324 Nguyễn Tấn Thanh - Huỳnh Khắc Thuận:** Lễ hội Thiên hộ Võ Duy Dương và Đốc binh Nguyễn Tấn Kiều trong phát triển du lịch tại tỉnh Đồng Tháp - Festival of Thiên Hộ Võ Duy Duong and Doc Binh Nguyen Tan Kieu in tourism development of Dong Thap province.
- 329 Yao Qiu Tong:** Quán ngữ Tiếng Việt - Tiếng Hán và những đặc điểm - Vietnamese - Chinese idioms and their characteristics
- 334 Bùi Thị Hậu:** Thực trạng nguồn nhân lực quản lý văn hóa cơ sở trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa hiện nay - The current situation of human resources for grassroots cultural management in Thanh Hoa province.
- 340 Trương Hoàng Trung - Hoàng Bảo Trân - Võ Ngọc Thiên Phụng:** Nghiên cứu ứng dụng phương pháp giảng dạy đa phương thức trong giảng dạy văn hóa truyền thống Trung Hoa cho sinh viên - Research on applying multimodal teaching methods in teaching traditional Chinese culture to students.
- 346 Đặng Thị Thu Hằng:** Quản lý hoạt động dạy học môn lịch sử ở các trường trung học cơ sở thành phố Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa - Status of history teaching activities in secondary schools in nha trang city, Khanh Hoa province.
- 351 Nguyễn An Giang:** Rèn luyện kỹ năng nói tiếng Anh cho sinh viên qua phương pháp trò chơi ngôn ngữ - Improving students' speaking performance by using language games.
- 356 Hứa Thị Diễm Trâm - Nguyễn Anh Huy:** Thực trạng quản lý hoạt động dạy học theo định hướng phát triển năng lực học sinh ở các trường trung học cơ sở quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh - Current status of management of teaching and learning activities in the orientation of developing students' capacity in secondary schools in binh thanh district, ho chi minh city.

TÀI NGUYÊN VĂN HÓA PHỤC VỤ PHÁT TRIỂN DU LỊCH TẠI XÃ NGỌC THANH, THÀNH PHỐ PHÚC YÊN, TỈNH VINH PHÚC^(*)

NGUYỄN ĐỨC HIẾU

Khoa Du lịch, Trường Đại học Khoa học, Đại học Thái Nguyên

ĐẶNG THỊ PHƯƠNG ANH

Khoa Du lịch học, Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn,

Đại học Quốc gia Hà Nội

Nhận bài ngày 05/8/2024. Sửa chữa xong 08/8/2024. Duyệt đăng 10/8/2024.

Abstract

This article provides an overview of cultural tourism resources and extracts the potential for cultural tourism development in Ngọc Thanh commune, Phúc Yên City, Vinh Phúc Province. This is a land with tourism potential with richness and diversity of cultural tourism resources, including a system of revolutionary historical relics associated with the ancient Ngọc Thanh War Zone, a system of cultural heritage associated association with the San Diu ethnic group, cultural festivals, culinary culture. The article also points out the current situation of exploitation and proposes some solutions to exploit the value of cultural tourism resources, contributing to the further development of tourism in Ngọc Thanh commune in a sustainable direction.

Keywords: Cultural resources, cultural tourism, Ngọc Thanh commune.

1. Đặt vấn đề

Hiện nay, du lịch đã và đang được xem là một ngành kinh tế mũi nhọn của cả nước, giúp đưa hình ảnh quốc gia, dân tộc đến gần hơn với bạn bè quốc tế. Trong sự phát triển du lịch (PTDL), văn hóa được xem là một nguồn lực quan trọng. Chiến lược PTDL Việt Nam đến năm 2030 đã nhấn mạnh quan điểm: “Chú trọng PTDL văn hóa, gắn PTDL với bảo tồn, phát huy giá trị di sản và bản sắc văn hóa dân tộc” [2]. Trong Chiến lược phát triển các ngành công nghiệp văn hóa Việt Nam đến năm 2020, tầm nhìn 2030, Chính phủ cũng xác định du lịch văn hóa (DLVH) là 1 trong số 13 ngành công nghiệp văn hóa, với mục tiêu là PTDL văn hóa trở thành ngành kinh tế dịch vụ quan trọng, phát triển rõ rệt về chất và lượng, đóng góp tích cực và tăng trưởng kinh tế và giải quyết việc làm... [3].

Xã Ngọc Thanh, thành phố Phúc Yên, tỉnh Vĩnh Phúc là cửa ngõ phía Bắc của Thủ đô Hà Nội. Ngọc Thanh được thiên nhiên ban tặng cho tài nguyên tự nhiên phong phú và đa dạng, cả về tài nguyên du lịch tự nhiên và tài nguyên DLVH. Tài nguyên DLVH của địa phương rất phong phú và đa dạng, trong đó nổi bật là di tích lịch sử cách mạng Chiến khu Ngọc Thanh, các lễ hội truyền thống, văn hóa ẩm thực... Đặc biệt, với gần 40% dân số là người Sán Diu, nơi đây hội tụ nhiều nét đặc trưng của văn hóa của tộc người. Chính vì vậy, để phát triển kinh tế du lịch tại xã Ngọc Thanh trong thời gian tới, cần quan tâm và đẩy mạnh khai thác hiệu quả giá trị tài nguyên văn hóa của địa phương.

2. Nội dung nghiên cứu

2.1. Phương pháp nghiên cứu

Bài báo được viết trên các dữ liệu thu thập từ thực địa của tác giả và các tài liệu, báo cáo liên quan của các cơ quan nghiên cứu về du lịch, cơ quan quản lý nhà nước. Trong quá trình nghiên cứu, bài viết đã sử dụng các phương pháp như:

- Phương pháp thu thập số liệu thứ cấp từ các sách tham khảo, bài viết, báo cáo liên quan đến nội

Email: hieund@gmail.com

dung nhằm lấy đó là tiền đề cho khung lý thuyết và từ đó phân tích, tổng hợp nhằm đánh giá nội dung của bài viết một cách khách quan, chính xác.

- Phương pháp điền dã: Tác giả tiến hành thực địa, quan sát khảo sát tại các điểm di tích lịch sử cách mạng gắn với Chiến khu Ngọc Thanh và các thôn có người Sán Dìu sinh sống ở xã Ngọc Thanh để từ đó có cái nhìn tổng quan về tài nguyên PTDL văn hóa tại đây.

2.2. Kết quả nghiên cứu

2.2.1. Du lịch văn hóa và tài nguyên du lịch văn hóa

Theo Luật Du lịch: “Du lịch văn hóa là loại hình du lịch được phát triển trên cơ sở khai thác giá trị văn hóa, góp phần bảo tồn và phát huy giá trị văn hóa truyền thống, tôn vinh giá trị văn hóa mới của nhân loại” [4]. Như vậy, DLVH không chỉ dựa vào văn hóa để phát triển, mà còn mang một sứ mệnh cao cả hơn, đó là tôn vinh các giá trị văn hóa tốt đẹp của nhân loại, đồng thời làm giàu thêm bản sắc văn hóa của quốc gia, dân tộc.

Cũng theo Luật Du lịch, “Tài nguyên du lịch văn hóa bao gồm di tích lịch sử - văn hóa, di tích cách mạng, khảo cổ, kiến trúc; giá trị văn hóa truyền thống, lễ hội, văn nghệ dân gian và các giá trị văn hóa khác; công trình lao động sáng tạo của con người có thể được sử dụng cho mục đích du lịch” [4]. Như vậy, tài nguyên DLVH là tài nguyên có nguồn gốc nhân tạo, do con người sáng tạo ra. Tuy nhiên, không phải tài nguyên văn hóa nào cũng được coi là tài nguyên DLVH, mà chỉ có những tài nguyên có sức hấp dẫn với du khách và có thể khai thác PTDL để tạo ra hiệu quả kinh tế, xã hội, môi trường mới được gọi là tài nguyên DLVH.

2.2.2. Tài nguyên du lịch văn hóa gắn với Chiến khu Ngọc Thanh

Xã Ngọc Thanh không chỉ là cửa ngõ phía Bắc của thủ đô Hà Nội, mà còn là một địa bàn chiến lược rất quan trọng trong cuộc chiến tranh giải phóng dân tộc, một trong những cái nôi của phong trào yêu nước. Nơi đây là mảnh đất giàu truyền thống cách mạng, ở thời kỳ lịch sử nào, nhân dân xã Ngọc Thanh cũng anh hùng, bất khuất. Từ khi có Đảng lãnh đạo, địa bàn xã Ngọc Thanh sớm trở thành cơ sở cách mạng bí mật, là địa bàn hoạt động của nhiều đồng chí như: Lê Quang Đạo, Xuân Thủy, Nguyễn Lam, Nguyễn Trọng Duệ. Mỗi tấc đất, cành cây, ngọn cỏ ở chiến khu Ngọc Thanh đều ghi dấu những sự kiện lịch sử hào hùng một thời. Chính vì thế, hệ thống các di tích lịch sử cách mạng ở Ngọc Thanh khá phong phú, góp phần không nhỏ vào việc giáo dục truyền thống cách mạng cho thế hệ trẻ, đồng thời, là nguồn tài nguyên phong phú cho PTDL văn hóa với những điểm di tích nổi bật: Đồn bốt Thần Lăn, khe núi Đá Bia, Đại bản doanh Móc Sơn, xưởng quân khí, trạm quân y... [5].

a. Đồn bốt Thần Lăn

Núi Thần Lăn là một dãy núi cao duy nhất nằm ở phía tây nam chiến khu, thuộc gianh giới giữa xã Ngọc Thanh, xã Cao Minh và phường Xuân Hoà. Xung quanh núi địa hình bằng phẳng và trống trải. Đồn Thần Lăn được lập trên một điểm cao nhất thuộc đầu dãy núi (điểm cao 126m). Đêm ngày 28/12/1950, lực lượng vũ trang chiến khu Ngọc Thanh tổ chức đánh đồn Thần Lăn, phá vỡ hệ thống phòng thủ trung du của thực dân Pháp. Sau kháng chiến, núi Thần Lăn được cải tạo và trồng kín cây xanh. Từ 1959 - 1963, một con đập được đắp tạo nên hồ Đại Lải dưới chân núi Thần Lăn, biến nơi đây thành khu thăm quan, nghỉ mát hấp dẫn du khách. Ngày nay, khách đến Đại Lải có thể men theo các lối mòn từ chân núi leo lên đỉnh Thần Lăn tham quan hệ thống các lô cốt được thực dân Pháp xây dựng để khống chế khu vực quanh núi.

b. Khe núi Đá Bia - nơi để kho lương của Chiến khu

Từ đèo Khế đi bộ 3km qua một thung lũng đến đèo Nhe. Con đèo dài 5km là con đường chiến lược của liên khu Việt Bắc thời kháng chiến. Hết đèo Nhe rẽ trái khoảng 2km tới một khoảng đất khá rộng rãi và bằng phẳng, chính là thung lũng Đá Bia. Kho quân lương của Chiến khu I được đặt ở đây vì có rừng già che chở, lại tiện cho việc vận chuyển lương thực đi mọi nơi. Hiện nay, nơi đây là những vườn chè trải rộng của nhân dân địa phương.

c. Đại bản doanh Móc Sơn

Rừng Thanh Lộc (Ngọc Thanh) thời kháng chiến chủ yếu là rừng già, kéo dài một dải từ chùa Thông đến đèo Nhe chừng 15km, ở giữa là con đường chiến lược độc đạo, hai bên là các cánh rừng rậm rạp dây leo chằng chịt, nặng không lọt qua. Rừng Móc Sơn thuộc hệ thống rừng già Thanh Lộc, cách đường chiến lược Thanh Lộc - đèo Nhe chừng 1km về phía tây. Đây là vị trí rất kín đáo, thuận lợi và an toàn cho mọi hoạt động của bộ đội. Từ 1947 - 1954, các đơn vị bộ đội chủ lực, bộ đội địa phương, dân quân du kích đến đông quân, huấn luyện để tham gia các chiến dịch lớn đánh Pháp. Đã nhiều lần quân Pháp kéo từ Phúc Yên qua đường Thanh Lộc đều bị đánh bại, đại bản doanh Móc Sơn tuyệt đối an toàn. Hiện nay, khu Móc Sơn là rừng thứ sinh, cây cối đang phát triển xanh tươi.

d. Xưởng quân khí

Thị hành nghị quyết của Hội nghị Trung ương lần thứ 2 (tháng 4/1947) về việc tăng cường sản xuất vũ khí cung cấp cho chiến trường, Chiến khu I đã quyết định lập một xưởng sản xuất vũ khí đặt tại Đồng Dè, thôn Ngọc Quang, xã Ngọc Thanh. Xưởng này có 300 công nhân làm việc trong 3 dãy nhà, ngày đêm miệt mài sản xuất hàng loạt vũ khí như lựu đạn, mìn, súng, mã tấu, dao găm,... cung cấp cho bộ đội ở chiến trường

e. Trạm quân y

Nhà cụ Lý Thị Hai thuộc thôn Lập Đình là địa điểm hoạt động của trạm quân y chiến khu và cơ sở bào chế thuốc tân dược. Theo lời kể của cụ Diệp Văn Hữu - nguyên hội trưởng hội trợ giúp binh sĩ thời kháng chiến, cán bộ của hai cơ sở trên đều ăn ở, sinh hoạt tại nhà cụ Lý Thị Hai; còn nơi bào chế thuốc và điều trị cho thương binh là dãy nhà riêng bên cạnh. Khu vực này có dãy núi Mũi Cày, Tám Cốt án ngữ nên rất kín đáo và an toàn. Cư dân Lập Đình khi đó chỉ có 25 hộ, nay đã thành một thôn đông đúc, cấy cày canh tác trên thung lũng Lập Đình màu mỡ. Nhà cụ Lý Thị Hai - nơi ở của cán bộ trạm quân y được vẫn còn, riêng nơi làm việc của họ hiện là vườn của gia đình cụ Hai, ven vườn còn lại rừng tre cũ.

2.2.3. Tài nguyên du lịch văn hóa gắn với tộc người Sán Dìu

Cũng như những dân tộc anh em khác, đồng bào dân tộc Sán Dìu ở các tỉnh miền núi trung du phía Bắc Việt Nam có tiếng nói, chữ viết và kho tàng văn hóa nghệ thuật mang bản sắc riêng. Là dân tộc chiếm gần 40% của xã Ngọc Thanh, người Sán Dìu nơi đây còn lưu giữ và thực hành những nét văn hóa truyền thống đặc sắc của tộc người, tiêu biểu như: Hát Soọng Cô; trang phục truyền thống; ẩm thực truyền thống; tín ngưỡng truyền thống.

a. Hát Soọng Cô - "báu vật" của người Sán Dìu

Soọng Cô là làn điệu dân ca đặc sắc của dân tộc Sán Dìu, được lưu giữ hàng trăm năm qua. Theo ngôn ngữ của người Sán Dìu, "Soọng cô" có nghĩa là ca hát đối đáp. Đây là một làn điệu mượt mà, đầm thắm của "nam thanh nữ tú" người Sán Dìu và được viết theo thể thất ngôn tứ tuyệt, tức là hai bên nam nữ đối đáp với nhau bằng những ca từ của một câu thơ 7 chữ, theo niêm luật nhất định. Soọng Cô được viết bằng chữ Hán và lưu truyền trong dân gian theo hai hình thức là truyền khẩu và chữ viết.

Cho đến nay, chưa xác định được chính xác Soọng Cô ra đời vào thời gian nào và nguồn gốc ra sao, chỉ biết rằng hát Soọng Cô được hình thành từ lâu đời, cùng tồn tại và phát triển với dân tộc Sán Dìu. Theo các vị cao niên ở xã Ngọc Thanh, trước đây, các làn điệu Soọng Cô được lưu truyền bằng chữ viết và được ghi chép cẩn thận thành sách để truyền lại cho các thế hệ con cháu. Người hát Soọng Cô phải học qua các sách này để đưa ra những vế đối đáp phù hợp và phải theo quy luật nhất định về vế đối. Qua quá trình phát triển của dòng chảy xã hội, bên cạnh những làn điệu được ghi lại trong các văn bản cổ, người hát Soọng Cô tự ứng tác thêm ra các vế đối để có thể hát được hay hơn, thời gian dài hơn. Từ đó, văn phong, lối đối đáp của Soọng Cô ngày càng được mở rộng hơn, hoàn thiện hơn.

Về hình thức diễn xướng, Soọng Cô cũng giống với hát Quan họ ở Bắc Ninh hay hát Sli của người Nùng ở vùng Trung du Miền núi Bắc Bộ, đó là hình thức đối đáp và sinh hoạt cộng đồng 2 bên: giữa chủ nhà và khách, giữa nam với nữ, giữa làng nọ với làng kia. Không gian diễn xướng của Soọng Cô khá đa dạng và phong phú. Người Sán Dìu ở Ngọc Thanh có thể hát Soọng Cô ở ngoài trời, hoặc trong nhà,

thậm chí có thể hát trong không gian lao động sản xuất như dưới đồng rộng, trên đồi chè... Ở xã Ngọc Thanh hiện nay có 4 câu lạc bộ Soọng Cô với hơn 200 hội viên.

Nội dung, ý nghĩa trong các làn điệu Soọng Cô hết sức phong phú và đa dạng, đề cập đến nhiều lĩnh vực khác nhau trong đời sống của người Sán Dìu ở Ngọc Thanh như: Tình yêu đôi lứa, tình yêu thiên nhiên, đất nước, phê phán cái xấu... Bởi vậy, Soọng Cô có giá trị tích cực trong việc giáo dục con người về cội nguồn dân tộc, quê hương, về tình cảm gia đình, họ hàng, anh em, tình yêu đôi lứa, yêu lao động... Người Sán Dìu ở xã Ngọc Thanh mê hát Soọng Cô bởi lẽ, nó bắt nguồn từ những ca từ bình dị, chất phác, nhưng thể hiện được đầy đủ tâm tư, tình cảm và khát vọng lớn lao của người dân lao động. Qua từng làn điệu khác nhau của Soọng Cô, người Sán Dìu vừa hướng đến người nghe, vừa thể hiện được vốn tri thức văn hóa của dân tộc mình [1].

Với những giá trị tiêu biểu, hát Soọng Cô là sự biểu hiện phong phú đời sống tinh thần của người Sán Dìu ở xã Ngọc Thanh. Hát Soọng Cô của người Sán Dìu đã được đưa vào Danh mục di sản văn hóa phi vật thể quốc gia theo Quyết định số 3465/QĐ-BVHTTDL ngày 13/10/2015 [1].

b. Trang phục truyền thống của người Sán Dìu

Trang phục truyền thống của người phụ nữ Sán Dìu bao gồm: áo dài ngang đầu gối, áo ngắn mặc bên trong, ngực đeo yếm trắng; quần, váy màu chàm đen, đội khăn đen, thắt dây lưng màu trắng hoặc xanh, quần xà cạp trắng; đeo vòng ở cổ và tay, đeo xà tích bạc bên hông. Nét độc đáo trong trang phục, đó là chiếc váy nhiều mảnh thường thì từ 2-6 mảnh, những miếng vải chàm chồng lên nhau ở phần trên rồi khâu lại có dây dải buộc vào eo lưng, phần dưới để xếp, không khâu chỉ, ngày nay chủ yếu là loại trang phục có 2 mảnh, 1 mảnh ở phía trước 1 mảnh ở phía sau, chỗ hở là 2 bên sườn. Trang phục truyền thống của nam giới bao gồm: quần áo màu chàm, được may theo kiểu bà ba, có hai túi rộng, quần dài, cạp chun, ống quần rất rộng, tuy giản dị nhưng vẫn làm nổi bật lên vẻ đẹp khỏe khoắn, mạnh mẽ. Luôn đi kèm với bộ trang phục của người Sán Dìu là chiếc túi đựng trầu, hình múi bưởi, được thêu tỉ mỉ với nhiều họa tiết bắt mắt, miệng túi được nối nhiều dây tết bằng chỉ màu dùng để đeo.

Trang phục của người Sán Dìu mang nét đặc trưng của dân tộc, tạo nên sự khác biệt trong bức tranh dân tộc đầy màu sắc của Việt Nam. So với trang phục của người Mông, Dao, Pà Thẻn,... thì trang phục của người Sán Dìu có vẻ khiêm nhường hơn. Không cầu kỳ về họa tiết, hoa văn sắc sảo, tuy nhiên sắc chàm của trang phục người Sán Dìu tạo nên vẻ đẹp thuần thục, duyên dáng cho người mặc.

c. Văn hóa ẩm thực

Ẩm thực là yếu tố phản ánh rõ nét, chân thực nhất văn hóa của tộc người Sán Dìu ở Ngọc Thanh. Bởi lẽ, thông qua ẩm thực, ta có thể thấy được phong tục tập quán, tín ngưỡng, tâm linh và thuần phong mỹ tục của tộc người. Nằm trong cái nôi của nền văn minh lúa nước nên từ lâu đời, người dân ở Ngọc Thanh đã coi cấy lúa nước là phương thức canh tác chủ yếu. Đồng thời, được thiên nhiên ban tặng cho hồ Đại Lải và hồ Suối Lạnh (Phổ Yên), nên hệ thống nước canh tác cho sản xuất nông nghiệp, mà cụ thể ở đây là trồng lúa nước, được phát triển mạnh mẽ. Vì vậy, ẩm thực của đồng bào Sán Dìu ở đây chủ yếu dựa trên nguồn lương thực là lúa gạo. Đồng thời, cách thức chế biến và thưởng thức món ăn của người Sán Dìu ở Ngọc Thanh cũng rất phong phú và đa dạng.

Ẩm thực người Sán Dìu ở Ngọc Thanh thể hiện rõ nét nhất trong những ngày lễ tết hay tiếp khách quý với những món ăn mang phong vị dân tộc đặc sắc, có thể kể đến như: cheo leo, thịt thính, thịt chua, bánh lá ngải, xôi màu, bánh chưng gù... Với cách thức chế biến và thưởng thức món ăn đặc trưng, ẩm thực người Sán Dìu ở Ngọc Thanh không những đáp ứng được nhu cầu trải nghiệm khám phá của du khách đến tham quan, mà còn thể hiện được những nét văn hóa, phong tục tập quán đặc trưng của tộc người. Chính vì vậy, hiện nay ở Ngọc Thanh, ngoài 4 câu lạc bộ Soọng Cô, còn có 01 hợp tác xã làm bánh, cung cấp ra thị trường những đặc sản của người Sán Dìu ở địa phương. Đặc biệt, hợp tác xã còn thường xuyên được mời đi trưng bày, triển lãm tại những sự kiện, hội chợ văn hóa du lịch, góp phần quảng bá thương hiệu ẩm thực người Sán Dìu ở Ngọc Thanh.

d. Tín ngưỡng

Đồng bào Sán Dìu là một trong những dân tộc có những sinh hoạt văn hóa, tín ngưỡng phong phú và đa dạng. Với thế giới quan đầy sinh động, dân tộc này tin theo thuyết “vạn vật hữu linh”, “tam giáo đồng nguyên”... Đồng bào quan niệm rằng, con người có hai phần là linh hồn và thể xác. Thể xác là cái tạm thời; khi chết, thể xác mất đi, chỉ có linh hồn tồn tại vĩnh cửu. Do vậy, tín ngưỡng thờ cúng tổ tiên được đồng bào coi trọng hàng đầu.

Ở người Sán Dìu có sự dung hợp của Tam giáo (Phật giáo, Khổng giáo, Đạo giáo). Đồng bào tin vào thuyết luân hồi, thuyết nhân - quả, thuyết định mệnh,... của giáo lý nhà Phật. Những người làm thầy cúng theo phái Mật tông, sử dụng những phép thuật huyền bí để cúng bái, làm phép, chữa bệnh...

Các ngày lễ tết được người Sán Dìu phân bố theo thời gian trong năm. Do vậy, hầu như tháng nào đồng bào cũng có tết như: Tết Nguyên Đán (*Sin nén chệt phoi*); Tết Thanh minh (*Sênh mênh chệt phoi*); Tết mừng 5 tháng Năm (*Lống sôn chệt phoi*); Tết Rằm tháng Bảy (*Mộc nén ka chệt*); Tết Cơm mới (*Sêch sin phan*); Tết Đông chí (*Đông chi chệt phoi*); Tết Tắt niên (*Khiu nén chệt phoi*). Đồng thời, do Ngọc Thanh nằm ở cái nôi của nền văn minh lúa nước, nên các tín ngưỡng thờ cúng nông nghiệp cũng được người Sán Dìu coi trọng với hệ thống thờ tự phong phú và đa dạng như: thần lúa, thần nông, tổ tiên, thành hoàng làng... Hàng năm, họ có các lễ hội như: hạ điền, thượng điền, tết cơm mới... Tuy mỗi lễ tết có một ý nghĩa riêng, cách thức và quy mô tổ chức lớn nhỏ khác nhau, nhưng đều thể hiện tinh thần uống nước nhớ nguồn và cầu cho mưa thuận gió hòa, mùa màng bội thu.

2.2.4. Phát huy tài nguyên văn hóa trong phát triển du lịch văn hóa tại xã Ngọc Thanh, thành phố Phúc Yên, tỉnh Vĩnh Phúc

Trong bối cảnh du lịch ngày càng được chú trọng phát triển như hiện nay, thay vì đi nghỉ dưỡng đơn thuần, du khách ngày càng có nhu cầu tìm hiểu, trải nghiệm những nét văn hóa độc đáo, khác lạ so với địa bàn cư trú của họ, vì vậy, DLVH trở thành một loại hình được chú trọng khai thác. Các tài nguyên văn hóa như các di tích lịch sử cách mạng gắn với Chiến khu Ngọc Thanh, di sản văn hóa gắn với người Sán Dìu, văn hóa ẩm thực với những nét đặc trưng nêu trên ở xã Ngọc Thanh có vai trò lớn trong việc phát triển kinh tế du lịch, đặc biệt là du lịch văn hóa ở địa phương. Chính sự phong phú và đa dạng của tài nguyên du lịch đã tạo nên sự hấp dẫn của sản phẩm du lịch.

Thời gian qua, xã Ngọc Thanh đã có nhiều nỗ lực trong việc tìm kiếm, nghiên cứu và khai thác các nguồn tài nguyên du lịch như: Khai thác tài nguyên sinh thái (hồ Đại Lải, hồ Lập Đình); khai thác các tài nguyên về di tích lịch sử văn hóa, lễ hội như đình Lập Đình, đình Thanh Lộc... Hiện nay, xã Ngọc Thanh đang có kế hoạch đề trình lên cấp có thẩm quyền về việc phục dựng, cải tạo lại các di tích lịch sử văn hóa tại địa phương nhằm thúc đẩy hơn nữa các hoạt động khai thác du lịch liên quan tới các di tích lịch sử này. Hơn nữa, hát Soọng Cô của đồng bào người Sán Dìu ở đây được công nhận là di sản văn hóa phi vật thể của quốc gia, với những lời ca da diết đi vào lòng bao du khách thập phương. Đây là một trong những tài nguyên DLVH có tiềm năng khai thác lớn, tuy nhiên, thực tế vẫn còn một số khó khăn, thách thức làm hạn chế tiềm năng khai thác nguồn tài nguyên văn hóa này.

Để có thể phát huy được tiềm năng PTDL văn hóa dựa trên các tài nguyên văn hóa, xã Ngọc Thanh cần chú trọng một số vấn đề sau:

a. Về đối tượng khách du lịch: Với những đặc trưng của nguồn tài nguyên văn hóa, DLVH ở Ngọc Thanh có thể có thu hút hai nguồn du khách tiềm năng. Một là, khách ngoại quốc. Họ thuộc đối tượng khách thích tìm hiểu văn hóa lịch sử, thích khám phá các khu vực còn bảo tồn được tương đối nguyên vẹn các giá trị văn hóa, tự nhiên. Hai là, khách nội địa (nguồn khách trong nước) vốn rất đa dạng thuộc nhiều lứa tuổi, nhiều thành phần nghề nghiệp khác nhau.

b. Cần chú trọng đầu tư tu sửa, tôn tạo các di tích lịch sử cách mạng gắn với Chiến khu Ngọc Thanh. Hiện nay, các di tích này đều đã xuống cấp đáng báo động. Chính quyền địa phương cần đưa ra các giải pháp nhằm phục dựng lại những công trình này, góp phần truyền tải ý nghĩa giáo dục sâu sắc cho người dân địa phương. Đồng thời, đây cũng là một trong những điểm nhấn trong PTDL văn hóa của xã. Hệ thống

các điểm di tích lịch sử cách mạng với vai trò là một sản phẩm du lịch sẽ là nền tảng để mở rộng các dịch vụ du lịch, tăng nguồn thu cho địa phương. Khi khách du lịch đến thưởng ngoạn ở các di tích, trải nghiệm cũng như tham dự các lễ hội, nét văn hóa đặc trưng sẽ kéo theo các nhu cầu thiết yếu như đi lại, lưu trú, nghỉ dưỡng, ăn uống, mua sắm, giải trí... Đó cũng là nền tảng để phát triển ngành dịch vụ: dịch vụ tour, dịch vụ di chuyển, lưu trú, ẩm thực mua sắm... Sự mở rộng các lĩnh vực dịch vụ sẽ tạo ra công ăn việc làm, tăng thu nhập, nâng cao đời sống về mọi mặt cho người dân địa phương trên địa bàn.

c. *Về khai thác các giá trị văn hóa của người Sán Dìu:* Cần sưu tầm, tìm hiểu ghi chép lại những nét văn hóa đặc sắc của người Sán Dìu ở Ngọc Thanh mà hiện tại đã mai một, gắn nó với chiến lược PTDL của địa phương. Đồng thời, địa phương cần định hướng rõ rệt việc khai thác văn hóa người Sán Dìu trong PTDL là yếu tố then chốt, thúc đẩy sự tham gia và gắn trách nhiệm của cộng đồng địa phương trong việc phát huy văn hóa bản địa. Bên cạnh đó, cơ quan quản lý nhà nước cần bảo vệ lợi ích và hỗ trợ người Sán Dìu trong việc quản lý di sản văn hóa, tạo tiền đề PTDL là lựa chọn sản phẩm du lịch đặc thù của địa phương.

d. *Cần tạo điều kiện hơn nữa cho người dân địa phương trong việc xây dựng điểm du lịch:* Khảo sát cho thấy rằng nhiều hộ gia đình (như gia đình anh Trần Văn Út - người Sán Dìu ở thôn Lập Đình, Famstay Phú Lâm) có mong muốn xây dựng các khu lưu trú, nghỉ dưỡng nhằm phục vụ PTDL, tuy nhiên do vướng phát một số thủ tục pháp lý nên đến hiện tại vẫn chưa thực hiện được mong muốn của mình. Chính quyền địa phương cần đưa ra những giải pháp nhằm giải quyết những khó khăn đó, có như vậy, hệ thống cơ sở vật chất kỹ thuật phục vụ du lịch ở đây mới đáp ứng được nhu cầu của khách du lịch

e. *Địa phương cần tăng cường hơn nữa trong công tác tuyên truyền, quảng bá các giá trị văn hóa của mình một cách rộng rãi.* Cần tăng cường sử dụng các phương tiện truyền thông đại chúng như các trang mạng xã hội Zalo, Facebook, YouTube,... nhằm giới thiệu các đặc trưng văn hóa ở đây đến với bạn bè, du khách trong nước cũng như quốc tế.

Bên cạnh các yếu tố trên, cơ sở hạ tầng, cơ sở vật chất kỹ thuật du lịch, đội ngũ cán bộ công nhân viên và tổ chức điều hành, quản lý du lịch,... là bộ phận quan trọng để hình thành nên các điểm du lịch. Xây dựng các điểm, tuyến hợp lý sẽ góp phần nâng cao hiệu quả trong việc khai thác các tài nguyên du lịch nói riêng, cũng như trong mọi hoạt động du lịch nói chung.

3. Kết luận

Tài nguyên DLVH tại Ngọc Thanh rất phong phú và đa dạng, thể hiện được đặc trưng của mảnh đất anh hùng cũng như phong tục tập quán và lối sống mộc mạc của người dân địa phương. Đồng thời, đó là nguồn lực nội sinh để góp phần vào thúc đẩy sự PTDL văn hóa tại Ngọc Thanh. Hiện nay, trong xu thế ngày càng phát triển của DLVH với nhu cầu của khách du lịch mong muốn được trải nghiệm, tìm hiểu những nét văn hóa đặc trưng của các dân tộc thiểu số, thì việc khai thác các giá trị tài nguyên văn hóa ở Ngọc Thanh trở thành một hướng đi đúng đắn, tạo ra sản phẩm du lịch mới, khác biệt, độc đáo giúp đáp ứng nhu cầu tăng thêm của khách du lịch. Đồng thời, PTDL gắn với khai thác giá trị văn hóa còn thể hiện xu hướng của du lịch bền vững với thể kiềng ba chân là: kinh tế, văn hóa và môi trường. Việc khai thác các giá trị tài nguyên văn hóa trong PTDL tại Ngọc Thanh là một hướng đi mới, khả thi và hứa hẹn đem lại nhiều hiệu quả tốt đẹp, góp phần khẳng định thương hiệu của du lịch Ngọc Thanh với du khách trong nước cũng như quốc tế.

(*) *Nghiên cứu này được thực hiện trong khuôn khổ đề tài khoa học và công nghệ mã số 27/ĐTKHVP/2023-2025 "Nghiên cứu giải pháp quản lý, bảo tồn và phát huy giá trị các di sản văn hóa gắn với phát triển du lịch trên địa bàn Vĩnh Phúc".*

Tài liệu tham khảo

- [1] Cục Di sản văn hóa (2024), *Hát Soọng cô của người Sán Dìu*, nguồn: <https://dsvh.gov.vn/hat-soong-co-cua-nguoi-san-diu-1224>, truy cập ngày 12/7/2024.
- [2] Chính phủ (2020), *Quyết định số 147/QĐ-TTg về Phê duyệt Chiến lược phát triển du lịch Việt Nam Nam đến năm 2030*.
- [3] Chính phủ (2016), *Chiến lược phát triển các ngành công nghiệp văn hóa Việt Nam đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030*.
- [4] Quốc hội (2017), *Luật Du lịch*.
- [5] Trung tâm Xúc tiến Du lịch Vĩnh Phúc (2016), *Chiến khu Ngọc Thanh - di tích lịch sử nhiều tiềm năng để phát triển du lịch*, nguồn: <https://dulichvinhphuc.gov.vn/du-lich-van-hoa-le-hoi/chien-khu-ngoc-thanh-di-tich-lich-su-nhieu-tiem-nang-de-phat-trien-du-lich/>, truy cập ngày 12/7/2024.

XÂY DỰNG MÔ HÌNH HỌC TẬP TRẢI NGHIỆM DỰA TRÊN KHAI THÁC CÁC GIÁ TRỊ VĂN HOÁ TRUYỀN THỐNG Ở NGỌC THANH - XUÂN HÒA - PHÚ THỌ

DEVELOPING AN EXPERIENTIAL LEARNING MODEL BASED ON THE UTILIZATION
OF TRADITIONAL CULTURAL VALUES IN NGOC THANH – XUAN HOA – PHU THO

Nguyễn Đức Hiếu

Trường Đại học Khoa học Thái Nguyên

Received: 27/9/2025; Accepted: 8/10/2025; Published: 16/10/2025

Tóm tắt: Nghiên cứu tập trung xây dựng mô hình học tập trải nghiệm dựa trên khai thác các giá trị văn hóa truyền thống tại xã Ngọc Thanh, thành phố Phúc Yên, tỉnh Vĩnh Phúc. Dựa trên cơ sở lý thuyết học tập trải nghiệm của David Kolb, mô hình được thiết kế gồm ba thành phần: ban quản lý, người học và cộng đồng địa phương, vận hành theo chu trình nhận thức – trải nghiệm – phản tư – vận dụng. Kết quả khảo sát cho thấy người học và cộng đồng có nhu cầu cao trong việc tham gia hoạt động trải nghiệm văn hóa, song việc tổ chức còn rời rạc và thiếu hệ thống. Mô hình đề xuất giúp gắn kết giữa nhà trường và cộng đồng, đồng thời tạo môi trường học tập thực tiễn, thúc đẩy phát triển kỹ năng mềm, nhận thức văn hóa và ý thức bảo tồn di sản. Nghiên cứu góp phần hoàn thiện lý luận và cung cấp định hướng ứng dụng cho giáo dục gắn với du lịch văn hóa địa phương.

Từ khóa: học tập trải nghiệm, văn hóa truyền thống, du lịch văn hóa, giáo dục địa phương, Ngọc Thanh.

Abstract: This study focuses on developing an experiential learning model based on the utilization of traditional cultural values in Ngoc Thanh Commune, Phuc Yen City, Vinh Phuc Province. Grounded in David Kolb's experiential learning theory, the proposed model consists of three key components: management board, learners, and the local community. It operates through a continuous cycle of concrete experience, reflective observation, abstract conceptualization, and active experimentation. Survey results indicate that both learners and the local community express a strong demand for participation in cultural experiential activities; however, these activities remain fragmented and lack systematic organization. The proposed model fosters collaboration between educational institutions and the community, establishes a practical learning environment, enhances soft skills and cultural awareness, and promotes heritage preservation. The research contributes to the theoretical foundation and provides practical directions for integrating experiential education with local cultural tourism development.

Keywords: experiential learning, traditional culture, cultural tourism, local education, Ngoc Thanh.

1. Giới thiệu

Giáo dục trải nghiệm là phương pháp giáo dục hiện đại nhấn mạnh vai trò của việc học thông qua thực hành, quan sát và tương tác trực tiếp với môi trường [1]. Phương pháp này giúp người học phát triển kỹ năng thực tiễn, tư duy phản biện, sáng tạo và nhận thức văn hóa. Trong bối cảnh đổi mới giáo dục hiện nay, việc kết hợp giáo dục trải nghiệm với khai thác du lịch văn hóa địa phương mở ra cơ hội để người học tiếp cận tri thức gắn liền với thực tế, đồng thời rèn luyện kỹ năng mềm và nâng cao năng lực tự học.

Xã Ngọc Thanh – thành phố Phúc Yên – tỉnh Vĩnh Phúc, nay thuộc phường Xuân Hòa – tỉnh Phú Thọ – là địa phương có nguồn tài nguyên văn hóa phong phú, gồm di tích lịch sử, lễ hội dân gian, nghề thủ công và các giá trị phi vật thể mang đậm bản sắc cộng đồng. Tuy nhiên, việc khai thác các giá trị này trong giáo dục vẫn còn rời rạc, thiếu định hướng và chưa phát huy hiệu quả trong phát triển kỹ năng

toàn diện cho học sinh, sinh viên (SV). Từ thực tế đó, nghiên cứu hướng tới việc xây dựng mô hình học tập trải nghiệm dựa trên khai thác giá trị văn hóa truyền thống, nhằm hình thành khung thực hành có tính hệ thống, phù hợp với giáo dục hiện đại và có khả năng ứng dụng thực tế cao.

Cơ sở lý thuyết của nghiên cứu dựa trên mô hình học tập trải nghiệm do David Kolb đề xuất, bao gồm bốn giai đoạn: trải nghiệm cụ thể, quan sát phản chiếu, khái quát hóa trừu tượng và vận dụng vào thực tiễn [2]. Chu trình này cho phép người học hình thành tri thức thông qua hoạt động thực tế, phản tư và ứng dụng, qua đó phát triển tư duy phản biện, kỹ năng giải quyết vấn đề và khả năng thích ứng trong nhiều bối cảnh khác nhau [3]. Khi được vận dụng vào các hoạt động học tập gắn với văn hóa truyền thống, mô hình này không chỉ giúp người học lĩnh hội kiến thức mà còn tạo cơ hội trải nghiệm, thực hành và phát triển kỹ năng mềm như giao tiếp, làm việc nhóm, sáng tạo [4].

Nhiều nghiên cứu trong và ngoài nước đã chứng minh hiệu quả của việc lồng ghép hoạt động trải nghiệm văn hóa – như tham quan di tích, tham dự lễ hội, hay workshop nghề truyền thống – vào chương trình học [5]. Các hoạt động đó không chỉ tăng cường hứng thú học tập mà còn giúp người học hiểu sâu về lịch sử, tập quán và giá trị cộng đồng, đồng thời thúc đẩy mối liên kết giữa nhà trường và địa phương [6]. Từ cơ sở lý luận và thực tiễn này, nghiên cứu xác lập mô hình học tập trải nghiệm dựa trên khai thác giá trị văn hóa truyền thống tại Ngọc Thanh, hướng tới xây dựng lộ trình học tập cụ thể, phương pháp đánh giá hiệu quả, và cơ chế phối hợp giữa nhà trường – cộng đồng – cơ quan quản lý. Mô hình không chỉ góp phần nâng cao chất lượng giáo dục và năng lực văn hóa cho người học mà còn đóng vai trò trong bảo tồn di sản, phát triển du lịch văn hóa bền vững và gắn kết cộng đồng địa phương

2. Phương pháp nghiên cứu

Nghiên cứu áp dụng phương pháp kết hợp định tính và định lượng nhằm xây dựng mô hình học tập trải nghiệm dựa trên khai thác các giá trị văn hóa truyền thống tại Ngọc Thanh.

Cỡ mẫu định lượng gồm 120 học sinh, 80 SV và 20 giáo viên/giảng viên, được chọn theo phương pháp thuận tiện nhưng đảm bảo đa dạng về độ tuổi, trình độ và kinh nghiệm học tập. Công cụ thu thập dữ liệu bao gồm bảng khảo sát có cấu trúc, tập trung vào nhận thức, nhu cầu, sự quan tâm và đánh giá mức độ phù hợp của các hoạt động trải nghiệm, phỏng vấn sâu với giáo viên, giảng viên và chuyên gia văn hóa nhằm khai thác quan điểm chuyên môn, đồng thời quan sát trực tiếp các lễ hội, di tích và nghề truyền thống để đánh giá khả năng ứng dụng trong giáo dục.

Quy trình nghiên cứu gồm ba bước: (1) thu thập dữ liệu thực địa về giá trị văn hóa truyền thống và nhu cầu học tập trải nghiệm; (2) phân tích dữ liệu định lượng bằng thống kê mô tả, so sánh nhóm và phân tích nội dung dữ liệu định tính; (3) xây dựng mô hình học tập trải nghiệm với lộ trình, các hoạt động thực hành, mục tiêu và phương pháp đánh giá. Phương pháp này đảm bảo kết quả vừa khoa học, vừa có tính ứng dụng thực tiễn, phù hợp triển khai tại Ngọc Thanh và các địa phương tương tự.

3. Kết quả và Thảo luận

3.1. Thực trạng văn hóa truyền thống và nhu cầu học tập trải nghiệm

Ngọc Thanh thuộc phường Xuân Hòa – tỉnh Phú Thọ, sở hữu nguồn tài nguyên văn hóa truyền thống phong phú, bao gồm các di tích lịch sử, lễ hội dân gian, nghề thủ công truyền thống và các giá trị phi vật thể khác gắn với đời sống cộng đồng. Các di tích và lễ hội địa phương không chỉ phản ánh lịch sử hình

thành và phát triển của cộng đồng mà còn thể hiện bản sắc văn hóa độc đáo, góp phần định hình giá trị nhận thức cho thế hệ trẻ. Những nghề thủ công truyền thống như dệt, gốm và chế tác các sản phẩm văn hóa gắn với đời sống thường ngày của người dân tạo ra cơ hội trải nghiệm thực tiễn cho học sinh, SV và cộng đồng nói chung. Tuy nhiên, việc khai thác các giá trị này trong giáo dục trải nghiệm hiện vẫn còn hạn chế, chủ yếu dừng lại ở các hoạt động tham quan đơn thuần, thiếu hướng dẫn hệ thống và các hoạt động tương tác gắn liền với kỹ năng và kiến thức học thuật.

Khảo sát định lượng cho thấy một mức độ quan tâm cao đối với các hoạt động học tập trải nghiệm liên quan đến văn hóa truyền thống. Học sinh các cấp nhận thức được giá trị lịch sử và nghệ thuật của di sản văn hóa, đồng thời bày tỏ hứng thú tham gia các hoạt động như tham quan di tích, tham dự lễ hội và tham gia workshop nghề truyền thống. SV và giảng viên nhấn mạnh nhu cầu lồng ghép các hoạt động trải nghiệm vào chương trình đào tạo nhằm phát triển kỹ năng thực hành, giao tiếp, làm việc nhóm và tư duy sáng tạo.

Phân tích dữ liệu kết hợp giữa thực trạng và nhu cầu cho thấy rằng việc xây dựng mô hình học tập trải nghiệm dựa trên giá trị văn hóa truyền thống tại Ngọc Thanh là hoàn toàn khả thi. Các yếu tố thuận lợi gồm nguồn tài nguyên văn hóa đa dạng, cộng đồng sẵn sàng tham gia và sự quan tâm của giáo viên, SV đối với giáo dục trải nghiệm. Đồng thời, các thách thức cần cân nhắc bao gồm hạn chế về cơ sở vật chất, hướng dẫn hệ thống và khả năng tổ chức hoạt động tương tác cho nhóm lớn người học. Tổng hợp thực trạng văn hóa truyền thống và nhu cầu người học cung cấp cơ sở khoa học để thiết kế một mô hình học tập trải nghiệm vừa đáp ứng mục tiêu giáo dục, vừa bảo tồn và phát huy giá trị văn hóa truyền thống địa phương.

Bảng 1. Nhận thức và nhu cầu học tập trải nghiệm văn hóa truyền thống tại Ngọc Thanh

Nhóm đối tượng	Số lượng khảo sát	Nhận thức về giá trị văn hóa (%)	Quan tâm hoạt động trải nghiệm (%)	Hứng thú tham gia (%)	Cần lồng ghép vào chương trình học (%)
Học sinh THCS	60	78	65	60	72
Học sinh THPT	60	82	70	68	75
SV ngành Du lịch	40	90	85	80	88
SV ngành Văn hóa học	20	92	88	85	90
SV ngành Quản lý giáo dục	20	88	80	78	85
Giáo viên/giảng viên	20	95	90	85	92

Nguồn: Tác giả khảo sát, 2025

Kết quả khảo sát cho thấy đa số học sinh từ trung học cơ sở đến trung học phổ thông có nhận thức tích cực về giá trị văn hóa truyền thống tại xã Ngọc Thanh,

với tỷ lệ lần lượt là 78% và 82%. Họ cũng bày tỏ mức quan tâm và hứng thú tham gia các hoạt động trải nghiệm như lễ hội, tham quan di tích và workshop nghề truyền thống, dao động từ 60–70%. SV các ngành Du lịch, Văn hóa học và Quản lý giáo dục có nhận thức cao hơn, từ 88–92%, đồng thời thể hiện sự quan tâm và hứng thú tham gia trải nghiệm lên tới 80–88%, đồng thời đánh giá việc lồng ghép giáo dục trải nghiệm vào chương trình học là cần thiết. Giáo viên và giảng viên ghi nhận tỷ lệ nhận thức và quan tâm cao nhất, lần lượt là 95% và 90%, khẳng định nhu cầu tích hợp các hoạt động trải nghiệm văn hóa truyền thống vào quá trình giảng dạy. Các số liệu này cho thấy tiềm năng lớn để triển khai mô hình học tập trải nghiệm tại Ngọc Thanh, đồng thời cung cấp cơ sở khoa học để thiết kế các hoạt động và lộ trình học tập phù hợp với từng nhóm đối tượng.

3.2. Xây dựng mô hình học tập trải nghiệm

Dựa trên cơ sở lý luận về giáo dục trải nghiệm của Kolb, mô hình học tập trải nghiệm tại xã Ngọc Thanh được thiết kế nhằm kết hợp trải nghiệm thực địa, phản chiếu và áp dụng kiến thức, đồng thời khai thác giá trị văn hóa truyền thống để phát triển kỹ năng và thái độ của người học. Kết quả khảo sát và phân tích thực trạng cho thấy nguồn tài nguyên văn hóa phong phú, cùng nhu cầu cao của học sinh, SV và giáo viên/giảng viên đối với hoạt động trải nghiệm, là cơ sở quan trọng để xây dựng một mô hình có cấu trúc, khả năng vận hành hệ thống và bền vững.

Mô hình bao gồm ba thành phần chính:

- *Ban quản lý mô hình*, gồm cán bộ địa phương, giáo viên, giảng viên và chuyên gia văn hóa, chịu trách nhiệm lập kế hoạch, phân công nhiệm vụ, giám sát và đánh giá.

- *Người học*, bao gồm học sinh THCS, THPT và SV ngành Du lịch, Văn hóa học, Quản lý giáo dục, trực tiếp tham gia các hoạt động trải nghiệm.

- *Cộng đồng địa phương*, gồm nghệ nhân, chủ di tích và ban tổ chức lễ hội, cung cấp hướng dẫn, hỗ trợ thực hành và phản hồi.

Cơ chế hoạt động được xây dựng theo ba giai đoạn: nhận thức (trình bày kiến thức nền về văn hóa), trải nghiệm (tham gia thực tế các hoạt động văn hóa theo hướng dẫn) và đánh giá (quan sát, tự đánh giá, phản hồi từ cộng đồng). Mỗi thành phần có trách nhiệm và chức năng cụ thể, đảm bảo mô hình vận hành hiệu quả, liên kết chặt chẽ giữa lý thuyết và thực tiễn.

So sánh với các mô hình học tập trải nghiệm phổ biến khác, mô hình tại Ngọc Thanh vượt trội nhờ tính hệ thống, tương tác trực tiếp với cộng đồng và tích hợp phản ánh – khái quát hóa theo lý thuyết Kolb. Không như các mô hình chỉ tham quan hoặc lý thuyết,

mô hình này vừa giáo dục, vừa thực hành, vừa bảo tồn giá trị văn hóa truyền thống, đồng thời phát triển kỹ năng toàn diện cho người học. Việc thiết kế dựa trên thực trạng nguồn lực và nhu cầu người học đảm bảo mô hình khả thi, bền vững và phù hợp triển khai tại địa phương. Mô hình học tập trải nghiệm tại xã Ngọc Thanh được đối sánh với một số mô hình phổ biến khác, bao gồm mô hình tham quan di tích truyền thống đơn thuần, mô hình workshop nghề thủ công rời rạc, và mô hình học tập trải nghiệm dựa trên du lịch văn hóa ở các địa phương khác. Khác với các mô hình này, mô hình đề xuất tích hợp cả ba yếu tố: trải nghiệm thực địa, hướng dẫn chuyên môn và phản hồi từ cộng đồng, đồng thời tuân theo chu trình nhận thức – trải nghiệm – đánh giá phù hợp với lý thuyết Kolb. Việc phân định rõ cơ cấu, thành phần tham gia, trách nhiệm và chức năng của Ban quản lý, người học và cộng đồng giúp mô hình vận hành có hệ thống và bền vững.

Ưu điểm nổi bật của mô hình là khả năng phát triển kỹ năng toàn diện cho người học, từ nhận thức văn hóa, kỹ năng thực hành đến kỹ năng mềm như giao tiếp, hợp tác nhóm và tư duy sáng tạo. Đồng thời, mô hình khuyến khích sự tham gia tích cực của cộng đồng địa phương, bảo tồn và phát huy giá trị văn hóa truyền thống, đồng thời tăng tính hấp dẫn và hiệu quả giáo dục trải nghiệm. Hạn chế của mô hình gồm yêu cầu cao về nguồn lực, thời gian và sự phối hợp giữa các thành phần, đặc biệt đối với các hoạt động thực địa lớn hoặc lễ hội có đông người tham gia.

Tính ứng dụng của mô hình rất cao, có thể triển khai tại các trường phổ thông và cơ sở đào tạo du lịch, đồng thời mở rộng sang các địa phương có giá trị văn hóa tương tự. Mô hình không chỉ nâng cao nhận thức và kỹ năng cho học sinh, SV mà còn tạo ra môi trường học tập sinh động, kết nối nhà trường – cộng đồng – văn hóa truyền thống, đáp ứng yêu cầu giáo dục trải nghiệm hiện đại và bền vững.

4. Kết luận và Kiến nghị

Nghiên cứu về phát triển du lịch văn hóa tại xã Ngọc Thanh, thành phố Phúc Yên, tỉnh Vĩnh Phúc khẳng định tiềm năng lớn của địa phương trong khai thác và phát huy các giá trị văn hóa truyền thống. Với hệ thống di tích, lễ hội dân gian, nghề thủ công và các giá trị phi vật thể gắn liền với đời sống cộng đồng, Ngọc Thanh là môi trường thuận lợi để triển khai giáo dục trải nghiệm. Kết quả khảo sát cho thấy nhận thức của cộng đồng và người học về giá trị văn hóa ở mức cao, song các hoạt động trải nghiệm vẫn thiếu định hướng hệ thống, chưa phát huy hết tiềm năng giáo dục và phát triển kỹ năng.

Trên cơ sở lý thuyết giáo dục trải nghiệm của

David Kolb và kết quả khảo sát thực tiễn, nghiên cứu đã xây dựng mô hình học tập trải nghiệm gồm ba thành phần: ban quản lý, người học và cộng đồng địa phương, vận hành theo chu trình nhận thức – trải nghiệm – đánh giá. Mô hình tạo ra cơ chế phối hợp linh hoạt giữa nhà trường, chính quyền và cộng đồng, giúp người học phát triển toàn diện kỹ năng, thái độ và năng lực văn hóa, đồng thời góp phần bảo tồn di sản địa phương. So với các mô hình hiện hành, mô hình đề xuất có tính hệ thống cao, gắn kết chặt chẽ giữa lý thuyết và thực tiễn, bảo đảm khả năng triển khai bền vững.

Từ kết quả nghiên cứu, cần tăng cường phối hợp giữa địa phương, cơ sở đào tạo và cộng đồng trong tổ chức hoạt động trải nghiệm; xây dựng chính sách hỗ trợ, cơ chế khuyến khích và đào tạo nguồn nhân lực văn hóa – giáo dục; đồng thời tiếp tục đánh giá tác động lâu dài của mô hình đối với người học. Việc mở rộng áp dụng mô hình tại các địa phương có đặc trưng văn hóa tương đồng sẽ góp phần thúc đẩy giáo dục trải nghiệm và phát triển du lịch văn hóa theo hướng bền vững.

Tài liệu tham khảo

[1]. Phạm Thụy Hải Vân. (2021). *Vận dụng mô hình học tập trải nghiệm của David A. Kolb trong giảng dạy môn Đồ án tại Trường Đại học Kiến trúc TP.HCM*. Tạp chí Khoa học và Công nghệ, Trường

Đại học Mở TP.HCM.

[2]. Nguyễn Thị Thúy (2024). *Vận dụng mô hình giáo dục trải nghiệm của David Kolb để tổ chức dạy học nội dung giáo dục địa phương*. Tạp chí Khoa học Giáo dục Việt Nam.

[3]. Nguyễn Thị Phương Lê Quyên (2021). *Vận dụng chu trình học tập trải nghiệm của David Kolb trong rèn luyện kỹ năng tổ chức*. Khoa học Giáo dục Việt Nam.

[4]. Âu Thị Hạnh (2017). *Vận dụng mô hình học tập trải nghiệm của David A. Kolb trong dạy học phần “Sinh học vi sinh vật” (SH 10 - THPT) để phát triển năng lực tự học cho học sinh*. Luận văn Thạc sĩ Khoa học Giáo dục, Trường Đại học Sư phạm Thái Nguyên.

[5]. Nguyễn Thị Thanh Mai (2020). *Vận dụng mô hình học tập trải nghiệm để nâng cao kỹ năng sư phạm cho SV thông qua học phần thực hành dạy học Toán*. Tạp chí Giáo dục, Trường Đại học Sư phạm Thành phố Hồ Chí Minh.

[6]. Nguyễn Văn Hồng (2017). *Vận dụng mô hình học tập trải nghiệm của David A. Kolb trong dạy học phần “Sinh học vi sinh vật” (SH 10 - THPT) để phát triển năng lực tự học cho học sinh*. Luận văn Thạc sĩ Khoa học Giáo dục, Trường Đại học Sư phạm Thái Nguyên.